

**Từ Tướng & Từ Sanh**

**Lược Sử**  
**Chư Phật**  
**&**  
**Bồ-Tát**



**Như Pháp Quân Trần Ngọc Anh**  
dịch thuật

**Tủ Sách Tinh Hoa Việt Nam**  
**2008**

# LƯỢC SỬ CHỮ PHẬT, CHỮ BỒ-TÁT, CHỮ THIÊN VÀ CHỮ THẦN

Nguyên tác của Từ Tường và Từ Sanh  
Như Pháp Quân Trần-ngọc-Anh chuyển ngữ từ Hán-văn  
Như Mật Đệ Trần-ngọc-Dụng hiệu-đính và chú-thích

Sửa chữa và ấn tống  
Tháng hai năm 2008 tại Hoa Kỳ

Kỹ thuật: Trung Toàn  
Đánh máy: Ngọc Dung

Mọi chi tiết xin liên lạc về:  
**Trần Ngọc Dụng**  
**Tủ Sách Tinh Hoa Việt Nam**  
[www.tinhhoavietnam.net](http://www.tinhhoavietnam.net)  
email: [dungtan@hotmail.com](mailto:dungtan@hotmail.com)  
[dungngoctran@gmail.com](mailto:dungngoctran@gmail.com)

## LỜI GIỚI THIỆU

Trên thế-gian này từ người giàu sang *vàng muôn bạc tỷ* đến kẻ cùng đinh *đói rách lang thang*, không một ai thoát khỏi cảnh khổ phải *sanh, già, bệnh rồi chết* cả! Sống trong cảnh khổ đó mà cứ mãi-mê chạy theo *tiền-tài, danh-uy, tình-ái, ăn-ngủ*, đến độ quên hẳn số phận dành cho chính mình, để đến lúc nằm trên giường bệnh mới hối-tiếc mình đã *lỡ-lầm*, ... thì thật quá muộn!

Bởi thế, muốn thoát khổ, muốn khỏi phải hối-tiếc muộn-màng, tất-nhiên là phải nhìn xa, thấy trước, tự mình nên dự-phòng sẵn tinh-thần sáng-suốt, bất-động, để bước vào đoạn đường gian-nguy:

*Sống gần, nghĩ đến nẻo xa,  
Đoạn đường sanh-tử, ai đà thoát chưa?!*

Chư Phật và Bồ-tát chính vì *sanh-tử đại sự* mà thị-hiện công-đức *cứu khổ độ sinh*.

Tập sách nhỏ này, nương theo *vạn-bạn từ-bi* của chư Thánh, giới-thiệu cùng quý độc-giả *những gương sáng muôn đời* khó quên, để quý vị tự nhủ mình và nhắc-nhở bạn bè, thân-thích, cố-gắng mà noi theo trong sự sống hằng ngày, chớ để *nước đến trôn mới nhảy!*

\*\*\*

Đạo Phật dùng hình-tượng để chỉ tâm-tánh. Nhìn hình-tượng mà chẳng hiểu tâm-tánh thì đó chỉ là cái nhìn hời hợt, ấu-trĩ. Còn biết tâm-tánh tốt đẹp mà thờ-ơ, không tôn sùng, không ngưỡng mộ tức là tự vùi sâu thân-phận mình trong bùn nhơ, nước đục, chẳng bao giờ vươn lên được giữa cảnh trời trong sáng của vũ-trụ mênh-mông không hạn lượng, như đoá hoa sen kia nhỡn-nhờ thanh-thoát giữa ánh mặt trời tươi sáng buổi bình minh.

Lời ít ỏi, ý cầu sâu rộng, cốt sao cho chan-hoà phảng-phất giữa hư-không để cho ai hữu-duyên thì cảm-nhận, rất mong quý-vị biết cho.

*Ngày đầu năm dương lịch, 1989*

Dịch giả **Như Pháp Quân**



## **KHỞ NGUYÊN TƯỢNG PHẬT**

Tượng Phật là gì? Nói đơn giản, tượng Phật là hình tượng của Phật-đà, tức là nhớ đến đức Thích-Ca Mâu-Ni mà đúc thành hình tượng ngài. Vật liệu để đúc là kim-loại, gỗ, đá, xi-măng, vôi, đất, vv., hoặc chỉ tơ thêu dệt trên lụa, vải, hoặc màu sắc vẽ trên giấy với tư thế hoặc đứng hoặc ngồi. Tất cả đều là kết quả do tín-đồ thành-tâm tín-ngưỡng mà làm nên. Tạo tượng Phật rồi thì tiện việc sớm tối cung phụng.

Hiện nay có nhiều loại tượng Phật. Có loại khi quan sát đến, người ta khởi lòng từ-bi; có loại khi quan sát đến, người ta ngưỡng vọng đức uy-nghiêm. Các kết quả ấy một mặt là do tín-đồ có sẵn mầm từ-nghiêm trong tâm khảm, nay gặp ngoại-cảnh thuận-hợp nên các đức kia phát lộ<sup>1</sup>, một mặt là do tôn-tượng đầy vẻ từ-mẫn hay trang-nghiêm, khiến cho tín-đồ khởi lòng kính yêu nên phải cúi đầu, chấp tay, quỳ lạy.

Truyền thuyết nói rằng: “khi đức Thế-tôn còn tại thế, người ta đã có làm hai toà tôn-tượng.” Theo truyền-thuyết ấy thì lý do xây nên hai tượng đó như sau:

Có một lần Đế-Thích Thiên vương thỉnh đức Phật lên trời để nói pháp cho Mẹ Thiên vương nghe. Đức Phật vui vẻ nhận lời, và một mình ngài đến Cung trời, ở lại đó ít lâu. Trong thời gian ấy, vua Ưu-Điền vương của nước Kiêu-Thưởng vì vốn xưa nay không tin Phật, sau nhờ Kinh-Vương hậu khuyên dạy, cho nên khi đối diện với đức Phật ngài phát sanh mười phần tín-ngưỡng, và trở thành một vị đại Hộ-pháp. Vì duyên-cớ lâu ngày không được thấy Phật (bởi lúc ấy Phật còn ở trên cung trời) nên vua ngày đêm tưởng nhớ, lo âu thành bệnh và càng ngày trở nên nguy kịch. Một hôm vua triệu-tập quần-thần đến, nói rằng: “Ta vì lâu nay không thấy được đức

---

<sup>1</sup> ý này do dịch-giả thêm vào cho tròn đủ.

Thích-tôn, trong lòng muời phần tưởng nhớ, Nay các người hãy mau mau dùng linh-mộc chiên-đàn Ngưu-đầu, khắc chạm, làm tượng đức Thích-tôn ngồi, để sớm tối ta có thể cung phụng.”

Cây chiên-đàn Ngưu-đầu là một loại cây bạch-dương sanh trưởng trên núi Ngưu-đầu, thân cây và rễ đều có một mùi thơm ngào ngạt. Nghe nói: “trong thời gian chư Thiên giao-chiến với Tu-la, họ dùng nước cây chiên-đàn Ngưu-đầu bôi trên thân thì khi nhảy vào lửa cũng chẳng bị lửa đốt hại, nên gọi là linh-mộc. Loại cây này còn có tên là chiên-đàn đỏ.

Lúc bấy giờ các quan trong triều vì muốn cho nhà vua thoát khỏi bệnh nặng bèn lập tức mời các thợ mộc nổi tiếng trong cả nước về, dùng linh-mộc chiên-đàn đỏ chạm thành một toà tôn-tượng của đức bổn-sư cao năm thước mộc, đem đặt tại đầu giường của vua. Sau khi xem xét tôn-tượng, Vua cảm động, muời phần thoả ý nên bệnh lo buồn bỗng dứt hẳn.

Vừa lúc ấy, có vua Ba-tư nặc ở nước Xá-vệ cũng mắc một bệnh giống như vua Ưu-Điền vương, tức là cũng quá tín-ngưỡng đức Thế-tôn, mà vì xa cách lâu ngày nên sanh tưởng nhớ, lo buồn khiến cho lâm bệnh liệt giường. Nghe nói vua Ưu-Điền vương dùng linh-mộc chiên-đàn Ngưu-đầu khắc thành một toà tôn-tượng của đức Thế-tôn cao năm thước, đem đặt trong phòng để cung phụng, nhờ đó mà dứt bệnh, vua Ba-Tư-nặc bèn dùng vàng ròng ở các kho báu trong nước, cho thợ đúc thành một toà tôn-tượng của Phật cao năm thước.

Nhân sự-khiến ấy, nên có truyền-thuyết nói rằng khi đức Thế-tôn còn tại thế, đã có hai toà tượng Phật rồi. Việc này, trong kinh *Tăng-Thức A-Hàm* có ghi lại. Rất tiếc là hai tôn-tượng Phật này đến nay đã thất truyền.

Việc truyền-bá đạo Phật trước tiên là do các vị vua trong lãnh thổ Thiên-đức, Ấn-độ phát nguyện. Chư vị trưởng-giả, môn-đệ và đoàn tăng-lữ chẳng ngừng nỗ-lực trao truyền rộng ra. Sau một thời gian dài truyền-bá ra ngoài, số người tín-ngưỡng đạo Phật tăng lên rất nhiều. Việc chạm trở, đúc tượng Phật cũng theo đó mà phát-triển, phồn thịnh. Tại nước Tàu, Triều-tiên, đến Nhật-bổn sự truyền-bá này mỗi ngày một thêm lan rộng.

Hình-thức truyền-bá đạo Phật theo cách ấy đã trải qua nhiều giai đoạn, được tóm lược như sau đây:

- Đời vua Hán Minh-Đế, thiên-hạ thái bình được ba năm. Một đêm nọ, Hoàng-đế nằm mộng thấy một vị thần-nhân mình cao một trượng sáu thước, toàn thân màu vàng ròng, trên đầu có vàng hào-quang sáng chói, dáng người

đoan-chính, khuôn mặt từ-mẫn khiến ai trông thấy cũng đều khởi lòng cung-kính.

Sau khi tỉnh dậy, nhà vua vẫn băn-khoăn, và lúc nào cũng mang trong lòng mối nghi-tưởng: “chẳng biết vị thần-nhân kia là ai? Ngài bèn triệu-tập các quan lại, tả lại hình dáng vị thần-nhân trong giấc mộng đêm trước. Lúc bấy giờ, có một vị đại-thần tên là Truyền Nghị tâu rằng: “Thần nghe nói ở tây Thiên-đức có một thánh-nhơn mà giáo-pháp của Ngài truyền ra có nhiều công-năng khiến cho lòng dân trong nước hướng về nẻo thiện.

Nói chung, dân-chúng nhận sự cảm-hoá của giáo-pháp Ngài đã đạt đến chỗ không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, cảnh địa chẳng hoá mà tự hành. Vị thánh-nhơn ấy xưng là Phật-đà. Thân Ngài cũng cao một thước sáu tấc, toàn thân đều màu vàng ròng. Vị thần-nhân của Bệ-hạ đã thấy trong mộng, nhất định là Phật-đà, không còn nghi ngờ gì nữa.”

Sau khi nghe lời ấy, nhà vua biết có sự phi-thường, cao-diệu, bèn lập tức phát lệnh sai muôn binh vạn mã theo đường lộ, mượn đường băng qua nước Kiêu-Thưởng vị, hướng về Tây-trúc mà xuất-phát. Đoàn binh vượt suối băng đèo, trải qua trăm cay ngàn khổ, lặn lội một thời gian mới đến được nước Kiêu-Thưởng vị. Vua Ưu-Điền vương, sau khi hỏi rõ nguyên do hành-binh, liền hoan-hỷ tiến dâng tượng Phật và một số kinh-văn kèm theo cùng nhiều Phật-cụ khác. Nhà vua còn phái hai vị cao-tăng là Ca-Diếp Ma-Đẳng và Trúc-Pháp-Lan cùng tháp tùng đoàn quân trở về nước.

Khi đoàn người thỉnh kinh và tượng Phật về đến kinh đô, vua Minh-Đế hết sức vui mừng, lập tức sai người kiến tạo tại kinh thành một ngôi chùa đặt tên là Bạch Mã, đem tượng Phật và kinh sách an-vị trong đó, và cho hai vị cao-tăng trụ-trì ngôi chùa ấy.

Sau đó, đạo Phật được truyền sang nước Kim. Phật-giáo bắt đầu hưng-thịnh tại nước Tàu từ thời kỳ ấy.

Nhưng, buổi đầu tại nước Tàu có một nhóm tu tiên theo Đạo-giáo. Nhóm này có giáo-đoàn quy-tụ tại núi Ngũ-nhạc, đã từng thao-túng các giới tôn giáo trong nước. Khi họ nghe nói có Phật-giáo truyền vào trong nước, lại được Hoàng-đế ủng-hộ và truyền-bá nên càng ngày càng hưng-thịnh, còn Đạo-giáo thì mỗi lúc một suy-thoái. Các đạo-sĩ ở Ngũ-nhạc thấy rõ tình trạng này nên họ rất lo sợ, và bắt đầu phản đối mạnh.

Tưởng rằng Phật-giáo mới được truyền nhập sẽ bị tiêu diệt, các đạo sĩ bèn thách thức hai vị cao tăng ở chùa Bạch-Mã là Ca-Diếp Ma-Đẳng, Trúc-

Pháp-Lan phải cùng họ đấu pháp. Triều-dinh cũng chấp nhận lời yêu cầu của các đạo-sĩ muốn đấu pháp các cao-tăng. Tất cả đều vâng lệnh triều-dinh đến Quảng-trường để đấu. Lúc bấy giờ dân chúng từ bốn phương tám hướng đều quy tụ về để chứng kiến. Sau một trận đấu nhau kịch liệt, các đạo-sĩ chịu thua, khiến họ bị mất luôn tín-tâm của nhân-gian đối với họ. Nhân đó Phật-giáo lại phát triển mạnh-mẽ hơn trước.

Đến trước thời nhà Tần, do vua Phù-Kiên phái hai vị tăng là Thuận Đạo và A-Đạo mang kinh-văn và tượng Phật truyền nhập vào Triều-tiên, rồi lại do Triều-tiên đưa sang Nhật-bản. Tại hai quốc-gia này đạo Phật cũng phát-triển rất nhanh.



## CÁC LOẠI TƯỢNG PHẬT

Các loại tượng, vật-liệu, hình-tượng, vv., của tượng Phật thì tùy theo thời-đại mà có nhiều sự thay đổi. Nguyên xưa thì chỉ có tượng của đức Thích-Ca Như-Lai mà thôi. Về sau sự nghiên-cứu kinh-điển càng tiến bộ, sự hiểu biết giáo-lý càng ngày càng sáng tỏ, tín-đồ nhận thấy công-đức của chư Phật, Bồ-tát quá cao cả, bèn dựa vào kinh-điển mà tạo lập nhiều loại tượng Phật khác nhau để cung-phụng, hy-vọng sẽ được nhiều sự che chở và cứu giúp của chư Phật và Bồ-tát. Đó là thường tình của thế-gian.

Trong số nhiều tượng Phật đã được tạo-lập, người ta phân-biệt thấy có phần-vị chẳng đồng, nên có thể chia ra làm mấy loại như sau: “Phật, Bồ-tát, Minh-vương, và chư Thiên.”

- Nói về chư Phật thì hiện tại, theo nghĩa hẹp, thì chỉ có đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni, nhưng theo kinh-điển đã ghi rõ thì Phật-Đà có ba thân: “Pháp-thân, Báo-thân và Ứng-thân (hay Hoá-thân). Pháp-thân là lý Phật, không hình, không sắc, tịch-tĩnh, đầy khắp vũ-trụ; Báo-thân là công-năng cứu độ chúng-sanh, trải qua nhiều kiếp tích-luỹ công-đức, hiển-hiện Phật-thân, kiến-lập tịnh-độ; còn Ứng-thân hay Hoá-thân là hiện-tượng ở cõi Ta-bà thế-giới làm mọi việc lợi-ích cho chúng-sanh. Chẳng hạn như đức Đại-Nhật Như-Lai là Pháp-thân Phật; Di-Đà Như-Lai là Báo-thân Phật; Thích-Ca Như-Lai là Ứng-thân Phật. Danh-hiệu của chư Phật được ghi chép trong kinh-điển thì có Đức Lô-Giá-Na Phật, Đại-Nhật Phật, Thích-Ca Phật, A-Di-Đà Phật, Dược-Sư Phật, v.v..

Ngoài ra, còn có Bửu-Sanh Phật, Khai-Phu-Hoa vương Phật, Thiên-Cổ Lô-Âm Phật, A-Súc Phật, Bất-Không Thành-Tự Phật, Đa-Bửu Phật, Định-Quang Phật, v.v.. Đó là một số ít các vị Phật mà chúng ta đã thường được nghe nói đến. Có lúc, Phật lại xưng là Như-lai. Chữ Phạn gọi là ‘Đa-đà-a-ca-độ’.

- Ngoài chư Phật ra, đại đa số người trên thế-giới còn tín-ngưỡng đến chư Bồ-tát. Trong số các vị Bồ-tát, đứng đầu là Quan-Thế-Âm Bồ-tát.

Hai chữ ‘Bồ-tát’ là do chữ Phạn Bodhisattva ‘bồ-đề tát-đoả’ nói rút gọn lại. Có người dịch là ‘tâm đại đạo của chúng-sanh’, hay ‘đại-sĩ’, hoặc ‘cao-

sĩ, ‘giác-hữu-tình’, v.v.. Do đó Quan-Thế-Âm Bồ-tát còn được gọi là Quan-Thế-Âm Đại-sĩ, ‘Quán-Tự-Tại’ hoặc là ‘Bạch-Y Đại-sĩ’.

Bồ-tát thì tu hành sáu độ, tức là: “bố-thí, trì-giới, nhẫn-nhục, tinh-tấn, thiền-định và trí-tuệ; trên cầu bồ-đề, dưới độ chúng-sanh, trải qua vô-lượng kiếp mới có thể đạt đến quả-vị Phật.

Nói về chư Bồ-tát thì ngoài Quan-Thế-Âm Bồ-tát ra còn có Văn-Thù, Phổ-Hiền, Di-Lặc, Hư-Không tạng, Địa-Tạng Bồ-tát, v.v., và rất nhiều vị nữa. Chẳng hạn như có 25 vị theo hầu đức Phật A-Di-Đà, không thể kể hết ra được.

- Minh- vương thì có các vị như Bất-động, Hàng-tam-thế, Quân-đà-lợi, Đại uy-đức, Kinh-cang dạ-xoa. Đó là năm vị đại Minh-vương. Danh hiệu Minh-vương được ghi chép rõ ràng còn có Khổng-tước, Ái-nhiễm, Đại-nguyên-soái Minh-vương, v.v..

Nói chung, Minh-vương là chư-vị lúc ủng-hộ tam bảo (Phật, Pháp, Tăng), quốc-sĩ, nhơn-dân thì hiện thân Phật phần-nộ, luôn luôn dùng trí-tuệ sáng-suốt để chế-phục tất cả ác ma và chướng-ngại. Nhưng nhìn bề ngoài thì thấy chư-vị uy-nghiêm, rất đáng sợ. Chẳng hạn như ngài Bất-động Minh-vương là Đại-Nhật Như-Lai, Hàng Tam-thế Minh-vương là Bửu-Sanh Như-Lai; Đại Uy-đức Minh-vương là Vô-Lượng-Thọ Như-Lai; Kim-Cang Dạ-xoa Minh-vương là Bất-Không Thành-Tự Như-Lai, v.v.. Những vị Minh-vương này đều được Mật-giáo nói đến.

- Chư Thiên lại càng có nhiều loại. Nói về sức mạnh thì có bốn vị Thiên-vương, trời Phạm-thiên, trời Đế-thích, v.v..

Chuộng sự mềm mỏng thì có Biện-tài thiên, Kiết-tường thiên, Kỹ-ngệ thiên.

Đặc biệt có những nhóm gọi là Thiên-long bát-bộ; thập-nhị Thiên, thập-nhị thần-tướng của đức Dược-Sư; 16 thiện thần Bát-nhã; 28 bộ chúng của đức Quan-Thế-Âm, v.v.. Chư vị thuộc nam-tính thì tay cầm kiếm, kích, thân mặc giáp trụ, chân đạp tà-quỷ, dững mãnh khác thường. Chư vị thuộc nữ tính thì tốt đẹp, tao-nhã. Nói chung đều xinh đẹp “như tiên nữ xuống phàm”.

# thơ

## Con Mắt<sup>2</sup>

Mắt ta nhìn khắp mọi nơi,  
Thường soi muôn vật, thường rời muôn phương.

Sạch, dơ, xấu, tốt: không vướng<sup>3</sup>

Bình-đẳng soi khắp, mà thường vô-tâm:

Nhỏ, to, rộng, hẹp, cao, thâm,

Mắt không hề nhớ vóc-tâm vật chi!

Mãi soi mà chẳng nghĩ suy,

Mãi làm mà chẳng làm chi lúc nào!

Tướng nhìn ra, tánh lặn vào<sup>4</sup>

Mắt không hề biết người nào nhìn đây.

Mắt luôn tịch-chiếu<sup>5</sup> thảng ngày,

Rõ ràng tánh Mắt tròn đầy giác-tâm<sup>6</sup>.



Ngày 10 tháng 11 năm Mậu Ngọ (9.12.1978)

**Trần Ngọc Anh**

<sup>2</sup> (Trích trong tác phẩm *Đường Về Tự Tánh* của Trần Ngọc Anh)

<sup>3</sup> Không dính mắc với pháp-tướng

<sup>4</sup> Lặn vào như nước trong, gương sáng, sẵn-sàng đón nhận mà không nghĩ tưởng có người đón nhận: đó là thực-trạng ‘nhiếp-thọ bát giác.’

<sup>5</sup> Tịch-chiếu là vắng lặng, soi khắp

<sup>6</sup> Mắt có đầy đủ tánh “không tịch” và “thường chiếu” của tánh viên-giác. Ta có thể xem nó như là cái đích đầu tiên phải đạt đến trong lúc tiến tu.

## TƯ-THỂ, HÌNH-TƯỚNG, KÍCH-THƯỚC

Tôn-tượng Phật, Bồ-tát thì gồm bốn loại: tượng đứng, tượng ngồi, tượng dựa, và tượng nằm. Đa số tượng Phật và Bồ-tát đều ở tư thế đứng, hoặc ngồi. Số tượng dựa rất ít có. Tượng bộ Thiên, theo tính-chất của nó thì phần nhiều ở tư-thế đứng.

- Về tượng đứng thì có tượng đứng thẳng, có tượng xếp một chân, hướng về phía trước; có tượng thân hơi nghiêng về trước không co chân; có tượng đứng hầu một bên tôn-tượng, hai tay chấp lại; người ta gọi đó là tượng đứng hầu.
- Về tượng ngồi thì có tượng ngồi kiết-già, có tượng ngồi bán-già, có tượng quỳ hai gối sát đất, và có tượng quỳ gối phải, chân trái không quỳ. Nhiều loại khác nhau.
- Tượng nằm thì chỉ có một loại là tượng Thích-Ca Như-Lai nhập Niết-bàn.

Hình-tướng tượng Phật và Bồ-tát nói trên, về đại-thể, có thể chia ra làm: hình Phật, hình Bồ-tát, hình Thanh-văn, hình đồng tử, hình thiên nữ, hình phẫn-nộ, hình quỷ và hình súc, v.v.. Sự phân biệt ấy, nói rõ như sau:

- Hình Phật có đủ 32 tướng tốt, trên đầu có nhục kế lồi lên giống như một cái bát tròn. Đó là đặc tướng của Phật; tóc cuộn tròn như hình trôn ốc, hoặc hình gợn sóng; thân mặc áo cà-sa rộng. Ngoài ra không dùng vòng ngọc hay xuyên vàng để trang-sức. Chỉ có đức Đại-Nhật Như-Lai thì ngoài búi tóc hình mũ trời (thiên quan), thân ngài mặc y-phục nhẹ nhàng, và có chuỗi ngọc, xuyên vàng trang-sức. Đó là nghi-thức chuẩn-hứa Ngài thành đạo tại cõi trời Sắc-cứu-cánh.
- Hình Bồ-tát tức là tướng người thế-tục tại gia, phần nhiều thân



mặc quần, khoác áo trời, đầu đội mũ báu, tai có đeo vòng, cổ mang chuỗi ngọc; cổ tay, cánh tay, cổ chân đều mang xuyên.

- Hình Thanh-văn, còn gọi là hình tỳ-khưu, đầu cắt tóc, thân mặc áo trời, tương tự như hình Phật, nhưng trên đầu không có nhục kế, cho nên rất dễ phân-biệt.
- Hình đồng tử, còn gọi là hình nhi, trên đỉnh đầu có chỏm tóc, diện-mạo như một thiếu niên, ai thấy đều khởi lòng cảm mến.
- Hình thiên-nữ, còn gọi là hình nữ, có đủ hình-tượng của phụ nữ, để biểu-hiện nữ tánh, như: “Bát-Nhã Bồ-tát, Kiết-tường thiên, Biện-tài thiên, v.v..
- Hình phẫn-nộ thì toàn thân biểu-lộ hình-tượng hết sức giận dữ, hoặc dùng da cọp làm quần, tay cầm kiếm, bánh xe, vv., sau lưng có một đám lửa lớn chói sáng; hình-dạng rất dữ sợ, như hình-tượng bộ Minh-vương.
- Hình Thần-vương thân mặc giáp trụ của thiện thần hộ-pháp.
- Hình quỷ, hình súc sanh như tướng mạo của La-sát, Dạ-xoa, và hình-tượng của chim, thú, vv., như Thâm-sa đại tướng, Ca-lâu-la vương, v.v..

Tượng của Phật, Bồ-tát, chẳng luận là tượng ngồi hay tượng đứng đều mặc áo cà-sa, quần hoặc giáp trụ. Áo cà-sa khoác lên hai vai thì gọi là “thông-kiên”; khoác vai trái, vai phải vén áo bày vai ra thì gọi là “thiên dẫn hữu kiên”. Các tượng Minh-vương, chư Thiên, chư Thần nói chung đều cốt-yếu muốn bày tỏ sự dũng-mãnh, hùng-tráng. Có vị mặc da mãnh thú, có vị mặc giáp-trụ, trông rất oai-phong lẫm-liệt.

Hoà-thượng, hoặc nói chung là người thường, nhân vì có 10 phần tín-ngưỡng duyên Bồ-tát, cho nên đều muốn trang-sức tượng Phật cho được mười phần hoa-lệ, chẳng hạn như phết vàng lên toàn thân tượng, đội mũ báu trên đầu, đeo chuỗi ngọc nơi cổ, khoác áo trời nhẹ nhàng trên thân tượng, và đeo vòng ngọc nơi tay, đeo xuyên nơi cổ tay, cổ chân, khiến cho tượng trông mười phần tốt đẹp.

Mũ báu có rất nhiều loại. Tướng trọng yếu của nó có thể kể như

sau: mũ trên đầu đức Đại-Nhật Như-Lai thì làm mũ báu năm đức Phật; mũ báu của ngài Hư-Không tạng và Di-Lặc Bồ-tát cũng thuộc loại đó; mũ báu của ngài Quan-Thế-Âm phần nhiều an-trí Hoá-phật; mũ báu của ngài Thế-Chí thì đặt bửu-hình; mũ báu của ngài Di-Lặc thì đặt tháp-bà ngũ-luân; mũ báu của ngài Hư-Không tạng thì đặt 35 vị Phật, v.v.. Mũ của chư Thiên thì phần nhiều mang hình chim chóc, muông thú.

Tượng Phật phải an-trí trong Phật-điện. Đó là nơi rất tôn-nghiêm, chẳng phải chỗ chưng bày phẩm-vật để ngắm chơi. Trước mặt tượng Phật có treo rèm, trướng, lồng đèn; đặt lư hương, bình hoa, các thứ, v.v.. Trong điện có khói hương nghi-ngút, mùi hương thanh-khiết tỏa khắp bốn bề. Mặt trước, còn có các dụng-cụ để cho tín-đồ quỳ lạy, tụng kinh lúc cung phụng Phật. Phật-điện cũng chẳng phải là nhà hội-quán mỹ-thuật hay bác-học. Như có người vào điện Phật mà đối trước các hình-tượng, chỉ tay, vạch chân, bình-luận đầu mặt, xúc phạm đến vẻ tôn-nghiêm của tượng Phật; những người có hành vi như vậy đều mang tội lỗi.

Trong thời gian tạo-lập tượng Phật, điều tối quan trọng là vị-trí an-bài tượng Phật. Phải làm sao cho bất cứ ai đến trước tượng đều khởi lòng vui vẻ, mới xem qua đã thấy thích-hợp. Thợ-thuyền chuyên trách việc tạo-lập phải thành-tâm, nhất chí, làm sao cho tượng Phật có uy-quang mà vẫn biểu-hiện được lòng từ-bi.

Còn tượng Phật lớn, nhỏ, thì phải dựa theo thân hình của đức Thích-Ca Như-Lai khi Ngài còn tại thế. Lấy đó làm chuẩn, tức là làm tượng cao một thước sáu tấc đối với tượng đứng. Còn tượng ngồi thì đều lấy một nửa, tức là tượng tám tấc. Cũng có loại tượng đứng thì cao 8 tấc, còn ngồi thì độ 4 hoặc 5 tấc.

Ngoài ra còn có tượng nguyên thân và tượng bán thân, được phân rõ như sau:

- Tượng nguyên thân là tượng cao bằng chiều cao của tự thân. Tượng nguyên thân của Phật là tượng cao một trượng<sup>7</sup> sáu.

---

<sup>7</sup> *Trượng*, đơn vị đo chiều dài thời xưa, dài chừng 10 xích 'feet' ≅ 2,96 mét Tây.

Tượng bằng thân người thế-gian thì tùy theo chiều cao của từng người mà định. Thông thường thì lấy tượng cao 4 thước<sup>8</sup> làm tượng bằng thân, vì người đời thường cao bốn thước<sup>9</sup>.

- Tượng bán thân: theo đơn vị đo chiều dài và theo truyền-thuyết của Ấn-độ thì cách tính toán của họ không thống nhất. Có thuyết nói tượng cao 8 tấc theo hệ thống tính 1 thước hai. Có thuyết nói cao 5 tấc theo hệ thống 7 tấc 5 phân<sup>10</sup>. Thông thường người ta dùng chiều cao 1 thước 3 tấc để làm tượng bán thân.



## chương bốn

---

<sup>8</sup> *Thước* tức thước mộc, dài khoảng 42cm (= 16.5 inches).

<sup>9</sup> khoảng 1,60 – 1,70m

<sup>10</sup> 8/12 hoặc 5/7,5; tức là lấy 2/3 chiều cao của tượng nguyên thân.

Các chú thích trong sách do người hiệu đính quyển sách này là Trần Ngọc-Dụng thêm vào.

## TƯỢNG ẤN, VẬT CẦM

Về tượng ấn và vật cầm tay của chư Phật và Bồ-tát thì từ thế kỷ thứ 7 Tây-lịch về sau, tức khoảng từ khi Mật-giáo của Ấn-độ hưng-thịnh trở đi, mới được xem trọng. Ngón tay duỗi ra hay co lại đều phải hợp với quy định ghi chép trong các kinh.

Hiện tại ở Ấn-độ khi quan sát các tượng Phật rất cổ xưa thì thấy có tượng gọi là “giơ tay nói pháp”; tức là tay trái cầm một ché áo cà-sa. Hình tượng giơ tay phải thì đến thế kỷ thứ tư, thứ năm mới thấy lưu-hành và được du-nhập vào Tàu vào thời Bắc Ngụy.

Tới thế kỷ thứ 7, có tượng gọi là “đồ hình thành đạo”, tay trái của tượng ngồi đặt ở dưới rốn, tay phải duỗi ra che gối phải, đầu ngón chấm đất, gọi là “xúc địa ấn”. Riêng có một đồ hình gọi là “thuyết-pháp đồ” hay thường được gọi là “chuyển pháp luân ấn”, tức hai tay để trước ngực: tay phải hướng ra ngoài, hai ngón cái và trỏ áp vào nhau làm thành bánh xe. Đây là vào thời-kỳ đầu nhà Đường do Pháp-sư Huyền Trang và Vương Huyền Sách truyền-nhập vào nước Tàu.

Tuy nhiên, tùy theo từng thời-đại, việc tạo tượng cũng có nhiều thay đổi. Vào lúc đầu, ấn chuyển pháp luân chưa được lưu-hành, đến khi được lưu-hành thì chỉ có một loại: hai tay đều để trước ngực, các ngón đều cong lại, tay phải trên tay trái dưới. Tượng ấn này lưu-hành tại Ấn-độ trên các di-tượng lập vào thế-kỷ thứ bảy sau Tây-lịch bây giờ còn thấy rõ. Do đó, tượng-ấn này đã biến thành Trí-quyền ấn của đức Đại-Nhật Như-Lai trong Kim-Cang giới.

Ngoài ấn đó ra, còn có một ấn mà đời sau gọi là Định-ấn: hai tay đều đặt trên đôi ống chân xếp lại trong tư-thế ngồi kiết-già. Nói chung, lúc mới bắt đầu tạo tượng ở Ấn-độ, các tượng ấn đều biểu-thị ý-nghĩa của giáo-thuyết, tùy theo thời-kỳ, thời-đại mà dấu ấn thay đổi. Dựa theo giáo-nghĩa mà giải thích thì các dấu ấn đó càng ngày càng trở nên phức-tạp, khó-khăn, và tạo thành những loại tượng ấn chẳng giống nhau.

Tượng ấn được phân-định thành các loại như sau:

1. **Ấn Thí Vô-úy**: đưa thẳng cánh tay trái lên, duỗi cả năm ngón, bàn tay hướng về phía trước. Ấn này biểu-lộ tư-tưởng ban-bố sự không sợ hãi (vô-úy) cho chúng sanh. Nói một cách khác là đức Phật vì muốn cứu vớt

chúng-sanh, khiến cho tâm họ được nhiều yên-ổn, nên làm ra tướng ấn này, được sử dụng trong lúc nói pháp, như trong kinh luận nói “giơ tay nói pháp” là ý-nghĩa như vậy. Còn có một cách bắt ấn khác là cong tay lại, bàn tay hướng ra ngoài, và cũng được gọi là Ấn Thí Vô-úy.

2. **Ấn Thí-Nguyện**: duỗi cánh tay hướng ra ngoài, các đầu ngón tay chỉ xuống. Còn được gọi là ấn Dữ-nguyện. Đó là tướng ấn của Phật và điều mong cầu của chúng-sanh nên được biểu-lộ tư-tưởng “ban cho” bằng cách ấy.

3. **Ấn Định-Pháp giới**: đây là ấn của đức Đại-Nhật Như-Lai kiết (bắt ấn) trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới: ngửa bàn tay trái đặt trên chân ngồi kiết-già, ngửa bàn tay phải trên bàn tay trái, hai đầu ngón cái cụng vào nhau.

4. **Ấn Trí-quyền**: đây là ấn của đức Đại-Nhật Như-Lai trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới. Trước hết bắt ấn Kim-Cang quyền: bấm đầu ngón cái vào gốc ngón áp út của cả hai bàn tay, xong nắm chặt lại. Kế đến là duỗi thẳng ngón trở của bàn tay trái và chui vào lòng bàn tay phải từ phía ngón út để chạm phải đầu ngón cái đang được bốn ngón còn lại nắm chặt. Để cả hai nắm tay trước ngực, tay phải cao hơn tay trái và lưng bàn tay hướng ra ngoài.

5. **Ấn xúc địa** (chạm đất): duỗi tay phải, che gối phải, đầu ngón tay chạm đất. Đây là ấn của đức Phật A-Súc trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới.

6. **Định Ấn Lực-đoan** (còn gọi là Ấn Diệu-quan-sát trí, hoặc Định-Ấn Di-Đà): Đây là tướng ấn của đức A-Di-Đà Như-Lai trong Mạn-đà-la của Thai-Tạng giới: đặt ngửa bàn tay phải trên bàn tay trái cũng để ngửa ngang dưới rốn. Co hai ngón trở lại, lưng của hai ngón này cụng sát vào nhau, ấn hai đầu ngón cái chạm vào nhau và đè lên hai ngón trở đang cong này.

7. **Ấn thuyết pháp** (hay là Ấn chuyển pháp-luân) Đây là tướng ấn của Phật, khi ngài nói pháp cho chúng-sanh nghe. Để hai tay trước ngực: bàn tay trái hướng vào trong, co ngón cái, ngón giữa và ngón áp út vào, để thẳng ngón trở và ngón út; bàn tay phải hướng ra ngoài, chỉ co ngón cái và ngón trở.

8. **Ấn An-uy**: cong bàn tay phải hướng ra ngoài, ngón cái, ngón trở chụm vào nhau thành vòng tròn; các ngón khác thẳng đứng lên làm thế dẫn. Đó là tướng sắp nghênh tiếp Phật.

9. **Ấn kiết-tường:** Đây là tướng ấn của Đức Thích-Ca Như-Lai được ghi trong kinh *Đại-Nhật số*: dựng đứng bàn tay phải, hướng ra ngoài, ngón cái đè lên ngón áp út.

10. **Ấn hợp chưởng:** Rất nhiều cách chấp tay. Thường thấy nhất là kim-cang hợp chưởng, kiên-thực hợp chưởng, xoa thủ hợp chưởng, quy-mạng hợp chưởng, v.v.. Hai cách đầu thì hai tay để trước ngực, dựng hai bàn tay áp chặt vào nhau; mỗi ngón tay của bàn tay này áp sát với mỗi ngón của bàn tay kia thành từng đôi. Hai cách sau thì các ngón tay đan vào nhau lúc áp hai bàn tay vào nhau.

Trên đây là so sánh các tướng ấn chính yếu. Ngoài ra trong Mật-giáo có nói đến nhiều loại bất ấn khác, chẳng hạn như: ấn của Minh-vương Hàng-tam-thế, ấn của Minh-vương Quân-đà-lợi, v.v.. Các cách khác nữa sẽ được đề cập trong mục nói về “Vật Cầm Tay”.

Trong khi lễ bái các tôn-tượng, chúng ta nên biết phân biệt đức Phật nào, vị Bồ-tát nào. Đầu tiên nên quan-sát trong tay của mỗi vị có cầm vật gì. Nói chung, hình-tượng Phật lúc kinh hành thì cầm bình-bát, đức Dược-Sư Như-Lai thì giữ lọ thuốc; ngoài ra, trong tay chư-vị không cầm vật gì khác.

Tượng Bồ-tát, tượng Minh-vương, tượng chư Thiên, Thần, vv., thì vật cầm tay của các vị này rất khác nhau, nhưng phần nhiều chư-vị cầm hoa sen, các loại hoa, quả của cây bạch-xương bồ (nói gọn là cây bồ), cây đào, vv., các loại vũ-khí như chày kim-cang, kiếm, kích ba chia, các loại đồ dùng như bình báu, tù-và, ống sáo, v.v..

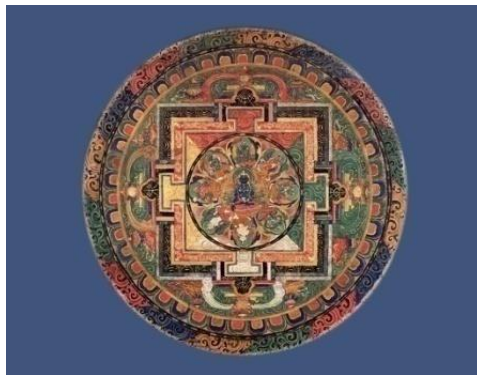
Ý-nghĩa biểu-thị qua các vật cầm tay này dựa vào bốn nguyện của chư vị. Trong Mật-giáo có nói chi-tiết. Muốn biết tường-tận chân-đế của các vật này, có thể hỏi bậc A-xà-lê để được khai-thị. Trong phạm vi sách này không thể thuật rõ được.

Ở đây chỉ có thể kể qua các vật thường thấy chư vị cầm tay như sau:

- Nhật-Quang Bồ-tát cầm hoa Mạn-thù-sa.
- Hoan-hỷ thiên cầm La-bạc (rau cải),
- Khổng-tước Minh-vương và Mẫu thần Quý-tử cầm quả kiết-tường,
- Chư vị kim-cang tát-đoả thì cầm chày kim-cang 5 chấu.
- Chư Bồ-tát kim-cang quyền cầm 1 cái vòng 10 chữ.
- Bồ-tát Đại-Tùy cầu cầm kiếm và búa,
- Nhất kế La-Sát Bồ-tát cầm búa lớn có mũi nhọn,

- Đại-luân Minh-vương cầm kích ba chia,
- Nát-lý đế Quỷ-vương đều cầm dao,
- Đề-dầu la-sát Thiên-vương và Đại-phạm Thiên-vương cầm xà mâu,
- Bồ-tát Kim-Cang phong cầm mũi nhọn kim-cang,
- Chư Diễm-man đức Minh-vương cầm gậy,
- Chư Bồ-tát Tam-muội vương cầm gậy như-ý,
- Chư Mã-dầu Minh-vương cầm sào ba chia,
- Bồ-tát Kim-Cang cầm sào kim-cang,
- Ái Kim-Cang cầm tràng ma-yết,
- Diễm-ma thiên cầm tràng đàn-noa,
- Hoả-tiên cầm trượng tiên,
- Ma-lợi chi tiên cầm quạt trời,
- Bồ-tát trừ cái-chướng cầm như-ý,
- Bồ-tát Khổng-tước vương cầm đuôi khổng-tước.

Ngoài các vị nói trên, có một hoá-thân của Bồ-tát Quan-Thế-Âm hiện một ngàn tay; số vật của ngài cầm có đến trên 40 loại khác nhau.



H.1 - Bất động mạn-đà-la  
Aksobhyamandala

## ÁNH SÁNG SAU TOẠ ĐÀI

Mặt sau hình-tượng của chư vị đều có ánh-sáng. Có loại phát xuất từ bộ đầu thì ánh-sáng tròn như bánh xe, gọi là ánh-sáng đầu. Có loại phát xuất từ kim-thân, gọi là ánh-sáng thân. Ngoài hai loại này, còn có riêng một loại ánh sáng gọi là ca-lâu-la, phần nhiều là của bộ Minh-vương. Đó là ánh lửa bùng cháy phát xuất từ phía sau kim-thể của chư vị đó. Ánh lửa này phóng ra mạnh mẽ, to lớn khôn lường.

Hình-trạng ánh-sáng sau lưng không đồng nhất. Có thứ tròn như bánh xe, có thứ như tuyến phóng-xạ; có thứ như ánh lửa, có thể tùy theo thợt trang hoàng khéo hay vụng.

Các loại toạ đài và tên gọi của mỗi toạ đài cũng được nói rõ như sau:

1. **Toà kim-cang:** Đây là toà của đức Thích-tôn ngồi dưới cây bồ-đề khi Ngài thành đạo. Tên của toà này các toà khác tuyệt đối không được dùng. Hình dạng của nó hiện còn tại các chùa ở Ấn-độ là hình-vuông. Vì vậy mà toà kim-cang đại khái đều hình vuông.

2. **Toà sư-tử:** Giường của Phật ngồi gọi là toà sư-tử. Sở dĩ gọi như vậy là bởi sư-tử là vua của loài vật, mà Phật đối với thế-gian là đứng tối cao, tối tôn, cho nên dùng tên ấy để hiển-dụ. Tại Ấn-độ ngày xưa, bên cạnh toà của Phật ngồi, người ta có vẽ hay khắc một con sư-tử đứng hầu; đại-ý là để biểu-thị ý-nghĩa vừa nói trên đây.

3. **Toà thiên-y:** Loại toà này dùng áo trời đắp lên toạ cụ, nên gọi là 'toà thiên-y'.

4. **Toà liên-hoa:** (gọi tắt là toà sen) toà này có 8 cánh hoa sen cho đến một ngàn cánh, hình thức không thống nhất.

5. **Toà thạch-ban:** (toà bàn đá) loại toà này chính yếu là dành cho chư-vị Minh-vương, hình phần-nộ, chẳng hạn như toà dưới chân của Minh-vương Bất-động.

6. **Toà cù-du** (thảm hay đệm dệt bằng lông thú): Đây là toà của chư Thiên, thần. Người ta dùng lông của động vật dệt thành đệm để trải trên toạ cụ.

7. **Toà lá sen:** Toà này thường thấy nơi tượng của chư Thiên. Chư-vị ấy



dùng lá sen làm toạ cụ nên chữ nho gọi là ‘hà diệp toà’.

8. **Toà tuyên-đài:** Đây là toà của Mẫu-thần Quỷ-tử.

9. **Toà điểu thú:** Nhân vì chữ vị ngồi trên lưng chim hay lưng thú, nên gọi là toà điểu thú. Tượng Phật bộ thường không thấy có loại toà này nhưng vẫn thấy kể ở đây. Loại và tên gọi của các toà này rất nhiều, không đồng nhất vì tùy theo loài chim hay thú mà các Ngài dùng để cỡi. Đại lược, có thể kể các loại như sau:

a) Toà sư-tử: Đức Đại-Nhật Như-Lai, Bồ-tát Văn-thù, Pháp-Giới Như-không tạng, vv., đều dùng sư-tử đứng mãnh để cỡi. Ngài Nhật-Tự Kim-Luân Phật-đảnh dùng bảy sư-tử làm toà. La-sát thiên-tử dùng sư-tử trắng làm toà, v.v..

b) Toà voi: Dùng voi làm toà, như Phật A-Súc, Bồ-tát Phổ-Hiền, Bồ-tát Kim-Cang tạng, Trời Đế-thích, v.v..

c) Toà ngựa: Dùng ngựa làm toà, như đức Bửu-Sanh Như-Lai, Bồ-tát Mã-Minh, Bồ-tát Bửu-Quang Hư-Không tạng, v.v.. Còn như trong số 12 vị Trời thì Ngài Nhật-thiên cưỡi 5 ngựa. Ngoài Mạn-đà-la Thai-tạng giới thuộc viện Kim-Cang thì Ngài Nhật-thiên dùng toà 4 ngựa, Ngài Nhật-thiên-diệu dùng toà 3 ngựa, v.v..

d) Toà khổng-tước: Dùng con công làm toà như đức A-Di-Đà Như-Lai, Bồ-tát Khổng-tước vương mẫu Liên-Hoa Hư-không tạng, Cửu-ma-la thiên, v.v..

e) Toà ca-lâu-la: Trong điển tích nhà Phật có ghi ca-lâu-la là một loài chim ở Ấn-độ, xưa dịch là Kim-xí điểu, nay gọi là Diệu-xí điểu, Đỉnh-anh điểu, Thực-thổ bi khổ thanh, vv. . Loài chim này thường ở trên cây to tại bốn châu thiên hạ. Chúng rất khỏe, thường ăn thịt rồng. Bất-Không Thành Tụ Như-Lai, Nghiệp-Dụng Hư-Không tạng, Na-La-diên thiên, vv. . đều dùng loài chim này để làm toà.

f) Toà trâu: dùng trâu làm toà, như Ngài Đại-Uy-đức Minh-vương dùng trâu, Diễm-ma thiên dùng trâu trắng, Đại-Tự-tại thiên dùng trâu đen, Hoả-thiên dùng trâu xanh, Tỳ-xá-na thiên dùng trâu lễ vàng, v.v..

g) Toà dê: Đây là toà của các bà phi, như bà phi Đại Tự-tại thiên, Phi-Ô-ma, v.v.. Các con dê làm toà cho các bà phi này đều màu đỏ.

h) Toà rùa: Thủy-thiên dùng rùa làm toà nên gọi là toà rùa.

i) Toà chương: Con chương có hình giống con hươu nhưng không có sừng, lông hơi vàng vàng. Phong-thiên dùng con chương làm toà, nên gọi

là toà chương.

k) Toà nga: Nga là con ngỗng, Nguyệt-thiên dùng ngỗng làm toà, nên gọi là toà nga, hay toà ngỗng.

l) Toà lợn: Dùng heo làm toà, như toà của Ma-lợi-Chi thiên.

m) Toà quỷ: Dùng hình quỷ làm toà, như Đại-nguyên soái Minh-vương, Danh-Văn thiên dùng quỷ Dực-xoa làm toà. Ô-sô sa ma Minh-vương dùng Tỳ-na-dạ-ca (dịch là Ma-thường theo, hoặc là Thần chướng ngại) làm toà, v.v..

n) Toà tu-di: Dùng hình núi Tu-di làm toà, nên gọi là toà tu-di, như Ma-ê-thủ la thiên, Diêm ma thiên, Thủy thiên, Y-thủ la thiên, Đế-Thích thiên, vv. .



Thiên Thứ Hai  
**GIẢI THÍCH VỀ TƯỢNG PHẬT**

**chương sáu**

**PHẬT BỘ**

**ĐỨC THÍCH-CA ĐẢN SANH**

Trên thế-gian, khi nói đến tượng Phật và Bồ-tát người ta phần nhiều căn cứ trên lý-tưởng của nghĩa kinh, rồi nắm lấy tính chất thần-hoá mà làm ra. Chỉ có đức Thích-Ca Như-Lai mới là một vị Thánh chân-chính. Ngài đã vì chúng sinh trong đời ác trước mà nói pháp để cứu vớt họ. Ngài đã sanh ra tại nước Thiên-đức (Ấn-độ) cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm.



Thích-Ca vốn là tên gọi của một giòng-tộc ở nước Kapilavastu ‘Ca-tỳ-la phạt-đổ tháp’ của Ấn-độ. Đức Phật Thích-Ca đã sanh ra trong giòng-tộc ấy nên lấy tên của giòng-tộc ấy mà gọi Ngài là Shakyamuni *Thích-Ca Mâu-ni*. *Mâu ni* của chữ Phạn nghĩa là ‘yên lặng’, là bậc trí-giả, hoặc là tư-tưởng của tiên-nhân, thành ra *Thích-Ca Mâu-ni* hàm-ý một ‘bậc Thánh xuất-sanh trong tôn-tộc Thích-Ca.’

Hai chữ *Thích-Ca* được giảng giải là ‘năng nhân’, biểu-thị tâm Phật từ-bi<sup>11</sup> rộng lớn. Hai chữ *mâu-ni* được giải nghĩa là ‘yên lặng, biểu-thị cho trí-huệ của Ngài đầy-đủ, sâu-sắc.

Đức Phật Thích-Ca Mâu-ni nguyên là thái-tử của chủ-vương thành Ca-tỳ-la-vệ đổ-tháp ở Trung-ấn. Phụ thân Ngài là Vua Suddhosdana ‘Tịnh-Phạn’ và thân mẫu Ngài là Hoàng-hậu Maya ‘Ma-Gia’. Ngài sanh ra vào ngày tám tháng Tư tại vườn Lumbini ‘Lâm-tỳ-ni’, dưới cây vô-ưu. Truyền-thuyết nói

<sup>11</sup> Từ ‘lòng thương mến những người thân-cận với mình; bi lòng thương xót đối với kẻ đối nghịch mình, những mọi loài chúng sinh khác giống, khác chủng, khác loài với mình.

rằng khi ngài đản sanh thì trời rải nước thơm xuống và thái-tử tay phải chỉ trời, tay trái chỉ đất nói rằng “Thiên thượng, thiên hạ, duy Ngã độc tôn.”<sup>12</sup>

Lúc thiếu thời, Ngài có tên là Siddhartha ‘Tất-Đạt-Đa’, thiên-tư sáng suốt, tinh-thông cả trăm ngành học-thuật, kỹ-nghệ, tài-năng thật phi-phàm, nên ngay lúc ấy Ngài đã vang danh trong thiên-hạ.

Khi thành niên, Ngài kết-hôn với công chúa Thiện-Giác vương ở thành Câu-lợi là Yasidhara ‘Gia-Du Đà-la’, và sanh được một con trai được đặt tên là Rahula ‘La-Hầu-La’.

Đến năm 29 tuổi, nhân một ngày xuân trong sáng, Ngài cùng các thị-thần ra ngoài thành du-ngoạn.

Ngài thấy rõ các cảnh sanh, lão, bệnh, tử; là các khổ-não của đời người. Sau khi trở về, Ngài suy-tư về các sự kiện ấy đến nỗi bỏ ngủ, quên ăn; Ngài bèn quyết-tâm xuất-gia; một mình vào rừng sâu chỗ tịnh, nhất ý tu hành.

Ngài đi về phương nam các nước Tỳ-xá-ly, Ma-ha-đà, phỏng-vấn các vị tiên Liên-Hoa nổi tiếng lúc bấy giờ như Bạt-già-kiên, A-lam, Già-lam tiên,



v.v.. Ngài đem các điều nghi hoặc về sự khổ-não của sanh, lão, bệnh, tử để thỉnh-giáo các vị ấy, nhưng sau sáu năm dài, Ngài chẳng học hỏi được điều gì quan trọng.

Cực nhọc thân tâm mà không được gì, Ngài bèn nghĩ rằng “cách tu khổ-hạnh này chưa hẳn là đạo để thành Phật. Muốn thành Phật, trước tiên phải kiện toàn thân-tâm, sửa đổi phương kế.” Ngài liền đến sông Nerajana (hoặc Nairanjana) ‘Ni-liên-thiên’ tắm rửa thân-thể sạch-sẽ. Lại được người mục-nữ cúng dường bát sữa nên thể-lực Ngài được hồi phục. Sau đó, Ngài đến nơi thắng địa Phật-đà già-da ngồi kiết già dưới cây bồ-đề trên toà kim-cang. Ngài xua đuổi tất cả các điều cám-dỗ của thế-gian. Đến một hôm, lúc trời

<sup>12</sup> “Trên trời, dưới đất chỉ có cái Ta là ghê gớm nhất nên phải tu sửa.” hai câu trong bốn câu trong *Kinh Hoa-Nghiêm*:

*Thiên Thượng Thiên hạ;  
Duy Ngã độc tôn.  
Nhất thiết thế gian;  
“Sinh, Lão, Bệnh, Tử.”*

vừa mờ mờ sáng, một ngôi sao xán-lạn vừa xuất hiện ở phương đông, Ngài bỗng nhiên sáng-suốt vì được đại ngộ. Lúc bấy giờ Thái-tử đang vừa độ tuổi 35 cứng cõi, tốt đẹp.

Sau khi thành đạo, Đức Thích-tôn trước tiên đến vườn Lộc-uyển nước Ba-la-nại-kỳ, độ cho năm vị tỳ-khưu Kiều-trần-như. Sau đó Ngài muốn tới thành Vương-xá. Dọc đường Ngài gặp ba vị Ca-diếp của ngoại đạo thờ thần Lửa, Ngài bèn độ cho ba vị ấy. Từ đó danh-tiếng Ngài vang dội khắp cõi Ấn-độ. Sau, đến thành Vương-xá, Ngài lại độ cho vua Tần-bà-sa-la của nước Ma-yết-đà và Xá-lợi-Phất, Mục-kiền-liên, v.v.. Ba năm sau, Ngài trở về cố-hương, độ cho Phụ-vương, Hoàng-mẫu, em Ngài là A-Nan, anh bên ngoại Ngài là Nan-Đà, và con Ngài là La-Hầu-La, v.v..

Đến đây, giáo đoàn của đức Thích-tôn đã thành-hình một cách vững chắc.

Về sau, Ngài thường ở hai bên bờ sông Hằng thuộc địa-phận các nước Ma-yết-dà, Kiền-tát-la và Tỳ-xá-ly. Ngài đi lại, nói pháp trong các nước đó, không gián-đoạn, mãi đến năm Ngài 80 tuổi, ngài nằm bệnh tại phương Bắc, ở ngoài thành Câu-hộ-na-yết-la, dưới hai cây sa-la trên bờ sông Bạt-đề, đầu quay về hướng Bắc, mặt xây về phương Tây.

Lúc ấy, chư đệ-tử đều tụ họp trước mặt Ngài, cung kính lắng nghe lời răn dạy cuối cùng. Đến đêm Ngọ, Ngài yên-lặng nhập Niết-bàn.

Đời sau, các hình-tượng Niết-bàn mà người ta thấy trong các chùa thờ Phật đều là để kỷ-niệm cái thời điểm của đêm Ngọ Ngài nhập Niết-bàn đó.

Sự truyền-bá đạo pháp của đức Thích-tôn trong 45 năm đã làm cho các vua Tần-bà-sa-la, A-xà-thế, Ba-tư-nặc, v.v.. lấy làm thâm-đắc và nhiệt-thành giúp đỡ. Về sau, họ đều thành những vị đại hộ-pháp. Trong thời đức Phật còn tại thế, trong số các tịnh-xá được xây dựng, nổi tiếng nhất là Tịnh-xá Trúc Lâm ở nước Na-yết-đà, Tịnh-xá Kỳ-viên ở nước Xá-vệ và giảng đường Đại-lâm tràng-các của nước Tỳ-xá-ly.

Đức Thế-tôn đã phá chế độ phân biệt bốn giai cấp của Ấn-độ vốn có từ xưa, và nhấn mạnh đến hai chữ bình-đẳng, lấy giáo-đoàn làm căn-bản: “đệ-tử Ngài được chia là bốn chúng hoặc bảy chúng. Ngài định ra giới-luật một mảy chẳng loạn, lấy đó làm mực thước để giáo-hoá tứ dân—sĩ, nông, công, thương. Trong suốt 45 năm trước sau như một, Ngài đã đi đông đi tây, ngày đêm không trễ nãi, nói pháp khắp nơi mà chẳng hề biết mệt-mỏi.

Sau ngày đức Phật viên-tịch, đệ-tử của Ngài ở thành Vương-xá nắm vững giáo-pháp của Ngài đã truyền dạy lúc Ngài còn tại thế nên đã kết tập

lại thành kinh. Đó là nguồn gốc lớn của văn-hoá phương Đông.

Hình tượng của đức Thế-tôn tại hai bộ Mạn-đà-la của Mật-tông thì Thai-tạng giới đặt Ngài làm chủ, còn trong Kim-Cang giới thì Bất-không Thành-Tựu Như-Lai cùng đứng với Ngài. *Đại Nhật Kinh-Sớ* nói rằng: đức Thích-Ca Mâu-Ni toàn thân màu vàng ròng, đủ 32 tướng tốt rực rỡ, khoác áo cà-sa màu càn-đà, ngồi trên hoa sen trắng, tư-thế như đang thuyết pháp, tay trái cầm một chéo áo cà-sa như tượng của vua A-dục ngày nay: tay phải để thẳng các ngón trong khi ngón cái và ngón áp-út co lại bấm vào nhau.

Nghi-Quỷ tu hành của Kim-Cang Nhất-thừa nói rằng: “Nếu muốn báo ân-đức của thế-gian có thể vẽ hình-tượng đức Thích-Ca Mâu-Ni nơi trung ương Mạn-đà-la, toàn thân khoác áo cà-sa, tướng-trạng đang nói pháp, tay phải bắt ấn kiết-tường, tay trái đặt ngựa trước rốn, tư-thế kiết-già trên đài hoa sen trắng.

### **Thân tướng của đức Thích Ca có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp.**

Về 32 tướng tốt (trong số 48 tướng) không phải chỉ một mình đức Phật có mà Chuyển-luân Thánh-vương cũng có. Lại có đến 48 tướng, nhưng riêng đức Phật có 80 vẻ đẹp mà Chuyển-luân Thánh-vương không có.

Có tướng tốt mà không đẹp thì không thể gọi là “tướng tốt viên mãn”.

## **ĐỨC ĐẠI-NHẬT NHƯ-LAI**

Đại-Nhật Như-Lai là bốn-tôn thuộc hệ Mật-tông cung phụng. Ngài giữ địa vị chủ-tôn trong hai bộ *Mạn-đà-la Kim-Cang tạng* và *Thai-tạng*.

Đại-Nhật là mặt trời chiếu khắp tất cả vạn vật trong vũ-trụ. Phàm tất cả sinh-vật tại thế-gian, chẳng phải chỉ loài người mà cho đến thảo-mộc, côn-đùng đều nhận chịu ân-huệ của đức Đại-Nhật. Vật gì chẳng hưởng-thọ ánh quang-minh của mặt trời mà có thể an-trụ nơi Đại-pháp giới chẳng? Đó là lý-do khiến ta nói đức Đại-Nhật là từ- mẫu nuôi dưỡng tất cả muôn vật ở thế-gian, cũng tức là chủ-mẫu của hai bộ Mạn-đà-la.



Đại-Nhật Như-Lai, chữ Phạn gọi là Mahā-vairocana ‘Ma-ha Tỳ-lô giá-na’. Có nơi dịch là ‘ánh sáng lớn chiếu khắp’, là ‘mặt trời lớn chiếu sáng tất cả mọi nơi’. Tuy lời dịch chẳng đồng nhất, nhưng ý-nghĩa vẫn là một, vì *ma-ha* là ‘Đại’, *tỳ-lô giá-na* là ‘quang-minh biến-chiếu’. Đó là ý hiển-dương pháp-thể chiếu soi cùng khắp vũ-trụ vạn-vật mà không bị một mảy may trở ngại nào.

Đại-Nhật Như-Lai đối nội thì chiếu khắp pháp-giới chân-như, đối ngoại thì chiếu khắp tất cả chúng-sanh mà không bị chướng-ngại, có đủ các đức viên-mãn, thường trụ chẳng đổi, thân độ dung-thông, tập hợp tâm-tánh của tất cả chúng-sanh và chư Phật Như-Lai, lại hay bảo tồn ‘bổn lai pháp như vậy’ trong tâm chúng sanh, cùng khắp các xứ, nhân đó nên gọi là ‘quang-minh biến-chiếu’.

Kinh *Đại-Nhật Sớ* nói rằng: âm Phạn Vairocana ‘Tỳ-lô giá-na’ là biệt-danh của mặt trời. Mặt trời có công-năng khiến cho chỗ đen tối biến thành sáng-sủa. Nhưng, ánh mặt trời chỉ chiếu sáng mặt ngoài của các vật, còn ánh quang-minh của mặt trời trí-tuệ Đại-Nhật Như-Lai chẳng luận lúc nào, đều có thể chiếu soi mặt ngoài và mặt trong của khắp mọi sự vật, không phân-biệt là đêm hay ngày.

Ánh quang-minh của đức Đại-Nhật lúc chiếu đến Diêm-phù-đề thì tất cả cỏ cây rừng rú đều dựa vào tính-chất phân-biệt riêng của chúng mà sanh-trưởng; tất cả mọi sự việc của thế-gian cũng nhờ đó mà được thành-tựu. Ánh quang-minh của Như-Lai chiếu khắp pháp-giới một cách bình-đẳng, làm phát-sinh vô số các loại thiện-tâm của chúng-sanh.

Dựa vào nhân-duyên đó, tất cả các pháp thế-gian và xuất thế-gian cũng được thành-tựu, cho nên mặt trời phổ-thông của thế-gian chẳng có thể so sánh với mặt trời của trí-tuệ, vì vậy mà trước chữ ‘Nhật’ phải thêm chữ ‘Đại’ để gọi, thành ra là Đại-Nhật Như-Lai, hợp với chữ Phạn ‘Ma-ha Tỳ-lô giá-na’ vậy.

Đại-Nhật Như-Lai làm giáo-chủ của kinh *Kim-Cang Đảnh* của kinh *Đại-Nhật* là giáo-điển căn-bản của Mật-tông. Ngài là chủ-tôn của hai bộ Mạn-

đà-la Kim-Cang tạng và Thai-tạng, cho nên phương-pháp biểu-thị hình-tượng của Ngài chẳng phải thấy giống nhau như thường lệ.

Lúc Ngài nói pháp tại cung trời Đại Tự-tại thì trong kinh *Đại-Nhật Sớ* nói: Cung này là cung Bồ-đề xứ của Phật xưa thành-tựu, tức đó là cung trời Ma-hê-thủ la; thân Phật màu vàng tía của vàng Diêm-phù-đàn như tượng Bồ-tát, đầu đội phát-kế<sup>13</sup> vừa như hình mũ, thân-thông phóng ra các loại ánh sáng màu, mình khoác mạng lụa: “đó là hình-thức tiêu-biểu sự thành tựu của bậc tối chánh-giác tại cõi trời Thủ-đà-hội, ở cõi ấy chư thánh thiên mặc y-phục bằng lụa mỏng, nhẹ nhàng, theo bản chất nghiêm-tịnh, chẳng trang sức bên ngoài bằng những vật giả tạo.”

Nhưng hình-tượng phổ-thông của thế-gian chẳng phải hoàn toàn dựa theo những mẫu mực như nhau, mà có nhiều loại khác nhau. Hình-tượng của chủ-tôn trong hai bộ Mạn-đà-la có thể là của những hình-tượng đại biểu cho sự sai khác đó. Như trong Mạn-đà-la thuộc Kim-Cang giới thì hình-tượng biểu-thị cái Trí của đức Đại-Nhật, gọi là “pháp thân Đại-Nhật trí”; tướng-ấn của Ngài là “Trí-quyền ấn”.

Trong Mạn-đà-la thuộc Thai-tạng giới thì hình-tượng bày tỏ cái lý của đức Đại-Nhật gọi là “pháp thân Đại-Nhật lý”; tướng-ấn của Ngài là “Pháp-giới định ấn”.

Đức Đại-Nhật Như-Lai kiếp pháp-giới định-ấn tại Thai-tạng giới thì có nhiều thuyết chẳng đồng-nhất: một trong các thuyết đó nói rằng: “Đức Đại-Nhật Như-Lai trên đài hoa sen tám cánh thì thông thân màu vàng, như hình Bồ-tát, ngồi kiết-già trên hoa sen báu, đầu đội mũ báu 5 đức Phật, mặc lụa hoa trắng; sau đầu có hào-quang tròn 5 màu lẫn lộn; hào-quang trên đầu hình như mây; thân có nhiều lớp ánh-sáng bao bọc; tóc màu thiên-thanh; tai đeo ngọc châu; cổ đeo nhiều vòng anh-lạc, ngọc báu, thòng đến trên gối; hai cánh tay cũng mang chuỗi ngọc; hai cổ tay đeo vòng vàng; hai bàn tay để ngửa dưới rốn, các ngón chồng lên nhau; bàn tay phải đặt trên bàn tay trái; hai ngón cái chụm đầu nhau, kết thành tướng-ấn nhập-định. Áo bằng sa trắng nhẹ; quần bằng ấm 5 màu; các đường viền, đai áo đều bằng gấm xanh, lụa vẽ 5 sắc.”

Như thế mới biết thân đức Phật này nghiêm-trang biết dường nào.

Tượng đức Đại-Nhật còn lưu lại đến nay, bất luận là vẽ hay điêu khắc, đều là tượng ở tư-thế ngồi; không có bức tượng nào ở tư-thế đứng.

---

<sup>13</sup> búi tóc hình nhục kế; tức dùng búi tóc quấn lại như cái mũ để che đầu



Vật liệu điêu-khắc gần như hạn-định trong việc dùng gỗ: đây là dựa vào tính-chất của đức Phật mà quy-định như vậy.

## ĐỨC PHẬT TỖ LÔ GIÁ NA



Đức Phật Lô-Giá-Na chính danh là Tỳ-lô-giá-na; dịch là *quang-minh biến-chiếu* ‘ánh sáng soi khắp’. Nhân vì thân sáng và trí sáng của đức Phật Lô-Giá-Na không một mảy may đất nào làm chướng-ngại được, cho nên ánh-sáng ấy soi khắp pháp-giới là ý nói: tròn sáng không khuyết.

Trong kinh *Phạm-Võng* có nói: “Nay ta, Tỳ-Lô-Xá-Na, mới ngồi trên đài hoa sen, vòng khắp trên ngàn hoa, lại hiên ngàn Thích-ca; một hoa trăm ức nước, mỗi nước một Thích-Ca ngồi cây Bồ-đề, một thời thành Phật-đạo: như vậy ngàn trăm ức, bốn thân Lô-Xá-Na; ngàn trăm ức Thích-ca, đều tiếp vi-trần chúng; đều đến chỗ Ta ở, nghe Ta tụng giới Phật, cửa cam-lồ ắt mở.”

Phật Lô-Giá-na lại làm giáo-chủ của kinh *Phạm-Võng* và kinh *Hoa-Nghiêm*.

Tại Trường-an nước Tàu, có hai vị cao-tăng. Một vị là đại-đức Đạo-An ở chùa Ngũ-trùng; một vị là đại-đức Kinh-Khê ở Thiên-đài. Hai vị đã từng nói: “Phật Tỳ-Lô-Giá-Na là pháp-thân; Phật-Lô-Giá-Na là Báo-thân, còn Phật Thích-Ca là Ứng-thân.”

Nếu quả như vậy ắt Phật Lô-Giá-Na cùng với Phật Thích-Ca là đồng-thể, tức là giác-thể bất-nhị vậy. Nghĩa là: lia bỏ đức Thích-Ca ắt không có đức Lô-Giá-Na; lia bỏ đức Lô-Giá-Na thì không có đức Thích-Ca.

Thế thì công-đức chung của hai vị Phật này phân biệt thế nào? Bởi vì đức Thích-Ca là giáo-chủ của một châu, hạn-định tại Diêm-phù-đề; phạm-vi giáo-pháp của Ngài hơi nhỏ hẹp. Còn Phật Lô-Giá-Na là giáo-chủ của 3 ngàn Đại-thiên thế-giới, tóm lãnh toàn thể vũ-trụ, rộng lớn vô cùng.

Phật Lô-Giá-Na tổng lãnh ba ngàn Đại-thiên thế-giới, cảnh vực của Ngài lớn nhỏ như thế nào, thì trong kinh *Trường A-Hàm* có nói như vậy: “Do mặt trời, mặt trăng, núi Tu-di, bốn châu thiên-hạ, bốn vị Thiên-vương, 33

tầng trời, Dạ-ma thiên, Đâu-suất thiên, Lạc-biến-hoá thiên, Tha-hoá tự-tại thiên, Phạm-thế thiên, v.v.. Mười giới tập hợp lại thành một thế-giới. Nghìn lần một thế-giới gọi là một tiểu thiên thế-giới. Nghìn lần tiểu thiên thế-giới như thế gọi là một trung thiên thế-giới. Nghìn lần trung thiên thế-giới như thế gọi là một đại thiên thế-giới. Gấp ba nghìn lần một đại thiên thế-giới như thế thì gọi là tam thiên đại-thiên thế-giới.” Độ rộng lớn của ba nghìn đại thiên thế-giới như thế thật là vô cùng, vô tận. Chúng ta chẳng thể nào tưởng tượng nổi.

Theo kinh *Phạm-Võng* nói, đức Phật Lô-Giá-Na “ngồi kiết-già trên đài hoa sen ngàn cánh, tay trái đặt trên gối, tay phải giở lên nhẹ nhàng. Ngài nói pháp tại cung trời Đại tự-tại, là thượng đỉnh của Sắc-giới. Chu vi đài hoa của tượng Phật toả ra có ngàn cánh, mỗi cánh biểu-hiện quang-cảnh của 100 ức quốc-độ để thành đại-quán của ba ngàn đại thiên thế-giới.

## ĐỨC A-DI-ĐÀ NHƯ-LAI

Trong số các danh hiệu của chư Phật thì mọi người biết đạo đều lấy danh-hiệu A-Di-Đà Phật làm đầu. Thông thường người ta niệm là: Nam mô A-Di-Đà Phật!

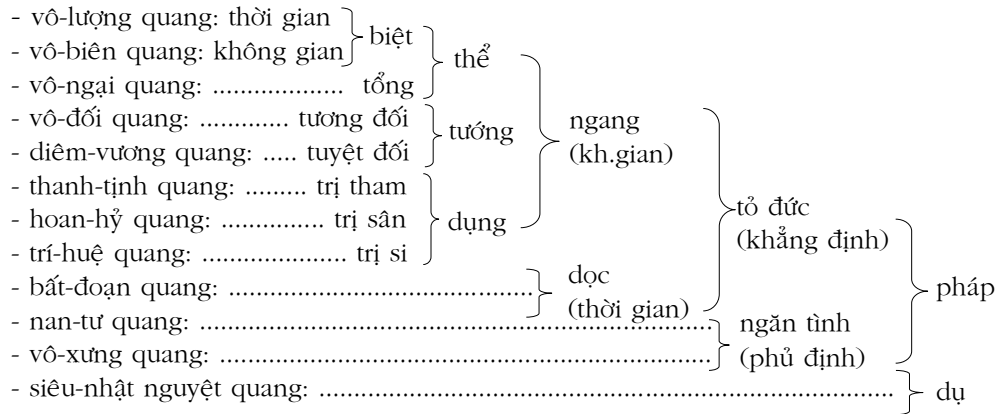


Người ta thường gọi đức A-Di-Đà là Amitayus ‘A-di-đà-do-tu’, và Amitabha ‘A-di-đà-bà’. Danh-hiệu đầu dịch là Vô-lượng thọ, danh-hiệu sau là Vô-lượng quang.

Đức Phật A-Di-Đà ở tại một phương trong Mạn-đà-la thuộc Kim-Cang giới, tức là Phật-đà của phương Tây. Chữ Phạn gọi là ‘lô-kế thấp-phạ lá-ra-nhã’, dịch là ‘quán-tự-tại.’ Phật A-Di-Đà, dựa vào tánh-đức quang-minh của ngài mà chia làm 12 loại: vô-lượng quang, vô-biên quang, vô-ngại quang, vô-đối quang, diêm-vương quang, thanh-tịnh quang, hoan-hỷ quang, nan-tư quang, vô-xưng quang, siêu nhật

trí-huệ quang, bất-đoạn quang, nguyệt quang.

Dựa vào tánh-đức của 12 loại ánh-sáng đó, tức có 12 loại hình-tượng khác nhau, có công-dụng như nhau:



Kinh *Đại-Nhật Vô-lượng Thọ* của Chính-Giác Tịnh-độ nói rằng: Phật A-Di-Đà là Phật-vương Thế-tự-tại. Lúc Ngài là một quốc-vương, sau khi xuất-gia, pháp-danh là Pháp-Tạng Tỳ-kheo. Ngài thấy qua 210 ức Phật-độ. Tại mỗi Phật-độ, xét hết các kiến-thức trong đó rồi chọn lấy cái tinh-hoa, và trải qua năm kiếp tư-duy, sau đó mới phát khởi 48 lời đại thệ-nguyện, lập ra quốc-độ Cực-lạc để cứu-độ chúng-sinh.

Ngài vì cảm thấy điều thiết-yếu là phải thực-hiện lời thệ-nguyện ấy, nên tu hành lâu dài, trải qua không biết bao nhiêu thời-gian, mới cảm chắc việc thực-hiện được điều đó, và thành Phật. Đến nay đã trải qua 10 kiếp. Ngài đã kiến-lập xong một Tịnh-độ Cực-lạc rất tráng-lệ. Hiện tại Ngài nói pháp tại đó. Ngài dùng vô-lượng ánh sáng chơn-thực và vô-lượng thọ-mạng làm giác-thể để siêu-độ chúng-sinh.

Đức Phật A-Di-Đà trong Mật-giáo là một trong năm trí của đức Đại-Nhật Như-Lai. Ngài trụ tam-muội Diệt-quan-sát-trí ở phương Tây: ở Trung-đài, viện tám cánh hoa của Thai-Tạng giới, tôn vị Ngài ở phương Tây nơi bánh xe năm giải-thoát thuộc Kim-Cang giới. Quyển-thuộc Ngài có bốn Bồ-tát. Đó là Pháp, Lợi, Nhân, Ngữ để biểu-hiện Trí-phương tiện của đức Đại Nhật Như-Lai. Tánh-trí của Ngài thì chẳng sanh, chẳng diệt; bên trong soi chiếu thực-tướng các pháp; bên ngoài soi chiếu căn-cơ chúng sinh. Đức-hạnh Ngài thì vô-lượng vô-biên, ban bố lợi-ích cho tất cả chúng-sinh.

Kinh *Đại-Nhật Sớ* nói: Phật quán vô-lượng-thọ tại phương Tây, ứng với Trí-phương tiện của Như-Lai. Nhân vì chúng-sinh giới không ngừng dứt cho nên phương-tiện Đại-bi của chư Phật cũng không ngừng dứt. Vì thế mà gọi là Đại Vô-lượng-thọ.

Về tướng tốt của đức Phật A-Di-Đà thì kinh *Quán Vô-lượng Thọ* nói rằng: Thân Phật Vô-lượng thọ màu vàng diêm-phù-đàn<sup>14</sup> như trăm ngàn vạn ức dạ-ma-thiên<sup>15</sup>; thân Phật cao 60 vạn ức na-do-tha<sup>16</sup> hằng hà sa do-tuần<sup>17</sup>; tướng bạch hào giữa đôi lông mày xoay tròn về bên phải như năm núi Tu-di; mắt Phật như nước bốn biển lớn, xanh trắng rõ ràng; các lỗ chân lông toàn thân đều hiện sáng lóng lánh như sao, như núi Tu-di<sup>18</sup>, tròn sáng như trăm ức ba ngàn đại thiên thế-giới, trong ánh sáng tròn đó, có trăm vạn ức na-do-tha hằng hà sa hoá-phật; mỗi hoá-phật đều có vô số hoá bồ-tát làm thị-giả.

Phật Vô-lượng thọ có tám vạn bốn ngàn tướng tốt, mỗi một tướng tốt có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp, mỗi một vẻ đẹp có tám vạn bốn ngàn ánh-sáng quang-minh, mỗi một ánh-sáng quang-minh chiếu khắp mười phương thế-giới. Hễ chúng-sinh niệm Phật thì đều được nhiếp giữ, chẳng bỏ. Ánh-sáng, tướng tốt và hoá-phật của Ngài thật quá nhiều, chẳng thể đếm được.

Do đó có thể biết sức mạnh lớn của đức Phật A-Di-Đà thì không gì sánh bằng.

Kinh *Quán Vô-lượng-thọ* lại nói: Quả-tướng của thế-giới Cực-lạc chia làm ba bậc: thượng, trung, hạ. Mỗi bậc lại chia làm ba phẩm: thượng, trung, hạ. Thành ra chín phẩm, tức là: thượng phẩm thượng-sanh, thượng phẩm trung-sanh, thượng phẩm hạ-sanh; trung phẩm thượng-sanh, trung phẩm trung-sanh, trung phẩm hạ-sanh; hạ phẩm thượng-sanh, hạ phẩm trung-sanh, hạ phẩm hạ-sanh.

- Thượng phẩm thượng-sanh là những bậc thiện-nhơn làm việc thượng-thiện của đại-thừa, đến lúc lâm chung được Phật A-Di-Đà đón rước, được ngồi đài sen kim-cang, trong khoảng nháy mắt được vãng sanh về thế-giới cực-lạc, thấy Phật, nghe Pháp, được đến quả vị vô-sanh pháp-nhẫn.
- Thượng phẩm trung-sanh là những bậc thiện-nhơn làm việc thượng-thiện gần đến đại-thừa, đến lúc lâm-chung cũng được Phật A-Di-Đà đón rước, được ngồi trên đài sen vàng tía, vãng sanh thế-giới cực-lạc, thấy Phật, nghe Pháp, trải qua bảy ngày được bất thối chuyển;

<sup>14</sup> jambùnada-suvarna: màu vàng kim của cát sông Jambu.

<sup>15</sup> yama deva: thẳng địa; nơi luôn luôn có cỏ cây xanh tốt.

<sup>16</sup> navuta: khoảng 10 triệu đơn vị

<sup>17</sup> yojanna: đơn vị đo chiều dài từ khoảng 7km300 đến 19km500 (Tuỳ theo; có sách nói là 7,3km, 9km216mét, 14,6m, 19,5km; không thống nhất.)

<sup>18</sup> Sumeru 'Tu-di lâu sơn' trung tâm của từng thế giới

lại trải qua một tiểu-kiếp mới được quả vị vô sanh pháp nhẫn.

- Thượng phẩm hạ-sanh là bậc thiện-nhơn làm việc thượng-thiện, hai bậc nữa mới đến đại-thừa, đến lúc lâm-chung, cũng được đức Phật A-Di-Đà đón rước, được ngồi trên hoa sen vàng, vãng sanh thế-giới cực-lạc, thấy Phật, nghe Pháp, nhưng phải trải qua ba tiểu-kiếp mới được quả-vị hoan-hỷ địa.
- Trung phẩm thượng-sanh là những thiện-nhơn làm việc thượng-thiện của tiểu-thừa, đến lúc lâm chung, nhận được sự tiếp đón của Phật A-Di-Đà, được vãng-sanh thế-giới cực-lạc, nghe pháp tứ-diệu đế, được quả-vị A-la-hán.
- Trung phẩm trung-sanh là những thiện-nhơn làm việc hạ-thiện của tiểu-thừa, đến lúc lâm-chung, Phật A-Di-Đà đến nghinh tiếp, được vãng-sanh thế-giới cực-lạc, trải qua nửa tiểu-kiếp, sau mới thành A-la-hán.
- Trung phẩm hạ-sanh là người làm việc lành thế-tục, đến lúc lâm-chung, được nghe công-đức của Phật mà được vãng-sanh thế-giới cực-lạc, trải qua một tiểu-kiếp, sau mới được quả-vị A-la-hán.
- Hạ phẩm thượng-sanh là người bị mười tội ác nhẹ, đến lúc lâm-chung nhờ niệm Phật, có thể loại trừ 50 ức kiếp tội phải sanh tử, được chuyển sanh trong ao sen báu của thế-giới cực-lạc, sau 49 ngày hoa sen nở ra, và được nghe Pháp.
- Hạ phẩm trung-sanh là người phá giới tội nhẹ, đến lúc lâm-chung, nghe công-đức Phật mà niệm Phật, có thể miễn trừ 10 ức kiếp tội phải sanh tử, được chuyển sanh trong ao sen báu của thế-giới cực-lạc, trải qua 6 tiểu-kiếp sau, hoa sen mới nở, rồi được nghe Pháp .
- Hạ phẩm hạ-sanh là người phạm tội nặng ngũ nghịch, đến lúc lâm-chung, niệm Phật được 10 niệm, trong mỗi niệm có thể miễn trừ 80 ức kiếp tội phải sanh-tử; được chuyển sanh trong ao sen báu của thế-giới cực-lạc, phải trải qua 12 tiểu-kiếp sau, hoa sen mới nở để được nghe Pháp.

Trên đây là tóm lược 9 phẩm vãng-sanh. Nói tóm lại, thượng phẩm vãng sanh là người tu-hành được đại-thừa; trung phẩm là người tu hành được tiểu-thừa; hạ phẩm là kẻ làm lành ở thế-gian được thành-tựu. Những điều ấy gọi là làm nên chín phẩm Phật. Tương-án của các phẩm này không đồng nhau.

Tại nước Tàu, người ta rất tin theo Phật A-Di-Đà. Hình-tượng của Ngài

có nhiều loại. Trong Quán Tự-tại vương tu hành pháp có nói: Kiết-ấn tam-ma-địa thì hai cánh tay hướng thượng, giao nhau.

Trong kinh *Nhiếp-Chân Thật* thì nói: Hai tay đều duỗi cả năm ngón, để yên tại trước rốn, tay trái bên dưới, tay phải trên, kiết Pháp-giới định ấn.

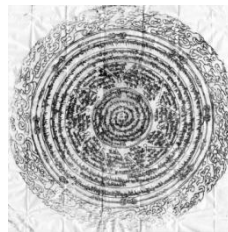
Ngoài ra, tại Mạn-đà-la, ta thấy đức A-Di-Đà biểu-thị Diệu-quan-sát-trí, trụ tướng tịch-định: toàn thân màu vàng, kiết-định ấn Diệu-quan-sát-trí, thân khoác áo cà-sa sáng đỏ, ngồi kiết-già trên hoa sen báu.

Tượng Ngài còn có dạng màu hồng như Di-Đà pha-lê hồng, Di-Đà bửu-quan (đội mũ báu) hoặc Di-Đà có búi tóc hình xoắn tròn ốc, Di-Đà tư-duy năm kiếp và Di-Đà ba mặt sáu tay trong Du-Già đại-giáo vương kinh, vv., rất nhiều tượng khác.

A-Di-Đà Như-Lai phổ-thông thì có hai Bồ-tát Quan-Âm và Đại-Thế-Chí đứng hai bên.

Riêng có một loại hình-tượng A-Di-Đà với 25 Bồ-tát nghênh đón: hành-giả niệm Phật, lúc lâm-chung sẽ được Phật A-Di-Đà với 25 vị Bồ-tát đến trước mặt nghênh đón. Danh sách 25 vị này là:

- |                             |                               |
|-----------------------------|-------------------------------|
| 1. Quán-Thế-Âm Bồ Tát       | 2. Đại-Thế-Chí Bồ Tát         |
| 3. Dược-Vương Bồ Tát        | 4. Dược-Thượng Bồ Tát         |
| 5. Phổ-Hiền Bồ Tát          | 6. Pháp Tự-Tại Bồ Tát         |
| 7. Sư Tử Hống Bồ Tát        | 8. Đà-la-ni Bồ Tát            |
| 9. Hư Không Tạng Bồ Tát     | 10. Đức Trọng Bồ Tát          |
| 11. Bửu-Tạng Bồ Tát         | 12. Kim-Tạng Bồ Tát           |
| 13. Kim-Cang Bồ Tát         | 14. Quang Minh Vương Bồ Tát   |
| 15. Sơn Hải Tuệ Bồ Tát      | 16. Hoa-Nghiêm Vương Bồ Tát   |
| 17. Chúng Bửu vương Bồ Tát  | 18. Nguyệt Quang Vương Bồ Tát |
| 19. Nhật Chiếu vương Bồ Tát | 20. Tam Muội vương Bồ Tát     |
| 21. Định Tự vương Bồ Tát    | 22. Đại Tự-tại vương Bồ Tát   |
| 23. Bạch Tượng vương Bồ Tát | 24. Đại Uy Đức vương Bồ Tát   |
| 25. Vô Biên thân Bồ Tát     |                               |



Chakra of Tara

## ĐỨC DƯỢC SƯ NHƯ-LAI

Đức Dược Sư Như-Lai vì muốn cứu độ tất cả các bệnh khổ của chúng-sinh nên đặc-biệt phát-khởi 12 lời thệ-nguyện. Từ xưa đến nay, đã có rất nhiều người tín phụng (tín thờ) Ngài. Tên chữ Phạn của Ngài là Bhaisajyaguruvaidurya-Tathagata, phiên-âm là ‘Bội-sát-tử-dã-lô-rô-phê-nữ-ra-giã-tát-tha-bách-đa’, dịch-nghĩa là Đại Y-Vương Phật.



Ngài kiến lập tại phương Đông của núi Tu-di một thế-giới Tịnh-độ, gọi là lưu-ly quang-độ, hay là thế-giới tịnh lưu-ly phương đông.

Mười hai lời thệ-nguyện của đức Dược-Sư là:

1. Nguyện cho tự thân sáng ngời rực-rỡ, thân người khác cũng vậy.
2. Nguyện cho uy-đức lồng lộng, soi sáng tất cả chúng-sinh tối tăm.
3. Nguyện cho chúng-sinh được thoả-mãn mọi điều mong muốn, không ai phải thiếu-thốn.
4. Nguyện cho tất cả chúng-sinh an trụ trong pháp Đại-thừa.
5. Nguyện cho tất cả chúng-sinh tu theo phạm-hạnh đủ tụ ba-giới.
6. Nguyện cho tất cả những ai chẳng đủ các căn, đều trở thành vẹn đủ.
7. Nguyện cho tất cả các bệnh của chúng-sinh đều được diệt-trừ, khiến cho thân-tâm an-lạc, tu chứng được Bồ-đề vô-thượng.
8. Nguyện cho nữ nhân được chuyển thân làm nam-tử.
9. Nguyện cho chư hữu-tình thoát khỏi sự ràng buộc của thiên ma, ngoại đạo, ác-kiến, tà-tư để được tiếp dẫn vào chánh-kiến.
10. Nguyện cho chúng-sinh thoát khỏi mọi khổ nạn do giặc, cướp, bạo chúa, ác vương gây ra.
11. Nguyện cho chúng-sinh đói, khát được ăn uống những thức ăn thức uống tuyệt-diệu.
12. Nguyện cho những kẻ nghèo túng không đủ chăn, áo, được những y-phục ấm áp.

Mười hai lời nguyện kể trên nhằm mục-đích chính là cứu vớt tất cả các bệnh khổ của chúng-sinh, cho tất cả đều được thoát vòng sanh-tử luân-hồi.

Đời nhà Tùy có một vị sư tên là Đạt-ma-cấp-đa dịch kinh *Dược Sư Như-Lai Bốn-nguyện Công-đức*, trong đó có một tiết nói rằng “Phật phán với Ngài Mạn-thù-sư-lợi rằng: “Đi về phương Đông, qua 10 cạnh già sa Phật-độ, có thế-giới tên là ‘Tịnh-lưu-ly’, Phật hiệu là Dược Sư Lưu-Ly Quang Như-Lai. Nguyên khi hành đạo Bồ-tát, có phát 12 lời đại-nguyện, khiến cho chúng sinh hữu-tình đều được sở-cầu.” Không rõ vì lý-do gì mà Đức Phật Dược Sư chưa gia-nhập Kim-Cang giới và Thai-tạng giới—tức hai bộ Mạn-đà-la. Truyền-thuyết từ xưa đã rắc-rối. Giới hạn bốn tịch tại đó cũng có nhiều nơi nói chẳng đồng nhất.

Có chỗ nói rằng đức Dược-Sư cùng với Ngài A-Súc Như-Lai là đồng thể mà khác danh-hiệu; có chỗ nói rằng Đức Đại-Nhật Như-Lai trong Thai-tạng giới với Ngài cũng đồng thể mà danh hiệu lại khác nhau. Có chỗ lại nói Ngài chính là đức Thích-Ca Như-Lai, hoặc là Vô-Năng Thắng Như-Lai. Cứu-cánh thế nào, không làm sao biết được. Có thể là trong Mật-tông, pháp cúng dường đức Dược-Sư với pháp cúng dường đức A-Súc cùng chung một cách thức.

Hình-tướng đức Dược-Sư Như-Lai thì trong *Dược Sư Niệm Tụng Nghi-Quy* có nói rằng: “Như Lai tay phải cầm dược-khí, tên là ‘ngọc châu vô giá’, tay phải kiết bửu-ấn, thân khoác áo cà-sa, ngồi kiết-già trên đài hoa sen.

Lại nữa, trong *A-sa-pha-sao* có ghi như sau “tay phải kiết-ấn thí nguyện; tay phải đưa lên nhẹ nhàng tay trái bắt ấn vô-uy, tay trái cầm bửu-châu đặt ngang dưới rốn, ngón út tay trái co lại, có cầm dược-khổn (?), kiết định ấn, có ứng-thân nói pháp, và tay cầm y-bát, tích-trượng.” Có rất nhiều loại. Trên đây chỉ nói tóm lược, nhưng trong đó có bảy loại.

Hình-tượng đức Dược-Sư có nhiều loại, đều là dựa theo bốn-nguyện của Ngài mà tạo ra, nên chẳng giống nhau. Tựu trung có bảy vị cùng xưng là Dược-Sư. Đó là:

1. Thiện-Xưng Danh Kiết Tường vương Như-Lai,
2. Bửu-Nguyệt Trí-Nghiêm Âm Tự-tại vương Như-Lai,
3. Kim-Sắc Bửu-Quang Diệu Hạnh Thành-tựu Như-Lai,
4. Vô-Uu Tối-Thắng Kiết tường Như-Lai,
5. Pháp-Hải Lôi-Âm Như-Lai,
6. Pháp-Hải Huệ Du-ký Thần thông Như-Lai,
7. Dược-Sư Lưu-Ly Quang Như-Lai.



Trong số bảy vị Phật này, sáu vị đầu là pháp-thân của đức Dược-Sư.

Truyền-thuyết nói rằng bảy đức Phật kia là căn-cứ vào *Tam-Tạng Nghĩa* đời Đường đã dịch từ kinh *Dược-Sư Lưu-Ly Quang Thất Phật Bốn Nguyện Công-Đức* mà ra. Kinh ấy còn giải-Thích về bảy đức Phật và các lời thệ-nguyện của chư-vị. Tịnh-độ của chư vị nguyện kiến-lập được kể lại như sau:

- Đi về phương đông quá bốn cạnh-già sa Phật-độ, có thế-giới tên là Quang-thắng, Phật hiệu là Thiện-Xung Danh Kiết-Tường Vương. Ngài phát tám lời đại-nguyện;
- Đi về phương đông quá năm cạnh-già sa Phật-độ có thế-giới tên là Diệu-bửu quốc, Phật hiệu là Bửu-Nguyệt-Trí Nghiêm-Âm Tự-tại Như-Lai. Ngài có tám lời đại-nguyện;
- Qua phương đông sáu cạnh-già sa Phật-độ có thế-giới tên là Viên-mãn hương-tích quốc, Phật hiệu là Kim-Quang Bửu-Sắc Diệu-Hạnh Thành-tựu vương Như-Lai. Ngài phát bốn lời đại-nguyện;
- Qua phương đông bảy cạnh-già sa Phật-độ có thế-giới tên là Vô-ưu quốc, Phật hiệu là Vô-Uưu Tối Thắng Kiết-Tường vương Như-Lai. Ngài phát bốn lời đại-nguyện;
- Qua phương đông tám cạnh-già sa Phật-độ, có thế-giới tên là Pháp-tràng quốc, Phật hiệu là Pháp-Hải Lô-Âm Như-Lai. Ngài phát bốn lời đại-nguyện;
- Qua phương đông chín cạnh-già sa Phật-độ có thế-giới tên là Thiên-trụ pháp-hải quốc, Phật hiệu là Pháp-Hải Huệ Thần-thông Du-hý Như-Lai. Ngài phát bốn lời đại-nguyện;
- Qua phương đông mười cạnh-già sa Phật-độ, có thế-giới tên là Tịnh lưu-ly quốc, Phật hiệu là Dược-Sư Lưu-Ly Quang Như-Lai. Ngài phát 12 lời đại-nguyện.

Lại có cái gọi là “pháp tu năm đàn của bảy đức Phật Dược-Sư”. Từ xưa đến nay, đây là một trong bốn đại-pháp tại Mật-đài: “Nó là một pháp tu hành rất trọng-yếu. Việc làm trọng-yếu của pháp tu này trước hết là phải thiết-lập năm đàn:

- trung ương là Đại-thánh Bất-động minh vương<sup>19</sup>,
- phương nam là Quận-đà lợi Dạ-xoa minh-vương,
- phương bắc là Kim-Cang Dạ-xoa Minh-vương,
- phương đông là Hàng tam thế Minh-vương,
- phương tây là Đại Uy-đức-minh vương.”

---

<sup>19</sup> Xem hình các vị này trong Minh-Vương bộ

Cứ theo thứ-tự trên đây mà cúng dường. Mục-đích chính của pháp này là làm cho kẻ oán ghét, giặc thù thối lui, tan rã, dân nước yên vui. Lúc tu pháp này, cần thiết phải thật nghiêm-trang.

Dược-Sư Như-Lai có biệt danh là Phật Đại-Y vương. Mục-đích cúng dường Ngài là để trị bá bệnh: đó là lợi-ích thiết-thực đối với đời nay. Xưa nay từ bậc đế-vương cao sang cho đến dân giả nghèo hèn đều mười phần tìn-nguỡng. Một ngày nào đó bị bệnh phải nằm liệt giường. Lúc chịu bó tay không có cách nào chữa trị ắt phải cầu xin đức Dược-Sư cứu giúp. Bởi vậy, người đời phần đông đến chùa thờ đức Dược-Sư để cung phụng Ngài là vậy.

Đức Dược-Sư phổ-thông có hai Bồ-tát là Nhật-Quang và Nguyệt-Quang hầu cận. Tại Tịnh-độ của đức Phật Dược-Sư thì hai vị Bồ-tát này là bậc thượng thủ vô-lượng chúng. Hai Ngài là nhất sanh bổ xứ Bồ-tát, có hai Bồ-tát Quan-Âm và Thế-Chí hầu cận. Ngoài ra còn có tám vị Bồ-tát làm thị giả là: “Văn-Thù, Quan-Âm, Thế-Chí, Bửu-đàn Hoa, Vô-Tận Ý, Dược-Vương, Dược Thượng, Di-Lặc.

Chư thần quyến-thuộc của Ngài Dược Sư Như-Lai mà thế-tục gọi là 12 vị thần-tướng của đức Dược-Sư hay là 12 vị thần Dược-Xoa. Phạm việc cúng dường bốn tôn Dược-Sư Như-Lai thì trong miếu thờ, phải an-trí 12 vị thần-tướng này. Danh hiệu của 12 vị như sau:

- |                           |                         |
|---------------------------|-------------------------|
| - Tỳ-yết-la đại-tướng     | - Chiêu-đổ-la đại-tướng |
| - Chân-đạt-la đại-tướng   | - Ma-hổ-la đại-tướng    |
| - Ba-di-la đại-tướng      | - Nhẫn-đạt-la đại-tướng |
| - San-để-la đại-tướng     | - Ngạch-nễ-la đại-tướng |
| - An-để-la đại-tướng      | - Mê-xí-la đại-tướng    |
| - Phật-chiết-la đại-tướng | - Cung-tỳ-la đại-tướng  |
- (Sẽ nói rõ thêm về các vị đại tướng này ở chương IX, mục I)

## ĐỨC A-SÚC NHƯ-LAI

Chính danh của đức Phật A-súc theo Hán dịch là A-súc-bà-da theo âm



Phạn là Aksobhya-tathgata ‘bất-động, vô-động’ hoặc ‘vô phần nộ’, v.v.. Ngài là giáo-chủ của thế-giới Diệu-hỷ ở phương đông – còn gọi là ‘thiện khoái’ hoặc ‘diệu-lạc’. Trong giáo-nghĩa của Đông-mật, Ngài ở vị-trí phía đông của đức Đại-Nhật Như-Lai tại trung-cung của Kim-Cang giới.

Trong Thai-tạng giới thì Ngài đồng thể-nguyện với đức Thiên-Cổ Lô-i-âm Như-Lai. Kinh *A-Súc Phậ-Quốc* có nói về Ngài như sau: trong một kiếp trước cách nay rất lâu, Ngài là kẻ sĩ tôn sùng đức Đại-Nhật Như-Lai, tạo được rất nhiều công-đức, sau khi chịu ơn đức Đại-Nhật cảm-hoá, Ngài bèn xuất-gia tu hành được đạo. Về sau, Ngài kiến-lập tịnh-độ Thiện-khoái tại phương đông. Hiện tại, Ngài vẫn ở tại bốn xứ nói pháp độ-sanh.

Theo một đoạn văn trong *A-sa-phạ-sao* thì tướng tốt của đức Phật A-Súc được mô tả như sau: đức Thánh-tôn này có đủ các tướng tốt của một đức Phật; áo Ngài mặc để trần vai phải, tay trái dùng kim-cang quyền giữ một góc cà-sa, lòng bàn tay hướng về bên trong, tay phải duỗi năm ngón đặt trên gối phải, đầu tóc sáng rực-rỡ, dung-mạo hết sức trang-nghiêm. Ngài ngồi kiết-già trên đài hoa sen màu xanh.



Bàn tay và luân xa

## ĐỨC BỬU-SANH NHƯ-LAI

Đức Phật Bửu-Sanh là vị thứ ba trong số năm đức Phật của Đại-Nhật



Như-Lai. Ngài trụ ở phương nam. Danh hiệu của Ngài theo âm Phạn là Ratha-sambhava, dịch âm Hán là 'Ra-đát-na tam-bà phạ', biệt hiệu là 'Bình-Đẳng Kim-Cang'. Bốn bên Ngài có bốn vị Kim-Cang Bồ-tát quyền thuộc vây quanh. Đó là các vị Bửu, Quang, Tràng, Tiểu Bồ-tát.

Trong Mạn-đà-la thuộc Thai-tạng giới, Ngài cùng với đức Bửu-Tràng Như-Lai đồng trụ một tam-muội.

Về hình-tượng của Ngài, trong *Bí-Tạng* có ghi như vậy: tay phải hướng ngoại, ngón út và ngón áp út cong thay đổi, còn các ngón khác đều duỗi thẳng. Ngài không đội mũ, trụ tướng tịch-định, da ngoài màu

vàng, một tay nắm chéo áo, tay kia bắt ấn vô-nguyện. Ngài ngồi kiết-già trên đài hoa sen.



## ĐỨC BẤT-KHÔNG THÀNH TỰU NHƯ-LAI

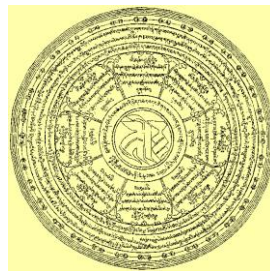
Bất-Không Thành-Tựu Như-Lai là chủ-tôn ở phương bắc của Mạn-đà-la hình mặt trăng tròn thuộc Kim-Cang giới. Danh hiệu Ngài theo chữ Phạn của Ngài là Amogha-sidhi 'A-mục-già tất-địa'. Biệt hiệu là Tất-địa Kim-Cang, hay Thành-Tựu Kim-Cang. Ngài có năng-lực giải-trừ hoặc-nghiệp phiền-não, thành-tựu đại-nguyện, chẳng lạc vào Không, nên gọi là Bất-Không Thành-Tựu Như-Lai.



Trong Mạn-đà-la thuộc Thai-tạng giới Ngài được gọi là Khai-Phu Hoa vương Như-Lai, trụ ở phương Nam.

Danh-hiệu của Ngài tuy chẳng đồng-nhất, nhưng khi đã xét kỹ thì danh-hiệu nào cũng là biệt-danh của đức Thích-Ca cả.

Hình-tượng của Ngài cũng trụ tướng tịch-định, da ngoài màu vàng, một tay cầm chéo áo, một tay cầm kiến ấn thí vô-úy. Ngài ngồi kiết-già trên đài hoa sen.



Chakra Avalokiteshavara

## ĐỨC KHAI-PHU HOA-VƯƠNG NHƯ-LAI

Đức Phật Khai-Phu<sup>20</sup> Hoa-Vương Như-Lai là biệt-danh thuộc tiết thứ tám



của đức Bất-Không Thành-Tựu Như-Lai. Nhân vì Ngài dùng muôn hạnh đại-bi, khiến cho chúng-sinh đều có thể được quả Bồ-đề, cho nên gọi như vậy.

Trong các thuyết nói về Ngài không thống nhất, có thuyết nói rằng: Ngài ở cách hoa phía Nam, màu vàng; các ngón tay hạ xuống, đầu ngón hơi nghiêng về bên trái cầm chéo áo cà-sa đặt bên rốn, hai vai đều khoác áo, lấy chéo áo trước chòng qua vai bên trái đến sau lưng.

Trong *Kinh Đại-Nhật* số có nói: Phận Khai Phu ở phương Nam, quán hoa Sa-la-thọ vương, thân tướng màu vàng, phóng ánh sáng chiếu khắp

nơi, như biểu-hiển ra tướng trụ Tam-muội vô-cấu; nguyên từ chủng-tử tâm Bồ-đề, nuôi lớn vãn hạnh đại-bi, nay thành Biến-Giác Vạn Đức Khai Phu, nên lấy đó mà gọi tên.

Đức Thánh-tôn này, trong Mạn-đà-la thuộc Thai Tạng giới, ngự tại phương Nam của Viện Trung ương có 8 cánh hoa; trong Mạn-đà-la thuộc Kim-Cang giới thì ở phương Bắc, cùng với đức Bất-Không Thành Tựu Như-Lai đồng một bốn thế. Tên chữ Phận của Ngài là Samkusmitaraja “Tam-cú-tô-di-đa-ra-nhã’.



Đĩa ngọc thất tinh

<sup>20</sup> Khai-Phu: “mở bày.



## ĐỨC THIÊN-CỔ LÔI-ÂM NHƯ-LAI

Đức Thánh-tôn này cũng là một trong số năm đức Phật của Thai Tạng giới. Ngài là Biệt-danh của A-Súc Như-Lai. Tên chữ Phạn của Ngài là Divyadundubhi-megharirghose “Đế-bà-đàm-đô-vĩ-me-gia-nát-bách-xá”. Mật-hiệu của Ngài là Bất Động Kim-Cang.



Trong kinh *Đại Nhật Kinh* số có đoạn viết: “Như các trống trời đều không có hình tướng, cũng không ở yên một chỗ, mà có thể nói pháp-âm, làm cho chúng-sanh tử ngộ. Đại-Bát Niết-bàn lại cũng như thế; chẳng phải như Nhị-thừa vĩnh viễn ở trong cõi tịch-diệt, không hề có diệu-dụng. Bởi thế, nên lấy điều ấy làm thí-dụ.” Nay lấy đó để bày tỏ bốn tánh của Ngài.”

Trong các thuyết chẳng đồng nhau có nói rằng: “Ngài ở cánh hoa phương Bắc, châu thân màu vàng; tay phải lật bàn tay thả xuống sát đầu gối, các đầu ngón tay chạm đất: “đó là ấn A-súc nói trong kinh Kim-Cang Đảnh, gọi là “Giác địa thủ”; tay trái để ngửa nắm lại đặt ngang dưới rốn, vai phải để trần, áo quần quanh chân bên phải.”

Tướng tốt của đức Phật này như sau: “Tay trái nắm lại, lòng bàn tay hướng lên, đặt dưới rốn; các đầu ngón tay duỗi đến đài sen; Ngài ngồi kiết-già trên đài hoa sen báu.”



padme hum

## ĐỨC BỬU-TRÀNG NHƯ-LAI

Đức Phật này trong Mạn-đà-la thuộc Kim-Cang giới, cùng với Đức Bửu



Sanh Như-Lai đồng một bốn-thệ. Tên chữ của Ngài là Ratnaketu “Ra-thản-năng-kế-đồ”, dịch Hán-Việt là Bửu-Tràng; biệt-hiệu là Phước-Tự Kim-Cang. Tâm Bồ-đề thanh-tĩnh Như-Ý Bửu của Phật giống như một chiếc tràng-phan chỉ-huy ba quân của một vị đại tướng quân; nhân đó mà gọi tên Ngài là Bửu-Tràng.

Trong *Kinh Đại Nhật Sớ* có nói: “Quán Đức Bửu-Tràng Như-Lai ở phương đông như mặt trời mới xuất hiện buổi sáng sớm, màu đỏ trắng sáng rực-rỡ. Bửu-Tràng là nghĩa phát-tâm Bồ-đề, giống như tướng quân thống-lãnh đại quân cần phải có cây cờ chỉ-huy, sau mới

được mười phần như một, có thể phá nước địch mà thành đại công-danh. Vạn-hạnh của Như-Lai cũng phải dùng nhất-thiết trí-nguyện, như cây cờ chỉ-huy để hàng phục bốn loại quân ma dưới cây Bồ-đề, cho nên lấy đó làm tên vậy.”

Trong các thuyết chưởng đồng nhau, có thuyết nói rằng: “Đồ hình hiện nay, trên cánh hoa sen ở phương đông thì thân Ngài màu vàng lợt. Còn lại bốn vị Phật đều đồng là hình Phật, trên đầu có nhục-kế phát ra ánh sáng năm màu. Thân Phật mặc áo cà-sa màu đỏ, ngồi kiết-già trên hoa sen sáu, để lộ hai vai bên phải sáng ngời. Tay phải hơi co, cánh tay để ngửa, bàn tay hơi nghiêng xuống, các đầu ngón tay hơi thông xuống hướng về bên phải; tay trái hướng vào thân, cầm hai chéo áo, giữ tại chỗ vú bên trái.” (Xem hình Đức Bửu Tràng Như Lai) Thân Phật màu trắng vàng, tay phải kiết-ấn “dữ-nguyện”, tay trái để ở ngực, cầm một chiếc áo cà-sa. Ngài ngồi kiết-già trên đài hoa sen sáu.



Wheel life



## ĐỨC NHẤT-TỰ KIM-LUÂN PHẬT-ĐÁNH

Đức Thánh-tôn này có biệt-danh là Nhất-Tự Luân-vương Phật-đảnh. Tên



chữ Phạn của Ngài là “Ê-ca-cật-sa-la-ô-sất-ni-sa-chước-cật-la”. Ngài cũng đồng một bản thể với Đức Đại-Nhật Như-Lai, hoặc Thích-Ca Mâu Ni Như-Lai. Truyền thuyết nói rằng: “đức Phật này là dựa vào văn chú chiếu ra, được thần-cách-hoá mà thành.”

Tên của đức Thánh-tôn này, đằng trước có hai chữ Nhất-tự là hơn cả. Đó là “Nam mô tam-mãn-đa bột-đà-nẫm bột-rõ-án”, đằng sau có ba chữ “bột-rõ-án”. Ba chữ này tương đương với Bhrūm “nhất tự”.

Nếu có người thành tâm thành ý, niệm văn chú của đức Phật này thì các bệnh hoạn như cảm, đieć, điên cuồng,

phong hủi, cũng đều có thể chữa lành lập tức; đàn bà sinh đẻ có thể cầu xin được yên ổn: “công-đức phi-thường của văn-chú thật rộng lớn. Từ xưa đến nay, trong mật-đàn, đó là lý do khiến nó thành một trong sáu bí pháp vậy.

Cũng trong “nhất tự kim-luân” ấy, lại chia ra hai loại kim-luân chẳng đồng, tức là: “Đại-Nhật Kim-Luân và Thích-Ca Kim-Luân. Đại-Nhật Kim-Luân thì đều đội mũ báu có năm đức Phật kiết ấn trí-phụng”. Thích-Ca Kim-Luân thì trên đầu, tóc hiện hình tròn ốc, kiết “pháp giới định-ấn.”

Trong *Thành Phật Nghi-quy* có nói: “Quán Trí Luận này biến thành Kim-Cang Luân-Vương chiếu khắp thân Như-Lai: “hình mặc đồ trắng như màu mặt trăng; dùng tất cả các tướng tốt để tạo trang-nghiêm cho pháp-thân, đội mũ báu kim-cang; có đủ các ngọc quý để trang sức tóc mượt trên đầu và khắp châu thân; giữ Trí-quyền đại-ấn, ngồi trên toà sư tử hoa sen trắng có hình mặt trời. Ấn “trí-phụng” là: “tay nắm tay; tay phải thun lại, ôm ngón trở của tay trái, trong khi bên tay trái chỉ duỗi ngón trở cho bàn tay phải nắm, các ngón còn lại chụm vào nhau.”

Tướng tốt này gần giống như tướng của Đức Đại-Nhật Kim-Luân.

## ĐỨC PHẬT-NHÃN PHẬT-MẪU TÔN

Đức Phật này cũng là thân biến-hoá của Đại-Nhật Luân Như-Lai, hoặc



Thích-Ca Như-Lai. Chính danh của Ngài là “Nhất Thiết Phật Nhãn Đại Kim-Cang Kiết-tường nhất-thiết Phật-Mẫu Tâm-tôn.” Tên chữ Phạn là “Bột-đà-rô-sa-na”, dịch là Phật-Nhãn tôn hay Phật-Mẫu tôn. Biệt-hiệu là Thù-Thắng Kim-Cang. Công-đức của Ngài rất lớn.

Trong kinh *Đại-Nhật số* có nói: “An-trí Phật Nhãn cũng là Mẹ đức Thích-Ca Mâu-Ni. Phương-tiện này dịch là “Mẹ năng-tịch”. Nên lập thân Ngài đoan-nghiêm, không ai sánh bằng. Người đời ai thấy cũng vui. Thân phổ-thông đều có hào quang tròn sáng, mỉm cười vui-tươi.

Đây là thân hình của Như-Lai tùy theo loại, xuất sanh tam-muội. Tam-

muội này chính lấy đại-từ phổ-nhãn làm thể, quan sát ứng theo chúng sanh để dắt dẫn, làm lợi ích cho họ. Ánh sáng của đôi mắt từ mẫn không có nơi nào là chẳng chiếu đến, cho nên gọi là “biến thể viên-tĩnh quang” (ánh sáng thanh-tĩnh trọn vẹn, thể ở cùng khắp).

Hình tượng Ngài từ xưa lưu lại đến ngày nay rất ít. Hình trên đây là một trong các tượng ấy.

Ngoài các chư Phật kể trên, còn có những vị có tên dưới đây nhưng chưa tìm ra hình ảnh, xin giới thiệu cùng quý độc giả

## ĐỨC ĐA-BẢO NHƯ-LAI

Đức Thánh-tôn này ở thế-giới Bửu-tĩnh tại phương đông. Tên chữ Phạn của Ngài là Prabhatu-Ratna ‘Bào-hư-La-lan’. Lại có tên là Đại-Bửu Phật. Trong đời quá khứ, Ngài đã khởi đại-nguyện như vậy: “Sau khi Ta thành Phật và diệt độ rồi, nơi các quốc độ trong mười phương, nếu có chỗ nào

nói Kinh Pháp-Hoa thì tháp-miếu của Ta vì nghe kinh ấy, sẽ vọt lên hiện ra trước mắt để chứng minh bằng cách nói lên lời khen ngợi. Lành thay!” Bởi thế, khi đức Thích-Ca nói kinh *Pháp-Hoa* tại núi Linh-thứu, bỗng nhiên có một bảo-tháp xuất hiện để tán thán đức Thích-Ca (xem kinh *Pháp-Hoa*, quyển 4, phẩm 11 “Kiến Bửu Tháp”). Nếu trong quá-khứ đức Đa-Bảo không khởi phát lời thệ-nguyện kia thì đâu có bửu-tháp hiển hiện như vậy được.

Xưa nay có hai tôn-tượng của đức Thích-Ca và của Đức Đa-Bửu cùng ngồi. Tại địa phương Tây-vực, ở nước Tàu và trong Mạn-đà-la Pháp-Hoa đều có thấy hình tượng của hai đức Phật đó.

Hình tượng của đức Đa-Bảo thì chẳng phải là một, nhưng phần nhiều đều tạo lập Ngài trụ định-tướng, hoặc kiết-ấn “vô-uy thứ”.

## **ĐỊNH-QUANG NHƯ-LAI**

Đức Thánh-tôn này, tên chữ Phạn là Dipankara “Đề-hoà-tâm-kiệt-ra’, dịch là Đỉnh-Quang, Nhiên-Đẳng, Phổ-Quang, v.v..” Trong quá khứ đức Thích-Ca, 91 kiếp trước, tên là Nhu-Đông. Ngài mua năm cọng sen, cầu hiến dâng cho đức Phật ấy. Khi ấy Định-Quang Như-Lai thọ ký cho Ngài tương lai tất sẽ thành Phật, có tên là Thích-Ca.

Hình tượng của Định-Quang Như-Lai trong *Thập Quyển* quyển nhì nói rằng: “Ngài ngồi kiết-già, hai tay đặt dưới rốn, trụ “an ấn”

Mười lăm tiết trên đây chỉ kể những đức Phật chính-yếu trong Phật bộ. Ngoài ra còn có chư vị này:

Nhật-Nguyệt Đẳng-Minh Phật,  
Nhị-Vạn Đẳng-Minh Phật,  
Tam-Vạn Đẳng-Minh Phật,  
Đại-Thông Trí-Thắng Phật,  
Hoan-Hỷ Phật,  
Nan-Thắng Phật, vv.

Vì điển cố chẳng rõ cho nên ở đây chỉ nêu danh chư vị để quý độc-giả tiện tham khảo. Hình tượng của chư vị cũng chưa tìm thấy.

## BỒ TÁT BỒ

### ĐỨC THÁNH QUÁN-ÂM

Thánh Quán-Âm tên chữ Phạn là Avalokiteshvara ‘A-phạ-lô-chỉ-đế-thấp-phạt-ra’. Xưa dịch là Quan Thế-Âm, hoặc Quán-Thế-Âm. Nay dịch là Quán-Thế Tự-tại, hoặc Quán-Tự-tại. Biệt-hiệu Ngài là Chánh-Pháp Kim-Cang, hoặc Thanh-Tĩnh Kim-Cang. Ngài có công-năng quan-sát các pháp, tự-tại tự-do, ban tất cả công-đức cho tất cả chúng sanh, khiến họ thoát khỏi biển khổ, được an-lạc, cho nên gọi là Quán Tự-tại.



Vì muốn ghi chép các điều cốt yếu với 11 mặt, 1 ngàn tay, bánh xe Như-ý, hoặc những việc của Ngài mà người ta gọi là: “sáu đức Quán-Âm riêng biệt, cho nên lại gọi Ngài là Thánh Quán-Âm.”

Đức Bồ-tát này trong Mạn-đà-la thuộc Thai-tạng giới, trụ ở phương Tây-nam của Viện trung-ương có tám cánh hoa, ngự tại chủ-vị của phần bộ thứ nhất trong Viện Quán-Âm, tại một phương trong Mạn-đà-la thuộc Kim-Cang giới, Ngài lại có tên là Kim-Cang Pháp Bồ-tát.

Tượng tốt của Thánh Quán-Âm có rất nhiều loại: hình tượng trong Viện Quán-Âm thì tay trái cầm hoa sen chưa nở, tay phải muốn đả-khai<sup>21</sup> tư thế của hoa sen. Toàn thân màu vàng, cực kỳ sáng chói. Ngài là một trong các thánh-tôn ở thế-giới cực-lạc.”

<sup>21</sup> Đả khai: “đả: “đánh; khai: “mở. Ý nói muốn làm cho hoa nở.

Tay trái của Ngài cầm hoa sen, tức có ý bày tỏ rằng: “tất cả chúng sanh xưa nay tự-tánh vốn thanh-tịnh. Tay phải muốn đả-khai thế-lực hoa sen là để cho thấy rõ bốn-tánh thanh-tịnh của chúng sanh xưa nay. Một khi họ đã bị vô-minh mê hoặc mà chẳng biết thoát-ly. Nhân đó, ngài phải dùng công-đức đại-bi làm phương-tiện để giải-trừ cái vô-minh mê-vọng của họ.”

Đức Thánh-tôn này ở thế giới cực-lạc, Ngài đứng hầu bên trái đức Phật A-Di-Đà: Ngài là phụ-tá cho Phật A-Di-Đà, nắm giữ công việc về phương-diện từ-bi, tương-đồng với ngài Thế-Chí Bồ-tát trông nom phương-tiện trí-tuệ. Vì Ngài chú-ý giải-trừ tất cả khổ não chúng sanh, nên Ngài thường ứng hoá<sup>22</sup> đến thế-giới ta-bà.

Ngoài ra, trong kinh *Pháp-Hoa* quyển thứ bảy và kinh *Đại-Phật-đảnh Thủ Lăng Nghiêm* quyển thứ sáu có nói rằng: “Đức Bồ-tát này, nơi các loại quốc-độ, thường hiện các loại thân; ứng hiệp với căn cơ chúng sanh, để hoá-độ và làm lợi-ích cho họ, cho nên lại có 33 loại ứng-hoá-thân.” Nay xin liệt kê 33 loại thân của Bồ-tát đó như sau:

#### **A. Ba bậc Thánh:**

1. Thân Phật ‘Buddha’: hình Phật màu vàng, duỗi tay trái đặt ở gối, tay phải bắt ấn nói pháp.
2. Thân Bích-Chi Phật ‘Pratyeka-Buddha’: da ngoài màu trắng, tướng tỳ-khưu trung niên, chấp hai tay.
3. Thân Thanh-văn ‘Shravaka’: thân da trắng, tướng tỳ-khưu tráng niên, giữ các tráp đựng ba áo.

#### **B. Sáu loại ở cõi Trời:**

4. Thân Đại Phạm-Thiên vương ‘Mahabrahman’: mặt trước da màu trắng, bốn mặt ba mắt tám cánh tay, hai chân. Bên trái: một bàn tay cầm chày kim-cang ba chấu, một tay cầm hoa sen, một tay giữ quản-đi, một tay bạch Phật; bên phải: một tay giữ quyền ấn, một tay cầm mâu bén, một tay giữ gương bốn trí, một tay kiết ấn Thí vô-úy.
5. Thân Đế-Thích ‘Shakra-devanam-indra’: mặt trước da màu trắng, tay trái quyền-ấn, tay phải cầm chày kim-cang một chấu.
6. Thân Tự-tại thiên ‘Ishvara’: mặt trước da màu trắng, tay cầm hoa sen hồng.
7. Thân Đại Tự-tại thiên ‘Maheshvara’: mặt trước màu hoa sen tía; hai tay cầm mâu bén, cưỡi trâu nước to đen.

---

<sup>22</sup> cảm ứng mà hoá hiện

8. Thân Thiên Đại-tướng-quân ‘Senapati’: mặt trước da màu đỏ, hai tay chắp lại.

9. Thân Tỳ-sa-môn ‘Vaishravana’: mặt trước da vàng đậm; tướng giận dữ hàng phục ma, tay trái giữ tháp báu, tay phải cầm kiếm báu.

### **C. Năm dòng-dôi Ngoại-đạo:**

10. Thân Tiểu-vương ‘Hanarya’: mặt trước da màu đỏ, hai tay chắp lại.

11. Thân Trưởng-giả ‘Grihapati’: mặt trước da màu trắng, cầm báu như-ý, tướng người giàu sang lớn.

12. Thân Cư-sĩ ‘Kulapati’: mặt trước da màu trắng, cầm báu ma-ni, tướng trưởng-giả đại-gia.

13. Thân Tể-quan ‘Shashaka’: mặt trước da màu đỏ; hai tay chắp lại, tướng người làm quan.

14. Thân Bà-la-môn ‘Brahman’: mặt trước da màu đỏ, đầu tăng tỳ-khưu, áo tục lụa màu trắng, hai tay cầm tích-trượng.

### **D. Bốn Chúng Trong Đạo:**

15. Thân tỳ-khưu ‘Bhikkhu’: da nhẵn màu đỏ, tướng rất thận trọng, uy-nghiêm.

16. Thân tỳ-khưu-ni ‘Bhikkuni’: da ngoài màu trắng, tướng bà-già, cầm hoa sen hồng.

17. Thân Ưu-bà-tắc ‘Upasaka’: mặt da trắng, tướng người đời mặc áo trắng, cầm vật-khí tu hành.

18. Thân Ưu-bà-di ‘Upasika’: mặt da trắng, tướng đàn bà tóc dài, cầm tráp hoa sen.

### **E. Sáu Cấp Đàn Bà Trẻ Con:**

19. Thân vợ trưởng-giả ‘Grihapatibharya’: mặt da trắng, tướng người sang, cầm hoa sen diệp.

20. Thân vợ cư-sĩ ‘Kulapatibharya’: tướng thân rất trẻ, tướng ác chiên-đà-la, tay trái trưng cung, tay phải cầm tên.

21. Thân vợ Tể-quan ‘Sasakabharya’: da mặt trắng, tướng đáng yêu đáng trọng.

22. Thân vợ Bà-la-môn ‘Brahmanabharya’ tướng thân trắng trẻ, hai tay cầm hoa sen tía.

23. Thân đồng nam ‘Putra’: da mặt trắng tướng tiểu-đồng còn thơ-ấu, hai tay cầm hoa sen.

24. Thân đồng nữ ‘Kanya’: mặt sắc kha-tuyết, tướng con gái còn nhỏ, cầm hoa sen xanh.

### **G. Tám Bộ Trời Rồng:**

25. Thân Trời ‘Deva’: Tướng thân màu sen hồng, tay trái cầm hoa sen chớm nở, tay phải cầm hoa sen diêu.

26. Thân Rồng ‘Naga’: Tướng thân màu rất xanh trên đỉnh hiện đầu rồng, mặt tức giận, hai tay nắm bắt mây đen.

27. Thân dạ-xoa ‘Yaksha’: tướng thân màu đỏ, trên đỉnh đội mũ màu ánh lửa, tay phải cầm chày, tay trái cầm ống tiêu.

28. Thân Càn-thát-bà ‘Gandharva’: tướng thân màu đỏ, trên đỉnh đội mũ tám sừng, tay trái cầm ống tiêu.

29. Thân A-tu-la ‘Asura’: ba mặt sắc xanh đen, tướng khoả thân phần lộ. Sáu cánh tay, hai chân, hai tay chắp lại, bên tay trái thứ hai cầm lửa để hơi ngang, tay thứ ba cầm đao trượng. Bên phải, tay thứ hai cầm nước để hơi ngang, tay thứ ba bắt ấn.

30. Thân Ca-lâu-la ‘Garuda’: tướng thân màu xanh đen, mình người, có hai cánh, mặt chim xí điểu, tay trái nắm sát lưng, tay phải cầm câu kim-cang.

31. Thân khán-na-la ‘Kinnara’: đầu hươu, mặt ngựa thân người trần truồng, cầm kèn.

32. Thân Ma-hầu-la-già ‘Mahoraga’: đầu muối, người sang, hai tay ôm sáo, hoặc dùng gậy đánh trống.

### **H. Một Vị Thần:**

33. Thân Chấp kim-cang ‘Vajrapani’: tướng thân màu đỏ, tướng phần-lộ hàng phục ma, có búi tóc sáng làm mũ ‘phát-kế<sup>23</sup>’, tay trái nắm lại áp vào lưng, tay phải cầm chày kim-cang.

Trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ* có dạy rằng khi chúng ta chiêm bái hình tượng đức Phật A-Di-Đà thì: “Nên quán Bồ-tát Quán Thế-Âm, mình cao 80 vạn ức ‘na-tha do-tuần’, thân màu vàng tía; trên đỉnh có nhục-kế, có ánh hào-quang tròn, các khuôn mặt đều lớn trăm nghìn ‘do-tuần’. Trong ánh hào-quang của Ngài, có 500 Hoá-Phật như Đức Thích-Ca Mâu-Ni. Mỗi Hoá-Phật lại có 500 Hoá Bồ-tát cùng vô-lượng chư Thiên làm thị-giả. Trong ánh sáng do thân Ngài cử động phát ra, có tất cả các sắc tướng của năm đường chúng sanh hiện lên. Trên đỉnh Ngài có mũ thiên-quan làm bằng

---

<sup>23</sup> Phát kế: “phát: “tóc; kế: “nhục kế” Xem lại chú thích 13.

ngọc báu Tỳ-lăng-già ma-ni. Trong mũ ấy có một Hoá-Phật đứng, cao 25 do-tuần.

Quán Thế-Âm Bồ-tát mặt như màu vàng Diêm-phù-đàn, tướng lộng xoáy giữa hai lông mày có đủ bảy sắc ngọc lưu-xuất với tám vạn bốn ngàn loại ánh sáng. Mỗi một loại ánh sáng, có vô lượng vô số trăm ngàn Hoá-Phật, mỗi một vị Hoá-Phật có vô số Hoá Bồ-tát làm thị-giả. Ngài biến-hiện tự-tại đầy khắp các thế-giới ở mười phương, giống như hoa sen màu hồng có 80 ức quang-minh, dùng làm anh-lạc.

Trong các anh-lạc đó hiện khắp tất cả mọi sự trang-nghiêm. Bàn tay làm nên 500 ức hoa sen tạp sắc, mười đầu ngón tay, mỗi đầu ngón tay đều có 8 vạn bốn ngàn bức hoạ, giống như văn-ấn. Mỗi bức hoạ có 8 vạn bốn ngàn màu. Mỗi màu có 8 vạn bốn ngàn ánh sáng mềm mại chiếu khắp mọi nơi. Dùng các ngón tay báu ấy mà tiếp dẫn chúng sanh.

Lúc Ngài cất bước đi thì dưới chân Ngài có hàng ngàn bánh xe tự-nhiên hoá thành 500 ức đài ánh sáng. Lúc Ngài hạ chân xuống, có hoa Kim-Cang Ma-ni, nở khắp mọi nơi. Còn thân tướng của Ngài thì đủ mọi vẻ đẹp, giống y như Phật. Chỉ có nhục-kế trên đỉnh, và ‘tướng đỉnh không thấy’ thì không bằng Đức Thế-tôn mà thôi.”

Hình tướng trang-nghiêm vĩ-đại của Ngài chẳng phải là điều mà chúng ta có thể tưởng-tượng ra nổi.

Trên đây là toàn văn nói về hình tướng của Bồ-tát Quán Thế-Âm. Tuy nhiên, về hướng tay và vật cầm của Ngài thì có nhiều điều chẳng thống nhất. Chẳng hạn, trong *Quán Kinh* tức kinh *Quán Vô-Lượng Thọ* đoạn nói về sự nghinh tiếp Hành-giả, có ghi như vậy: “Đức A-Di-Đà Như-Lai với các Ngài Quán Thế-Âm, Đại Thế-Chí, vô số Hoá-Phật, trăm nghìn tỳ-khưu, Thanh-văn đại chúng, vô số chư Thiên với bảy cung điện báu.

Ngài Quán-Âm thì cầm đàn kim-cang, cùng với Ngài Đại Thế-Chí Bồ-tát đến trước Hành-giả. Đức A-Di-Đà Như-Lai phóng ánh sáng lớn, chiếu vào thân Hành-giả Hành-giả thấy thế, lòng sanh hoan-hỷ dưng-mãnh, tự thấy thân mình, ngồi đài kim-cang, theo sau đức Phật như trong khoảng cái móng tay, được vãng sanh về nước Phật.” Đó là nói rõ sự nâng giữ đài kim-cang nơi tượng của Quán Thế-Âm Bồ-tát.

Còn như trong đoạn nói về hình tướng của Ngài bên cạnh đức A-Di-Đà thì lại ghi rằng: “Tay trái cầm hoa sen, tay phải để ngửa đặt lên gối. Ngài ngồi bán già” (xem *Bất Không*, sách *Thần biến Chân-ngôn kinh*, quyển

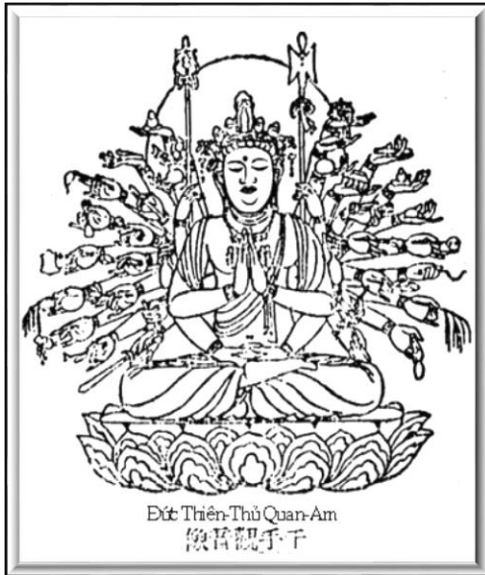


9), hoặc: “tay phải cầm phất trần màu trắng; tay trái cầm hoa sen”, v.v.. (xem A-lợi-đa-da-đa-la-ni, phẩm A-rô-lực).

Lúc hầu cận đức Thích-Ca ắt Ngài đội mũ báu, dùng anh-lạc nghiêm thân, chấp tay chiêm-ngưỡng, cầm hoa sen trắng, ngồi trên hoa sen (xem *Đại Phương Quảng Man Thử Bửu Lợi* kinh, phẩm ‘Quán Tự-tại Bồ-tát thọ ký’). Bốn cánh tay ngài thì bên phải hai tay cầm kinh Phạn và chuỗi hạt, bên trái một tay cầm hoa sen trắng, một tay giữ quân-trì (xem *Nhất Thiết Công-Đức Trang-Nghiêm Vương* kinh) v.v.. Xem hình trên vì đây hẳn là hình tượng phù hợp với nhiều tài liệu<sup>24</sup> nên được chọn.

## THIÊN-THỦ QUÁN-ÂM

Đức Thánh-tôn này nguyên tên là Thiên-thủ Thiên-nhân Quán Tự-tại



Bồ-tát (Bồ-tát Quán Tự-tại có một ngàn mắt một ngàn tay). Tên chữ Phạn là Sahasrabhujaryavalokitesvara

‘Sa-la-sa-ra-hy-nhã-a-tị-giã-phạ-lộ-ngôn-đế-thấp-ba-la’. Biệt hiệu là Đại-bi Kim-cang. Đức Bồ-tát này đặc-biệt có một ngàn tay và một ngàn mắt, đều có thể đồng-thời tùy ý động-tác và quan-sát tất-cả sự vật. Nếu phối trí sáu đường (lục đạo) của chúng-sanh với sáu đức Quán-Âm thì Ngài chủ-trì việc cứu-độ tất cả chúng sanh ở địa-ngục.

Để tiện việc tham-khảo, xin nêu ra sau đây sáu đức Quán-Âm (với phạm-vi chủ-trì của mỗi vị):

1. Thánh Quán-Âm chủ cứu-độ chúng sanh đường ngạ-quỷ.
2. Thiên-Thủ Quán-Âm chủ cứu-độ chúng sanh đường địa-ngục.
3. Mã-Đầu Quán-Âm chủ cứu-độ chúng sanh đường súc-sanh.
4. Thập-Nhất Diện Quán-Âm chủ cứu-độ chúng sanh đường A-tu-la.
5. Chuẩn-Đề Quán-Âm chủ cứu-độ chúng sanh đường nhân-sanh
6. Như-Ý Luân Quán-Âm chủ cứu-độ chúng sanh đường thiên-thượng.

<sup>24</sup> Những tài liệu này gồm các kinh như *Đà-La-Ni Tập Kinh*, *Bồ-đề Trìng Nhất Tự Đảnh Luân Vương Kinh*, vv.

Đức Thiên-thủ Quán-Âm tại Thai-tạng giới, tám đầu phía bắc của viện Hư-không tạng. Ngài thực có 27 mặt, 42 tay. Trong 42 tay này, trừ hai tay ở trung-ương, còn lại 40 tay, mỗi tay có 25 loại năng-lực cứu vớt, nên nói Ngài có  $40 \times 25 = 1.000$  tay. Mỗi tay có một mắt, nên gọi là 1.000 mắt.

Trong *Thiên Quang Nhân Bí Mật Kinh* có nói: Đức Thánh-tôn này vì cứu-độ chúng sanh cho nên có đủ 1.000 tay và 1.000 mắt.

Hiện tại, lấy 40 tay để nói gọn cho rõ thì 40 tay đó chia ra làm năm bộ-phận: Như-Lai bộ, Kim-Cang bộ, Bửu bộ, Liên-Hoa bộ, Sự-nghiệp bộ. Trong mỗi bộ đều có tám tay, mỗi tay một pháp-bảo. Đó là:

1. Pháp “Tức tai”, dùng Như-Lai bộ: tay có Hoá-Phật, tay lưới tơ, tay thí vô-úy, tay phát trần màu trắng, tay dùng bảng để đánh đuổi, tay cầm búa, tay cầm kích, tay cầm hành dương-liễu.

2. Pháp “Điều phục” hay “Hàng phục”, dùng Kim-Cang bộ: tay cầm bặt-thiết-la, tay cầm chày kim-cang, tay cầm kiếm báu, tay cầm diệu báu, tay cầm kim-luân, tay cầm bình bát báu, tay cầm nhật-ma-ni.

3. Pháp “Tặng ích”, dùng Ma-Ni bộ tức Bửu bộ: tay cầm Như-ý châu, tay cầm cung báu, tay cầm kinh báu, tay cầm hoa sen trắng, tay cầm hoa sen xanh, tay cầm chuông báu, tay cầm hoa sen tím, tay cầm bồ-đào.

4. Pháp “Kính ái”, dùng Liên-Hoa bộ: tay hiệp chưởng liên-hoa, tay cầm gương báu, tay bắt bửu-ấn, tay cầm vòng ngọc, tay cầm hồ-bình, tay cầm quân-đi, tay cầm hoa sen đỏ, tay cầm tích-trượng.

5. Pháp “Câu-triệu”, dùng Yết-Ma bộ: tay cầm móc câu bằng sắt, tay có Hoá-Phật trên đỉnh, tay lần tràng hạt, tay cầm loa pháp, tay cầm tên báu, tay cầm đàn bầu báu, tay cầm đầu-lâu, tay cầm mây ngũ sắc.

Trên đây là năm pháp và 40 tay, có thể tùy theo ý muốn khiến cho tất cả đều được như sở nguyện.

Sách còn nói: “Bồ-tát này, thân có đủ 40 tay, mỗi tay có một từ-nhãn (Hình Thiên-thủ Quán-âm). Hình Thập-nhất diện Quán-âm trên đỉnh có 11 mặt, trước ba mặt là tướng Bồ-tát. Ba mặt bên phải có răng trắng mọc lên, ba mặt bên trái hiện tướng giận dữ. Một mặt phía sau cười dữ-dằn. Một mặt trên đỉnh là tướng Như-Lai.”



## THẬP NHẤT DIỆN QUÁN-ÂM

Ngài Thập-nhất diện Quán-Âm có biệt-danh là Đại-Quang Phổ-Chiếu



Quán-Âm. Ngài là một trong số sáu đức Quán-Âm. Tên chữ Phạn của Ngài là Ekadashamukha ‘Ê-ca-na-xả-mục-khư’, dịch Hán-Việt là Thập-nhất diện. Biệt-hiệu là Từ-mẫn Kim-cang. Trong mười một diện trên đầu thì mười diện hai bên tả-hữu biểu thị nhân-vị của thập địa, còn một diện trên đỉnh đầu biểu-thị Phật-quả của mười một địa, để tiện cho tất cả chúng sanh chuyển vô-minh thành mười một phẩm, được mười một địa của Phật-quả. Hình tượng của đức Thánh-tôn này là dựa vào công-đức đã thành-tựu viên-mãn của Ngài mà cụ-thể hoá ra vậy.

Trong *Thập Nhất Diện Niệm Tụng Nghi Quy* việc phân loại công-đức được giải-Thích như sau: lìa các bệnh, được Như-Lai nhiếp-thọ, giúp tiền tài lúa gạo,

oán dịch chẳng hại được, quốc vương an-ủi, chẳng bị trùng độc, nóng, lạnh làm hại, đao gậy không hại được, chẳng bị chết chìm, chẳng bị chết cháy, chẳng bị chết yểu.

Đó là mười năng-lực mà Ngài đã thành-đạt được.

Địa vị của đức Bồ-tát này tại phía Nam của Viện Hư-không tạng thì hình tượng như sau: Da màu trắng, trước có một mặt, bốn tay, mỗi bên phải, trái có một mặt, trên đó có năm mặt, trên nữa có ba mặt, tổng cộng là 11 mặt. Bên phải, tay thứ nhất kiết ấn Thí vô-úy, tay thứ hai niệm châu. Bên trái, tay thứ nhất cầm hoa sen nở, tay thứ hai cầm bình báu, ngồi bán-già trên đài hoa sen.

Trong *Thập Nhất Diện Quán Thế-Âm Kinh* nói rằng: “Ba mặt trước là mặt Bồ-tát, ba mặt bên trái tướng giận dữ; ba mặt bên phải giống mặt Bồ-tát, như có răng nanh mọc ngược lên, lòi ra ngoài, sau có một mặt cười lớn. Trên đỉnh một mặt như mặt Phật. Các bộ mặt đều hướng về phía trước: nhìn phía sau thấy sáng, Các mặt đều đội mũ hoa, bên trong có Phật A-Di-Đà.”

## NHƯ-Ý LUÂN QUÁN-ÂM

Ngài Như-Ý Luân Quán-Âm tên chữ Phạm là Cintamani ‘Chân-đà-ma-ni’. Biệt hiệu là Trì-bửu Kim-cang. ‘Như-Ý’ là ‘ngọc báu Như-Ý’ nói gọn lại. Còn ‘Luân’ là ‘bánh xe pháp’, chủ tam-muội như-ý, cứu-độ sự khổ của sáu đường chúng sanh, và ban bố cho họ cái lợi-ích của sự xuất-thế, lấy đó làm bản thể, tục gọi là Bồ-tát cứu-khổ cứu nạn, cứu đời. Lúc Ngài chuyển pháp-luân thì tất cả các điều sở-nguyện của chúng sanh đều được thành-tựu. Trong Mạn-đà-la thuộc Thai-tạng giới, Ngài ngự tại Viện Quan-Âm.



*Như-Ý Luận Du-Già Niệm Tụng Pháp* nói rằng: “Thân của đức Thánh-tôn này có đủ sáu cánh tay, toàn thân màu vàng, trên đầu kết nhục-kế bửu-đỉnh làm mũ để tỏ sự trang-nghiêm. Trong mũ có Phật A-Di-Đà.

Ngài trụ tướng nói pháp, bên phải tay thứ nhất diễn trạng thái tư-duy, tỏ ra thương nhớ hữu-tình, tay thứ hai cầm báu Như-ý có thể làm cho tất cả các điều sở nguyện của chúng sanh đều được thoả-mãn đầy đủ.

Tay thứ ba cầm chuỗi hạt, để độ khổ cho chúng sanh. Bên trái, tay thứ nhất đề xuống Minh-sơn (?) có ý khiến cho chúng sanh tin tưởng làm theo, chẳng giao-động.

Tay thứ hai cầm hoa sen, có thể làm cho những gì chẳng phải là pháp đều được thanh-tịnh, tay thứ ba cầm bánh xe, có thể chuyển pháp vô-thượng đạo chơi trong sáu cõi, lấy đại-bi làm phương-tiện giải trừ mọi khổ não.

Hình tượng phổ-thông thường thấy là tượng sáu tay như đã nói trên, toàn thân màu vàng, tướng trạng như đang nói pháp.

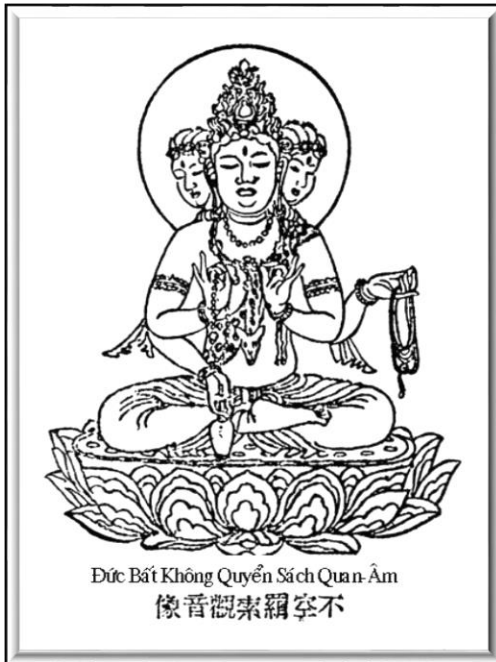
Còn hình tượng của Ngài tại Mạn-đà-la thuộc Thai-tạng giới, ở viện Liên-Hoa bộ thì trong *Chư Pháp Bất Đồng Ký* quyển ba có nói “Tại bên trái của Ngài Đại-minh Đại Kiết-tướng thì thông-thân của Ngài màu vàng, trên mũ có Hoá-Phật, tai đeo vòng ngọc; sáu tay, tay phải dựng nghiêng bàn tay, hơi mở ngón út, đặt kê má, đầu nghiêng dựa vào bàn tay, tay kế đó

cầm ngọc xanh có ánh hào-quang tại tâm, tay kế nữa duỗi cánh tay dựa vào đầu gối bên phải, bàn tay thông xuống hướng vào trong, cong các ngón trở, ngón giữa, ngón áp út, riêng ngón út chỉ hơi cong, cầm chuỗi hạt, hoặc hình vẽ.

Tay trái duỗi thông xuống, đầu ngón hướng về bên phải, đờ lên kim-son ở phía sau gối trái. Tay kế đó, co cánh tay chui dưới nách trước mà ra, bàn tay nghiêng, co ngón trở, và ngón giữa cầm hoa sen nở. Tay kế đó cong lại, ngửa bàn tay, co ngón giữa, ngón áp út, duỗi ngón trở cầm cái trục của kim-luân, v.v..

## BẤT-KHÔNG QUYẾN SÁCH QUÁN-ÂM

Đức Quán-Âm này, tên chữ Phạn là Amoghapasha ‘A-mẫu-giá-bạt-xá’,



dịch là Bất-không Quyến Sách. ‘Bất không’ là tâm-nguyện chẳng phải là Không, “quyến sách” là dây đó đều thoát khỏi sự ràng buộc, mỗi một đều thành điều nguyện-ước.

Trong biển khổ sanh tử, Ngài lấy hoa sen Diệu-pháp làm môi, buông sợi tơ (sách) tâm-niệm “chẳng không” để câu hết thảy các chúng-sanh, kéo họ sang bên kia bờ Bồ-đề. Thần-tượng của đức Thánh-tôn này là dùng cái ý-nghĩa đó để thần-cách hoá Ngài. Đức Quán-Âm này, thân mặc áo cà-sa da hươu, cho nên còn gọi Ngài là “Lộc bì Quán-Âm.” Biệt-hiệu của Ngài là Đẳng Dẫn Kim-Cang.

Trong Mạn-đà-la thuộc Thai-tạng giới, Ngài chủ-trì ba hạnh bốn vị-trí của Viện Quán-Âm. Hình tượng của Ngài như vậy: “Ngài có ba mặt, bốn cánh tay; mỗi mặt có ba con mắt: chánh diện màu da thịt, mặt bên phải màu xanh, mặt bên trái màu đen; ba mặt đó cũng bày tỏ ba đức. Bên trái, tay thứ nhất hái hoa sen, tay thứ hai rời bỏ “quyến sách” (dây tơ trói buộc). Bên phải, tay thứ nhất cầm chuỗi hạt, tay thứ hai giữ quân-trì.



Trong *Bát-không Quyển Sách Kinh* có nói: “Ngài có một mặt, ba mắt, 18 cánh tay, thân màu vàng, ngồi kiết-già, diện mạo vui vẻ, đầu đội mũ báu, trên mũ có Hoá-Phật, hai tay chấp lại để trước ngực, hai tay lật ngược chấp lại để ở rốn (hai ngón cái co lại trong lòng bàn tay), hai tay hiệp cổ tay để dưới tim, một tay trái nắm ngón duỗi hơi cong cong, hai tay dưới rốn kiết ấn Quyển-sách, một tay cầm kích ba chĩa, một tay cầm bửu-tràng, một tay cầm hoa sen nở, một tay cầm tráp Phạn, một tay cầm bửu-phan, một tay bắt ấn Vô-úy Thí, một tay cầm quân-trì, một tay cầm báu vật, một tay cầm chậu hoa báu. Áo bằng da hươu, cùng bảy chuỗi ngọc báu, áo trời, bảo châu, vòng xuyên, vv. để tỏ sự trang-nghiêm, thân phát ra ánh-sáng.”

Hình tượng của đức Thánh-tôn này biến-hoá tối đa, so với các tôn-tượng khác. Có những tượng, một mặt bốn cánh tay, ba mặt 18 cánh tay, bốn mặt tám cánh tay, mười một mặt 32 cánh tay, vv. đều dựa theo nghi-quỹ trong các kinh khác nhau nên có sự sai khác như thế.

Trong Mạn-đà-la thuộc Thai-tạng giới thì tôn-tượng ở Viện Liên-Hoa bộ có ba mặt bốn cánh tay, còn tượng phổ-thông thường thấy thì phần nhiều làm tượng một mặt, ba mắt, tám cánh tay.

## MÃ-ĐẦU QUÁN-ÂM

Đức Mã-đầu Quán-Âm, chữ Phạn là Hayagriva ‘Na-da-yết-ri-pha’, dịch là Đại-lực-trì Minh-vương, Ngài cũng là một trong số sáu đức Quán-Âm; trong sáu cõi, Ngài chủ-trì việc hoá-độ đường súc sanh.



Tại Nhật, nhà nông có tục nuôi ngựa, lúc nó chết thì đem chôn và khắc tượng Thần Quán-Âm này đem đặt bên cạnh mộ ngựa để cho âm-linh của nó được yên ổn. Tục này đến nay vẫn còn thông-dụng.

Đức Quán-Âm này, biệt-danh là ‘Mã Sư-tử Vô-úy Quán-Âm’ lại còn là Mã-đầu Minh-vương bộ. Có một thuyết nói Ngài là thân Phần-nộ của Vô-lượng thọ. Đầu Ngài hình đầu ngựa trắng, nên gọi là Mã-đầu Quán-Âm, đầu ngựa ấy giống như đầu ngựa báu của Chuyển-Luân Thánh

Vương cười đi dong-duổi bốn phương của núi Tu-di. Ngựa ấy tốt đẹp như một loại ngựa chỉ nghĩ đến cỏ nước, dùng đại uy-lực của đại-từ đại-bi, cấp cho tất cả chúng-sanh. *Đại Nhật Kinh Sớ* nói: “Người gần bậc Thánh, trước làm Đại-lực Trì minh-vương, da mặt màu mặt trời sáng sớm, hoa sen trắng nghiêm thêm, thanh thế lớn thành lửa, hét giận, nanh xuất hiện, tóc vua thú vượt bến, Ha-da-yết-tri-bà.”

Tượng ba mặt tám tay của Ngài thì trên đầu đều đội thiên-quan (mũ trời), đeo vòng tai, trên thiên-quan có một Hoá-Phật. Trên đỉnh mặt chính giữa có đầu ngựa trắng, miệng khép lại. Nơi cổ, Bồ-tát đeo anh-lạc báu. Sau đầu có hào-quang tròn, ngũ sắc. Hai tay trước bắt mặt ấn căn-bản mã-khẩu, còn ba tay bên phải thì cầm kiếm nhọn, búa kim-cang và chuỗi hạt, ba tay bên trái cầm gậy kim-cang bửu-luân kim-cang và bắt ấn Vô-uy thí. Ngài ngồi trên đài hoa sen xanh, trên bàn thạch.

Trong Mạn-đà-la thuộc Thai-tang giới, Ngài chủ-trì vị thứ bảy trong Quán-Âm viện thứ nhất. Có quá nhiều hình tượng của Ngài, như ba mặt, hai tay; một mặt bốn tay; ba mặt bốn tay, vv. nhưng hình-tượng nào trên đầu cũng đều có bạch-mã.

## CHUẨN-ĐỀ QUÁN-ÂM

Đức Quán-Âm này tên chữ Phạn là Cundi ‘Chuẩn-thị-đề’ hay Cundi-Koti-buddhamatra ‘Thất-câu-thị-phật-mẫu Bồ-tát’, Cundi-bhagavati ‘Chuẩn-đề Phật-mẫu’, và ‘Thiên nhơn trượng phu Quán-Âm’, v.v.; ‘Chuẩn đề’ là ý thanh-tịnh, biểu-thị tâm-tánh của đức Quán-Âm này thanh-tịnh, thanh-khiết. Ngài là Mẹ của chư tôn trong Liên-Hoa bộ, cho nên thêm hai chữ ‘Phật-mẫu’. ‘Câu-thị’ được giải là trăm ngàn vạn ức. Do đó ‘Thất câu-thị Phật-mẫu’ là Mẹ của bảy trăm nghìn vạn ức chư Phật và Bồ-tát. Đức Quán-Âm này thường lui tới cõi thế-gian để hủy- diệt



các hoặc-nghiệm của tất cả chúng-sanh, thành-tựu các nguyện diên-mệnh<sup>25</sup> trừ tai, cầu con.

Trong Mạn-đà-la thuộc Thai-tạng giới, Ngài là một Thánh-tôn của Viện biến-đi, Biệt hiệu là Tối-thắng Kim-cang.

Hình-tượng của Ngài rất nhiều; tượng thường thấy là tượng ba mắt, 18 cánh tay. Trong thư *Chư Pháp Bất Đồng Ký* có nói: “Ngài ở bên phải của Phật-nhãn, thân màu vàng lợt, đầu đội mũ có râu ngọc xanh xuống đến trán, có 18 cánh tay. Trong mũ báu có Hoá-Phật tay đeo anh-lạc, sa trắng quấn quanh thân. Ngài ngồi kiết-già trên hoa sen hồng.

Trong số 18 cánh tay, bên phải có: một tay để đứng, ngón áp út co lại, để nơi ngực; một tay co lại, để đứng hướng về bên trái cầm kiếm, đầu kiếm hướng lên trên; hai tay thòng cánh tay xuống, để đứng, hướng về bên phải, dưới ngọn trỏ, ngón út, dùng ngón cái ngón giữa và ngón áp út cầm chuỗi hạt, hay tam hồ<sup>26</sup>; một tay hướng về bên phải, cầm búa; một tay ngửa bàn tay cầm viên ngọc tròn xanh, các ngón tay hướng về bên phải; một tay co lại, để đứng, co ngón giữa, ngón áp út và ngón út, dùng ngón trỏ và ngón cái chống dựng chày kim-cang năm châu; một tay cất cánh tay lên, hướng bàn tay về bên ngoài cầm vòng hoa.

Bên trái có: một tay cầm hoa sen hồng đã nở, một tay để ngửa bàn tay lên, ngón cái và ngón áp út chạm vào nhau để ở tim; một tay ngửa bàn tay, các đầu ngón tay hướng về bên trái cầm bình nước để rửa; một tay hạ cánh tay, để đứng cầm tràng-phan (cờ); một tay để đứng hướng về bên trái cầm dây tơ; một tay để đứng hướng về bên trái duỗi ngón trỏ chống trục bánh xe; một tay cất cánh tay co lại, dựng quyền, duỗi ngón út, cầm trượng; một tay cất cánh tay co lại, ngửa bàn tay cầm cái tráp chữ Phạm, duỗi ngón út.

Đức Quán-Âm này, ngồi trên một toà sen báu, màu hồng, mọc từ một ao báu lớn, hai bên tả hữu có Nan-đà long-vương và Bạt-nan-đà long-vương hầu cận.

---

<sup>25</sup> kéo dài tính-mệnh

<sup>26</sup> một thứ đồ binh hình cong, có lưỡi đâm ngang.



## BA MƯƠI BA THỂ QUÁN-ÂM

Ba mươi ba thể Quán-Âm là tại ‘Phật-tượng đồ vị<sup>27</sup>’ tập hai mà ra, chứ không phải nguyên thủy đã có. Tại nước Tàu thời nhà Đường, Tống và trong dân-gian ở Nhật-bản, người ta tín-ngưỡng vào sự hoá-hiện của đức Quán-Âm, nên tập hợp các cách hoá-hiện ấy thành 33 thể, được liệt-kê, như sau:

1. Dương-Liễu Quán-Âm: tức Quán-Âm Lợi-sanh cũng tùy theo nguyện-vọng của chúng sanh mà thị-hiện, giống như hành dương-liễu theo chiều gió mà cong mình: nhân đó mà gọi tên. Hình tượng của Ngài thì tay phải cầm hành dương liễu, tay trái ngửa bàn tay xoè rộng ra, để trước ngực.

2. Long-Đầu Quán-Âm: là thân Thiên-long xuất hiện trên trời, trong tư-thế cười rỗng giữa mây.

3. Trì-Kinh Quán-Âm: ngồi trên đỉnh núi cao ngất, tay phải cầm một quyển kinh. Trong số 33 thân của Ngài thì đây là thân Thanh-văn.

4. Viên-Quang Quán-Âm: hiện ra sắc thân giữa vầng ánh sáng tròn, ngồi chấp tay trên núi. Nếu có người chẳng may sắp phải bị hành-hình (giết rồi phân thân) mà niệm danh-hiệu Ngài thì có thể khiến cho đao gãy, mà thân khỏi phải nguy hại.

5. Du-Hý Quán-Âm: Ngài cười mây ngũ sắc, tay trái thả lỏng gần bên trục, hiện tướng du-hý trong pháp-giới. Đây tượng-trưng cho sự thị-hiện của Ngài khi có người bị rơi trong núi kim-cương mà nhờ niệm danh-hiệu Ngài. Trong phẩm Phổ-Môn (*Kinh Pháp-Hoa*) có nói “đọa lạc kim-cang sơn”.

6. Bạch-Y Quán-Âm: ngồi kiết-già, bắt định ấn, trên một tảng đá, có cỏ mềm mượt mọc đầy khắp. Đây là thân tỳ-khưu, tỳ-khưu ni trong số 33 thân Quán-Âm.

7. Ngọc-Liên Quán-Âm: ngồi chấp tay trên đài sen mọc cao trong hoa sen. Đây là thân Tiểu-vương trong số 33 thân Quán-Âm.

8. Lang-Kiến Quán-Âm: ngồi trong tư-thế dựa trên bờ vực thẳm mà nhìn dòng thác chảy xuống như tấm lụa phẳng trải dài. Đây là tượng-trưng cho câu “hoả khanh biến vi trì” (lò lửa đổi thành ao) trong phẩm Phổ-Môn.

9. Thí-Lạc Quán-Âm: ngồi trong tư-thế, tay phải tựa trên đầu gối chống vào má. Đây là tượng-trưng cho câu “như nhật hư-không trụ” (như mặt trời đứng giữa hư-không) trong phẩm Phổ-Môn.

---

<sup>27</sup> bản hình phân loại các tượng Phật.

10. Ngũ-Lam Quán-Âm: ngài coi giữ việc bài trừ các chướng ngại: la-sát, độc-long, ác-quỷ, v.v., Hình Ngài đứng trên lưng một con cá lớn, hoặc kéo một giỏ lam trong có một con cá lớn. Đây là tượng-trưng cho câu “hoặc ngộ ác, la-sát” trong phẩm Phổ-Môn.

11. Đức-Vương Quán-Âm: ngồi kiết-già trên núi đá, tay trái đặt trên đầu gối, tay phải cầm một nhánh lá xanh. Đây là thân Phạm-vương trong số 33 thân.

12. Thủy-Nguyệt Quán-Âm: Ngài đứng trên một chiếc thuyền lá sen dưới trăng, lênh-đênh trên mặt biển. Hình ảnh này tượng-trưng cho tâm tịnh, ngắm trăng trên sóng nước mênh-mông. Đây là thân Bích-Chi Phật.

13. Nhất-Diệp Quán-Âm: Ngài đứng trên một cánh sen, thông-dong trôi nổi trên mặt nước. Đây là thân tể-quan trong số 33 thân.

14. Thanh-Đầu Quán-Âm: Ngài ngồi trên bờ núi thẳm, bàn tay phải buông trên đầu gối phải dựng đứng, tay trái dựa vào vách núi. Đây là thân Phật trong số 33 thân.

15. Uy-Đức Quán-Âm: Tay trái cầm hoa sen, tay phải chạm đất. Ngài ngồi trên núi đá, nhìn mặt nước. Đây là thân Thiên Đại tướng quân trong số 33 thân.

16. Diên-Mệnh Quán-Âm: Ngài dựa vào vách núi đá bên dòng nước; tay phải chống má; thông-dong vui ngắm cảnh vật trên mặt nước. Đây là tượng-trưng cho câu “chú trở như độc dược” (tức là các thuốc độc, chú yểm) trong phẩm Phổ-Môn. Vì có năng-lực trừ các độc hại đó mà được sống lâu nên gọi là Diên-Mệnh Quán-Âm.

17. Chúng-Bửu Quán-Âm: tay phải chạm đất, tay trái đặt trên đầu gối dựng đứng. Đây là thân trưởng-giả trong số 33 thân.

18. Nham-Hộ Quán-Âm: ngồi ngay ngắn trong hang đá, ung-dung như đất nhìn mặt nước. Đây là tượng-trưng cho câu “nguyên xà cập phúc-yết” trong phẩm Phổ-Môn.



19. Năng-Tĩnh Quán-Âm: đứng lâu trên núi đá bên cạnh biển hiện tướng tịch-tĩnh (vắng lặng); tượng-trưng cho câu “giả bĩ quốc phong xuy” (giả sử gió thổi nơi nước ấy) trong phẩm Phổ-Môn.

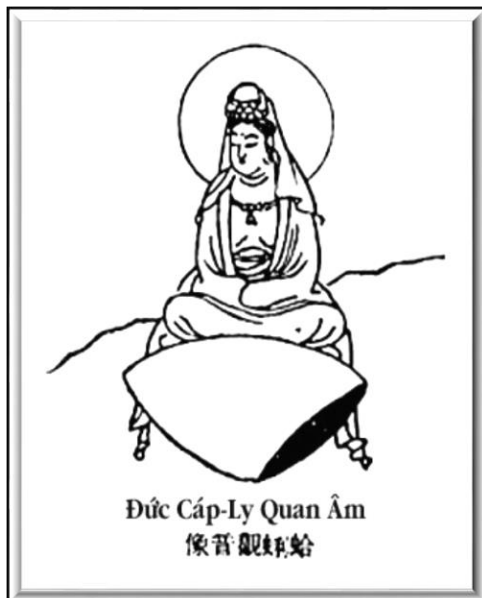
20. A-Nậu Quán-Âm: gối trái đứng trên núi đá, hai tay chắp lại, ngắm cảnh biển xa-xăm. Nếu có người trên biển cả, gặp rồng, cá, các quỷ sắp làm hại mà niệm danh-hiệu Ngài ắt có thể thoát khỏi hiểm nạn.

21. A-Ma-đề Quán-Âm: hình tượng của Ngài màu da trắng, có ba mắt, bốn cánh tay, cười sư-tử trắng, khắp thân phát hào-quang, mặc áo trời, đeo anh-lạc, để biểu-thị sự trang-nghiêm, diện mạo mười phần từ-bi, chuyên nhìn về bên trái. Trong 33 thể Quán-Âm, Ngài hiện gối trái đứng trên núi đá, hai tay đặt lên đầu gối. Đây là thân tỳ-sa-môn trong số 33 thân.

22. Diệp-Y Quán-Âm: ngồi trên núi đá, có cả cỏ mọc cùng khắp. Đây là thân Đế-Thích trong số 33 thân.

23. Lưu-Ly Quán-Âm: biệt danh là Hương-Vương Quán-Âm, Ngài đứng trên một cánh hoa sen, nổi nhẹ trên mặt nước, hai tay bưng lư hương. Đây là thân Tự-tại thiên trong số 33 thân.

24. Đa-la-tôn Quán-Âm: tư-thế cười mây đứng thẳng: tượng trưng cho câu “hoặc trị oán tặc nhiều” (hoặc đang bị kẻ thù oán phá hại) trong phẩm Phổ-Môn.



25. Cáp-Rị Quán-Âm: hình tượng của Thánh-tôn này xuất hiện với vỏ con sò (Cáp-Ly Quán-Âm). Đây là thân Bồ-tát trong số 33 thân.

26. Lục-Thời Quán-Âm: tượng đứng, tay phải cầm cái tráp Phạn. Đây là thân cư-sĩ trong số 33 thân.

27. Phổ-Chiếu Quán-Âm: thân đứng trên núi cao, hai tay khoác áo. Đây là thân Đại Tự-tại thiên trong số 33 thân.

28. Mã-Lang Phụ Quán-Âm: thân khoác áo trời, hai tay đều thẳng (trùng lạp). Đây là thân phụ-nữ trong số 33 thân.

29. Hiệp-Chường Quán-Âm: đứng chấp tay trên đài hoa sen. Đây là thân Bà-la-môn trong số 33 thân.

30. Nhất-Như Quán-Âm: ngồi trên đài sen ở trong mây, gối trái dựng đứng tượng-trưng cho câu “vân lôi cổ xiết điển” trong phẩm Phổ-Môn.

31. Bát-Nhị Quán-Âm: hai tay đều buông xuống cười một mảnh lá sen nổi trên mặt nước. Đây là thân Chấp Kim-Cang thần trong số 33 thân.

32. Trì-Liên Quán-Âm: ngồi trên lá sen, hai tay cầm một cọng sen. Đây là thân đồng nam, đồng nữ trong số 33 thân.

33. Sái-Thủy Quán-Âm: tay phải cầm sái trượng, tay trái cầm khí-cụ để rảy nước; hình-tượng rảy nước tượng-trưng cho câu “nhược vi đại thủy” trong phẩm Phổ-Môn.

Trên đây là 33 thân Quán-Âm, từ xưa đến nay có rất nhiều người tin thờ. Do đó các loại hình tượng của Chư- vị cũng rất nhiều. Công-đức của Chư-vị này thì trong phẩm Phổ-Môn có trình bày rõ ràng. Ở đây chỉ là phần giản-lược.

## DIỆP Y QUÁN-ÂM

Đức Thánh-tôn này, tên chữ Phạn là Palasambari ‘Bà-la-xá-phạ-rị’,



nguyên-danh là Bĩa Diệp Y Bồ-tát. Bởi vì bĩa-diệp-y là khâu kết lá cây lại thành áo. Ngài có lòng đại-bi, xả bỏ tất cả để cung-cấp cho chúng sanh, đến nỗi không còn áo để mặc. Tuy nhiên, hình tượng của Ngài không thấy có lá cây.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, Ngài là Bồ-tát ở Viện Liên-Hoa bộ.

Hình-tượng của Ngài có hai loại: tượng hai tay và tượng bốn tay. Tượng bốn tay của Ngài ở trong *Thập Quyển Sao*, *Giác-Thiền Sao*, và *A-sa-phạ Sao*, vv., có đồ-thị. Trong *Diệp Y Quán Tự-tại Bồ-tát Đà-la-ni Kinh* có nói rằng: “Về tượng Diệp Y Quán Tự-tại Bồ-tát thì vẽ hình Thiên-nữ, đầu đội mũ báu, trên mũ có Phật Vô-lượng-thọ, thân có anh-

lạc và vòng xuyên trang-nghiêm, sau đầu có vầng hào-quang tròn, chung quanh thân có ánh lửa toả rạng. Tượng có bốn tay, bên phải một tay để ngang ngực cầm quả kiết-tường (thạch-lựu), một tay bắt ấn Thí-nguyện; bên trái thì một tay cầm búa, một tay giữ lưới tơ. Thân ngồi trên hoa sen hồng.

Tượng hai tay thì có nhiều thứ, vật cầm tay cũng chẳng giống nhau. Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới thì tượng Ngài màu da thịt; tay trái cầm dây, tay phải cầm gậy, ngồi trên hoa sen đỏ, dựng đứng gối bên ngoài. Trong *Giác-Thiền Sao* thì ghi rằng: “tay phải cầm tràng Như-ý, tay trái duỗi ra, để ngửa bàn tay trên gối, ngón cái và ngón trỏ chạm vào nhau. Trong *Củng Vô Ngại Kinh* thì nói “Tay trái ấn thuyết-pháp, tay phải cầm hoa sen chưa nở, ngồi trên hoa sen trắng.” Trong *A-Sa-phạ-sao* nói “Tay trái buông xuống, cầm dây; tay phải cầm tràng Như-ý; Ngài ngồi trên hoa sen đỏ. Trong *Đồng Sao Bĩ-Điệp-Y Kinh* thì nói “Tay trái cầm lưới tơ, tay phải bắt ấn Thí-nguyện, v.v..”



## ĐẠI BẠCH-Y QUÁN-ÂM

Đức Thánh-tôn này tên chữ Phạn là Pandaravasini ‘Bán-noa-la-phạ-tất nê’ dịch Hán là Bạch-xứ, Bạch Trụ-xứ, Phục Bạch Y Bồ-tát, vv. Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, Ngài ở trong Viện Liên-Hoa bộ.



Hình tượng của Ngài đề là tượng hai tay, nhưng khe-ấn thì không thống nhất:

1. Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới thì thấy thân màu trắng vàng, tay trái cầm hoa sen, tay phải bắt ấn Giữ-nguyện.

2. Tay trái cầm gậy, hoặc lưới tơ, tay phải cầm cái cặp đựng sách Phạn (A-ly-đa-la đà-la-ni, phẩm A-lỗ-lực).

3. Bàn tay phải giơ lên, tay trái cầm hoa sen chưa nở (Bát Không

Quyển Sách Thần Biến Chân Ngôn Kinh, thứ tám).

4. Tay trái buông xuống, tay phải cầm hoa sen (Bát Không Quyển Sách Thần Biến Chân-Ngôn Kinh, thứ 30).

5. Tay trái kiết ấn Thí-nguyện, tay phải cầm ngọc báu (Bồ-đề Tràng Chất Tụ Đánh Luân Ngũ Kinh, thứ hai).

6. Tay trái cầm kiếm báu, tay phải cầm cành dương-liễu.

7. Tay trái cầm châu, tay phải giữ ấn văn.

8. Tay phải cầm châu, ngón cái và ngón áp út chụm vào nhau.

9. Tay trái cầm châu, tay phải che trên tay trái.

10. Hai cánh tay ấn khoá, và cầm nhánh dương-liễu.

11. Tay trái cầm hoa hồng, tay phải ấn hiệp kéo xuống giữ ấn (?).



## ĐỨC DI-LẶC BỒ-TÁT

Đức Bồ-tát này tên chữ Phạn là Maitreya ‘Muội-đất-lệ-dã’, theo Hán-Việt



là Từ-thị hay Ajita ‘A-dật-đa’, dịch là Vô-năng-thắng, vv. . Thân phụ của Ngài là Tu-Phạm Ma, và thân mẫu Ngài là Phan-Ma Đề-bạt. Ngài sanh trong gia-đình Bà-la-môn tại xứ nam Thiên-đức. Từ nhỏ, Ngài đã lập chí tu-đạo; giữa đường, được sự giáo-hoá của đức Thế-tôn, tùy thuận theo Phật, được Phật thọ ký cho, về sau sẽ làm Bồ-tát bồ-xứ, rồi thành Phật.

Có một thuyết nói: Ngài đã sớm ra đời trước đức Thế-tôn 42 kiếp, đã hầu hạ cung-phụng đức Tư-thiện Phật, và đã sớm thành Phật; hiện tại Ngài ở nội-viện cung trời Đâu-suất, nói pháp hoá-hạnh, trải qua 56 ức bảy ngàn vạn

(5.670.000) năm sau. Lúc loài người sống được tám vạn tuổi, Ngài sẽ lại giáng-sanh nơi Diêm-phù-đề, thành đạo dưới cây Long-hoa, mở ba đại-pháp hội, tế-độ tất cả các chúng sanh chưa được cứu-vớt trong thời đức Thích-Ca ra đời. BA HỘI LONG-HOÀ là có ý nói đến đức Bồ-tát Di-Lặc giáng sanh cứu đời.

Đức Thánh-tôn này ngự tại Mạn-đà-la của Thai-tạng giới ở về phương đông của viện Trung-đài tám cánh hoa. Trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới thì Ngài ở phương đông của 16 tôn hiền-kiếp. Tại Kim-mạn Yết-ma hội thì Ngài là Kim-Cang nhân Bồ-tát trong số 37 tôn-vị ở phương Tây. Đó cũng là biệt danh của Ngài. Như vậy, tại Đại-luân Kim-Cang của Thai-man, ất thân phần nộ là của đức Thánh-tôn này.

Hiện tại, Ngài nói pháp tại nội-viện của cung trời Đâu-suất, tên chữ Phạn chuyển âm là Đô-sứ-đà thiên, tức tầng trời thứ tư trong suốt sáu tầng trời của Dục-giới, ở trên tầng Dạ-ma thiên. Chỗ Ngài trụ gọi là cung trời Đâu-suất của Hỷ-lạc thiên. Toàn cung điện bằng màu ma-ni, phân làm hai viện: trụ ngoại viện, thọ mạng 4 ngàn tuổi, trụ nội-viện thọ lượng vô hạn. Đến kiếp tam tai, tuy có lửa, nước, gió nhưng chẳng bị tổn hại.

Nội-viện lại chia làm 49 viện; Ngài ngồi tại Thuyết-pháp viện. 56 ức 7 ngàn vạn năm sau Ngài lại sẽ xuống thế gian.

Từ xưa đến nay, nhiều bậc thánh và cao-tăng ước hẹn sau khi mất sẽ được vãng sanh vào nội-viện theo đức Di-Lặc, đợi đến lúc mở ba hội Long-Hoa sẽ tái-sanh ở Diêm-phù đề để giáo-hoá chúng sanh.

Tại Thai-tạng giới, trong Viện tám cánh hoa, thấy hình tượng của Ngài như sau: tay trái để ở ngực, bàn tay mở rộng, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có hình báu, trong mũ báu của Ngài đội có bảo-tháp, trong tháp có hiện xá-lợi.

Tại Kim-Cang giới hình tượng Ngài trong Hội Vi-tế thì ngón cái, ngón trỏ và ngón út của bàn tay phải đều để đứng; ngón giữa với ngón áp út cong hình cung để trước ngực. Tay trái đeo bảo châu, mở ra, để trên gối.

Ngoài tượng hai tay còn có một ít tượng có 30 cánh tay. Vật cầm tay và ấn tướng cũng chẳng nhất định.

Vì đức Bồ-tát này tương-lai sẽ thành Phật cho nên có khi người ta gọi Ngài là Phật Di-Lặc. Dựa vào lý do đó mà hình tượng của Ngài cũng được làm như tượng Phật.



## ĐẠI THẾ-CHÍ BỒ-TÁT

Đức Bồ-tát này ở thế-giới Cực-lạc phương Tây, cũng là một vị hầu-cận



đức Phật A-Di-Đà, cùng với Bồ-tát Quán-thế Âm. Ngài cũng là một trong ba Thánh-tôn của Tịnh-độ. Từ xưa đến nay, số người tin thờ Ngài rất nhiều.

Tên chữ Phạn của Ngài là Mahasthama-prapta ‘Ma-ha-tát-đà-ma-bát-la-bát-đa’ dịch là Đại Tinh-tấn, đặc Đại-thế, hoặc Đại Thế-Chí, vv. gọi tắt là Thế-Chí. Biệt hiệu là Trì-luân Kim-cang. Tương đối với Bồ-tát Quán-thế-Âm chăm lo môn Từ-bi, ở bên trái đức Phật A-Di-Đà, Bồ-tát Thế-chí coi giữ môn Trí-tuệ, đặc biệt một mình dùng ánh sáng trí-tuệ có thể soi mở tất cả chúng sanh, khiến cho họ vĩnh-viễn xa lìa cảnh khổ của tám nạn, ba đường, cho nên gọi là Đại Thế-Chí.

Uy-lực của đức Thánh-tôn này rất lớn: Ngài cất một chân thì chẳng phải chỉ ba nghìn thế-giới lung lay, mà các cung điện của ma quỷ cũng đều chấn-động.

*Đại-Nhật Kinh Sơ* nói: Như cái uy-thế tự-tại của Quốc vương Đại-thần thì gọi là “đại thế”. Bởi đức Thánh-tôn này đã đạt đến cương-vị Đại-bi tự-tại y hệt như vậy cho nên dùng danh-từ đó để gọi Ngài. (Đại Thế-Chí: đạt đến uy-thế đại-tự tại).

Sở dĩ Ngài cầm hoa sen chưa nở, là bởi đài hoa trí báu của đức Tỳ-lô-giá-na đã thành quả rồi. Ngài lại giữ chủng-tử như thế để rải khắp trong nước tắm của chúng sanh, cho nó tiện sanh hoa sen chưa nở. Ngài cũng có thể che chở cùng khắp các mầm thiện mới chớm nở của tất cả chúng sanh, khiến cho các mầm ấy chẳng hư hỏng, mà lại lớn lên qua từng mỗi niệm. Người ta dùng các ảnh tượng đó để hiển-bày và phát-huy công-đức của Ngài.

Nói về hình tượng của đức Thánh-tôn này ở phương tây khi Ngài hầu-cận bên phải đức Phật A-Di-Đà tại thế-giới Cực-lạc thì trong kinh *Quán Vô-Lượng Thọ* có nói rằng: “Thân lượng lớn nhỏ của Bồ-tát này thì cũng như

đức Quán-thế-Âm: vầng ánh-sáng tròn quanh mặt đều có 125 do tuần, chiếu sáng 250 do tuần, ánh quang-minh lúc động thân, chiếu đến các nước ở mười phương, thành màu vàng tía; chúng sanh có duyên đều được trông thấy; chỉ được thấy ánh sáng một lỗ chân lông của Bồ-tát này, tức thấy quang-minh tịnh-diệu của vô lượng chư Phật ở mười phương; bởi vậy danh-hiệu của Ngài là Vô-biên Quang.

Dùng ánh sáng trí-tuệ chiếu khắp tất cả, khiến lia ba đường dưới (tức nga-quỷ, địa-ngục, súc sanh), được sức vô thượng cho nên hiệu của Bồ-tát này là Đại-Thế Chí. Mũ trời của Ngài có 500 hoa báu, mỗi hoa báu có 500 đài báu. Trong mỗi đài đều hiện tượng rộng lớn các quốc-độ tịnh-diệu của chư Phật mười phương. Nhục-kế trên đỉnh, như hoa-bát-đầu ma, trên nhục-kế có một bình báu đầy đủ ánh sáng quang-minh hiện khắp các Phật sự. Còn các tướng khác thì như Quán-thế Âm, không có sai khác bao nhiêu”.

Do đó, có thể biết là tại thế-giới cực-lạc ở phương tây, hình-tượng của Bồ-tát này so với hình tượng của đức Quán-thế Âm tuy rất giống nhau, nhưng có một điểm chẳng giống. Đó là trong mũ báu của đức Quán-Âm thì hiện Hoá-Phật, còn trong mũ báu của đức Đại Thế-Chí lại hiện bình báu.

Hình tượng của Ngài tại Viện Quan-Âm trong Thai-tạng giới thì trong *Chư Pháp Bát Đồng Ký*, quyển ba, có nói: “Tại Tỳ-câu chi Quán-Âm bên trái, trong mũ có ngọc nhưng trong hình trên thì thấy trong mũ có tịnh bình, không có ngọc. Bàn tay phải của tượng đưa lên ngang trước ngực, trừ ngón cái ra các ngón khác đều co lại. Tay trái cầm hoa sen nở, bộ đầu hơn nghiêng về bên trái.”

Đức Thánh-tôn đứng một mình được người đời cung-phụng, đó là Bồ-tát Quán-thế Âm. Chỉ có đức Đại Thế-Chí thì ít thấy Ngài đứng riêng mà phần nhiều là đứng hầu bên phải của đức A-Di-Đà, thường thấy trong các hình ‘Tây-phương tam Thánh’.

## **ĐỨC PHỔ-HIÊN BỒ-TÁT**

Đức Thánh-tôn này tên chữ Phạn là Samantabhadra ‘Tam-mạn-đa-bạt-đà-la’ dịch là Phổ-Hiền, hoặc Biến-Kiết. Biệt hiệu là Chân-như Kim-cang. Ngài thường ở trên đỉnh của đường Phục-Hoặc (điều phục hoặc-nghiệp). Chữ Phổ trong tên Ngài là “phổ-biến”, tức cùng khắp; chữ Hiền là “hiền-thiện” tức hiền lành.



Trong *Đại Nhật Kinh Sớ* có nói: “Bồ-tát Phổ-Hiền nghĩa là hiền lành cùng khắp mọi nơi, tức là chỗ khởi nguyện làm cho tâm Bồ-đề và thân, khẩu, ý đều bình-đẳng, cùng khắp mọi nơi, thuần một diệu-thiện, đủ các công-đức cho nên lấy đó làm tên.” Trong Mật-giáo, Kim-Cang Tát-Đoả là biệt danh của Ngài.

Truyền thuyết nói rằng “Ngài sanh nơi Tịnh-độ ở phương tây của đức A-Di-Đà Như-Lai. Nhưng theo kinh *Bi-Hoa* nói thì Ngài là người con thứ tám trong số một ngàn người con của vua Vô-Tránh-Niệm. Ngài với Văn-Thù (người anh thứ ba của Ngài) đều đầy đủ trí-huệ và định-hạnh. Đức Văn-Thù thì cười sư-tử, biểu-thị trí-tuệ; còn Ngài thì cười voi trắng, biểu-thị định-hạnh. Ngài thường hầu hai bên trái, phải của Phật Thích-Ca.

Trong kinh *Pháp-Hoa*, phẩm Khuyến-phát có nói: “Người đời, hoặc đi, hoặc đứng mà tụng niệm kinh này thì đức Thánh-tôn này sẽ cười voi trắng sáu ngàn hiện thân đến trước mặt họ.”

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới thì Ngài ở phương đông-nam của viện Trung-đài tám cánh hoa, trụ tại viện Văn-thù. Trong Kim-Cang giới thì Ngài ngự tại vị trí thứ tư ở phương bắc của viện thứ hai.

Hình-tượng của Ngài khá nhiều mà phần lớn thì cười voi trắng sáu ngàn, đầu đội mũ báu có năm đức Phật, tay phải cầm chày kim-cang, tay trái cầm chuông lắc kim-cang.

Hình tượng Ngài trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới thì trong *Chư Pháp Bát Đổng Kỳ* quyển hai nói rằng: “Tại cánh hoa góc đông-nam thân thường màu da người, chư tôn tiếp sau. Nếu màu da người thì đầu chẳng đội mũ

báu, mà mũ có năm đức Phật, lại buộc lụa vẽ màu trắng, đeo vòng tay, anh-lạc, ngọc xanh, vòng xuyên, ngồi bán-già trên hoa sen màu cam. Bàn tay phải mở ra, cổ tay hơi nghiêng, ngón áp út và ngón út co lại, đầu hướng về bên phải”. Theo *Thai-tạng giới* tập thứ 7, quyển thượng có nói: “Màu da người, tay trái cầm hoa sen, trên có kiếm, đội mũ năm đức Phật; tay phải để ngửa, hướng ra ngoài, vv.”

Từ đời trung-cổ đã thấy lưu-hành tượng vẽ, có mười nữ La-sát cưỡi mây theo sau Ngài. Tên của mười nữ La-sát đó là: Lam-bà, Tỳ-Lam-bà, Khúc-xỉ, Họa-xỉ, Hắc-xỉ, Đa-phát, Vô-yếm túc, Trì-anh lạc, Cao-đế, Đoạt-nhất thiết chúng sanh tinh-khí (Xem chi tiết ở chương X, mục 4: Phổ-Hiền, mười nữ La-sát.)

Có một loại tượng gọi là “Nhi Phổ-Hiền” tức là đồng thân (thân nhi-đồng từ 15 tuổi trở xuống) của Bồ-tát Phổ-Hiền: ngồi hoặc nằm xoạc chân trên voi trắng, tư thế xem kinh; ý nói lúc thiếu thời Ngài đã chuyên tâm vào Phật-pháp.



## ĐỨC PHỔ-HIỀN DIÊN-MỆNH BỒ-TÁT

Đức Thánh-tôn này tên chữ Phạn là Vajramogha-samayasattva ‘Phạ-viết-



la-mẫu-già-lam-tam-muội-da-tát- đát - phạ’ dịch là Diên-Mệnh Bồ-tát. Tại Mạn-đà-la của Thai-tạng giới trên Ngài là Đại An-lạc Bất-không Chân-Thực Kim-cang, biệt danh là Diên-Mệnh Quán-Âm. Nhân vì Ngài có đức-phận là cho diên-mệnh<sup>28</sup> tăng-ích<sup>29</sup> cho nên gọi Ngài là Diên-Mệnh Quán-Âm.

Hình tượng của Ngài có hai loại: loại hai cánh tay và loại 20 cánh tay.

Trong *Phổ-Hiền Diên-Mệnh Kinh* có nói: “Như đồng-tử Mãn-Nguyệt, đầu Ngài đội mũ năm Phật-đảnh, tay phải cầm chày kim-cang, tay trái cầm chuông kim-cang, đeo tóc mượt buông thõng, ngồi trên cánh hoa báu, dưới hoa có vua voi trắng ba đầu, cong vòi giữ chày một chấu, mỗi đầu đều có sáu

ngà; voi có bốn chân, một chân đạp lên bánh xe kim-cang lớn, dưới đó có năm ngàn bầy voi, mỗi con mang một bánh xe. Toàn thân Ngài phóng ra 100 ánh sáng báu; ngoài ánh sáng có mặt trời tròn như bánh xe trắng, sáng rực-rỡ, trang-nghiêm.” So với Bồ-tát Phổ-Hiền phổ-thông hẳn nhiên là chẳng đồng.

Trong *Chư-Thuyết Bất-Đồng Kỳ* quyển ba có nói: “Bồ-tát này trong Kinh không nói mà trong Nghi Quỹ có tên. Theo như trong hình thì trên đầu Ngài đội mũ năm đức Phật, có hai mươi cánh tay, đeo vòng tai ngọc xanh, bên tay phải thứ nhất để đứng, ngón giữa co lại, cùng với ngón áp út giữ chày kim-cang năm chấu; tay kế buông xuống đến cạnh lưng, trong tay cầm chày ba chấu, tay kế tiếp cầm chuỗi hạt, sau nữa là tay cầm ngọc xanh, đến tay cầm câu móc, tay nữa không cầm gì nhưng ngón trở của bàn tay này cong lại giống hình móc câu. Đến tay kế tiếp thì cầm tên, kế tiếp nữa là tay cầm lụa trắng.

<sup>28</sup> kéo dài tánh mệnh để làm lợi ích thêm lâu

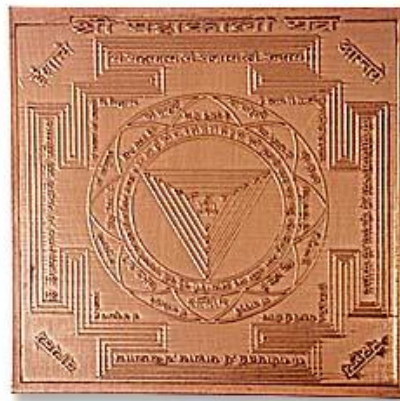
<sup>29</sup> thêm phần ích lợi

Về bên trái, một tay cầm hoa sen, một tay cong bàn tay, ngón trở làm móc câu đặt nơi trục, một tay giữ giáp trụ, một tay cầm chuông lắc, một tay cầm răng, một tay cầm chuỗi hột, tay cầm chày yết-ma, tay cầm ngọc xanh, tay cầm kiếm, bàn tay nắm lại, chỉ để ngón trở để nơi trục bánh xe; thân ngồi kiết-già trên hoa sen hồng.”

Trong *Giác Thiên Sao* thì nói: “Khẩu-quyết là: thông thân của Thánh-tôn này màu vàng, đầu đội mũ báu năm trí, đầy đủ 20 cánh tay, để nắm giữ 16 tôn với 4 tam-ma-đa làm tiêu-biểu (bên trái là tát, vương, ái, hỷ, bửu, quang, tràng, tiểu, câu, sách; bên phải là: pháp, lợi, nhân, ngữ, nghiệp, hộ, nha, quyền, linh). Thân khoác áo nhẹ rất dịu-dàng, đeo tóc mượt thả lỏng, ngồi trên cánh hoa báu, dưới hoa có bốn voi trắng, đều đứng hướng về bên ngoài, trên lưng voi có bốn vị thiên-vương đứng hướng về bên ngoài, thề che chở cho thế-giới, vv.”

Kế đến, đức Bồ-tát chân-thực Đại An-lạc Bất-không được sắp xếp trong viện Biến-tri tức Bồ-tát Phổ-Hiền Diên-Mệnh, thì trong *Bi Hạng Ký* có ghi hình tượng như sau: màu da trắng, mũ báu có năm đức Phật, có 20 cánh tay, đều gồm 16 vị đại Bồ-tát, bốn nhiếp-tam-muội-đa.”

Hình tượng của Bồ-tát Diên-Mệnh thì trong *Nhiếp Vô-Ngại Kinh* có nói: “Thân Ngài màu vàng đậm, có 20 cánh tay. Bên trái 10 tay cầm các vật: ngọc báu, kiếm báu, kim-luân (bánh xe vàng), tượng kim-cang, bảng bài (bản để đánh đuổi tà), chuông lớn kim-cang, chuông nhỏ kim-cang, hoa sen lớn, chuỗi hột, bắt ấn-quyền (nắm tay lại). Bên phải mười tay cầm các vật báu: kích tiêu, kim-cang quyền, Hoá-Phật, báu kim-cang, gương báu, dây tơ kim-cang, ấn thí vô-úy, bặt-chiếc-la, chày năm chấu, bặt-nhật-la. Trăm ngàn loại anh-lạc diệu man, vv. . thân Ngài trang-nghiêm, ngồi trên hoa phả-đầu-ma.”



manakali-manakali yantra

## ĐỨC VĂN-THÙ BỒ-TÁT

Đức Thánh-tôn này còn gọi là Văn-thù Sư-lợi Bồ-tát, tên chữ Phạn là



Manjushri ‘Văn-Thù Sư-Lợi’, hoặc ‘Mạn-Thù Bửu-lợi’, dịch là Diệu-Kiết tường, Diệu-Âm, Phổ-Thủ, Nhu-Thủ hay là Kính-Thủ, v.v... Ngài cùng với đức Phổ-Hiền đều là bậc thân-cận của đức Thích-Ca, chuyên chăm nom môn trí-tuệ. Trong số các Bồ-tát thì Ngài được gọi là trí-tuệ bậc nhất. Trong *Kinh Thủ Lăng Nghiêm* có nói: Ngài từ trước đã từng được tôn xưng là Long-chủng Thượng-tôn vương Phật. Biệt hiệu Ngài là Kiết-Tường Kim-Cang, hay là Bát-Nhã Kim-Cang.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, Ngài ngự tại vị-trí tây-nam của viện Trung-đài tám cánh hoa. Trong viện Văn-thù thì Ngài ở địa vị chủ tôn. Trong

Mạn-đà-la của Kim-Cang giới thì Ngài ngồi ở cương-vị thứ nhất tại phương Bắc trong số 16 Thánh-tôn của Hiền-kiếp. Dựa vào số chữ nhiều ít tại Mặt-bộ, người ta chia ra: nhất tự Văn-thù, ngũ tự Văn-thù, lục tự Văn-thù, v.v. Dựa vào hình trạng của nhục-kế trên đỉnh Ngài, người ta lại chia ra: nhất kế Văn-thù, ngũ kế Văn-thù, bát kế Văn-thù, v.v. .

Cũng như Bồ-tát Phổ-Hiền, Ngài có một dạng nhi Văn-thù (tức Văn-thù đồng tử) và các loại của hình tượng cũng khá nhiều.

Nói về hình tượng của Ngài trong viện Trung-đài tám cánh hoa thì trong *Chí Bí Tạng Ký* có ghi rằng: Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi ở phương tây-nam, đầu đội mũ ngũ kê màu vàng, tay trái cầm hoa sen xanh, trên có bạt-chiết-la ba chấu, tay phải cầm cái tráp Phạn.

Trong *Đồ Tượng Sao* có ghi hình tượng Ngài như sau: “Đầu đội mũ ngũ kê, tay phải cầm trí-kiếm, tay trái cầm hoa sen xanh. Ngũ kê trên đỉnh biểu thị năm trí nội-chứng, kiếm bén cầm ở tay phải biểu thị cho trí-tuệ sắc bén. Tại nước Tàu người ta thường lấy Bồ-đề Lạc-sơn làm Tịnh-độ Quan-Âm, còn Ngũ-đài sơn Thanh-lương thì làm Tịnh-độ Văn-thù.”



Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi có 8 đại đồng-tử làm quyến thuộc. Tên của tám vị này là: Kế-thiết-ni đồng tử, Ô-bà kế thiết-ni đồng-tử, Chất-đa-la đồng tử, Địa-tuệ đồng tử, Thịnh-triệu đồng tử, Quang-võng đồng tử, Vô-cấu quang đồng tử, Bất-tư-nghì tuệ đồng tử. (Xem chương X, mục 5: Tám đại đồng-tử của Văn-Thù)

## ĐỨC HƯ-KHÔNG TẠNG BỒ-TÁT

Đức Thánh-tôn này tên chữ Phạn là Akashagarbha ‘A-ca-xá-bách-bà’,



dịch là Hư-Không tạng, hoặc Hư-Không để. Biệt hiệu là Như-ý Kim-cang, Khố-tàng Kim-cang, hoặc Phú-quý Kim-cang, v.v.. Bồ-tát này thường trụ tại thế-giới tập nhất thiết hương. Trí-tuệ của Ngài rất rộng, rộng lớn như hư không.

Nơi pháp giới hư không, Ngài chẳng những chỉ cho tất cả chúng sanh giác ngộ mà còn lấy lòng đại bi làm lợi cho họ: sự giàu sang của Ngài, vật sở hữu của Ngài, đầy khắp ba cõi cho nên ba cõi còn được gọi là Tam-hữu.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, Ngài ngự tại vị trí đầu của viện Hư-không tạng; tại viện Thích-Ca, Ngài cũng là thị-giả của đức Thích-Ca. Đến Mạn-đà-la của Kim-Cang giới, Ngài

được sắp xếp vào hàng một trong số 16 Thánh-tôn của hiền kiếp, trụ ở ngoài hành-lang tại phương nam. Kim-Cang Bửu Bồ-tát tại Kim-mạn (Mạn-đà-la của Kim-Cang giới) là một biệt danh của Ngài.

*Hư-Không Tạng Kinh* nói: Nếu có người muốn được trí-huệ, muốn được yêu mến che chở trong nhà lớn, muốn được cổ họng mát, giọng ca hay, muốn được ở vị-trí đế-vương và trăm quan, muốn được đủ các loại tài-sản và quyến thuộc đông đầy, đồng thời có thể được vang danh trong thiên-hạ sau khi đã làm được điều lành, ắt phải nên thường niệm danh-hiệu của đức Thánh-tôn này, nhất định người niệm sẽ được thưởng như điều họ đã ước nguyện.”



Đức Thánh-tôn này gồm đủ hai môn trí-tuệ và phước-đức, cho nên từ xưa đến nay số người tin thờ Ngài rất nhiều.

Trong *Đại-Tập Kinh*, phẩm Hư-không tạng thứ 14 có nói: “Thiện nam tử! Thí dụ nhiều vị trưởng giả giàu có lớn, các chúng dân có của cải tràn đầy, kho tàng vô lượng mà tâm lại keo kiệt chẳng hay bố-thí. Đến lúc bỏ tâm keo kiệt ấy đi và làm việc bố thí, thì những kẻ đến xin, ắt ai ai cũng sẽ được tùy ý nhận lãnh: chớ vị kia có thể mở hết các kho báu lớn mà cấp phát cho họ, tất cả họ sẽ được vui thích.

Vị trưởng giả bố-thí rồi, tâm sẽ hoan-hỷ không có hối tiếc. Thiện nam tử! Bồ-tát Hư-không tạng lại cũng như thế vì lúc đó sức thần-thông của Như-lai: giữa chốn hư-không, tùy chỗ sở-cầu của chúng sanh, nếu là pháp thí hoặc là tài thí đều có thể cấp phát tất cả để cho ai nấy cũng được vui thích.”

Trong *Mạn-đà-la* của Thai-tạng giới thì hình tượng của Ngài tại viện Hư-không tạng, được *Chư Thuyết Bát Đẳng Ký* mô tả như sau: đến lớp thứ hai, ở phương Tây của viện Trung ương (ta thấy Ngài đầu đội mũ năm đức Phật, cánh tay phải cong như vòng cung cầm kiếm, kiếm có ánh sáng rực rỡ; tay trái chống nạnh, nắm tay ở bên hông cầm hoa sen, trên hoa sen có vật báu.”

Trong *Mạn-đà-la* của Kim-Cang giới thì Ngài là một trong số mười sáu tôn của Hiền-kiếp. Hình tượng của Ngài gọi là Kim-Cang tràng, hoặc Bửu-tràng Bồ-tát.

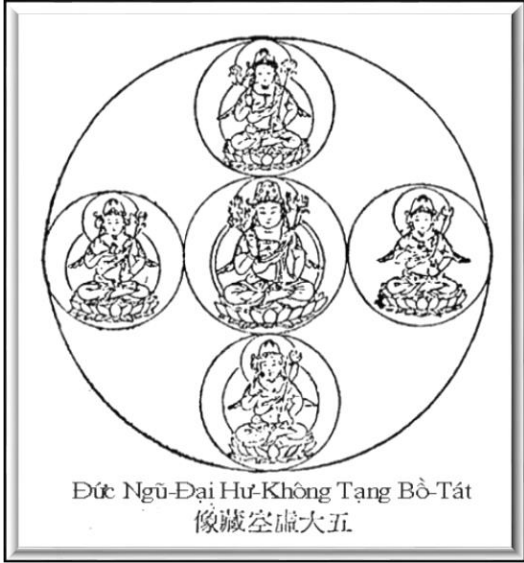
Trong *Kim-Cang Giới Thất Tập*, quyển thượng nói: “Ngài có màu da trắng, quỳn trái để ở lưng, tay phải cầm bửu châu.”

Tượng hai tay của Ngài thì: loại thứ nhất, theo *Niệm Tụng Kiết-Hộ-Pháp Phổ-thông*, *Chư Phật Thuyết*, tượng có tay trái bắt ấn thí vô-úy. Tay phải cầm hoa sen xanh, trên hoa có báu hồng-phả-lợi. Theo *Bát Đại Bồ-tát Mạn-đà-la Kinh thuyết*, thì loại thứ hai: tay phải ấn thí nguyện, tay trái cầm báu. Còn có loại tượng thứ ba, theo *A-sa-phạ Sao Thuyết*, vv. trên đầu đội mũ ba mươi lăm đức Phật.

Bồ-tát Hư-không tạng làm bốn tôn của Người cầu nghe trì pháp: phép tu này có thể được sức nhớ lâu.

## ĐỨC NGŨ-ĐẠI HƯ-KHÔNG TẠNG

Ngũ Đại Hư-không tạng, hoặc là Ngũ Đại Kim-Cang Hư-Không tạng, là



năm vị Phật của Kim-Cang giới, tức là: đức Đại Nhật ở trung-ương, Đức A-súc ở phương Đông, đức Bửu-sanh ở phương Nam, đức A-Di-Đà ở phương Tây, đức Bất-không Thành-tựu ở phương Bắc.

Đây là hình- tượng để cụ-thể hoá lúc chư vị trụ tam-muội Như-ý Bửu-châu: tại trung-ương là Pháp-giới hư-không tạng, biệt-danh là Giải-thoát Hư-không tạng, hoặc Trí-huệ Hư-không tạng.

Tại phương Đông là Kim-Cang Hư-không tạng, biệt danh là Phước-Đức Hư-không tạng, hoặc Ái-Kính

Hư-không tạng. Tại phương Nam là Bửu-quang Hư-không tạng, biệt danh là Năng-Mãn Hư-không tạng, hoặc Quan-vị Hư-không tạng.

Tại phương Tây là Liên-Hoa Hư-không tạng, biệt danh là Thí-Nguyện Hư-không tạng. Tại phương Bắc là Nghiệp-dụng Hư-không tạng, biệt danh là Vô-Cấu Hư-không tạng. Năm loại trên đây gọi chung là Ngũ-đại Hư-không tạng.

*Giác Thiên Sao* nói: “Phước-Trí Hư-không tạng ở phương Đông ngồi trên hoa sen xanh, cười trâu bạc. Năng-Mãn Hư-không tạng ở phương Nam ngồi trên hoa sen đỏ, cười voi vàng. Thí-Nguyện Hư-không tạng ở phương Tây, ngồi trên hoa sen trắng, cười ngựa lưu-ly. Vô-Cấu Hư-không tạng ở phương Bắc ngồi trên hoa sen tím, cười sư-tử. Giải-thoát Hư-không tạng ở trung-ương ngồi trên hoa sen vàng, cười rùa thủy-tinh.”

Hình tượng của chư toà được phân-biệt chính yếu là ở vật cười.

Tướng tốt của năm đại Hư-không tạng được tả như sau: “Trong một hình tròn lớn, vẽ năm hình tròn nhỏ. Trong hình tròn nhỏ ở giữa, vẽ Hư-không tạng màu trắng, tay trái cầm câu liêm, tay phải cầm báu vật.

Trong hình tròn nhỏ ở dưới hình tròn giữa, vẽ Hư-không tạng màu vàng, tay trái cầm câu, tay phải cầm báu kim-cang. Trong hình tròn nhỏ

bên phải, vẽ Hư-không tạng màu xanh, tay trái cầm câu, tay phải cầm báu tam-biện, phóng ra ánh sáng lớn.

Trong hình tròn nhỏ phía trên, vẽ Hư-không tạng màu đỏ, tay trái cũng cầm câu như trước, tay phải cầm hoa sen hồng lớn. Trong hình tròn nhỏ bên trái, vẽ Hư-không tạng màu tím, tay trái cũng cầm câu như trước, tay phải cầm báu kim-cang.”

Đó là “ngũ đại Hư-không tạng, cầu phước quán-pháp” (tức là pháp cầu phước suốt qua năm đại Hư-không tạng).

Pháp tu cầu chư Bồ-tát này là nhằm mục-đích được giàu sang và tiêu-trừ các tai ách do thiên-nhiên gây ra.

## ĐỨC ĐỊA-TẠNG BỒ-TÁT

Trong số nhiều tượng Phật được lưu-truyền ở Tàu thì thanh danh của



Ngài Địa-Tạng rất sâu rộng. Tên chữ Phạn của Ngài là Ksitigarbha ‘Cật-Xoa ĐỂ-bách-bà’, dịch Hán-Việt là Địa-Tạng, Trì-Địa, Diệu-Tràng, hay Vô-Biến tâm, v.v..

Sau khi đức Thích-Ca nhập-diệt, và trước ngày đức Di-Lặc ra đời thì Ngài là đấng cứu vớt tất cả chúng sanh trong đời ngũ-trược ác thế không có Phật này.

Trong *Đại-Thừa Đại Tập Địa-Tạng Thập Luận Kinh* quyển 1, có ghi rằng: “Bồ-tát này hiện thân Phạm-vương, thân Đại tự tại thiên, thân Phật, thân Thanh-văn cho đến thân Diêm-ma, v.v.. Các loại thân như thế đều nhằm để cứu-độ tất cả chúng sanh.”

Trong *Địa-Tạng Bồ-tát Bổn-nguyện Công-đức Kinh* có nói: “Tại cung trời Đao-lợi, Ngài Địa-Tạng đã nhớ đến tất cả chúng sanh, vì trong một đại-hội có trăm ngàn vạn ức chư Phật, chư Thiên, Long, Bát-bộ, không thể kể xiết, đức Phật đã giao-phó cho Ngài hoá độ tất cả chúng sanh trong các cõi Trời, Người chưa ra khỏi nhà lửa của tam-giới.”

Địa-Tạng Bồ-tát hiển-hiện trong sáu đường luân-hồi nên tùy theo mỗi đường, Ngài có một danh-hiệu khác:

1. Chuyên cứu-độ đường Địa-ngục thì gọi là Kim-Cang nguyện Địa-tạng, tay trái cầm xương sọ người, tay phải kiết ấn Cam-lồ.

2. Chuyên tế-độ đường Ngạ-quỷ thì gọi là Kim-Cang bửu Địa-tạng, tay trái cầm bảo-châu, tay phải kiết ấn Cam-lồ.

3. Chuyên cứu-độ đường Súc-sanh thì gọi là Kim-Cang bi Địa-tạng, tay trái cầm nhánh dương liễu, tay phải kiết ấn Tiếp-dẫn.

4. Chủ cứu-độ đường A-tu-la thì gọi là Kim-Cang tràng Địa-tạng, tay trái cầm tràng kim-cang, tay phải kiết ấn Thí vô-uy.

5. Chủ độ cõi Nhân-gian thì gọi là Phóng-quan Địa-tạng, tay trái cầm nhánh dương-liễu, tay phải kiết ấn Dữ-nguyện.

6. Chủ cứu-độ cõi Trời thì gọi là Dự-Thiên-hạ<sup>30</sup> Địa-tạng, tay trái cầm như-y châu, tay phải kiết ấn Thuyết-pháp.

Riêng có một thuyết gọi Ngài với sáu danh hiệu khác đó là: Hộ-tạng Địa-tạng, Diên-mệnh Địa-tạng, Mâu-ni Địa-tạng, Tán-long Địa-tạng, Phá-thắng Địa-tạng, Bất Hư-tức Địa-tạng.

Lại có một thuyết cũng nói về Ngài trong số chín Thánh-tôn ở viện Địa-tạng tại Mạn-đà-la của Thai-tạng giới. Trong chín vị đó có sáu vị Kiên-Cố ý, được gọi là sáu đức Địa-Tạng. Cũng trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới thì nhìn một trong bốn bên của đức Phật Bảo-Sanh ở phương nam thấy có Bồ-tát Kim-Cang tràng. Đó là một vị có tên khác mà đồng thể với Ngài Địa-tạng Bồ-tát.

Hình tượng của Bồ-tát Địa-tạng đứng một mình thì: đầu đội mũ trời, thân khoác áo cà-sa; tay phải cầm hoa sen, hoặc toàn thân màu trắng, tay trái cầm hoa sen, tay phải cầm bảo-châu.

Tuy nhiên, nhân vì đời sau tín-ngưỡng Ngài Địa-tạng, và làm theo kinh *Diên-Mệnh Địa-tạng* thấy có kết-quả nên lưu truyền hình tượng của Ngài; do đó thấy xuất hiện thêm tượng Ngài hình Thanh-văn trong tay cầm nhánh dương-liễu.



mani stone

---

<sup>30</sup> Chữ “*ha*” ở đây nghĩa là ‘đến để chúc mừng’.

## ĐỨC NHẬT-QUANG, NGUYỆT-QUANG BỒ-TÁT

Trước đây có nói: Hai bên đức A-Di-Đà thì có hai vị Bồ-tát. Đó là Ngài



Quán-Âm và Thế-Chí. Hai bên đức Thích-Ca thì có hai vị Bồ-tát Văn-Thù và Bồ-tát Phổ-Hiền. Nhưng có khi là hai Bồ-tát Dực-Thượng và Dực-Vương. Cũng theo một dạng thức ấy, hai bên đức Dực-Sư Như-Lai thì có: bên trái là Bồ-tát Nhật-Quang, bên phải là Bồ-tát Nguyệt-Quang.

Bồ-tát Nhật-Quang tên chữ Phạn là Suryaprabhasana ‘Tô-lị-dã-ba-la-bì-già-na’, mật-hiệu là Uy-đức Kim-cang. Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, Ngài trụ ở viện Địa-tạng; vì Ngài coi giữ ánh quang-minh chiếu khắp nên có đủ vô lượng công-đức của Bồ-tát Địa-tạng. Hình tượng của Ngài, trong Thai-tạng giới là hình Bồ-tát, da trắng, tay cầm bảo-tràng, tay phải kiết ấn Dữ-nguyệt,

ngồi trên hoa sen đỏ.

Trong *A-sa-pha Sao*, đoạn nói về Tịnh-độ Tịnh Lưu-ly có ghi dung-mạo tượng của Ngài như sau: Thân tượng thường thấy của Ngài Bồ-tát Nhật-Quang màu hồng đỏ, bàn tay trái đặt nơi mặt trời, tay phải làm nên hình hoa Mạn-chu màu đỏ, hoặc đã nở, hoặc chưa nở, hay mới nở nửa chừng, hay là nắm quả thật của loài hoa đó.”

Bồ-tát Nguyệt-Quang tên chữ Phạn là Candraprabha ‘Chiến-đạt-la-bát-lạt-bà’, còn có tên là Thánh Nguyệt-Quang Bồ-tát. Giống như mặt trăng sáng trắng giữa hư-không, muôn dặm không có mây, phóng ra hào-quang trong suốt, mát mẻ, không chút bợn nhơ. Ngài dùng pháp vui thanh-lương cao khiết để soi chiếu tất cả chúng sanh khiến họ hoan-hỷ, lìa khỏi các nạn khổ, sanh tử, phiền não, vv. .

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới Ngài trụ ở viện Văn-thù. Trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới thì vị trí của Ngài ở ngoài hành lang của phương Tây bắc.

Hình tượng của Ngài tại viện Văn-thù là: hình đồng nam, màu vàng,

tay cầm hoa sen chưa nở, tay trái cầm mặt trăng khuyết có một cánh hoa sen nhỏ bám vào, ngồi trên đài hoa sen màu đỏ.

Hình tượng của Ngài trong Kim-Cang giới thì: tay phải cầm hoa sen, trên hoa sen có hình bán nguyệt, tay trái đặt bên hông trái.

Ngoài ra còn có một loại hình tượng hai tay cầm hoa sen, trên hoa có hình bán nguyệt. Nhưng loại hoa này thì ít thấy hơn.

Trong *A-sa-phạ Sao* đoạn nói về Tịnh-độ Tinh Lưu-ly có ghi dung mạo tượng Ngài như sau: thân thường thấy của Bồ-tát Nguyệt-Quang màu hồng trắng, bàn tay trái làm hình mặt trăng tròn, tay phải cầm hoa sen trắng hồng.

## ĐỨC DƯỢC-THƯỢNG, DƯỢC-VƯƠNG BỒ-TÁT

Những người biết đạo Phật ở thế-gian, phần nhiều đặt hai Bồ-tát Phổ-Hiền và Văn-Thù ở hai bên đức Thích-Ca Như-Lai. Nhưng cũng có người đặt hai vị Bồ-tát Dược-Thượng và Dược-Vương thay vào chỗ đó. Trường hợp sau ít thấy hơn.



Dược-Vương là anh, tên chữ Phạn của Ngài là Bhaiṣajyaraja. Dược-Thượng là em, tên chữ Phạn của Ngài là Bhaiṣajya-samudgata.

Hai vị Bồ-tát này không nhập vào hai bộ Mạn-đà-la, nhưng rải rác trong các kinh điển có thấy nói đến hai Ngài.

Trong *Quán Dược Vương, Dược Thượng Nhị Bồ-tát Kinh* có nói về lai-lịch của hai Ngài như sau: trong kiếp quá-khứ xa xưa có vị Phật hiệu là Lưu-ly Quang Phật, danh hiệu là Chánh An-ổn, nước tên là Huyền-thắng tràng.

Sau khi đức Phật ấy nhập niết-bàn, đến thời kỳ tượng pháp có một ngàn vị tỳ-kheo phát tâm tu hành; trong số đó, có một vị tên là Nhật-Tạng, thông minh, đa trí, vì chúng-sanh mà nói pháp đại-bi bình-đẳng của Đại-thừa khiến đại-chúng sanh tâm hoan-hỷ, đem quả a-lợi-lặc và những món thuốc khác nhau cúng dường tỳ-kheo Nhật-



Tạng và chư vị khác. (?) Em của Tinh-Tú quang là Điển Quang-minh thấy anh phát tâm đại Bồ-đề, bèn chẳng theo anh đem lương dược cúng dường Nhật-Tạng và các tỳ khưu khác mà lại phát lời thệ-nguyện lớn. Lúc ấy, đại chúng tán thán cả hai người và gọi người anh là Dược-Vương và người em là Dược-Thượng.” Hai vị này mai sau sẽ thành Phật, xưng là Thế-Chí Như-Lai và Tịnh-Nhãn Phật.

Truyền thuyết nói rằng: khi còn tại thế, hai Ngài đã từng thiêu thân để cúng dường Phật, hết sức làm công-đức, giống như khói hương lữ lượt đầy khắp bốn phương, lâu đến ngàn năm vẫn không hết hạn lượng.

Trong *Uy-Nghi Hình Sắc Kinh* ghi về tôn tượng của hai Ngài như sau: trên đỉnh có mũ diệp báu, tóc màu cam rủ xuống hai bên tai, thân màu ánh mặt trời buổi sáng, “Định” đứng bên trái nhìn xuống gối, “Huệ” thủ bên phải chỉ mây trên mặt trời. Ngài ngồi kiết-già ép hai bên, tướng đại-bi cứu đời, thân trùm diệp-hoa-man, có áo trời và anh-lạc, vòng xuyên ở hai tay, dùng vải mịn làm khăn lưng, lụa hoa đỏ làm diệp xiêm. Thân tướng tốt trang-nghiêm, ánh sáng tỏa quanh thân, hoa sen báu làm toà, an-trụ trong vàng-nguyệt.

Hình tượng của hai Ngài không đồng với các Bồ-tát trong số hai mươi lăm vị đã được trình bày.

## ĐỨC MÃ-MINH BỒ-TÁT

Tên chữ Phạn của đức Thánh-tôn này là Ashvaghosa ‘A-thấp-phạ-lâu-sa’. Tại nước Nhật, Ngài được đa số dân chúng ở nông thôn thờ phượng. Sắc tướng Ngài da trắng, hai tay chấp lại, ngồi trên hoa sen trắng, đặt trên ngựa trắng, thân mặc áo trắng, có anh-lạc trang sức để biểu-lộ sự trang-nghiêm, đầu đội mũ hoa, chân phải thòng xuống ngang bụng ngựa.

Trong *Đồ Tượng Sao* có ghi tượng sáu tay. Trong *Thập Quyển Sao* và *A-sa-pha Sao* thì tượng sáu tay làm trung-tôn của Mạn-đà-la. Tượng có màu trắng, đầu đội mũ hoa, bên trái tay thứ nhất cầm bình báu (?), tay thứ hai duỗi ra, ngón cái đè



lên ngón áp út, tay thứ ba cầm tơ sợi. Bên phải, tay thứ nhất cầm sáo, tay thứ hai bắt ấn Thí-nguyện, tay thứ ba cầm cái rìu.

Bồ-tát Mã-Minh soạn ra bộ *Đại-Thừa Khởi Tín Luận* xuất sanh trong lòng Bà-la-môn ở thành Sa-kỳ-đa tại miền trung Ấn-độ. Ngài là một người học rộng, có nhiều tài năng. Trước kia tin theo ngoại-đạo, sau khi đến nước Ma-yết-đà cùng biện luận với các bậc học-giả theo Phật giáo, bị Phú-lâu-na khéo thu-phục làm đệ-tử. Về sau Bồ-tát du hành ở trung và bắc Ấn-độ, làm ra khúc hát Lại-xá Hoà-la để tiện tỏ bày giáo-lý, khiến cho 500 người con em dòng quý tộc thành Hoa-thị xuất gia. Nhân đó mà thanh danh Mã-Minh được truyền rộng đến khắp xứ Ấn-độ. Người ta gọi ngày ấy là ‘ngày công-đức’.

Sách do Ngài soạn ra rất nhiều. Những quyển chính đã được truyền sang nước ta gồm có:

- *Đại Trang-nghiêm Luận Kinh* do Ngài La-Thập dịch.
- *Phật Sở Hành Tán* do Đàm Vô Sấm dịch.
- *Đại-thừa Khởi Tín Luận* do Chân-Đế dịch.
- *Lục Thú Luân Hồi Kinh* do Nhật-Xứng dịch.
- *Thập-thất Thiện Nghiệp Đạo Kinh* và *Ni Kiền Vấn Vô Ngã Nghĩa Kinh*.

## HAI MƯƠI LĂM VỊ BỒ-TÁT

Đức Phật A-Di-Đà, giáo-chủ của thế-giới Cực-lạc ở phương tây là vị lãnh-đạo hai mươi lăm thánh chúng trong việc nghinh tiếp những hành-giả niệm Phật được vãng sanh. Hai mươi lăm vị Bồ-tát đó là:

- |                                 |                                   |
|---------------------------------|-----------------------------------|
| 1. Đức Quán Thế-âm Bồ-tát       | 2. Đức Đại Thế-chí Bồ-tát         |
| 3. Đức Dược-Vương Bồ-tát        | 4. Đức Dược-Thượng Bồ-tát         |
| 5. Đức Phổ-Hiền Bồ-tát          | 6. Đức Pháp Tự-Tại Bồ-tát         |
| 7. Đức Sư-Tử Hống Bồ-tát        | 8. Đức Đà-la-ni Bồ-tát            |
| 9. Đức Hư-Không Tạng Bồ-tát     | 10. Đức Đức-Tạng Bồ-tát           |
| 11. Đức Bửu-Tạng Bồ-tát         | 12. Đức Kim-Tạng Bồ-tát           |
| 13. Đức Kim-Cang Tạng Bồ-tát    | 14. Đức Sơn-Hải Tuệ Bồ-tát        |
| 15. Đức Quang-Minh Vương Bồ-tát | 16. Đức Hoa-Nghiêm Vương Bồ-tát   |
| 17. Đức Chúng-Bửu Vương Bồ-tát  | 18. Đức Nguyệt-Quang Vương Bồ-tát |
| 19. Đức Nhật-Chiếu Vương Bồ-tát | 20. Đức Tam-Muội Vương Bồ-tát     |



21. Đức Định Tự-Tại Vương Bồ-tát 22. Đức Đại Tự-tại Vương Bồ-tát  
 23. Đức Bạch-Tượng Vương Bồ-tát 24. Đức Đại Uy-Bức Vương Bồ-tát  
 25. Đức Vô-Biên Thân Bồ-tát

Hai mươi lăm vị Bồ-tát trên đây đều hộ-niệm cho chúng sanh niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà. Tôn danh của chư vị cũng từ kinh *A-Di-Đà Phật Quốc* mà ra. Truyền thuyết nói rằng kinh ấy là một quyển *ngụy*<sup>31</sup> kinh xưa nay.

Tôn dung của chư vị hoặc đứng hoặc ngồi, có tượng vẽ hay bằng gỗ, với các vật cầm tay cũng không thống- nhất nhau. Chư vị đều hầu chung quanh Phật A-Di-Đà trong ánh hào quang màu vàng rực rỡ, có mây tía vân vũ, có nhạc trời phát ra những điệu âm ca hát, để tiện nghinh tiếp chúng sanh niệm Phật.

Hình tượng của hai mươi lăm vị Bồ-tát được mô tả như sau:

1. Quán Thế-âm Bồ-tát: Ngài hầu bên trái đức A-Di-Đà, hai tay bưng đài sen tía, phần trên của thân hơi nghiêng về phía trước. Ngài đứng trên hoa sen. Có tượng ngồi, gương mặt mỉm cười, tỏ vẻ nghinh tiếp hành giả niệm Phật. (Xin xem lại chương VIII – Bồ-tát bộ.)



2. Đại Thế-chí Bồ-tát: song song với đức Quán Thế-âm, Ngài hầu bên phải Phật A-Di-Đà, hai tay chắp lại, đứng hoặc ngồi trên đài sen. Ngài chủ trì việc khen ngợi hành giả được vãng sanh thế-giới cực-lạc.

3. Dược-Vương Bồ-tát: tay trái cầm tràng phan, đứng trên đài sen, tỏ vẻ hoan hỷ nghênh đón hành giả được vãng sanh thế giới cực-lạc.

4. Dược-Thượng Bồ-tát: hai tay cầm giữ ngọc-phan, như đang đứng hóng gió, mặt tươi cười.

5. Phổ-Hiền Bồ-tát: thông thường Ngài cười voi trắng, trong số 25 vị Bồ-tát này, hình tượng của Ngài có hai tay cầm lọng che, tỏ vẻ tán thán hành-giả mới được vãng sanh.

6. Pháp Tự-Tại Bồ-tát: hai tay Ngài cầm chuỗi hoa, biểu-thị sự hoan-hỷ phát xuất từ đáy lòng, tỏ vẻ đến nghinh tiếp

<sup>31</sup> *ngụy*: dối trá, không được danh chánh ngôn thuận.

hành-giả với lời ca, điệu múa. Có thuyết nói Ngài với Bồ-tát Văn-Thù chỉ là một, nhưng mà khác tên.

7. Sư-Tử hống Bồ-tát: Ngài đứng trên đài hoa sen, thổi nhạc khí, tỏ ra có đủ uy-đức vô-úy, giống như chúa tể của loài vật, dũng-mãnh. Trong kinh *Duy-Ma*, phẩm Phật-quốc, có nói: “Sư-tử hống... tên nghe khắp mười phương hàng phục ma oán, chế-ngự ngoại-đạo, hết thấy đều đã thanh-tĩnh, vĩnh viễn xa lìa các sự trói buộc, ngăn che, tâm thường an-trụ, giải-thoát vô-ngại.”

Do đó, có thể thấy rằng uy-đức của Bồ-tát này; mặc-dù ai đó là hạng siêu-phàm nhưng cũng khó lòng mà so-sánh được.

8. Đà-la-ni Bồ-tát: hai tay cầm nhẹ một góc áo trời, cất chân phải, tỏ vẻ rất khoan-khoái nên nhảy múa. Đà-la-ni là chữ Phạn, dịch sang Hán-Việt là tổng-trì, hoặc năng-trì. Trong *Bí Tạng Ký Sao* nói: “Đà-la-ni là tổng-trì, một chữ Đà-la-ni bao gồm tất cả tư-tưởng, giống như trời đất bao hàm tất cả vạn-vật.” Vì vậy, có thể nói sức bao-bọc của Thánh-tôn này rất to lớn; do đó mà Ngài có tên như vậy.

9. Hư-Không Tạng Bồ-tát: Ngài đứng trên đài hoa sen, hai tay đánh trống. (Xin xem lại chương VIII – Bồ-tát bộ.)

10. Đức-Tạng Bồ-tát: Ngài đứng trên đài hoa sen, hai tay làm động tác thổi cái sên<sup>32</sup>. Đức Thánh-tôn này có vô lượng bi-tâm, ứng với căn cơ của tất cả chúng sanh, mở kho báu công-đức đại-bi để làm lợi ích giáo-hoá tất cả.

11. Bửu-Tạng Bồ-tát: Ngài đứng trên đài hoa sen, làm động tác thổi sáo. Bí-tạng của Thánh-tôn này có bảy loại trân bảo, ứng với nguyện-vọng của tất cả chúng sanh. Tùy thời, Ngài đả-khai bửu-tạng, chia đều, cấp phát cho tất cả chúng sanh, khiến họ có thể đạt được các loại ân-huệ.

12. Kim-Tạng Bồ-tát: Ngài đứng trên đài hoa sen, làm các động tác như chơi đàn, chép sách. Dựa vào công-đức như tên gọi, đức Thánh-tôn này



<sup>32</sup> Một loại nhạc cụ thuộc bộ hơi, làm bằng quả bầu, trên đó khoét 13 lỗ, thổi ra âm thanh nghe rất hay.

gia-nhập thánh chúng của Tịnh-độ Cực-lạc. Công-đức của Ngài đầy đủ, giống như vàng ròng, nên gọi là Kim-Cang bất hoại; nước lửa chẳng xâm phạm. Dùng các thí dụ đó để biểu-thị công-đức trong sạch bền vững của Ngài, không gì có thể làm dơ bẩn được.

13. Kim-Cang Tạng Bồ-tát: Ngài ngồi trên đài hoa sen, làm động tác đánh đàn. Đức Thánh-tôn này có đủ trí-tuệ kim-cang chẳng hoại. Để dứt trừ hết các nghi-hoặc và phiền-não chướng của chúng sanh, Ngài lấy đại công-đức vô-tận cấp cho tất cả chúng sanh, nhân đó mà có tên như vậy.

14. Sơn-Hải Tuệ Bồ-tát: Tay trái dặt trên đầu một chiếc không-hầu<sup>33</sup> có ba mũi nhọn; tay phải làm động tác từ bỏ nhẹ nhàng. Trí-đức cao khiết của Thánh-tôn này, giáo-hoá và làm lợi-ích cho tất cả chúng sanh. Trí-đức cao thâm của Ngài giống như núi cao, biển sâu, cho nên Ngài có tên như vậy.

15. Quang-Minh Vương Bồ-tát: Ngài ngồi trên đài hoa sen, làm động tác đang gảy đàn tỳ-bà. Tên của Ngài được giải thích như sau: hai chữ Quang-Minh bày tỏ trí-tuệ sáng suốt; chữ Vương diễn tả ý 'hơn hết'; thành ra Quang Minh Vương là 'sáng suốt như ánh quang minh mặt trời mặt trăng của chư Phật, không gì vượt qua nổi. Vì vậy mà gọi Ngài là Quang-minh Vương Bồ-tát."

16. Hoa-Nghiêm Vương Bồ-tát: Ngài đứng trên đài hoa sen, hai tay làm động tác tán-thán. Nhân vì Ngài làm vạn hạnh như hoa, dùng hoa đó để trang nghiêm quả địa nên gọi là Hoa-Nghiêm, hoặc muôn đức của quả Địa như Hoa, lấy pháp thân để trang nghiêm quả địa ấy nên gọi là Hoa-Nghiêm.

17. Chúng-Bửu Vương Bồ-tát: Ngài đứng trên hai đài sen làm động tác đánh xập-xõa. Ngài có bảy loại trân bảo. Ngài tập hợp được tất cả châu báu<sup>34</sup> vào một thân, ứng hợp với các căn cơ của chúng sanh, cấp phát bình-đẳng cho tất cả.

18. Nguyệt-Quang Vương Bồ-tát: Ngài đứng trên hai đài sen, tay phải cầm trống rung, tay trái thì ngón giữa và ngón áp út cong lại cho ngón cái trải nhẹ qua, ngón trỏ và ngón út để đứng, cất nhẹ chân trái, tỏ vẻ rất vui thích làm động tác nhảy múa.

Đức Thánh-tôn này dùng tánh đức viên-mãn không khuyết như mặt trăng tròn sáng để làm lợi ích và hoá độ cho tất cả chúng sanh cho nên có tên như vậy.

---

<sup>33</sup> một loại nhạc cụ thời xưa, giống như cái đàn sắt (?) vậy.

<sup>34</sup> tiêu biểu cho các đức-hạnh tốt.

19. Nhật-Chiếu Vương Bồ-tát: Ngài đứng trên đài sen, làm động tác đánh chiêng. Ngài dùng trí-tuệ sáng suốt của mình soi phá hết thấy các chỗ u-ám của chúng sanh; ứng hợp với căn cơ của họ. Ngài lấy trí-đức ấy làm lợi-ích và hoá-độ cho tất cả chúng sanh.

20. Tam-Muội Vương Bồ-tát: Tay trái mang giỏ có nhiều hoa sen, tay phải như đang rải hoa, tỏ vẻ vui sướng ca ngâm. Đức Thánh-tôn này trong Tam-muội Sở-đắc có phần đức tự-tại, do đó mà có tên Ngài như thế.

21. Định Tự-Tại Vương Bồ-tát: Ngài ở phía sau cái trống lớn, được trang sức bằng ánh lửa sáng tốt đẹp, hai tay đang làm động tác đánh trống. Ở trong thiên-định, Ngài có thể biến hoá tự-tại; trong định lực, Ngài hiện ra ánh lửa; trong định nước, Ngài hiện ra sóng, có đủ phần đức tự-tại vô ngại. Do đó, mà có tên Ngài như vậy.

22. Đại Tự-tại Vương Bồ-tát: Ngài đứng trên đài hoa sen làm động tác gảy một nhạc cụ nhỏ chế bằng kim-loại. Đức Thánh-tôn này dựa vào phần đức biến hoá tự-tại vô- ngại của mình mà cứu độ tất cả chúng sanh. Do đó mà có tên Ngài như vậy.

23. Bạch-Tượng Vương Bồ-tát: Ngài đứng trên đài hoa sen, làm động tác thổi sáo. Ngài có uy-lực lớn như một thớt voi trắng, đầy đủ muôn đức, hay phát sức đại-từ. Ngài dùng uy-lực đại từ-bi để cứu vớt tất cả chúng sanh. Do đó mà có tên Ngài như vậy.

24. Đại Uy-Bức Vương Bồ-tát: Ngài lướt nhìn chuỗi ngọc, có tướng trạng đang nói pháp. Tên Ngài là Đại Uy-đức Vương, vì chữ ‘Đại’ bày tỏ sự rộng lớn vô-biên; chữ ‘Uy’ tức là oai thế; chữ ‘Đức’ nói về công-đức; chữ ‘Vương’ diễn tả ý tự-tại. Ngài dùng uy-đức rộng lớn vô-biên để cứu độ tất cả chúng sanh nên gọi như vậy.

25. Vô-Biên Thân Bồ-tát: Tay phải cầm nhánh dương-liễu, tay trái bắt ngọc trai. Ngài đứng trên đài hoa sen. Ngài đồng thể nhưng khác tên với Địa-tạng Bồ-tát.



## ĐỨC BÁT-NHÃ BỒ-TÁT

Bát-Nhã Bồ-tát tên chữ Phạn là Prajna-paramita ‘Ba-la-chỉ-năng-ba-la-



mật-đa’. Ngài là bốn tôn của kinh Đại-Bát-nhã, và là mẹ sanh trí-tuệ của ba đời chư Phật. Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, Ngài ở viện Trì-minh và viện Hư-không. Trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới, Ngài là một trong bốn vị Kim-Cang hộ-pháp thân cận đức Phật Bất-không Thành-tựu ở phương Bắc. Ngài đồng một bổn-thệ với các vị hộ-pháp kia.

Hình-tượng của Ngài Bát-Nhã Bồ-tát có hai loại – một loại sáu cánh tay và một loại hai cánh tay. Hai loại đó được phân-biệt như sau:

1. Tượng sáu tay trong viện Trì-minh của Mạn-đà-la thuộc Thai-tạng giới thì trong *Chư Thuyết Bất Đồng Ký*, quyển bốn, có ghi dung-mạo của Ngài như sau: bên trái Hồng-ca-la, phía dưới đức A-di-Đà, ở giữa có tượng sáu tay, đeo ngọc ở tai, mặc áo cà-sa kép bằng lụa màu ngọc xanh. Bên phải, tay thứ nhất để nghiêng lòng bàn tay, cong ngón trở và ngón cái áp vào nhau; tay thứ hai hơi giang ra, lòng bàn tay để đứng, co ngón áp út hướng về thân; tay thứ ba mở khuỷu buồng xuống đặt ở gối ấn thí- nguyệt. Bên trái, tay thứ nhất giữa bàn tay đặt nơi tim, cầm tráp Phạn; tay thứ hai giang ra, khuỷu tay thẳng, bàn tay để giữa, ngón áp út co hướng về bên trái, chỉ vào đầu; giữa bàn tay thứ ba đặt dưới rốn, ngón cái hơi cong. Thân ngồi kiết-già trên toà sen báu. Sau đỉnh có nhiều lớp hào-quang ngũ sắc.”

Trong *Thánh Phật-Mẫu Tiểu Tự Bát-Nhã Ba-la-mật-đa Kinh* có ghi tượng sáu cánh tay, ba mặt ba mắt, thân màu vàng, ngồi toà sư tử. Vật cầm tay thì: bên phải, một tay lần chuỗi hạt, một tay cầm tên, tay thứ ba bắt ấn thí- nguyệt. Bên trái, một tay cầm kinh, một tay cầm cung, tay thứ ba cầm ngọc như-ý.

2. Tượng hai tay: Loại tượng này có những hình dáng như sau:

a) Trong viện Hư-không của Mạn-đà-la thuộc Thai-tạng giới có tượng

hai tay, tay trái cầm kiếm, đặt ở bên hông, tay phải, để đứng, cong ngón trở và ngón giữa, thân mặc áo cà-sa.

b) Tay phải ấn thí-nguyện, tay phải cầm tráp Phạn. Trong *Đà-la-ni Tập Kinh* quyển ba nói: thân màu trắng, mặt có ba con mắt. Tướng giống thiên-nữ, hình mạo đoan-chính như hình Bồ-tát, ngồi kiết-già trên toà sư-tử; đầu đội mũ trời, phóng hào-quang to bằng cái nia, tai đeo ngọc báu, dưới đảnh đeo anh-lạc thất bảo, hai cánh tay co lại: tay trái co khuỷu đặt ở bên trên ngực, bàn tay ngửa ra, năm ngón duỗi; trong bàn tay có hộp chứa bảy kinh báu, trong đó có đủ mười hai bộ kinh, tức là tạng *Bát-nhã ba-la-mật-đa*. Tay phải thông xuống, bàn tay úp trên đầu gối phải, năm ngón duỗi thẳng, tức là tay vô-úy của Bồ-tát. Trên thân Bồ-tát quấn áo the năm màu, từ lưng trở xuống, mặc quần màu ráng đỏ buổi sáng.

c) Trong *Nhân Vương Bát-Nhã Niệm Tụng Pháp* nói: tay phải Ngài bắt ấn thuyết pháp, tay trái cầm tráp Phạn, v.v..

## ĐỨC ĐẠI-TUỶ CẦU BỒ-TÁT

Tên chữ Phạn của vị Thánh-tôn này là Maha-pratisara ‘Ma-ha-bát-la-đề-



tát-lạc’. Ngài là một Bồ-tát trong viện Liên-Hoa bộ của Mạn-đà-la thuộc Thai-tạng giới. Một danh hiệu nữa của Bồ-tát này là Đại Minh-vương. Ai niệm Bồ-tát và đọc tụng ngâm nga mật chú về Ngài thì cầu gì cũng được Ngài ban cho, đúng như sở-nguyện. Do đó mà có tên Ngài như vậy.

Về hình tượng của Ngài, trong *Mật Tạng Ký* có nói: Thân Ngài màu vàng đậm, có tám cánh tay. Bên trái, tay thứ nhất cầm hoa sen, trên có kim-luân phát ra ánh lửa, tay thứ hai cầm tráp Phạn; tay thứ ba giữ bảo-tràng; tay thứ tư cầm dây tơ. Bên phải, tay thứ nhất cầm bạt-chiết-la năm chấu; tay thứ hai cầm bàng câu; tay thứ ba cầm kiếm báu; tay thứ tư cầm búa.

## ĐỨC LONG-THỌ BỒ-TÁT

Tên chữ Phạn của Ngài là Nagarjuna ‘Na-già-át-la-thọ-na’, dịch là Long-

mãnh Bồ-tát, Ngài là đệ tử của Kapimala ‘Ca-tỳ-ma-la’ tôn-giả, học trò của Asvaghosa ‘Mã- Minh’ Bồ-tát.

Sử của Phật Giáo đại-thừa đã nâng cao thanh danh của vị Bồ-tát này. Ngài sanh trong giòng Bà-la-môn, tại nước Tỳ-đạt-bà ở miền nam xứ Thiên-trúc vào cuối thế kỷ thứ hai Tây-lịch, viên-tịch ở cuối thế kỷ thứ ba.

Trong *Phụ Pháp Tạng Nhân Duyên Truyện* và *Long Thọ Bồ-tát Truyện* có nói về Ngài như sau:

*Chuyện thông-minh kỳ-ngộ,  
Không từng diễn hai lần:  
Khi đang còn bú mớm,  
Nghe bốn vạn câu kệ  
Do Phạm Chí đọc tụng  
Trong kinh điển Vi-đà*

Thanh-danh lan rộng, nên tâm khởi kiêu-mạn, Ngài muốn tịnh cái tâm ấy thì mới bắt đầu thấy rằng: cái Muốn là gốc của sự Khổ. Tâm chán muốn, liền phát sanh ý-nguyện xuất gia. Muốn được thoát Ngã, phải đến Sa-môn cầu pháp xuất gia. Ngài đến tháp Phật, nhận giới xuất gia. Trong 90 ngày, Ngài đọc tụng ba tạng kinh đều thông hết các ý-nghĩa thâm-sâu, bèn cầu các kinh khác nhưng không được. Ngài vào Tuyết-son gặp một ông lão tặng cho kinh điển đại-thừa; thông được thực nghĩa các kinh đó nhưng Ngài vẫn chưa thoả nguyện mà còn cầu các kinh khác nữa. Sau nhập Long-cung Ngài lại đọc tụng kinh điển đại-thừa và cảm nhận rằng cần phải biểu-dương Phật pháp đại-thừa.

Tại nước Kosala ‘Kiều-tát-la’ ở nam Ấn-độ có dẫn chứng rằng: Ngài Long Thọ hoàng dương Phật-giáo tại nam Thiên-trúc. Ngài khắc-phục ngoại đạo, rộng giảng Ma-ha-diễn khiến cho 10 vạn người ở Bà-đề-xá chột tỉnh và khâm phục. Ngài lại làm năm ngàn bài kệ *Trang Nghiêm Phật Đạo Luận*, năm mươi bài kệ *Đại-từ Phương Tiện Luận*, lãnh đạo đại hạnh Mahayàna ‘Ma-ha-diễn’ (tức Đại-thừa) ở Thiên-trúc. Ngài còn tạo mười vạn kệ Vô-úy Luận, và từ Vô-úy Luận mà sanh ra Trung-luận.”

Bồ-tát Long Thọ có thỉnh được kinh điển đại-thừa ở Long-cung. Truyền thuyết nói rằng chủng tộc của Ngài lấy rồng làm tổ tiên, và chủng tộc này còn ở miền bắc Ấn-độ.

Bồ-tát Long Thọ còn được gọi là “Thiên-bộ Luận chủ”. Ngài soạn rất nhiều sách, sau đây là các sách chính yếu, một số đã được người Trung-Hoa dịch ra gồm có:



- *Trung Quán Luận,*
- *Thập Nhị Môn Luận*
- *Đại trí-độ Luận và Thập Trụ Tỳ-bà-sa Luận* do Ngài La-Thập dịch.
- *Thập bát Không Luận* do Chân-Đế dịch.
- *Đại-thừa Phá Hữu Luận* do Thí-Hộ dịch.
- *Bồ-đề Tâm Luận.*
- *Tán Pháp Giới Tụng.*
- *Thập Nhị Môn Luận.*
- *Quảng Đại Phát Nguyện Tụng.*
- *Bồ-đề tư-lương luận* do Đạt-ma-cấp-đa dịch.
- *Hồi Tịnh-luận* do Cù-Vân Lưu-Chi dịch.
- *Phương Tiện Tâm Luận* do Kiết-Ca-dạ dịch.
- *Phước Cái Chánh Hạnh Sở Tập Kinh* do Nhật-Xứng dịch.
- *Long Thọ Bồ-đề Khuyến Giới Vương Tụng* do Nghĩa Tịnh dịch.

Về hình tượng của Ngài thì trong *A-sa-phạ Sao* nói: “Ngài thân Thanh-văn, mặc áo cà-sa, ngồi trên hoa sen, hai tay chấp lại.”

Trong *Giác Thiên Sao* thì ghi rằng: Ngài là một trong số năm đức Phật A-di-Đà.





## MINH VƯƠNG BỘ

### ĐỨC BẤT-ĐỘNG MINH-VƯƠNG

Đức Thánh-tôn này là một trong số năm đại Minh-vương của Mật giáo.



Ngài là thân phần nộ của Đại-Nhật Như-Lai biến hoá ra, lúc phải hàng phục tất cả các ác-ma. Ngài giữ vị trí trung tôn của năm đại minh-vương, và cũng là thượng thủ của năm vị đó. Tên chữ Phạn của Ngài là Acala-natha ‘A-đà-la-năng-đà’, dịch là Bất-động hoặc Vô-động.

Lời thệ-nguyện của Ngài thì trong *Thắng Quân Quy* nói rằng: “Kẻ nào thấy thân ta mà phát-tâm bồ-đề, nghe tên ta mà dứt ác tu thiện, nghe ta nói thì được đại trí-huệ, biết tâm ta tức thân thành Phật.”

Trong Đông Mật thì năm đại Minh-vương được ghi chép như sau:

▪ Ở trung ương là đại thánh Bất-

động Minh-vương;

- Ở phương đông là Hàng Tam-thế Minh-vương;
- Ở phương nam là Quân-đà-Lợi Dạ-xoa Minh-vương;
- Ở phương tây là Đại Uy-Đức Minh-vương;
- Ở phương bắc là Kim-Cang Dạ-xoa Minh-vương;

Như vậy là thành hình-tượng của năm đại-tôn, nhưng dựa vào chỗ sở-truyền trong đài mật thì Kim-Cang Dạ-xoa Minh-vương ở phương bắc đối là Ucchusma ‘Ô-sô-sát-ma Minh-vương’ hoặc ‘Bất-Tịnh-Khiết vương’.

Năm đại Minh-vương này là do Phật-đà vì muốn bẻ gãy và hàng phục những chúng sanh quá cứng cõi mà hoá hiện ra thân phần-nộ để hộ-trì tam-bảo trong đời vị-lai. Chư vị là giáo-lệnh của năm đức Phật: Đại-Nhật,

A-Súc, Bửu-Sanh, Vô-lượng Thọ (A-Di-Đà), và Bất-không Thành-tựu. Các loại thân biến hoá này gọi là Giáo-lệnh luân thân.

Hình tượng của Bất-động Minh-vương có tượng hai tay, tượng bốn tay, và tượng sáu tay. Nhưng phần nhiều thường thấy là tượng hai tay.

Thân thông-thường của Bất-động Minh-vương mang sắc xanh đen, vẻ mặt giận dữ nhìn thẳng, chân răng cắn cứng, có tượng mở to đôi mắt, có tượng chỉ mở to một mắt, tay phải cầm kiếm, tay trái cầm dây; sau lưng xuất-hiện những ngọn lửa lớn, cháy lên mãnh-liệt; phần nhiều ngồi kiết-già trên bàn thạch hay trên toà sắt.

Tướng dũng-mãnh khôi vĩ của Ngài có thể khiến cho quỷ ác, yêu ma, trông thấy phải khiếp sợ. Kiếm bén ở tay phải biểu-thị đầy đủ công-năng đè nén sự giận-dữ, sân-ý và sự ngu-si tức là Tham-Sân-Si, là ba thứ độc hại đối với trí-huệ. Sợi dây ở tay trái có thể trói buộc tất cả những kẻ ỷ mạnh làm càn. Ngọn lửa dữ sau lưng Ngài có thể thiêu đốt hết thảy các thứ phiền-não. Do đó, tất cả các hình tướng kia là để biểu-hiện đức đại-bi của Ngài. Biệt hiệu của Ngài là Thường-trụ Kim-cang. Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, Ngài mở đầu phía bên trái của viện Trì-minh.

Trong kinh *Đại-Nhật* quyển thứ nhất, nói rằng: “Dựa vào phương Nát-lý-đế, Sứ Bất-Động Như-Lai cầm Huệ-kiếm, dây lưới; tóc trên đỉnh buông xuống vai trái. Mắt phải to nhìn thẳng mắt trái nhìn xiên. Tướng uy-nghiêm giận dữ, phát ra lửa cháy mạnh, ngồi yên trên thạch bàn.

Trong *Bất-Động Tôn Niệm tụng Bí Mật Pháp* có nói: “Ma-ê-thủ-la tức là vị chủ của ba ngàn thế-giới. Ngài có tâm ngạo-mạn cho nên chẳng chịu tuân theo lệnh triệu vời vì Ngài nghĩ như vậy: “Ta làm chủ ba cõi thì có tôn nào triệu được ta?” Rồi Ngài lại nghĩ: “Các vị trì-minh sợ tất cả mọi vật dơ xấu. Nay ta hoá hiện đủ các vật ấy, bao vây bốn bề, rồi đứng ở giữa họ; các vị trì-minh kia có thuật gì động chạm đến ta được?” Lúc bấy giờ Vô-động Minh-vương nhận giáo-lệnh của Phật triệu vời Ma-ê-thủ-la kia, thấy Ngài làm việc như vậy bèn hoá ra Thọ Xúc Kim-Cang và đi tìm bắt.

Khi ấy vị Bất-tịnh Kim-Cang đó, trong khoảnh khắc ăn hết mọi vật dơ uế kia, rồi bắt vị trời nọ đem về đến chỗ Phật ngự. Vị trời ấy liền nói: “Các người là một loại dạ-xoa, còn ta là một vị chư thiên chủ. Làm sao ta có thể nhận lệnh triệu vời của các người được?” Nói xong Ngài bèn trốn về. Cứ như vậy đến bảy lần. Lúc đó, Vô-động Minh-vương bạch Phật rằng: “Bạch Thế-tôn! Vị hữu-tình này vi-phạm pháp tam-muội-đa của chư Phật ba đời. Nay lấy gì mà trị?” Phật dạy: “Hãy dứt bỏ y đi.”

Khi đó Vô-động Minh-vương bèn bắt vị trời đỏ, dùng chân trái đạp trên đỉnh của y trong nửa tháng. Rồi lại dùng chân phải đạp trên đầu y nửa tháng. Bảy giờ vị trời Đại Tự-tại sắp mất mạng, trong lòng phiền muộn hết sức, liền chứng vô-lượng pháp và được thọ-ký. Do đó có thể biết uy-lực của Vô-động Minh-vương chẳng phải tầm thường.

Tại Đông-mật và trong Đài-mật, Ngài Bất-động Minh-vương rất được sùng bái, cho nên tại các tự-viện thuộc Tông-phái này có khá nhiều di-tích. Bất-động Minh-vương có tám đại đồng-tử làm quyến thuộc của Ngài, đó là: Tuệ-Quang đồng-tử; Tuệ-Hỷ đồng-tử; A-nậu-đa đồng-tử; Chỉ-Đức đồng-tử; Ô-câu-bà-nga đồng-tử; Thanh-Tịnh tỳ-khuu; Căng-yết-la đồng-tử; Chế-sa-ca đồng-tử. (Xem chương X, mục 6: Tám đại đồng-tử Bất-động.)

Ngoài ra, còn có thân biến hoá của Bất-động, gọi là Câu-lợi-ca-la Bất-động. Hình tượng của Ngài là thân rắn, trong tư-thế nuốt kiếm, đứng trên bàn đá.

## ĐỨC HÀNG TAM-THẾ MINH-VƯƠNG

Đức Thánh-tôn này cũng là một trong số năm Đại Minh-vương. Ngồi vị Ngài ở phương Đông, tức Ngài là thân phần nộ của Phật A-súc ở đông phương.



Có một thuyết trong Bà-la-môn giáo nói Ngài là thân biến hoá của chủ-thần Thấp-bà. Tên chữ Phạn của Ngài là Trailokya-vajra 'Đát-lệ-lộ-ca-phạ-nhật ra' dịch là Hàng Tam-thế, hoặc Thắng Tam-thế Minh-vương, Phần nộ Nguyệt Yểm, Bạt-Chiết La-Hồng.

Trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới đức Minh-vương này là thân phần nộ của Kim-Cang tát đỏa. Tại hội Hàng Tam-thế Yết-ma và Hàng Tam-thế Tam-muội-đa, Ngài giữ vị-trí chủ tọa.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, Ngài chủ trì Minh-viện ở góc Tây-bắc.

Hình tượng của đức Thánh-tôn này, thông thường thân Ngài có bốn

mặt, tám cánh tay, tướng rất ác, rất giận dữ, màu đen, chân trái mạnh có sức đứng đạp trên đầu của đại Tự-tại thiên. Chân phải đứng nhẹ trên mình Thiên-phi Ô-ma biểu-thị tư-tưởng dứt trừ phiền-não chướng và sở-tri chướng. Đại Tự-tại thiên biểu-thị dừng tánh thô-bạo cho nên phải dùng sức mạnh để đạp giữ. Thiên-phi Ô-ma biểu-thị tánh nhu-nhược của phái nữ, cho nên đạp nhẹ để giữ.

Trong *Hàng Tam-Thế Cực Thâm Mật Môn* có ghi hình tượng của Thánh-tôn này như sau: “Nếu nói về Hàng Tam-thế du-già thì Ngài dùng hai tay ấn nơi tim, bên phải một tay cầm chuông ngũ cổ, còn tay phần nộ thì làm tay gιο thẳng lên cầm tên và kiếm. Bên trái một tay cầm chuông ngũ cổ, kế đến cầm cung, rồi đến tay cầm dây. Tất cả đều duỗi thẳng cánh. Đầu có bốn mặt: mặt chính màu xanh; mặt bên phải màu vàng; mặt bên trái màu lục; mặt sau màu hồng. Các mặt đều giận dữ, Tự-tại thiên-vương và thiên phi làm toà; do đó, có thể biết đây là một loại hình tượng của Ngài.

Hình tượng phổ thông của Ngài chẳng nhiều quá hai, ba loại: có loại ba mặt tám tay, tượng đứng hoặc ngồi trên đài sen. Có loại hai tay, có loại ngồi trên bàn thạch; vật cầm trong tay cũng chẳng thống-nhất. Thông thường thấy tượng bốn mặt, tám tay, chân đạp Đại-thiên và Hậu-phi.

## ĐỨC QUÂN TRÀ-LỢI DẠ-XOA MINH-VƯƠNG

Đức Minh-vương này cũng là một trong số năm đại Minh-vương vừa kể



trên. Tên chữ Phạn của Ngài là Kunbali ‘Ách-mật Lý-đa quân trà-lợi’, dịch theo Hán-Việt là Cam-lộ bình. Hình mạo của Ngài giống như thân dạ-xoa, thường được gọi là Quân-đà-Lợi Dạ-xoa Minh-vương. Ngài là thân phần-nộ của Phật Bửu-sanh ở phương Nam. Riêng có một thuyết nói: “Ngài là Bồn-địa Hư-không tạng Bồ-tát, bồn cung thường trụ của Ngài ở tại phương nam núi Tu-di, nên lại có tên là Quân-đà-Lợi phương Nam. Nguyên tên của Ngài là Cam-lộ bình, vì Ngài dùng phần đức của Cam-lộ làm lợi-ích cho tất cả chúng sanh. Cam-lộ tượng trưng cho thần cách của Ngài.

Lúc Ngài ở trong số tám đại Minh-

vương thì tên riêng của Ngài là Đại-tiểu Minh-vương. Ngoài ra còn có các tên như Cam-lồ Minh-vương, Kiết-lợi Minh-vương, v.v.. Tại Mật-gia của Phật-bộ, Liên-Hoa bộ và Kim-Cang bộ, Ngài làm biệnsự Minh-vương và được thấy nhiều lần dưới nhiều danh hiệu khác nhau như Cam-lồ Quân-trà-lợi, Liên-Hoa Quân-trà-lợi, và Kim-Cang Quân-trà-lợi.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới thì Liên-Hoa Quân-trà-lợi của viện Liên-Hoa bộ, Kim-Cang Quân-trà-lợi Kim-Cang bộ và Cam-lồ Quân-trà-lợi của viện Tô-tất-địa đều là những vị đồng-thể, khác tên với vị Thánh-tôn này. Bí pháp tu hành dùng đức Thánh-tôn này làm chủ-thể được gọi là Quân-trà-lợi Dạ-xoa pháp, nhằm mục đích trừ đuổi tà ma, rắn dữ, phiềnnão, bệnh tật, hôn ám làm chướng-ngại v.v..

Trong *Cam-Lồ Quân-trà-lợi Bồ-tát Cúng Dường Niệm Tụng Thành Tựu Nghi Quỹ* của Bất-không Tam Tạng dịch, tiết một nói về Pháp đàn cứu bệnh có ghi: “Nếu đến lúc ăn uống, và trước khi chưa ăn, nhớ Ngài Quân-trà-Lợi, mà sốt thức ăn mỗi thứ một ít rồi trong tâm mật tụng thần chú Quân-trà-lợi 7 biến, tức thì Ngài Quân-trà-Lợi sẽ tùy theo chỗ ở của người đọc chú mà ủng-hộ cho. Nếu ngày ngày đều làm pháp ấy thì tâm của Ngài Kim-Cang Quân-trà-Lợi rất hoan hỷ, Ngài sẽ luôn luôn phò hộ cho mọi nơi, mọi chỗ.” Như vậy có thể nói rằng cứ niệm tụng đức Minh-vương này để có được công đức.

Hình tượng của Ngài đồng một dạng với Hàng Tam-thế Minh-vương. Hình khác dạng cũng rất nhiều: có tượng hai mặt bốn tay, tượng bốn mặt tám tay, v.v.. Nhưng tượng thường thấy ở thế-gian là tượng tám tay.

Về hình tượng của Ngài, trong *Đà-La-Ni Tập Kinh* đã ghi rất rõ: “Thân tượng của Ngài thường thấy màu xanh, hai mắt đều đỏ, tóc rối làm kế. Tóc trên đầu màu đen đỏ lẫn lộn như tam-muội hoả diêm (ánh lửa), mắt mở to giập dữ, răng trên lòi ra, bậm xuống môi làm thành khuôn mặt đại sân. Có hai con rắn đỏ hai đầu giao nhau thông xuống trước ngực, hai đầu chúng ngẩng lên, hai đuôi chúng thông xuống đến vai. Màu của hai con rắn này như màu rắn cổ vàng, khoang đen, đỏ cách khoảng nhau.

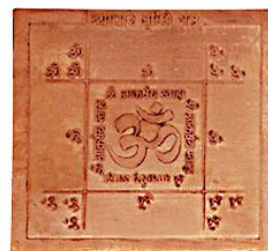
Trong tám tay thì bên phải, tay cao nhất cầm bạt-chiết-la, cánh tay co, hướng lên; dưới đó, tay thứ hai cầm trường kích hai đầu có ba chĩa, một mũi hướng lên trên và một mũi quay xuống; cánh tay để đứng lên. Dưới nữa là cánh tay thứ ba áp sát với cánh tay thứ ba bên trái, hai cánh tay giao nhau tại trước ngực, trong bàn tay phải cầm hai con rắn đỏ giao nhau, đầu đều hướng về mặt tượng.

Bàn tay trái cũng cầm một con rắn đỏ. Hai tay nữa thì kiết ấn bạt-chiết-la: dùng ngón cái đè lên móng ngón út, còn các ngón khác đều duỗi thẳng, tức dùng tay trái áp vào phía trước cổ tay phải, dùng tay phải áp vào phía trước cổ tay trái; ấy là tâm ấn vậy. Dưới nữa là tay thứ tư, cánh tay thông xuống, bàn tay ngửa ra, năm ngón đều duỗi thẳng thành ấn thí vô-uy. Bên trái, tay trên cùng cầm bánh xe vàng (kim luân) tám cạnh, cánh tay co lại hướng lên trời.

Tay kế tiếp co lại với ba ngón sau cùng co vào lòng bàn tay trong khi ngón cái chặn trên ngón giữa ngón trở duỗi thẳng, hướng lên trời, cả mặt trong của bàn tay hướng về bên trái. Tay thứ ba bắt ấn bạt-chiết-la như đã nói trên. Còn tay thứ tư chống ngang hông trái, các đầu ngón tay hướng về bên phải. Tất cả tám cổ tay đều mang xuyên vàng. Ngài mặc áo trời màu đất tím rải hoa gấm, choàng qua vai, và đầu áo hai bên tả hữu đều thông xuống.

Nước da Ngài màu hồng, hai bên hông khoác da cạp và gấm. Hai cẳng chân đều có rắn đỏ quấn quanh, màu hai con rắn cũng có những khoang đen đỏ xen kẽ nhau. Tượng đứng trên hai hoa sen làm bằng bảy vật báu. Ngón chân bên phải quay hướng bên phải; ngón chân bên trái quay hướng bên trái.

Tượng bốn mặt bốn tay, nguyên biểu-thị sự hàng phục bốn phiến não ngã-si, ngã-kiến, ngã-mạn, ngã-ái của Mạt-na-thức thứ bảy. Về hình tượng này thì trong *Cam-Lồ Quân-trà-lợi Bồ-tát Cúng Đường Niệm tụng Nghi Quy* có nói: “Nói về thân tướng của bốn-tôn thì nên quán bốn mặt, bốn cánh tay. Tay phải cầm chày kim-cang. Tay trái bắt ấn măn-nguyện. Còn hai tay nữa thì kiết ấn yết-ma. Thân ở trong vàng trắng, giữa ánh hào quang rực-rỡ. Ngài ngồi trên hoa sen xanh, đặt trên bàn đá. Mặt trước rất từ-bi, mặt thứ hai bên phải phẫn nộ, mặt thứ ba bên trái tươi cười, mặt thứ tư phía sau mở miệng, có vẻ hơi giận.”



vyapar-Vyapar Vridhi Yantra



## ĐỨC ĐẠI-UY-ĐỨC MINH-VƯƠNG

Đức Thánh-tôn này cũng là một trong số năm đại Minh-vương. Tên chữ



Phạn của Ngài là Ymantaka ‘Diễm-man-đức-ca’, tức có ý nói Ngài là bậc Thánh-tôn trong việc hàng phục Diễm-ma, dịch là ‘giải thoát sự ràng buộc cho chúng sanh’. Ngài còn có biệt danh là Lục-Túc tôn. Biệt hiệu của Ngài là Uy-đức Kim-Cang. Ngài là thân biến hoá của đức Phật Vô-lượng Thọ ở phương tây. Có thuyết nói Ngài là đức Văn-Thù Bồ-tát hoá thân.

Ngài có khả-năng hàng phục tất cả các loài rồng ác-độc, dứt trừ mọi chướng-ngại. Bởi uy đức vĩ đại này mà tất cả chư vị Long-vương khi thấy Ngài đều sanh lòng sợ hãi, do đó mà Ngài được gọi là Đại Uy Đức Minh-vương.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, địa vị của Ngài trong viện Trì-minh, giống như chư vị ở bên trái của

chư Bồ-tát.

Pháp tu dùng Đại Uy Đức Minh-vương làm chủ gọi là Đại Uy-đức Minh-vương pháp. Pháp tu này nhằm mục-đích điều-phục mọi oán thù.

Hình tượng của Ngài cũng có nhiều loại. Loại thường thấy có ba mặt, sáu tay, sáu chân, với diện mạo rất giận dữ: tay cầm kiếm, bánh xe có mũi nhọn và chày kim-cang. Hai tay kiết ấn triết-phục, cưỡi trâu.

Trong *Chư Pháp Bất-Đồng Kỳ* quyển 4 có nói: “Thông thân của Ngài màu xanh đen, tóc màu lửa dựng đứng, tướng rất dữ. Mặt trước miệng cười mở lớn lộ bốn cái răng ra ngoài. Bên phải và bên trái mỗi bên đều có một mặt. Trên đỉnh đầu có ba mặt; răng trên cắn môi dưới, sáu tay, sáu chân. Hai tay phía trước chắp lại, các ngón hướng vào trong. Hai ngón giữa hiệp lại dựng đứng. Bên phải thì một tay mở khuỷu tay, cầm gậy thông xuống nghiêng về bên phải; một tay giơ cánh tay lên cầm kiếm hướng về thân, khuỷu tay này dựng đứng. Bên trái, một tay giơ cánh tay cầm kích ba chĩa hướng về thân. Mình mặc lụa xanh, hai đầu mối bay lên, quần bằng da

báo, ngồi trên bàn đá. Ba chân bên phải thông xuống, cổ chân đeo vòng, đầu gối để lộ ra, tai đeo vòng ngọc trai.

Trong *A-tỳ-già-lô-ca Nghi Quỹ* nói: “Tượng của Ngài Diêm-ma-đức-ca có sáu mặt, sáu tay, màu như bụng chó sói, giận dữ; tóc dựng trên đầu lâu, dùng da cọp làm quần, cầm các loại khí-trượng, hình tướng rất dễ sợ, mắt đỏ ngầu, hình bạo ác, ba mắt khác đời, cười trên trâu nước.”

## ĐỨC KIM-CANG DẠ-XOA MINH-VƯƠNG

Đức Thánh-tôn này cũng là một trong số năm đại Minh-vương của



Đông-mật. Tên chữ Phạn của Ngài là Vajra-Yaksa ‘Phạ-nhật-ra-duợc-cật-xoa’, dịch là Kim-Cang Tận, hoặc Kim-Cang Đạm-thực. Biệt hiệu là Hộ-pháp Kim-cang. Ngài là thân phần nộ của đức Phật Bất-không Thành-tựu ở phương bắc. Trong đài mật, tại chỗ đứng của Ô-sô-sa-ma Minh-vương thì Ngài cùng với vị Minh-vương này là đồng-thể mà khác tên. Bản-thệ của Ngài là ăn tất cả các tâm bất tịnh. Vì vậy Ngài khác với vị Minh-vương kia là ăn tất cả các vật bất-tịnh. Có thuyết nói rằng Ngài là thân biến hoá của một trong bốn vị Kim-Cang Nha Bồ-tát ở phương bắc của Mạn-đà-la thuộc Kim-Cang giới. Dùng vị Minh-vương này làm chủ thể để tu pháp Kim-Cang Dạ-xoa là nhằm mục-đích trừ nạn, cầu quan. Trong nhiều pháp tu của

Đông-mật thì pháp này thuộc hệ bí-pháp trong các bí-pháp. Nó tuyệt đối không được trao truyền cho những người chưa được 40 tuổi trở lên.

Hình tượng của đức Thánh-tôn này trong kinh *Du Ký* có nói: “Hình của Kim-Cang Dạ-xoa có sáu cánh tay cầm các vật như sau: cung, tên, kiếm, luân ấn, và tát-đoả của yết-ma. Ngài có năm mắt, ba đầu. Đầu có bờm ngựa. Tay chân đều mang vòng ngọc để biểu thị sự trang-nghiêm.

Tuy nhiên, hình tượng được thấy trong thế-gian thì phần nhiều có ba mặt, sáu cánh tay. Chính diện mở to năm mắt, hai mặt bên phải và bên trái



đều có ba mắt. Bên phải, tay thứ nhất cầm chày kim-cang năm chấu, tay thứ hai cầm kiếm, tay thứ ba cầm tên. Bên trái, tay thứ nhất cầm chuông kim-cang, tay thứ hai cầm bánh xe, tay thứ ba cầm cung. Chân trái giở cao, chân phải duỗi ra, đứng trên hai hoa sen, vì phải chế phục tất cả dạ-xoa cho nên hiện tướng dũng-mãnh, quả cảm.

Trên đây là phần lược thuật năm vị Thánh-tôn làm năm đại Minh-vương được lưu-truyền trong Đài-mật. Ngoài ra còn có tướng Kim-Cang Dạ-xoa mà đại diện là Ngài Ô-sô-sa-ma Minh-vương.



**Chakra Avolokiteshavara**  
luân xa Bồ-đề tát-đỏa

## ĐỨC Ô-SÔ-SA-MA MINH-VƯƠNG

Vị Minh-vương này là một trong số năm đại Minh-vương trong Đài-mật.



Tên chữ Phạn của Ngài là Uchusma ‘Ô-sô-sát-ma’ hoặc ‘Ô-sô-sa-ma’. Biệt danh của Ngài là Hoả-đầu Kim-cang, Uế-tích Kim-cang, Bất-hoại Kim-Cang, Bất-tịnh Kim-cang, hoặc Thọ-xúc Kim-cang, v.v..

Bổn-thệ của Ngài là ăn hết tất cả các vật bất-tịnh. Từ xưa đến nay, trong dân gian, Ngài được xem là một vị thần để tẩy-trừ những gì bất-tịnh, đã từng có người cung phụng Ngài làm vị thủ hộ nhà xí. Theo các điều nói trong *Uế-Tích Kim-Cang Kinh* viết đại lược sự lợi ích của mục này như sau: “... từ tâm bên trái hoá sanh Bất-hoại Kim-Cang khởi ngồi nơi giữa đại chúng. Ngài nói với đại chúng rằng: ta có đại thần-chú có thể bắt giữ Phạm-vương, làm chấn-

động khắp mọi nơi. Lúc ấy cung trời, cung rồng, cung các quỷ thần; tất cả đều gãy đổ. Tức thì thắng thân của Ngài đến chỗ Phạm-vương. Lúc Ngài dùng ngón tay chỉ các uế-vật thì chúng nó đều biến thành đại địa. Khi ấy, Ngài Kim-Cang đến đó và nói: “Người thật đại ngu si. Ta Như-lai thích nhập Niết-bàn, sao Người chẳng đi?” Tức thì Ngài dùng sức vi diệu của Kim-Cang bất hoại, khiến Phạm-vương phát tâm đến chỗ của Như-Lai.

Những ai trì tụng thần chú của Minh-vương này có thể được công-đức rất lớn, chẳng những được các lợi-ích như: trừ được các bệnh tật, được mọi người kính yêu, được thoát nạn, được phước, kẻ thù từng phục, v.v.. mà còn có thể chống ngăn cây khô thành tinh, ác quỷ, các thứ rắn độc, các chướng-ngại. Ngoài ra, còn có một loại công-đức đặc biệt, có thể làm chuyển biến nữ thai thành nam thai bằng một pháp gọi là “Ô-sô-sa-ma Minh-vương nam tử biến pháp”.

Truyền thuyết nói rằng tại nước Nhật, trong thời bình-yên, chẳng luận đế-vương hay quý-tộc đều phụng thờ, tu tập rất đông theo pháp này của Ngài; nhất là vào dịp sanh-nhật của Nhật-hoàng thì đặc biệt có lệnh khiến

phường tăng Nam-thắng chính thức và nghiêm trang theo pháp ấy.

Trong kinh *Lăng-Nghiêm*, quyển năm có nói: “ Ô-sô-sa-ma quỳ trước Như-Lai, chấp tay đánh lễ hai chân Phật và bạch Phật rằng: “Con thường nghĩ tưởng kiếp trước lâu xa, tánh nhiều tham-dục, có vị Phật ra đời tên là Không-vương. Ngài nói: người đa-dâm thành nhóm lửa mạnh. Ngài dạy con quán khắp tứ chi 100 hài cốt, các hơi ấm lạnh, khiến cho ánh sáng tinh thần nhóm vào một chỗ bên trong đổi tâm đa-dâm thành lửa trí-tuệ. Vì vậy mà chư Phật đều gọi con là ‘Hoả đầu’. Con nhờ sức của hoả-quang tam-muội mà được thành A-la-hán, phát tâm đại nguyện. Khi chư Phật thành đạo thì con làm lực-sĩ hầu cận để hàng phục ma oán.”

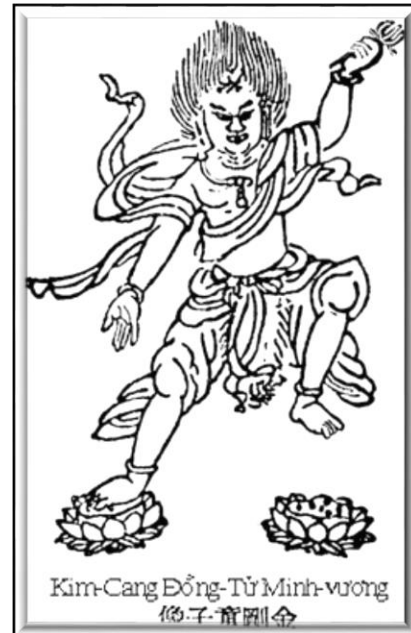
Hình tượng của đức Minh-vương này có nhiều loại: tượng hai tay, tượng bốn tay, sáu tay và tượng tám tay, v.v... Nhưng phổ thông nhất đều dùng tượng bốn tay là tối đa.

Trong kinh *Ô-sô-sa-ma Minh-vương* có nói: “Đại Uy-lực Ô-sô-sa-ma Minh-vương hình đại phần nộ, mắt màu đỏ. Toàn thân màu xanh đen, phát ra ánh lửa sáng có bốn tay. Bên phải tay trên cầm kiếm, tay thứ hai cầm lưới tơ. Bên trái tay trên cầm gậy đánh xe, tay thứ hai cầm xoa ba châu. Trên các khí-tượng cũng phát ra ánh lửa.

## ĐỨC KIM-CANG ĐỒNG-TỬ

Bậc Thánh-tôn này, tuy chẳng phải là Minh-vương nhưng vì xưa nay các nhà tu theo Mật pháp đều tôn-trọng Ngài như vậy nên đặc biệt xếp Ngài vào bộ này.

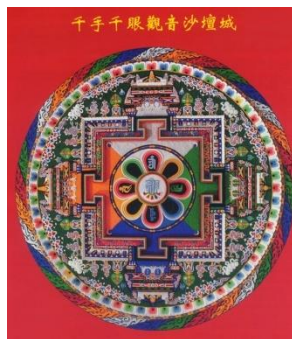
Tên chữ Phạn của Ngài là Kanikrodha ‘Ca-ni-cú-lộ-thái’, dịch là Kim-Cang Yết-ni, Kim-Cang Đồng-tử, hoặc Ma-câu-la Kim-cang. Dựa vào tôn-danh của Ngài mà làm hình đồng-tử của thân phần nộ. Có hai loại là hoàng-kim đồng-tử và thanh-kim đồng-tử. Thanh-kim đồng-tử là thân biến hoá của Kim-Cang Tát-đoả, làm bốn tôn của Đông-mật. Hoàng-kim đồng tử là thân hoá hiện của đức Phật Vô-lượng Thọ ở phương tây. Trong Đàn-Mật thì hai vị được xem như nhau. Hai vị đồng-tử này đều có ánh lửa



cực-kỳ rực-rỡ, như hình vành mặt trời. Thân-lực của chư-vị có thể là rất lớn, không gì so sánh bằng. Dùng đồng-tử này làm chủ thể trong đàn-mật để thờ phượng và tu hành thì có pháp Hoàng-kim-cang đồng-tử. Mục-đích chính yếu của pháp này là có thể tạo được nhiều hy-vọng, được các công-đức như tức tai, điều phục, v.v..

Trong *Kim-Cang Đồng Tử Thành Tựu Nghi Quỹ* do Bất-không Tam-tạng dịch, có một mục nói như sau: “Tượng Ngài là một thân nháy ra khỏi biển, đứng giữa biển khơi. Thân như màu ngọc lưu-ly, có sáu cánh tay. Tướng mạo sung-mãn, mặt có ba mắt màu đỏ, đầu đội mũ báu. Răng nanh cong lên, miệng bặm môi xuống, lông mày dựng đứng, dáng bộ giận dữ. Ngoài ra, nơi giữa biển, Ngài vạch một núi báu, rồi dùng chân trái đạp lên, tức thì có diệp liên-hoa hiện ra đỡ chân Ngài. Còn chân phải thì đứng nơi giữa biển, nước ngập đến nửa gối. Bên phải: tay thứ nhất cầm để-ly thương, đủ chày kim-cang, làm động tác ném xuống; tay thứ hai cầm gậy mâu-sa-la có một đầu hình như cái chày sắt; tay thứ ba cầm búa lớn. Bên trái thì tay thứ nhất cầm gậy; tay thứ hai như ở trong thế đang nghĩ định, bàn tay nắm lại, chỉ có ngón cái duỗi ra; tay thứ ba cầm kiếm.

Ngài dùng một con rắn lớn, quấn sừng, cột buộc nơi chân, lại dùng tất cả các thứ rắn độc đeo ở cổ tay làm xuyên, ở lưng làm dây lưng, ở cổ làm anh-lạc, ở tai làm hoa tai, ở trên tóc, v.v.. Sau lưng có vầng sáng tròn, có ánh lửa bao quanh. Ngoài ánh lửa có sấm chớp giúp thêm vào. Do đó ta có thể biết hình tượng của vị đồng tử này rất là dũng mãnh.



Avalokitesvara mandala

## ĐỨC CÂU-LỢI CA-LA MINH-VƯƠNG

Vị Minh-vương này nguyên tên là Câu-lợi Ca-la Bất-động Minh-vương



cho nên dùng tượng một con rồng đen quấn quanh cây kiếm bén. Cây kiếm này là của Bất-động Minh-vương cầm ở tay phải, còn con rồng đen là tượng trưng cho lưới tơ Bất-động Minh-vương cầm nơi tay trái. Ngài dùng hai loại linh-bửu này để biểu thị cái trí-huệ cố hữu của Bất-Động Minh-vương thành hai phần công-đức.

Trong *Câu-Lợi Ca-la-đà-la-ni Kinh* có nói: “Từ trước, lúc Bất-động Minh-vương và đại Ma-vương đấu pháp, thì Bất-động Minh-vương tự hoá làm một con rồng đen để quấn quanh cây kiếm bén của đại Ma-vương đang cầm.” Do thuyết đó mà thành-hình tượng của Minh-vương này. “Nếu muốn sai khiến được Câu-lợi Ca-la thì nên theo mẫu vẽ trên vách một cây kiếm rồi vẽ Câu-lợi ca-la Long-vương quấn quanh trên kiếm ấy: long-vương thì vẽ hình rắn, trên cây kiếm thì ghi một chữ

A. Trong tâm mình cũng tự quán cây kiếm ấy và chữ đó sao cho rõ ràng minh-bạch, và nhớ đừng để tâm dao-động. Tụng 108 biến, một ngày ba thời trong sáu tháng, hay tụng nhiều hơn nữa thì càng có lợi. Sau kỳ hạn ấy thì Câu-lợi Ca-la long-vương hiện hình thành người đi theo hành-giả, nhận sự sai khiến để thi-hành.” Điều ghi trên đây là để chứng-minh rằng vị long-vương này có công-lực, phương tiện chẳng khá nghĩ bàn. Điều này cũng có ghi chép trong kinh *Đà-la-ni Bí-Biệt* đã nói trước đây.

Hình tượng của Minh-vương này trong *Long-Vương Tượng Pháp* cũng có nói như sau: “Hình Ngài như rắn, có quyền lực làm sấm chớp. Thân màu vàng ròng, mang báu như-ý, khởi ánh lửa tam-muội, bốn chân hình chạm hút, sau lưng bày ra bảy cây kim bén bằng kim-cương. Trên trán có sừng ngọc một nhánh, quấn quanh trên cây kiếm trên đó có chữ A, cũng dùng để quán tâm, rất rõ ràng. Nếu làm tượng người thì khắp thân mặc giáp trụ, sắc mặt vui giận, như Tỳ-lỗ-bác-xoa. Tay trái chống nạnh cầm dây tơ, cánh tay phải giơ khuỷu lên, cầm kiếm. Trên đỉnh đầu đặt thân long-vương cuộn



khúc, đứng trên núi Kim-cang.”

Do hai loại pháp nói trên, ta có thể biết hình tượng của Ngài thật là kỳ diệu, lạ lùng. Hình tượng thường thấy phần nhiều là thân rồng quấn trên kiếm, phát ra ánh sáng rực-rỡ.

## ĐỨC ÁI-NHIỆM MINH-VƯƠNG

Đức Thánh-tôn này tên chữ Phạn là Raga ‘Ra-nga’, hay Raga-raja ‘Ra-nga-ra-xả’, hoặc Maha-raga ‘Ma-ha Ra-nga’. Nghĩa của hai chữ Raga là yêu-đắm, thân-ái, cũng bao hàm tư-tưởng nhiễm-sắc, ưa sắc tươi sáng. Giữ hai loại ý-nghĩa ấy nên hợp lại mà giải-thích là “ái-nhiễm”. Hai chữ Raga còn bao-hàm ý-nghĩa màu đỏ và tánh đỏ. Vì vậy mà tượng của Minh-vương này toàn thân màu đỏ để biểu thị Ngài có đủ thần-cách.



Nguyên lai của Ra-nga là thân của Bà-la-môn giáo, đến đời sau được nhập vào Mật-giáo. Ngài là vị thần biến hoá của Kim-Cang Tát-đoả. Riêng có một thuyết nói rằng Ngài là hợp thể của bốn vị: Kim-Cang vương, Kim-Cang ái, Kim-Cang hỷ và Kim-Cang tát-đoả. Về hình tượng biểu lộ bên ngoài thì thấy Ngài có tướng bạo ác, giận dữ, khí thế hung hăng dễ sợ; nhưng về nội-tâm thì ngược lại, Ngài có bản-tánh

đại ái chí tình; trong số các Minh-vương thì Ngài vượt trội hơn cả.

Dựa theo phẩm Ái-Nhiễm Vương trong *Du-Ký Kinh* thì “thân Ngài màu như ánh sáng mặt trời, trụ giữa vành mặt trời rực-rỡ, ba mắt uy-nộ. Trên đầu nhục-kế có mũ sư-tử, tóc bén hình phần nộ. Thân Ngài thất đại, tay trái cầm chuông vàng, tay phải cầm chày năm núi nhọn như hình dáng tát-đoả an lập chúng sanh giới. Bên trái tay thứ hai cầm cung kim-cang. Bên phải tay thứ hai cầm tên kim-cang như bắn ánh sáng cho chúng-sanh thành đại-nhiễm pháp. Bên trái, tay dưới nắm ý sở-cầu của họ. Bên phải, tay dưới cầm hoa sen, như trong thế đánh tất cả các ác-tâm của chúng-sanh khiến cho chúng mau bị tiêu diệt, không còn nghi ngại. Dùng các loại tơ nhụy

hoa thất, quán chung quanh thân Ngài để bày tỏ sự trang nghiêm. Ngài ngồi kiết-già trên hoa sen đỏ: dưới hoa có bình báu, hai bên bình rơi rải-rác các thứ báu vật.”

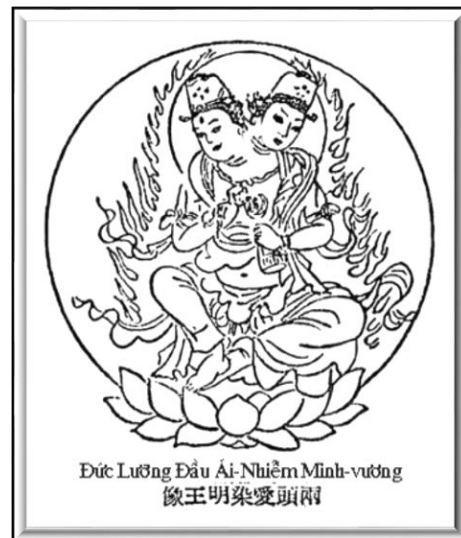
Hình tượng thông-truyền ở thế-gian phần nhiều dựa vào các điều nói trong các Kinh trên đây để làm căn cứ. Chỉ có các vật cầm tay để biểu-thị công-đức Ngài thì có sai khác. Chẳng hạn như vành mặt trời là để tức-tại; tháp ấn và thái-đạo là để bày tỏ sự tăng-ích; la-thủ và bình báu là để biểu thị sự hàng phục ác ma; bửu châu như-ý là để cầu phước. Còn giáp trụ, bánh xe, đầu lâu, các loại câu móc, v.v., là để phô-bày tư tưởng điều-phục oán địch.

Ngoài ra, truyền thuyết của thế-gian nói rằng: “Khi trong lòng người con trai muốn được người con gái thì nên viết một chữ “Thư” (nghĩa là con mái, trái nghĩa với chữ “Hùng” là con trống) rồi bỏ vào lòng bàn tay của Ngài. Cũng như lúc người con gái muốn được lòng người con trai thì viết chữ “Hùng” rồi bỏ vào lòng bàn tay Ngài, tức thì được toại nguyện. Đây là một loại pháp niệm tụng rất đặc biệt, mà tư-tưởng chính yếu không có gì là không thuộc về phương-diện “Ái” trong bốn thế của Minh-vương. Vả lại, khi nói về ý-nhiệm vật thì xưa nay người ta phần nhiều tin-tưởng vào nghiệp-nhiệm sắc, là việc mà trong thế-gian ai cũng biết.

## ĐỨC LƯƠNG ĐẦU ÁI-NHIỆM MINH-VƯƠNG

Đây là một vị Minh-vương rất đặc biệt, không thấy nói trong các Kinh, mà chỉ được truyền khẩu từ xưa đến nay trong các nhà tu Biệt. Có một thuyết nói: “Ngài là hợp thể của Bất-Động Minh-vương và Ái-Nhiệm Minh-vương. Một thuyết khác thì nói: hai thể của Ái-Nhiệm Minh-vương hợp nhất mà thành ra Ngài. Thật chẳng biết căn cứ vào đâu để xác-định sự thật.

Hình tượng của Ngài thì trong *Lang Ký* có nói: “Ngài có một thân hai đầu, đầu bên trái có bộ mặt giận dữ đỏ gay, mặt bên phải trắng trẻo hiền từ. Toàn thân màu trắng, như tượng Kim-Cang Toát-Đoả; tay trái cầm chuông, trên



đỉnh đầu phóng ra hào-quang ngũ sắc. Ngài trụ giữa vành trăng, ngồi trên hoa sen hồng.

## ĐỨC KHỔNG TƯỚC MINH-VƯƠNG

Đức Minh-vương này tên chữ Phạn là Mahamayuri ‘Ma-ha-ma-du-ri’, dịch Hán Việt là Khổng-Tước Minh-vương, hoặc là Khổng-Tước Phật-Mẫu Bồ-tát. Biệt hiệu là Phật-Mẫu Kim-Cang.



Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, Ngài trụ ở viện Tô-tát-địa, Ngài là Phật-mẫu tốt đẹp hơn cả, hình tượng có một đầu bốn cánh tay, ngồi kiết-già trên lưng con Công to lớn (khổng-tước). Nhưng theo truyền thuyết của Đông-Mật thì Ngài là thân biến hoá của Thích-Ca Như-Lai.

Khổng-tước là tên chim đặc-sản của Ấn-độ, dùng để bày tỏ công-đức lợi-sanh sát hoá của Ngài.

Trong *Khổng-tước Kinh*, có xưng tán công đức của Ngài như sau: “Tỳ kheo Kiết-Tường xuất gia chưa được bao lâu, Ngài vì chúng tăng đi cắt cỏ và giặt giũ. Một hôm, Ngài đến dưới gốc cây

thì bị một con rắn đen bò đến cắn ngón chân cái bên phải; nọc độc chạy lan khắp người khiến Ngài ngã quỵ xuống đất, miệng sùi nước bọt. May có Ngài A-Nan trông thấy, bèn đến chỗ đức Phật và thỉnh-ý Phật lấy gì để trị. Phật dạy Ngài A-Nan rằng: “Người hãy trì chú trong kinh Như-Lai Đại Khổng-Tước vương để hỗ-trợ cho tỳ-kheo Kiết-Tường. Kiết giới và kiết chú đó thì rắn độc chẳng hại được, dao gậy và các hoạn-nạn chẳng có thể gia thêm, tất-nhiên trừ được.”

Dựa theo các điều nói trong kinh *Khổng-Tước* thì pháp Khổng-Tước lấy đức Minh-vương này làm chủ-thể. Pháp này chuyên làm việc tức tai, trừ nạn, kéo dài mạng sống.

Lại gặp lúc trời hạn hán mà làm phép cầu mưa đúng lúc, nên rất nhiều người tin theo và thực hành pháp này. Khi tu pháp này, nên đặt bày tế-đàn



hết sức trang-nghiêm, dựa theo các pháp-thức đã định mà làm. Tụng kinh *Phật-mẫu Đại Khổng-Tước Minh-vương*. Pháp tụng một chữ mà niệm lại năm lần này gọi là “pháp tụng niệm Nhất Tự Ngũ Phản Khổng-Tước Vương Kinh.” Đây là một trong các bí-pháp rất quan trọng của Đông-Mật xưa nay.

Xem trong *Đại Khổng-Tước Minh-vương Họa-Tượng Đàn-tràng Nghi Quỹ* có đoạn nói về tướng tốt của đức Thánh-tôn này như sau: “Trong nội-viện ở trung-tâm vẽ hoa sen tám cánh, nơi đài hoa vẽ Bồ-tát Phật-Mẫu Đại Khổng-Tước Minh-vương, đầu hướng về phương đông, màu trắng; thân mặc áo nhẹ màu trắng có vẽ hoa; đầu đội mũ có đeo anh-lạc, hoa tai; cánh tay đeo các loại xuyên, v.v., rất trang-nghiêm.

Ngài cười khổng-tước màu vàng, ngồi kiết-già trên hoa sen trắng hoặc xanh; tướng mạo từ-bi, có bốn cánh tay. Bên phải, tay thứ nhất cầm hoa sen nở, tay thứ hai cầm quả câu-lục (hình giống quả thơm, hoặc dứa). Bên trái, tay thứ nhất cầm quả kiết-tường (giống quả đào, quả lý) đặt ngang tim, tay thứ hai cầm 53 cọng lông đuôi khổng-tước.

Hình tượng được lưu truyền ở thế-gian phần nhiều đều căn-cứ theo các điều ghi trong kinh mà làm ra.

## ĐỨC MÃ-ĐẦU MINH-VƯƠNG

Tên chữ Phạn là Hayagriva ‘Hà-gia-yết-lị-bà’, Đức Minh-vương này khi nhập vào bên bộ Quán Thế-Âm thì làm Mã-đầu Quán Thế-Âm. Hay còn có tên khác là Mã-đầu Đại Lực-sĩ. Tại Liên-Hoa bộ, trong Giáo Lệnh luân thì Ngài là một trong sáu vị Quán-Âm. Lúc ở tại bộ Minh-vương thì làm Mã-đầu Minh-vương, hoặc Đại-lực Trì Minh-vương. Ngài lợi dụng Chuyển luân thánh-vương, đặc biệt có sức chân ngựa báu, lội qua nước khắp bốn biển lớn. Uy-lực của Ngài rất lớn, có thể chiết-phục tất cả các ma-chướng. Đức Minh-vương này, đặc biệt có công-lực phá được Vô-minh.

Trong *Bát Tự Văn Thù Nghi Quỹ* có nói: “Vẽ một vị Mã-đầu Minh-vương có ba mặt, sáu cánh tay đều cầm khí tượng: bên trái, một tay cầm hoa sen, một tay cầm bình, một tay nắm lại để ở tim; bên phải, tay trên cầm búa,



một tay cầm chuỗi hạt, một tay cầm dây tơ. Ngài ngồi trên toà luân-vương trên hoa sen, tướng rất giận dữ, ở trong tư-thế rất ác, rất dữ tợn.

## ĐỨC BỘ-TRỊCH MINH-VƯƠNG

Đức Thánh-tôn này tên chữ Phạn là Padanaksepa ‘Bá-na-năng-kiết-sử’. Ngài là một trong số tám đại Minh-vương. Truyền-thuyết nói rằng Ngài là hoá thân của đức Phổ-Hiền Bồ-tát. Nhưng tại Mạn-đà-la của Thai-tạng giới không có danh tánh của Thánh-tôn này. Ngài thường cùng tất cả chúng sanh giao tiếp, thủ hộ và ban bố phần đức cho chúng sanh.

Trong *Bộ Trịch Kim-Cang Niệm Tụng Nghi Quy* có nói: “vĩnh viễn xa lìa tám khổ nạn của ba đường ác, đầy đủ hạnh Phổ-hiền. Ngài có thể đốt cháy hết các địa-ngục để giải thoát tội nhân khiến họ phát tâm Bồ-đề; khắc-chế và làm cho các ác-ma lui chạy tan-tác. Công-đức và uy-lực của Minh-vương này được ghi chép như vậy.

Xem phần tướng tốt của Ngài trong một tiết của *Bát Đại Phật Đảnh Nghi Quy* thì thấy nói: tay phải Ngài cầm lọng thí, tay trái cầm chày kim-cang; toàn thân màu hư không, phóng ánh sáng lửa hồng.



## ĐỨC VÔ-NĂNG THẮNG MINH-VƯƠNG

Đức Thánh-tôn này tên chữ Phạn là Aparajita ‘A-bà-ra-nhĩ-la’, dịch là Vô-năng thắng. Truyền thuyết nói bản thân của Ngài là hoá-thân của đức Thích-Ca Mâu-ni Như-Lai. Một thuyết khác cho Ngài là hoá-thân của Địa-Tạng Bồ-tát. Vô-năng-thắng nghĩa là ‘chẳng có thể phá-hoại được’. Bốn thệ của Ngài cũng như vậy.



ra, Ngài còn có tướng khác nữa, nhưng rất hiếm thấy; và việc Ngài được thờ một mình lại càng hiếm thấy hơn.

## ĐỨC THẮNG TAM-THẾ MINH-VƯƠNG

Thắng Tam-Thế Minh-vương có sách gọi là Thánh Tam-Thế Minh-vương. Biệt hiệu của Ngài là Tối-Thắng Kim-Cang. Đức Thánh-tôn này tuy cùng với Hàng Tam-Thế Minh-vương là đồng thể khác tên, nhưng trong nghĩa của Đông-Mật thì đối với hai Thánh-tôn này việc tác-pháp kính lễ có phân-biệt, vì bốn thệ của Minh-vương này với bốn-thệ của Hàng Tam-Thế có sự khác nhau.

Về hình tượng của Ngài, thì trong *Kinh Đại-Nhật*, phẩm Túc Duyên, nói rằng: “Thân tượng Ngài màu xanh, đầu tóc như



bờm ngựa, ba mắt, hai răng nanh mọc cong lên. Tay bên trái cầm chày ba chấu. Tay bên phải cầm cây kích hai đầu đều có ba chĩa. Ngài ngồi trên bàn thạch, bốn bề đều có hơi lửa Câu-lâu-la bao phủ.

## ĐỨC ĐẠI NGUYÊN-SÚY MINH-VƯƠNG

Đức Thánh-tôn này còn có tên là Đại Nguyên Minh-vương. Tên chữ



Phạn của Ngài là Atavika ‘A-ta-bà-câu’ hoặc ‘A-tra-bạc-câu’, dịch là Lâm-Dã Khoáng-Dã quỷ-thần, hoặc Vô-Tỷ Lực, v.v.. Ngài là tổng soái của bộ Minh-vương. Bản-tánh của Ngài rất quả-cảm, dũng-mãnh. Bốn thể của Ngài, theo truyền thuyết, là hợp thể chính yếu của chư Phật và Bồ-tát, như Ngài Đại-Nhật, Thích-Ca, Quán-Âm, Vô-Tận-Ý và Hư-Không Tạng, v.v.. Uy-lực của Ngài rất lớn, không lấy gì so-sánh được.

Hình tượng của Ngài có rất nhiều loại. Có tượng một mặt bốn tay, có tượng bốn mặt tám tay, có tượng sáu mặt tám tay, v.v.. Tượng rất dũng-mãnh, kỳ-quái

là tượng có 18 mặt và 36 tay. Ai nhìn thấy tượng ấy cũng đều có cảm-giác sợ hãi.

Theo *A-ta-bạc-câu Nguyên Súy Nghi Quỹ* ghi chép thì “lúc Phật nhập-diệt, có một đại tướng-quân tên là A-ta-bạc-câu Nguyên-soái phát tâm giận dữ, cùng với chư Thiên, Long, A-tu-la, tám bộ quỷ thần, bốn đại Thiên-vương, 28 bộ Dược-xoa đại tướng, và 42 bộ La-sát vương, cử Mãn-Thiện làm đầu, lập lời thề ‘một lòng hiệp sức nhau bảo toàn pháp-tạng của Phật, và che chở cho tất chúng sanh, trừ các mối buồn thảm, để cho ngày đêm họ được yên ổn.’ Vì lý do này mà Ngài được gọi là vị tổng-soái của tất cả chư Thiên, Long, Quỷ-thần, Dược-xoa các loại, v.v..

Tượng bốn mặt tám tay của Ngài, trong *Đại Nguyên-Soái Đà-la-ni Nghi Quỹ* có nói rằng: “A-ta-bạc-câu Nguyên-soái thân dài tám thước, có bốn mặt: mặt trước là mặt Phật. Mặt bên trái có ba con mắt đỏ như máu, có răng cọp bặm cứng vào nhau. Mặt bên phải là mặt Thần có ba mắt, tương giận dữ, có răng cọp cũng bặm cứng. Trên đầu có thêm một mặt nữa hình tướng ác,

cũng có ba mắt đỏ như máu, răng cộp cũng bặm cứng. Trên đầu trên cùng, có chùm tóc rồng đỏ quấn quanh. Trên đó còn có ánh lửa liên-tục bốc lên cao vút.

Thân đeo các con rắn, có tám cánh tay. Bên trái, tay trên cầm bánh xe, tay kế tiếp cầm giáo dài, tay thứ ba hợp lại với tay thứ ba bên phải, bắt ấn cúng dường, tay thứ tư bắt ấn. Bên phải, tay trên cầm chày kim-cang, tay thứ hai cầm gậy, tay dưới cùng cầm đao. Trên các cánh tay đều có rắn quấn. Mình mặc áo giáp gắn bảy món báu, vắt quấn quanh thân. Trên các bắp tay đều có rồng.”

Do đó, ta có thể biết hình tượng của đức Minh-vương này thật đáng sợ. Hình phần nộ của chư tôn khác không vị nào có thể sánh kịp Ngài. Dùng đức Minh-vương này làm chủ-thể gọi là tu thờ Đại Nguyên-pháp, cũng gọi là “Đại Nguyên Sứ Ngự Tu pháp”. Pháp này là một đại pháp dùng để trấn giữ nước nhà tức để cầu mưa, làm cho giặc hàng phục, thắng địch; hoặc có lúc để được miễn trừ thiên-tai. Theo lời mà phụng tu pháp này thì mọi nguyện được vẹn thành.

## ĐỨC NGŨ ĐẠI-LỰC HỔNG MINH-VƯƠNG

Ngũ Đại-lực Hống là: Vô-Lượng Lực hống, Long-Vương hống, Vô-Uý



Lực hống, Lôi-Điện hống và Kim-Cang hống. Lúc năm vị Minh-vương này thành một thể thì làm chủ-thể của Nhân-vương Kinh. Đó là thân phần nộ của Kim-Cang Thủ Bồ-tát ở phương đông, Kim-Cang Bửu Bồ-tát ở phương nam, Kim-Cang Lợi Bồ-tát ở phương tây, Kim-Cang Dạ-Xoa Bồ-tát ở phương bắc, Kim-Cang Ba-la-mật Bồ-tát ở trung-ương; cũng giống như năm đại Minh-vương là thân biến hoá của năm đức Phật: Đại-Nhật, A-Súc, Bửu-Sanh, Vô-Lượng Thọ và Bất-Không Thành-Tựu.

*Nhân-vương Kinh* là nói về một bí pháp của Đông-Mật. Mục-đích của sự tu pháp này là để diệt-trừ bảy nạn, cho quốc thái dân an. Trong *Nhân Vương Hộ-pháp Quốc Bất-nhã Ba-la-Mật-đa Kinh* có một đoạn nói như sau: “Lúc bấy

giờ đức Thế-Tôn dạy vua Ba-tư-nặc rằng: Đại Quốc-vương, các ông hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta vì các ông mà nói pháp hộ-quốc. Tất cả các quốc-độ, lúc gặp hoạn nạn, có các tai-ương, giặc đến phá-hoại thì các vị vua như các ông nên thọ trì đọc tụng Kinh *Bát-Nhã Ba-la-mật-đa*, nghiêm sức đạo-tràng, đặt 100 tượng Phật, 100 Bồ-tát, 100 toà sư-tử, thỉnh 100 vị pháp-sư để giảng-giải kinh đó. Tại trước các toà ấy, hãy đốt các thứ lửa, hương, dâng hiến các loại hoa, như pháp tu-hành, các nạn liền bị diệt.

Trong quốc-độ của các đại-vương, có vô-lượng quỷ thần, mỗi vị đều có vô-lượng quyến thuộc, nếu họ nghe Kinh này, họ sẽ ủng-hộ quốc-độ của các ông. Nếu lúc nước loạn thì quỷ thần loạn trước; quỷ thần loạn ắt muôn dân loạn. Có giặc sắp khởi thì trăm họ thất-tán; quốc-vương, thái tử, vương tử, bá quan tranh phải trái với nhau. Trời đất biến điều quái-dị, mặt trời, mặt trăng, các vì sao thất thời, thất độ; các nạn cháy to, nước cao, gió lớn, ... đều khởi. Do đó, ta có thể biết rằng mục- đích của Nhân-vương Kinh có công-năng diệt trừ các tai-nạn ấy rất diệu dụng.





## THIÊN BỘ

### ĐỨC TỖ-SA-MÔN THIÊN

Vị Thiên này là một trong bốn vị thiên bảo vệ đời. Ngài có biệt danh là Tỳ-sa-môn Thiên-vương. Tên chữ Phạn của Ngài là Vaishravana ‘Tỳ-xá-la-bà-noa’, dịch là Biến-môn, Thiện-môn, Đa-môn, hoặc các loại môn, v.v..



Ngài thường bảo-hộ đạo-tràng của Như-Lai và nghe pháp, cho nên Ngài còn được gọi là Đa-văn Thiên. Vị Thiên này nguyên là thần của Bà-la-môn giáo, tên là Kim-tỳ-la (ý rồng rắn), chủ chương-lý sự-vụ giới hắc ám. Một khi Ngài đã quy-y theo Phật-pháp thì Ngài hoá làm thần quang-minh; một vị thiện-thần thí phước hộ tài sau rốt. Nhân Ngài chẳng quên chí-nguyện ban đầu nên Ngài còn có biệt-danh là Kim-tỳ-la thần.

Vị Thiên này tay trái giơ cao lên một toà bảo tháp; tháp này có thể tuôn ra vô-lượng châu báu để cấp phát cho tất cả chúng sanh,

khiến họ có thể được phước đức lớn.

Vị Thiên này khi làm Hộ-pháp Thiên-vương trong bốn thiên hạ, Ngài trấn giữ Bắc-cu-lô châu, cho nên gọi Ngài là Bắc-phương Thiên.

Đức Thiên-tôn này thường trú tại cung thủy tinh phương bắc, tầng thứ tư của núi Tu-di. Đi theo Ngài, phần nhiều là Dục-xoa và loại La-sát làm quyến thuộc.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, Ngài trú bên ngoài viện Kim-Cang bộ, bên cửa phương bắc, thân mặc giáp trụ, trên bàn tay bưng một bảo tháp, tay phải cầm gậy. Có loại tượng gọi là Đâu-bát Tỳ-sa môn Thiên. Hình tượng của Ngài, trong *A-bà-lũ-sao* có nói: “Trong Đâu-bát Tỳ-sa-môn Thiên

có hai chữ Đâu-bát là âm Phạn, nhưng mỗi người dịch một cách, không đồng nhất. Vị Thiên này là tượng của Đâu-bát quốc-vương. Người đời sau mới đọc trại hai chữ “đâu bát” thành “đao bát”, nghĩa là tám cây đao, tạo thành một hình tượng hết sức kỳ quái. Đây là ngụy tượng.

Vị Thiên-vương này ở nước Đâu-bát, dùng Kiên-lao địa thần chống đỡ hai chân Ngài. Đó là hai Dạ-xoa Lam-bà và Tỳ-lam-bà ủng hộ hai bên tả hữu của địa thần. Trong khoảng các chòm cây tròn trịa trên mặt đất, chư vị xuất phát rất mạnh-mẽ, nghe tiếng kêu rảng rặc.

Hình tượng phổ-thông của Ngài ở thế-gian phần nhiều căn-cứ theo thuyết đó mà làm theo.



## ĐỨC TRÌ-QUỐC THIÊN

Vị Thiên này cũng là một trong bốn vị Thiên-vương bảo vệ đời. Ngài chuyên thủ-hộ địa vực Đông-thắng thần châu. Tên chữ Phạn của Ngài là Dhratarastra ‘Đề-đầu-lại-tra’, dịch là Trì-quốc, hay An-dân. Ngài thường trú tại Thiên-cung tại Hoàng-kim đoả của Đông-thắng thần châu, trên tầng thứ tư của núi Tu-di.



Các vị đi theo Ngài, phần nhiều là Càn-thát-bà, La-sát và các quyến thuộc của Ngài. Khi vị Thiên này làm một trong số mười sáu thiện-thần Bát-nhã thì tên Ngài là Đề-đầu la-tra thiện-thần.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, vị Thiên này trú nơi ngoài viện Kim-Cang bộ ở phương đông. Hình tượng của Ngài ở chỗ đó thì: “thân màu đỏ, tay trái duỗi buông xuống, tay phải cầm đao; hoặc tay phải cầm đao, trong bàn tay trái nắm bảo châu. Ngài dùng các loại

áo trời để trang sức.”



Bổn-thệ của vị Thiên này là ban khen thưởng các điều lành, ra hình phạt các điều ác, hộ-trì quốc-độ. Do đó mà có tôn danh là Trì-quốc An-dân.

Hình tượng cầm đao và bảo châu của Ngài trong *Đà-la-ni Tập Kinh* mục số mười một có nói: “Đề-đầu-lại-tra Thiên-vương, thân dài một khuỷu tay, mình mặc các loại áo trời thật trang-nghiêm, tay trái duỗi xuống, cầm đao; tay phải co lại và hướng về phía trước, bàn tay ngửa ra. Trong lòng bàn tay có viên ngọc báu phát ra ánh sáng, thân hình màu xanh.”

Hình tượng Ngài ở phương đông, bên ngoài viện Kim-Cang bộ thì trong *Chư Thuyết Bát-Đồng Ký* quyển thứ tám có nói: “Tại phía nam của cửa viện, Ngài mặc áo giáp, tóc lửa dựng lên, mặc áo trời, tay phải chống nạnh, tay trái cầm đao, mặt hướng về phải mà ngồi, đội mũ báu tóc.”

Vị Thiên này là một trong số bốn vị Thiên-vương thường thấy, được an-trí trong Phật-đường. Ít khi người ta thờ đơn độc một mình Ngài.

## ĐỨC TĂNG-TRƯỞNG THIÊN

Vị Thiên này cũng là một trong số bốn vị Thiên-vương giúp đời. Tên



chữ Phạn của Ngài là Virudhaka ‘Tỳ-lâu-nhãn-xoa’, hoặc ‘Tỳ-lưu đà-ca’. Ngài chủ việc bảo vệ Nam-bộ thiên-châu. Ngài thường trú ở cung trời tại nam Lưu-ly đoả của tầng thứ tư núi Tu-di. Ngài quản-lãnh loại Ma-mị gọi là Cung-bàn-trà và loài nga-quỷ gọi là Bệ-lệ làm quyến thuộc. Bổn thể của Ngài là làm tăng-trưởng uy-đức của mình và của Người, nên có đức phàm làm cho vạn-vật năng sanh.

Vị Thiên-vương này khi làm một trong số mười sáu thiện-thần Bát-nhã thì gọi là Tỳ-lô nhãn-xoa thiện-thần.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới vị-trí của Ngài ở hướng Nam, bên ngoài

viện Kim-Cang bộ.

Hình tượng của Ngài, trong *Chư Thuyết Bát-Đồng Ký* có nói: “Thân, da màu đỏ, mặc giáp trụ, trên vai mang hai trượng lụa đào, mắt nhìn giận dữ, có râu cằm và râu mép. Tay phải để dưới ngực, nắm kiếm; bàn tay trái nắm

lại, để nơi thất lưng. Trong *Đà-la-ni Tập Kinh* thì nói rằng: “Phép làm tượng của Tỳ-lỗ Đà-ca Thiên-vương thì hình lớn nhỏ, y-phục và tay trái đều giống như các tướng đã ghi về Trì-quốc Thiên; tay phải cầm sáo, góc sáo chạm đất.”

Vị Thiên-tôn này cũng được an bày trong số tứ đại Thiên-vương. Ít khi Ngài được thờ riêng rẽ.

## ĐỨC QUẢNG-MỤC THIÊN

Vị Thiên-tôn này tên chữ Phạn là Virupaksa ‘Tỳ-lâu-bạt-xoa’, hoặc ‘Tỳ-



lưu ba-xoa’, dịch là Tạt-ngũ, Phi-hảo-báo, Ác-nhãn, Quảng-mục và Xú-nhãn tạt-sắc, v.v.. Ngài cũng là một trong số bốn Thiên-vương bảo vệ cho thế-tục, chuyên thủ hộ phương tây, tức nhận giữ Tây-ngưu hoá-châu. Ngài thường trú tại thế-giới Bạch-ngân đỏa ở tầng thứ tư của núi Tu-di. Quyển thuộc của ngài là Rồng và loại Phú-đơn-na. Vị Thiên-tôn này dùng các loại tạt-sắc để làm cho các căn được trang-nghiêm.

Bổn-thệ của Ngài là trừng phạt người có tội, khiến họ phải gặp các điều cay đắng, sau mới có thể khởi đạo-tâm. Hình tượng Ngài cũng có nhiều loại,

tượng cầm sáo và dây tơ của Ngài trong *Đà-la-ni Tập Kinh* có nói: “Tượng của Tỳ-lỗ-bác-xoa Thiên-vương thì hình lớn nhỏ, y-phục, tay trái đều giống như các tướng đã ghi về Trì-quốc Thiên-vương, chỉ một chỗ khác là tay trái không cầm đao mà cầm sáo, tay phải cầm dây tơ đờ.”

Hình tượng của Ngài ở phương tây, bên ngoài viện Kim-Cang bộ của Mạn-đà-la thuộc Thai-tạng giới thì trong *Chư Thuyết Bất-Đồng Ký* có nói: “Toàn thân Ngài màu vàng, có mũ tóc đờ, mũ ấy có quán lùa, đầu mỗi lùa bay lên. Minh mặc giáp trụ, dùng lùa đào buộc che vai, thất lại ở dưới cổ. Tay phải dựng khuỷu tay, co nắm tay hướng về thân, cầm kích ba chìa. Tay trái co nắm tay lại, để ở ngang lưng, mặt hướng về bên trái”.

Tóm lại, bốn mục vừa kể trên đây là nói về bốn vị Thiên-vương: “Tỳ-sa môn Thiên-vương ở phương bắc; Trì-quốc Thiên-vương ở phương đông;

Tăng-trưởng Thiên-vương ở phương nam; Quảng-mục Thiên-vương ở phương tây. Ngoài ra còn có Đế-Thích Thiên và Phạm Thiên, được gọi chung là Thích-Phạm Tứ Thiên-vương.

Xưa nay chư vị ấy là những thiện-thần che chở và giữ gìn các quốc-độ.

## ĐỨC ĐẾ-THÍCH THIÊN

Vị Thiên này tên chữ Phạn là Indra ‘Nhân-đà-la’, dịch là Chủ hoặc Đế.



Toàn tên chữ Phạn của Ngài là Shakro-devendra ‘Thích-đề Hoàn-nhân’, hay ‘Thích-ca đề-bà Nhân-đà-la’, dịch là Năng-Thiên Đế. Vì Thích-ca có nghĩa là ‘Năng’, đề-bà là ‘Thiên’, và nhân-đà-la là ‘Đế’. Nhưng thông thường người ta gọi nôm na là Đế-Thích Thiên.

Truyền thuyết trong thần thoại Ấn-độ xưa nói rằng: “Vị Thiên này vào thời xa xưa là một vị thần, lúc ấy đang giao chiến với A-tu-la, hết sức dũng-mãnh nên khi Ngài nhập Phật-pháp thì được làm chủ thần nơi cõi trời Đao-lợi, trú ở thành Hỷ-kiến trên đỉnh núi Tu-di, cai-quản cả ba mươi ba cõi trời.

Bên ngoài thành Hỷ-kiến, có một toà điện xá trắng-lệ, gọi là Thiên-pháp Đường. Chư Thiên phần đông tụ tập tại đó để bàn tính tất cả các điều lành dữ trong khắp bốn châu thiên hạ. Trước cửa thành có một cung điện thù thắng chứa giữ tài bảo không hạn lượng. Ngoài thành có bốn khu rừng chứa bốn loại khác nhau: một kho chứa các loại xe để chư Thiên dạo chơi, xem phong cảnh. Xe này có thể biến hoá ra đủ loại xe cộ, thuyền bè để chư vị dùng.

Khu thứ hai chứa các đồ thô ác: đương khi chư Thiên giao-chiến với nhau, khu này có thể xuất hiện đủ các loại vũ-khí để chư vị sử-dụng.

Khu thứ ba gồm các rừng khác nhau: đương khi chư Thiên dạo xem phong cảnh, chư vị đến nơi nào thì nơi đó cũng đều toả ra mùi hỷ-khí.

Khu thứ tư chứa các rừng vui, hay còn gọi là các điều như-ý. Truyền thuyết nói rằng khu này chứa những điều vui sướng không gì sánh bằng.

Đế-Thích Thiên làm chủ Đại-thành Hỷ-kiến, thường cầm bình báu như ý, hiện tướng từ-bi mềm mỏng, thống suốt hết ba mươi ba cõi trời.

Dựa vào bốn-nguyện, Ngài có toàn quyền thao túng (giữ lại, buông ra) nên truyền-thuyết cũng nói: sau khi đức Phật Ca-Diếp diệt-độ, có một bản nữ phát-khởi tín-tâm muốn tu-tạo một toà Phật-tháp; lúc ấy, có ba mươi hai người nguyện đồng-tâm hợp-lực đóng góp công sức cho bản nữ đó để hoàn thành ngôi Phật-tháp. Về sau, người bản nữ này nhờ công-đức trên mà thành Đao-Lợi Thiên-vương và ba mươi hai người kia nhờ có công đức giúp sức Thiên-vương nên được làm tôi tớ cho Ngài, phối hợp với Ngài làm việc trong bốn phương của thành Hỷ-kiến, tạo nên ba mươi ba cõi trời.

Nói về sự giao chiến giữa Đế-Thích Thiên với A-tu-la thì trong kinh *Trường A-hàm* có chép rằng: “Có đại A-tu-la vương, tên là La-ha thân rộng hai vạn tám ngàn dặm, trú ở dưới đáy biển lớn, phía bắc núi Tu-di. Vị này thấy Đao-lợi Thiên và chư thần Nhật-Nguyệt đi qua trên đầu, cho rằng như vậy là vô lễ, bèn nổi giận, phát binh đại chiến. Đó là lý do khiến sinh ra đại chiến giữa hai vị.

Vị Thiên này, trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, trú bên ngoài viện Kim-Cang bộ, cạnh cửa đông và trú cai-viện phương bắc. Trong Kim-Cang giới thì địa vị ở cai-viện phương đông.

Kể trong các hình tượng của Ngài thì căn-cứ vào một mục của *Kim-Cang Đảnh Du-già Hộ-ma Nghi Quy* ta thấy nói: “Ngài Đế-Thích ở phương đông, cưỡi voi trắng, trú trong mây ngũ sắc, thân màu vàng, tay phải cầm ba cái tiêm để trước ngực, tay trái đặt ở dây nịt bên trái, chân trái thòng xuống. Có ba thiên-nữ theo hầu, mỗi vị bưng một mâm đầy hoa sen xanh, hay đủ thứ hoa.”

Ngoài hình tượng đó ra, có loại tay phải cầm một cái tiêm đơn độc, cưỡi voi trắng sáu ngà. Có loại sanh nơi toà lá sen hoặc ngồi trên núi vàng, nhận sự cúng dường hoa sen. Các loại tượng được biết xưa nay khác nhau rất nhiều.



Naga

## ĐỨC PHẠM-THIÊN

Phạm Thiên và Đế-Thích Thiên thường được xem ngang nhau. Tên chữ



Phạn của Phạm Thiên là Brahma ‘Bạt-là-già-ma’ hoặc Đại Phạm-thiên là Maha-Brahma, dịch là Thanh-tịnh. Ngài nguyên là chủ thần của Ấn-độ giáo, là chủ thể sáng tạo nên trời đất; nhưng sau khi đã vào Phật-giáo Ngài làm chủ cõi trời Sơ-thiên của Sắc-giới. Nhân đó mà được nghe tên trong thiên-hạ.

Trong *Chư Thuyết Bất-Động Kỳ* quyển thứ tám có nói: “Vì có thể sanh ra tất cả hữu-tình nên gọi là ‘vị chủ sanh ra tất cả’, nhưng thực sự thì xét ra, chúng sanh không có chỗ bắt đầu, chẳng phải là do Phạm-thiên vương sanh. Như-Lai cũng vậy: bởi vì một khi mà người đời dừng lại ở chỗ lạnh thì gọi là Như-lai sanh; cho đến những bậc có trí, hết thầy cũng đều gọi là từ tâm Phật mà sanh. Lại chẳng thấy chỗ bắt đầu và chỗ chấm dứt

của Như-Lai, cho nên gọi Như-Lai là Cha của thế-gian; mà sự thật thì Phật-tánh của chúng-sanh xét cho cùng thì không có chỗ bắt đầu, cho nên chẳng phải là do Như-Lai sanh vậy.<sup>35</sup>”

Trong *Thập Nhị Thiên Báo-Ân Kinh* có nói: “Phạm-thiên làm chủ của Thiên-vương, làm cha của chúng sanh. Lúc Ngài vui thì khí thế-gian yên-ổn không loạn động. Kiếp ban đầu vị Thiên này sáng tạo thế-gian, chúng sanh chẳng loạn, đó là cố làm cho Thiên-vương vui. Lúc vị Thiên này giận, thế-gian chẳng yên, có các loại bệnh, cây cỏ đều khổ não, chúng sanh bị mê-hoặc, mỗi loài đều như người say.”

Ấy là ghi nhận rằng: lúc vị Thiên này vui, giận, buồn, sướng thì có biến động lớn ở thế-gian.

<sup>35</sup> Đoạn này muốn nói rõ ý “sanh mà vô sanh” như: “khi bắt đầu làm việc lành thì gọi là do Như-Lai sanh, nhưng sự thật thì Phật-tánh vốn có trong mỗi chúng sanh, không phải do Phật sanh; nó vốn vô-sanh. Vậy, làm việc lành là trở lại với bản-tánh vốn có của ta mà thôi. Đó là “sanh mà vô-sanh” vậy.



Thân của Phạm Thiên dài một do-tuần rưỡi, thọ mạng lâu một kiếp rưỡi. Hình tượng của Ngài có loại hai tay, có loại bốn tay, chẳng đồng nhất. Trong *Đại-Nhật Kinh Sớ*, đoạn thứ năm có nói: “Đại Phạm-vương đội mũ búi tóc, ngồi xe bảy ngỗng, bốn mặt, bốn tay: một tay cầm hoa sen, một tay cầm chuỗi hạt, đó là hai tay bên phải; một tay cầm quân-trì, một tay bắt ấn chữ “Ấn”, đó là hai tay bên trái. Ấn đó hơi co ngón trở, còn các ngón khác đều duỗi ra, làm như đang diễn giảng điều gì. Ấn ấy gọi là Ấn kết-tường của hành-giả tịnh-hạnh.

Hình tượng tại phương đông, bên ngoài viện Kim-Cang bộ của Thai-tạng giới thì trong *Chư Pháp Bất-Đồng Ký* quyển 8 có nói: “Như hiện đồ bốn mặt bốn cánh tay, mỗi mặt có ba mắt. Tay phải buông thõng xuống, bàn tay ngửa ra, các đầu ngón hướng về bên phải. Tay kế tiếp dựng khuỷu, bàn tay nắm búa, ngón út duỗi ra hướng về thân. Bên trái, tay cong lại, để đứng lên nắm hoa sen; tay kế tiếp buông thõng xuống, bàn tay ngửa hướng về phía trước; ngón trở, ngón giữa và ngón áp út co lại, giữa ngón trở và ngón áp út của bàn tay này có kẹp bình nước tắm.

Tượng ngồi, mặt hướng về bên phải. Có tượng thì tay thứ hai bên phải giơ lên, bàn tay cầm trượng hướng về thân; tay bên trái dựng đứng, ngón trở và ngón cái cầm hoa sen, tay thứ hai cong lên hướng về bên trái, cầm bình; theo tượng này Ngài cười ba con ngỗng trắng.”

## ĐỨC Y-XÁ-NA THIÊN

Tên chữ Phạn của vị Thiên này là Isana ‘Y-xá-na’, dịch là Lạc-dục. Biệt-hiệu của Ngài là Rudra ‘Lỗ-nại-la’. Tướng phần nộ của vị đại Tự-Tại thiên này rất mãnh-liệt. Truyền thuyết nói: “Ngài là thân phần nộ của Thương-yết-la Đại Tự-Tại thiên. Có thuyết nói rằng Ngài là thân biến hoá của Ma-ê-thủ-la Thiên. Ngài thường trụ tại cõi trời thứ sáu của Dục-giới. Ngài là một trong Bát-phương thiên và mười hai thiên. Nhiệm vụ chính của Ngài là bảo vệ góc đông-bắc.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, Ngài trú ở góc đông-bắc, bên ngoài viện Kim-Cang bộ. Quyển thuộc của Ngài là Y-



xá-na phi. Thường-tuý thiên, Hỷ-diện thiên, Khí-thủ thiên, Khí-thủ thiên phi, Đại-hắc thiên, Tỳ-na-dạ-ca-đa, v.v., cùng các loại dạ-xoa đi theo bốn phía

Về hình tượng của vị Thiên này thì trong một mục của *Kim-Cang Đảnh Du-già Hộ-ma Nghi Quỹ* có nói: “Y-xá-na thiên ở phương đông-bắc, tên cũ là Ma-ê thủ-la Thiên, hoặc Đại Tự-tại Thiên. Ngài cười trâu màu vàng, tay trái cầm chín kiếp-ba dây máu. Tay phải cầm thương ba chĩa. Da màu xanh tịn, ba mắt giận dữ. Hai răng mọc lồi lên, dùng đầu lâu làm anh-lạc. Trong chiếc mũ trên đầu có hai vành trắng giữa giữ hai hoa thiên-nữ.

## ĐỨC LA-SÁT THIÊN

Vị Thiên này tên chữ Phạn là Raksasa-devata ‘La-khất-xoa-bà-địa-bả-



đa’, dịch là La-sát. Ngài ăn nhân quỷ, tốc-tật quỷ hoặc Nirrti ‘nát-lý đễ’, v.v.. thường vui thích khi ăn thịt uống máu người. Có thể bay liệng trong hư không hay đi bộ trên mặt đất. Khả năng tiến thoái nhanh nhẹn của Ngài thì không có con chim, con thú nào hơn Ngài. Ngài đã từng ăn trộm xá-lợi của đức Thế-tôn. Lúc chạy trốn bị Vi-đà Thiên đuổi bắt. Vị Thiên này là đầu não trong số các La-sát. Vì bản-thể của Ngài là dùng sự bạo-ác của mình để có thể làm cho người ta khiếp sợ, cho nên, khi Ngài thành-tâm thành-ý theo phò Tỳ-sa-môn Thiên thì Ngài trở thành một vị thiện-thần hộ-trì Phật-pháp, và Ngài cùng trú ở phương bắc cùng với Ngài Tỳ-sa-môn

Thiên-vương.

Vị Thiên này cũng là một trong số tám phương thiên và mười hai thiên.

Xem bản-thể của Ngài trong *Thập-Nhị Thiên Báo-An Kinh*, có đoạn nói rõ như sau: “Lúc vị Thiên này vui thì lũ tiểu quỷ cũng vui theo, không ăn thịt, không thổ độc khí, không làm việc ác. Khi vị Thiên này giận dữ thì bọn tiểu quỷ thấy đều làm loạn.”

Bên ngoài viện Kim-Cang bộ của Thai-tạng giới, Ngài ở góc tây-nam. Trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới, Ngài ở ngoài viện của hai mươi Thiên bốn phương.

Hình tượng của Ngài, trong *Kim-Cang Đảnh Du-già Hộ-ma Nghi Quy* có ghi: “Phương tây-nam, La-sát chủ-thiên cười sư tử trắng, thân mặt giáp trụ, tay phải cầm đao dựng đứng. Tay trái thì ngón cái chặn trên ngón giữa và ngón áp út. Da thịt màu đỏ. Hai thiên nữ đứng hầu hai bên phải trái, giữ hai quỹ La-sát cầm kích ba chia.”

Bên ngoài viện Kim-Cang bộ của Thai-tạng giới thì hình tượng của Ngài trong *Chư Pháp Bất-Đồng Ký*, quyển thứ mười, có nói: “Thông thân màu vàng, mặc áo giáp, trên đầu tóc có mũ, mũ có dây lụa. Hai đầu dây bay lên. Mắt hiện vẻ hơi giận: tay phải cầm đao dựng lên, bàn tay để ở thất lưng; tay trái để đứng hướng về bên trái, ngón cái chặn trên ngón áp út và ngón út. Mặt hướng về bên phải.”

## ĐỨC ĐIÊM-MA THIÊN

Vị Thiên này tên chữ Phạn là Yamaraja ‘Diêm-ma, Diêm-la, Diêm-ma-



la-ra-xà’, v.v., dịch là Phục (buộc), Song-vương, Tư-vương, Tịnh-tức vương, Bình-đẳng vương, Già-chỉ, hoặc Bất-bố-uy, v.v.. Phục là ý trói buộc tội-nhân. Song-vương tức là ý nhận hai báo khổ sướng. Diêm-ma là chủ-trưởng nhận địa ngục giới, có lúc cũng là chủ-tể của đường ngạ-quỷ.

Vị vương này thường trú tại châu Diêm-phù phương nam. Ngoài bộ ngục ở núi Thiết-vi, Ngài còn thống-suất mười tám âm-cung, tám vạn ngục tốt, thẩm vấn và phán-quyết những kẻ bị đoạ-lạc vào đó. Lại thêm việc trừng phạt, ngăn chặn ác-hạnh, cho nên Ngài có biệt-danh là Già-chỉ vương, hoặc là Tịnh-tức vương.

Có một thuyết nói rằng Diêm-ma Vương cùng với huynh-muội của Ngài hợp sức làm chủ-tể giới địa-ngục. Huynh thì chủ thẩm phán nam-tánh; muội thì chuyên trừng phạt tội nhân của nữ-tánh. Huynh-muội đều được xưng ngang nhau nên gọi là Song vương.



Riêng có một thuyết nói: “Diêm-ma là chủ trưởng địa ngục, cư trú trong đại thành làm bằng bảy báu, ngang dọc có sáu mươi do tuần, nhận được sự vui sướng vô thượng. Đó là điều thấy hiện ra bên ngoài, nhưng sự thực thì mỗi ngày ba thời, làm tướng ác-ma nấu đồng rót vào trong miệng người ta. Cái khổ của Ngài là cái khổ khó chịu đựng nổi. Thế mà Ngài đã trải qua nhiều nỗi lo khổ quá lớn. Tuy nhiên đối với Ngài sướng hay khổ đều ngang nhau, cho nên gọi là Song vương.

Như vậy, vì các thuyết khác nhau nên khó mà phân định.

Khi xưa vị Thiên này thuộc về thân của Bà-la-môn có tên là Dạ-ma-thiên. Lúc tối sơ, trong thời đại Phệ-đà, ai cũng biết Ngài là một vị thần quang-minh. Sau khi mất, Ngài vào cõi U-minh, được chọn làm chủ-tể cõi hắc-ám. Một tay Ngài cắt đứt các tội-ác của người chết.

Trong Mật-giáo, Ngài được ghi vào Thiên-bộ, gọi là Diêm-ma thiên, và Ngài là một trong Bát-phương Thiên và Thập-nhị Thiên.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, Ngài ở phương tây, bên ngoài viện Kim-Cang bộ.

Trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới, Ngài ở phương bắc, bên ngoài viện Hai Mươi Thiên.

Diêm-ma Vương thường trú cõi địa-ngục. Trạng thái của Ngài như sau: “Đại thành của Ngài bốn bề có tường cao bằng hắc kim vây quanh, bốn phương có bốn cửa sắt. Bên phải và bên trái có hai cây tràng đang-trà; trên đó có nhiều hình đầu người. Các đầu người ấy có thể xem xét tất cả chúng sanh, như xem một quả yêm-la trong bàn tay vậy. Bên phải, chúng là ám-hắc thiên nữ tràng. Bên trái chính là thái-sơn phủ quân tràng. Vị đại vương hầu bên trái là thần chuyên ghi chép việc ác, hình như là La-sát, theo hầu bên đại vương đêm ngày chẳng rời để ghi chép mọi việc ác dù cho nhỏ nhất đến đâu cũng không bỏ sót.

Vị đại vương hầu bên phải là thần chủ ghi việc lành, hình như là Kiết-tường thiên, cũng thường theo sát bên đại-vương không rời nửa bước để ghi lại mọi việc lành, dù nhỏ nhất đến đâu. Hai vị thần ở hai bên đại vương này gọi chung là song đồng. Diêm-ma thiên muốn tra hỏi các điều lành dữ của những kẻ đã mất, đều dựa vào các sự việc do song đồng ghi chép làm chuẩn. Việc này cũng có ghi trong *Thập Vương Kinh*.

Vị Thiên này lúc nhập khắc mười hai thiên thì hình tượng Ngài biểu hiện sự trang-nghiêm, không ai bằng. Trong *Kim-Cang Đảnh Du-già Nghi Quỹ* có ghi: “Phương nam, Diêm-ma Thiên, cưỡi trâu nước, tay phải cầm

tràng đầu người, tay trái ngửa bàn tay. Có hai thiên nữ theo hầu, hai quý sứ cầm đao và kích màu đen đỏ. Chân phải Ngài thông xuống.” Còn trong *Chư Pháp Bát-Đông Ký*, quyển thứ 9, có nói: “Trên đầu Ngài có hình bán nguyệt màu vàng. Tay phải cầm tràng đầu người, cười trâu nước trắng đang nằm, chân Ngài thông xuống. Mặt trâu nước hướng về bên phải.” Đó là hình tượng ở bên ngoài viện Kim-Cang bộ.

## ĐỨC BIỆN-TÀI THIÊN

Vị Thiên này tên chữ Phạm là Sarasvati ‘Tát-la-sa-phạ-đề’. Ngài là hậu



phi của Phạm-thiên. Tên của Ngài là do sự thần cách hoá con sông Tát-la-sa-phạ-đề ở Ấn-độ mà ra. Truyền thuyết nói rằng: “Con sông ấy nước chảy xoáy liên tục thành vực sâu, phát ra âm thanh rì rầm và màn hơi nước hiện hình thiên nữ.

Trong *Kim-Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh* và trong kinh *Đại Tuỳ-Cầu* gọi thiên nữ này là Đại Biện-Tài Thiên nữ, Đại Biện thiên, Đại-Biện thiên-thần, v.v.. Trong kinh *Đại-Nhật* thì gọi là Biện-thiên, Mỹ-Âm thiên, hoặc Diệu-Âm thiên, v.v.. Vị Thiên

nữ này cùng với nước sông, ao, hồ, vv., có nhân-duyên với nhau chẳng cạn, cho nên xưa nay tại Ấn-độ và Nhật-bản, trên bờ ao hay dọc bờ sông người ta đều lập đền thờ Biện Thiên để thờ cúng. Hơn nữa, vị Thiên nữ này được tôn là thần âm-nhạc, cùng với Kiết-Tường thiên, đều có bổn-nguyện ban bố tài phước cho người.

Trong *Tối-Thắng Vương Kinh*, phẩm Đại-biện Tài Thiên Nữ, có ghi bổn-thệ của Ngài như sau: “Đạo-Tràng Thích-Tôn, tập hợp đại chúng. Khi nghe Tối-Thắng vương Kinh thì vị Thiên nữ này từ trong đại chúng đứng dậy bạch Phật rằng: ‘Bạch Thế-tôn! Nếu có pháp sư nói kinh này thì Người ấy trí-huệ bằng hết thầy trí-huệ của con, có biện-tài, ngôn thuyết trang-nghiêm đầy đủ.

Nếu vị pháp-sư đó nói nghĩa câu, văn tự của Kinh này có chỗ quên mất thì con sẽ khiến cho trí-nhớ của họ khai ngộ, lại được vô-ngại đối với các tổng-trì, đà-la-ni. Đối với vô-lượng hữu-tình thì khi họ nghe Kinh này họ đều được phước trí chẳng có thể nghĩ bàn, biện tài đại-huệ vô-tận, khéo

giải các luận, các kỹ thuật, có thể ra khỏi sanh tử, mau đạt đến Bồ-đề vô-thượng.”

Hình tượng của vị Thiên này có rất nhiều loại. Trong *Kim-Cang Minh Kinh* có nói rõ tượng tám tay với các vật cầm tay của vị Thiên này như sau: “Mặt mày, dung mạo bề ngoài, ai thấy cũng vui, vì Ngài có các diệu-đức nghiêm-thân; mắt mở rộng như lá sen xanh, thường dùng tám cánh tay để tự trang-nghiêm: cung, tên, đao, tiêu, búa, chày dài, bánh xe sắt, và lưới tơ. Tướng đoan-chính như mặt trăng tròn, lạc quan. Do đó, có thể tưởng tượng đến được tôn dung của vị Thiên này, thật là mười phần đoan lệ!”

Biện-tài Thiên, trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới thì ở phương tây, ngoài viện Kim-Cang bộ, bên cạnh Na-la-diên thiên. Thân Ngài nước da trắng, đánh đàn tỳ-bà. Trong *Chư Pháp Bát-Đông Ký*, quyển 10, có nói: “Ngài ở bên trái của Tỳ-nữ Thiên phi, tay trái hơi duỗi ra, bàn tay cầm đàn tỳ bà. Tay phải làm động tác đang đánh đàn. Gối trái dựng lên, đầu hơi hướng về bên phải.

Hình tượng lưu-truyền tại thế-gian thì trên đỉnh đầu Ngài có mang con rắn đầu người, trên trán Ngài có hoa để biểu-thị chỗ trú. Thế nhưng sợ rằng tượng này do người đời sau tạo ra chứ không phải tượng nguyên thủy.

## ĐỨC KIẾT-TƯỜNG THIÊN

Vị Thiên này, tên chữ Phạn là Mahasri ‘Ma-ha-thất-rị’, dịch là Đại Kiết-Tường thiên-nữ. Tên chữ Phạn thời xưa là Lạc-khất-sử-minh, nên dịch là Công-đức Thiên.

Phụ thân của Ngài là Đức-xoa-ca long-vương. Mẫu thân Ngài là Ha-lợi-đế-mẫu. Tỳ-sa-môn Thiên là anh của vị Thiên-nữ này. Có thuyết nói Ngài là hậu-phi của Tỳ-sa-môn Thiên. Sự thật thế nào, thật khó mà phán-định.

Vị Thiên-nữ này, trước kia là thần của Bà-la-môn giáo. Ngài sớm nhập Phật Giáo tại Kim-son chiếu sáng Như-thường xứ, có trồng nhiều căn lành. Nhân có đôn chứa nhiều công-đức cho nên dung mạo của Ngài đẹp đẽ hơn cả muôn người. Ngài thường trú tại nước Tối-thắng, ban phước đức cho tất cả chúng sanh.



Về thế-giới trú xứ của Thiên-nữ này thì trong *Tối-Thắng Vương Kinh* có nói rằng: “Bấy giờ Ngài Đại Kiết-Tường Thiên bạch Phật rằng: “Bạch Thế-tôn! Phía bắc thành Tỳ-sa-môn thiên-vương, gọi là Hữu-tài, cách thành ấy không xa, có một nước tên là Diệu-Hoa Phước-quang, trong nước ấy có một cung điện làm bằng bảy báu. Bạch Thế-tôn, con thường trú tại nước đó.”

Về bốn thế của Ngài thì trong *Công-Đức Thiên Kinh* có nói rằng: “Trước kia, Ta đã ở tại biển Bửu-Hoa công-đức, trên núi Lưu-ly Kim-sơn, chỗ của đức Chiêu-Minh Như-Lai, Ứng Chánh Biến-tri, Minh-hạnh túc, Thiện thế, Thế-gian giải, Vô-thượng-sĩ, Điều-ngự đại-phu, Thiên-nhơn sư, Thế-tôn, có gieo các căn lành. Nhân đó, nay Ta theo chỗ ở, tùy niệm của mỗi một, khiến cho tất cả chúng sanh đều nhận được mọi sự khoái lạc trong các việc ăn, mặc, sinh sống, đầy đủ của cải, vàng bạc, bảy báu, trân châu, lưu-ly, san-hô, hổ-phách, v.v.. không phải lo-nghĩ đến sự thiếu thốn.”

Vị Thiên-nữ này có mặt trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, tại trung viện Hư-không tạng, hầu bên cạnh đức Tự-Tại Bồ-tát có một ngàn mắt và một ngàn tay.

Hình tượng của Ngài có nói rõ trong *Đà-la-ni Tập Kinh* như sau: “Tượng Công-đức Thiên, thân đoan-chính, màu trắng hồng. Trên hai cánh tay mang nhiều chuỗi ngọc, xuyên ngọc, tai đeo hoa tai kim-cương. Ngài mặc áo trời, đội mũ báu. Tay trái Thiên-nữ cầm châu như-ý. Tay phải kiết-ấn Thí-chú vô-úy. Ngài ngồi trên đài to lớn. Bên trái có Phạm-ma thiên tay cầm rương báu. Bên phải có Đế-Thích thiên như các Thiên-nữ, rải hoa cúng dường. Sau chư vị ấy là núi thất bảo. Phía trên tượng Thiên-nữ, có mây ngũ sắc. Trên mây có voi trắng sáu ngà, mỗi vòi voi có giữ bình mã-nã. Trên đầu voi có lọng 100 cánh che. Trên lọng có chư thiên đánh nhạc và rải hoa cúng dường. Dưới đế tượng, bên phải, lại vẽ hình chú sư mặc áo trời sáng tươi ngồi trên tấm vóc bằng tơ trắng, tay cầm cái giá lư-hương cúng dường.”

Do đó, hình tượng của Thiên-nữ này được biểu minh một cách hết sức mỹ-lệ, đoan-đàng.



## ĐỨC HA-LỢI ĐẾ-MẪU

Đức Thiên-tôn này tên chữ Phạn là Hariti ‘Ha-lợi-đế’, dịch là Quý nữ màu



xanh, Mẹ hoan-hỷ, hoặc Mẹ yêu con, v.v.. Ngài là một trong số hai mươi thiên. Hình tượng của Ngài là tượng nữ-thần hết sức đoan-lệ. Ngài nguyên là quý nữ của ngoại đạo.

Trong *Tỳ-na-đa Tap Sứ* có một mục ghi như sau: “Ha-lợi Được-xoa nữ là một vị độc giác của thời xưa, đã bố thí 500 vị thuốc am-một-la, có điều phát-nguyện, sanh tại thành Vương-xá, lấy chồng là Bán-chi-ca, đại Được-xoa, sanh ra một ngàn người con, ăn tinh khí của chúng sanh.” Do đó, ta có thể biết bản-tánh của Ngài là một nữ quỷ rất độc ác, đáng sợ.”

Thời gian vị nữ quỷ này quy-y vào cửa Phật có một chuyện xưa do Tư-Giễn kể với ý nghĩa rất thú vị. Chuyện kể rằng: “Vị nữ quỷ này trước sau có cả thảy một ngàn người con. Người con út của Ngài là Ái-nô, nhỏ như hạt minh-châu có thể đặt trên lòng bàn tay. Để mớm cho đứa con bé tí này ăn, bà bèn đi ăn trộm ấu nhi của nhà khác để làm vật thực cho mình có sữa tốt.

Hành-vi độc-ác, mất cả nhân-tánh này khiến cho các bậc cha mẹ của các ấu-nhi trong thiên hạ ngày đêm chẳng yên. Tiếng than khóc bi thương đâu đâu cũng nghe thấy. Đức Phật nghe đến chuyện này, lòng Ngài mủi phần lo-nghĩ. Vì muốn giáo-hoá bà mẹ quỷ bạo ác này, và để cho bà trở lại đường lành, đồng thời muốn cho các bậc cha mẹ trong thiên-hạ được an lòng, Ngài bèn dùng sức phương tiện tự-tại của Ngài, chờ lúc bà ta đi ra ngoài để bắt trộm con nít của thiên-hạ, bắt lấy đứa con thân yêu của bà ta và giấu dưới bình bát của Ngài.

Đến khi trở về, bà chẳng thấy con đâu, nên sanh tâm cuồng loạn, kinh-hãi, đến độ không thể diễn-tả xiết. Khi lục lợi khắp nơi mà chẳng tìm thấy con, bà phải đến cầu xin đức Phật cứu giúp. Bà khóc lóc kêu than về sự mất con. Phật-đà dùng ánh mắt từ-bi nhìn bà và nói rằng: “Nhà người có

đến một ngàn đứa con mà còn thương xót một đứa như vậy, huống gì người đời chỉ có một hai đứa, rồi còn bị nhà người ăn cắp mất, thử hỏi lòng thương xót mất con ấy đau khổ đến chừng nào?”

Đức Phật dùng lý yêu-thương con ruột để giải nghĩa hết việc báo-ứng cho nữ quý thấy mà hồi tâm chuyển ý. Quả nhiên, sau khi nghe các lời giảng-dạy của Phật, bà liền tỉnh ngộ đạo-lý, thấy rõ lỗi lầm của mình trước kia, bèn cải tà quy chánh, dựa trên lý bình-đẳng và thề từ đó về sau quyết tận-dụng tâm-lực để bảo-hộ cho tất cả các đứa bé trong thế-gian. Đức Phật thấy bà có thể trở về đường lành, bèn trả lại đứa con thân yêu đó lại cho bà. Nhân đó, vị nữ quý này dứt bỏ bản-tánh hung bạo, tàn ác xưa kia, mà đổi thành một vị nữ thần từ-bi.

Đời sau, vì sùng kính công-đức của bà nên gọi bà là Thần Từ-mẫu.

Nhưng bản-tánh của một ngàn người con Ngài chẳng trở về đường lành như Mẹ, mà ngược lại, chúng đều biến thành quỷ-vương. 500 người thì ở cõi trời, 500 người thì vào cõi nhân-gian, thống suất hàng vạn quân quỷ, làm rối loạn chư thiên và dân chúng một cách độc ác. Bậc trời có đại uy-lực là Trời Đế-Thích cũng khó có thể hàng phục chúng được. Đức Phật thấy tình-thế đáng lo-ngại bèn dùng sức phương-tiện của Ngài triệu tập 1000 quỷ-vương đó lại, khiến họ phải chịu 500 loại hình phạt, họ mới bắt đầu vào đường thiện.

Hình tượng của vị Thiên-nữ này trong *Đại Dục-Xoa Hoan-Hỷ Mẫu Tịnh-Ái Tử Thành Tựu Pháp* có nói: “Ta đặt Hoan-hỷ mẫu làm hình Thiên-nữ, có cái đẹp kín-đáo, thân màu trắng hồng, mặc áo báu lụa hoa cõi trời, mũ trên đầu có ngọc-châu làm tai; ốc trắng làm xuyên. Dùng các loại chuỗi ngọc để tăng vẻ trang-nghiêm cho Ngài; Ngài ngồi trên đài báu lớn, chân phải thòng xuống. Hai bên đài báu lớn đều vẽ hai đứa bé ở bên gối Ngài. Tay trái bồng một đứa bé ôm vào lòng bên trái: đứa bé đó tên là Tất-lý-dụng-ca, rất đoan-chính. Tay phải để trước ngực, trong lòng bàn tay có quả kiết-tường. Hai bên tả hữu Ngài, là các thị-nữ quyến thuộc.”



## ĐỨC MA-Ê-THỦ-LA THIÊN

Tên chữ Phạn của Ngài là Mahesvana ‘Ma-ê-thủ-la’, dịch là Đại Tự-Tại Thiên, hoặc gọi là Sankra ‘Thương-Yết la’. Truyền thuyết nói Ngài là thân phần nộ của trời Rudra ‘Lỗ-trà-la’.



Nguyên Ngài là chủ thần của Bà-la-môn giáo, Ngài hơi bị ngộ nhận với một vị tên là Thấp-bà. Sức mạnh của thần Thấp-bà này không ai sánh kịp. Nhưng sau khi Ngài đã quy-y Phật thì Ngài trở thành thần hộ-pháp cho Đạo Phật. Ngài trú ở cõi trời đệ thứ thiên của Dục-giới, đổi tên là Ma-ê Thủ-la Thiên-vương. Nhân vì địa phương cư trú của Ngài các sách không thống nhất nên Ngài có các tên khác nhau như: “Thương-yết-la, Đại Tự-tại thiên, Y-xá-na thiên, v.v..

Đại Tự-Tại thiên của ngoại đạo là một phái của Ấn-độ giáo. Người thuộc phái này, lấy trời làm bản thể của thế-giới. Trời là chủ tể tạo lập nên tất cả muôn vật. Phàm người đời nhận được mọi sự sướng, khổ, vui, buồn, thấy để thủ phạt với tướng sướng khổ, vui

buồn của vị Thiên-vương này. Lúc vị Thiên-vương này vui thì tất cả chúng sanh đều an-lạc. Khi vị Thiên-vương này giận dữ thì tất cả chúng sanh đều theo đó mà bị lao khổ. Như vậy khi thế-giới đến lúc huỷ diệt thì tất cả muôn vật đều sẽ nhập vào Thiên-cung Ma-ê-thủ-la.

Hình tượng của vị Thiên này có rất nhiều loại: có tượng hai tay, tượng bốn tay, tượng tám tay. Và loại tượng rất ít thấy là tượng mười tám tay.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới ở góc nam, bên ngoài viện Kim-cang, trong thứ vị hình tượng của La-sát thiên thì trong *Chư Pháp Bất-Đồng Kỳ* có nói: “Ngài là quyền thuộc nên thân Ngài màu đỏ đen. Tay phải hơi cong lại, bàn tay để đứng với ngón giữa, ngón áp út và ngón út co lại. Tay trái cầm kích ba chia hướng về bên phải. Ngài cười trâu nước xanh đen, chân trái thòng xuống.”

Ngoài ra trong *Câu-lâu-la Mật Ngôn Kinh* có nói: “Nhạ-dã Thiên-vương tức Đại Tự-tại Thiên, thông nhân màu xanh, có ba mặt, mặt chính như hình



Thiên-vương. Bộ đầu bên phải như hình Dạ-xoa, tướng giận dữ, răng lòi ra ngoài. Bộ đầu bên trái là hình thiên-nữ trắng hồng, mặt mày tốt đẹp. Ba mặt đều có ba mắt. Có mũ báu hình quả bầu như nhục-kế. Chung quanh đầu có vòng hào-quang tròn màu đỏ. Có bốn tay, bên trái, tay trên cầm xoa ba chia, tay dưới cầm bình kim-nhã. Bên phải tay trên cầm hoa để cúng dường bốn tôn; tay dưới để ở tim, cầm chuỗi hạt. Ngài dùng áo trời, chuỗi ngọc để trang-nghiêm, đứng nghiêm-chỉnh tự nhiên.” Đó là tượng ba mặt, bốn tay.

## ĐỨC CA-LÂU-LA THIÊN

Vị Thiên vương này tên chữ Phạn là Garuda ‘Ca-lâu-la’, ‘Yết-trà-lộ’ hay



‘Nga-lỗ-noa’, v.v.. dịch là Ăn Mửa tiếng Bi-khố. Nói về âm Phạn, Ngài có biệt danh là ‘Tô-bát-lạt-ni’, dịch là Kim-sĩ-điều, Đó là đại vương của tất cả các loài chim, thường trú trên cây đại-thiết ở phương bắc của núi Tu-di. Mỗi loài điều-vương này màu vàng rực-rỡ, đôi cánh của nó dài đến 336 vạn dặm. Mỗi ngày, nó bay lượn trên bốn biển quanh núi Tu-di để bắt loài rồng mà ăn thịt. Loài điều-vương này trước bộ cổ có bảo châu như ý, miệng thường khạc ra lửa rất mãnh liệt, gọi là hơi lửa ca-lâu-la.

Đó là ánh lửa thấy sáng phía sau lưng của Bất-Động Minh-vương. Loại điều-vương này chẳng phải là loài chim có trong thực tế mà chỉ là một sự thần-cách-hoá của tướng Na-la-diên thiên mà

thôi. Dùng vị thiên này làm bản thể để tu, mà hành pháp cầu mưa, trị bệnh, và các oan-linh thì đều thành tựu. Món ăn đặc-biệt của loài chim này là có thể nhai nuốt tất cả các phiền-não và ma-chướng, và dùng đại phước-lợi cấp phát cho tất cả chúng sanh.

Hình tượng của vị Thiên này thì trong *Tạp Mật Ngôn Kinh* có nói: “Thân của Ngài, từ rốn trở lên thì hình như thiên-vương, mũi như mỏ cắt màu lục; từ rốn trở xuống thì như chim ưng. Tóc hình nhục-kế, đội mũ báu, các cổ



tay đều có đeo xuyên ngọc, mặc áo trời, đeo chuỗi ngọc, khắp thân như Kim-xí-điểu duỗi hai cái đuôi xuống và mở ra bốn cánh tay: “hai tay chính kiết đại-ấn, tức các đầu ngón tay của hai bàn tay giao nhau. Bàn tay trái áp vào bàn tay phải để ở ngực, làm thành “hư tâm hi hiệp chưởng ấn” (chấp hai tay mà để trống ở giữa). Còn lại hai tay nữa thì thông xuống, duỗi cả năm ngón làm thành thế “thí nguyện”. Mỏ, cẳng chân và móng chân là báu kim-cương năm màu. Dùng ngọc kim-cương đắp thành núi báu. Trên núi dựng một cái giá bằng vàng. Trên giá trùm một cái chân bằng gấm, đặt bốn-tôn đứng trên chân gấm ấy, làm hình phần nộ, trong miệng có răng lòi ra. Dùng lông che ở trên. Trên đầu đội mũ báu, sau đầu có vầng hào-quang tròn.” Đó là hình tượng thường thấy.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới thì hình tượng của vị Thiên-vương này được mô tả là: “đầu chim, thân người, có cánh lông vũ. Trong *Chư Pháp Bất-Đồng Kỳ*, quyển chín, có nói: “Tại Ma-ni-a-tu-la chúng, trong số ở bên trái thì tượng Ngài là đầu chim, mình người, búi tóc hình nhục-kế, có cánh, khắp thân màu vàng (hoặc màu da thịt), hai tay cầm kèn đang trong tư thế thổi. Mặt hướng về bên trái (hình trên núi thì thổi ống sáo, đặt ngang, ngồi trên lá sen.)

Ngoài ra, còn có một loại tượng: hai cánh chim mở rộng như hình mã-vương, dùng anh-lạc làm rỗng quán quanh thân; mỏ, vuốt đều rất sắc bén. Hình tượng trông dễ sợ, nhưng loại hình tượng này rất hiếm.

## ĐỨC A-TU-LA VƯƠNG

Vị Thiên này tên chữ Phạn là Atula ‘A-tu-la’, ‘A-tu-luân’, hoặc ‘A-tác-lạc’, v.v.. dịch là Không-rượu, Phi-thiên, Phi-loại, và Bất-đoan-chính, v.v.. Bất-đoan-chính là ý nói dung mạo của Ngài xấu xí, tánh tình không ngay thẳng. Tư-tưởng ‘không rượu’ nguyên là do vị Thiên này ham uống rượu như tánh mạng mình mà thường lầm lẫn trong các sự việc, sau phải triệt để bỏ rượu, giữ thân tâm nghiêm chỉnh. Cho nên nói ‘không rượu’ để tự nhắc nhở mình.

A-tu-la vương là một trong tám bộ chúng hoặc là một trong lục đạo. Ngài là chủ-tể của A-tu-la giới. Ngài thường trú trong cung A-tu-la, trong các núi tại phương bắc của núi Tu-di. Có lúc Ngài xuống



đáy biển lớn, thường giao chiến ác-liệt với 33 Thiên. Trận giao chiến mãnh liệt nhất phải kể đến là với Trời Đế-Thích của Đạo-lợi thiên, cho đến nay vẫn chưa chấm dứt.

Nói chung, cái khổ của người đời trong lúc sống còn là hay thiếu sót trong việc giữ năm đạo luân-thường: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, mà tâm địa lại ngạo mạn, quên xem xét các bệnh của tâm, là một căn bệnh rất nguy hại. Do đó khi chết rồi, ắt bị giam hãm vào đường A-tu-la. Mỗi ngày ba lần bị bỏ vào vạc dầu, bị kiếm, kích, v.v.. cùng các loại khí cụ khác hung dữ tự nhiên xâm nhập vào người mình, phải nhận chịu những nỗi lo khổ lâu dài, trải qua một vạn kiếp.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, ngoài viện Kim-Cang ở phương nam thì hình tượng của Ngài ở vị-trí ngay đầu phía tây. Khắp thân ngài màu đỏ, biểu hiện hình phẫn nộ, ác dữ không ai bằng. Ba mặt có tóc dựng đứng màu ánh lửa. Hai tay chắp lại, hai tay bưng bửu châu mà đứng.

## ĐỨC NA-LA-DIÊN THIÊN

Vị Thiên này tên chữ Phạn là Narayana ‘Na-la-diên-na’, dịch là Nhân-sanh bốn, Thắng-lực, hoặc Kiên-lao, v.v.. Ngài nguyên là chủ thần của Ấn-độ giáo,



xưa kia có tên là Tỳ-hữu Đại-thần. Sau khi gia nhập Phật-giáo, vị đại thần này làm quyền thuộc của Đế-Thích thiên, trú ở tầng trời thứ sáu cõi Dục. Bốn-thệ của Ngài là đuổi ác khuyến thiện. Sức mạnh của Ngài không ai sánh kịp; tay cầm chày, không ai đủ sức bì kịp. Ngài thường cưỡi chim ca-lâu-la bay liệng tự do, tự-tại trong không trung.

*Câu-xá Luận* nói: “Hương tượng ‘gandhahasti’ thì có sức mạnh bằng mười con voi thường; sức mạnh của Ma-ha-nặc kiền-na thì bằng sức của mười hương tượng. Sức mạnh của Bát-la-tắc-kiền-đề

thì bằng sức của mười Mahānagna ‘Nặc-kiền-na’. Sức của Phật-lăng-già thì bằng sức của mười Bát-la-tắc-kiền-đề. Sức của Già-lộ-na thì bằng sức của

10 Phạt-lăng-già. Sức của Na-la-diên thiên lại bằng 10 của Già-lô-na<sup>36</sup>. Sức mạnh như vậy thì tuyệt đối không ai sánh bằng. Do đó mới có tên gọi là “Na-la-diên Kim-Cang lực”. Người đời sau muốn có cái sức mạnh phi-thường này thì phải thỉnh cầu vị Thiên này.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, vị Thiên này ngự tại phương tây, bên ngoài viện Kim-Cang bộ. Trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới thì vị-trí của Ngài ở ngoại-viện.

Hình tượng của Ngài thì có loại tượng hai tay, tượng bốn tay, hoặc tám tay. Hình tượng bên ngoài viện Kim-Cang bộ thì trong *Chư Pháp Bất-Đồng Kỳ*, quyển 10, có nói: “Ở bên trái chư quyển thuộc của Thủy-Thiên phi, thân Ngài toàn màu xanh, tóc đỏ.

Tượng có ba mặt: mặt chính có ba mắt, hai mặt hai bên hình thú, mặt bên phải chưa rõ, màu trắng. *Ca-Lâu-la Kinh* nói rằng Tỳ-hữu Thiên, thông thân màu đỏ, có ba đầu, mặt chính là hình thiên-vương, mặt bên phải hiện sư-tử, mặt bên trái như giả đầu. Hoặc giống như hình trên, trên đầu, mũ buộc lụa hoa, hai đầu khăn bay lên. Tay phải mở giang ra, cánh tay ngoài đưa xéo xuống, ngón giữa, ngón áp út và ngón út của bàn tay này co lại, ngón trở hơi cong, móc vào thắt lưng. Tay trái nắm lại để nơi thắt lưng.

Ngài cưỡi chim ca-lâu-la, chân phải thòng xuống. Chim này giương cánh như đang bay; đầu chim hướng về bên phải.

Rất ít thấy tượng của Ngài đứng riêng một mình.

## **ĐỨC CÀN-THÁT-BÀ VƯƠNG**

Vị Thiên này nguyên có tên là Chiên-đàn-càn-thát-bà vương. Càn-thát-bà là tên chữ Phạn Gandhara, dịch là Thực-hương, Tầm-hương hạnh, hoặc Khứu-hương. Truyền thuyết nói rằng: “Trong lúc đương đốt hương, bỗng phát sanh trong sát-na một loại hương khí vi-diệu: nắm việc ấy mà thần cách hoá thì thành ra Ngài Càn-thát-bà vương, quyển thuộc của Trời Đế-thích. Ngài là một trong số tám bộ chúng. Ngài thường trú trong hang Kim-Cang ở phía nam núi Tu-di, chuyên đi ăn hương bay trong hư không. Tên Thực-hương và Tầm-hương hạnh do đó mà có.

---

<sup>36</sup> Như vậy, sức mạnh của Na-la-diên bằng 1 triệu lần sức của một con voi thường.



Vị Thiên này, cùng với Khẩn-na-la thiên là chủ tế bộ lạc của Đế-Thích thiên. Khẩn-na-la thiên là chủ thể phương diện pháp-lạc. Còn vị Thiên này thì chuyên làm công-tác quản-trị tu-lạc.

Truyền thuyết lại nói rằng: “Vị thần-vương này trói buộc 15 đầu ác-quỷ, chuyên giữ gìn che chở cho thai-nhi và anh-nhi.”

Hình tượng của Ngài trong *Giác-Đạn Sao* có nói: “Chiên-Đàn Càn-thất-bà Quỷ Thần-vương mặc giáp trụ, khoác mũ sư-tử, thân màu đen đỏ. Tay trái cầm như-ý châu, tay phải cầm kích ba chia, giữ mười lăm đầu quỷ. Hai bên tả hữu là đặt Ma-lợi chi thiên và Ha-lợi đế-mẫu. mười lăm vị quỷ thần vây quanh.”

Vị thần-vương này, trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, ở đầu mối phía bắc, bên ngoài viện Kim-Cang bộ ở phương tây. Ngài là một trong số hai mươi tám bộ chúng của đức Quan-Âm.

## ĐỨC KIM-CANG LỰC-SĨ

Vị Thiên-tôn này tên chữ Phạn là Vajrapani ‘Bạt-xa-la-ba-nễ’, dịch là Kim-Cang Thủ, Chấp Kim-Cang, Mật-Tịch Lực-Sĩ, Mật-Tịch Kim-Cang Lực-Sĩ, Mật-Tịch Chấp Kim-Cang thần và Nhân-vương, v.v.. Tên khác của Ngài khá nhiều, nhưng tất cả đều căn cứ vào chiếc chày kim-cang Ngài cầm trên tay mà ra. Nhân vì ngày xưa, Ngài có 500 dạ-xoa hầu hạ, phục-dịch cho Ngài, cho nên Ngài có biệt-danh là Kim-Cang Dạ-xoa.

Căn cứ và truyền-thuyết trong thần thoại Ấn-độ, kể rằng: “Thời xưa, có một quốc vương, sanh hạ được ba người con. Người con trưởng phát nguyện đến chỗ Phật và chuyên tâm tu học. Người em kế cũng phát-nguyện rằng: “Nếu trưởng huynh thành đạo thì ta cũng phải thành một vị gì để chung lo việc đạo với người. Người em



út cũng đồng lòng phát-nguyện như hai anh: Anh ta sẽ thành một vị hơn cả Na-la-diên thiên, làm một đại lực-sĩ bậc nhất thiên hạ để bảo vệ pháp thành của trưởng huynh để ngăn cản tất cả các ác-ma tiếp cận.

Về sau, người này, theo lời nguyện ấy, trở thành một đại lực-sĩ vô song xưa nay. Đó là Kim-Cang Lực-sĩ. Ngài có 500 dạ-xoa đi theo. Ngài trú trên đỉnh núi Diệu-cao, trong thời gian có 1000 vị Phật liên tục xuất hiện ở hiền-kiếp. Ngài tận-lực bảo vệ Phật-pháp, thông hiểu tất cả các sự tích bí mật của Như-Lai cho nên Ngài còn được gọi là Mật-tích Kim-Cang.

Hiện tại, ngoài cửa chùa, người ta hay đặt hai tôn tượng đối diện nhau: một vị há miệng gọi là Á kim-cang, tục danh là Nhị vương. Nguyên do chỉ có một vị thần-vương, nhưng để tiện cho có sự cân đối, cho nên làm thành hai vị đối diện nhau: vị bên trái là Mật-tích Kim-cang; vị bên phải là Na-la-diên Kim-cang.

Lai lịch của vị Thiên-tôn này thì trong *Mật-tạng Ký* có nói: “Sở dĩ các cửa chùa đều có tạo lập hình tượng Kim-Cang là vì Kim-Cang tức là Trí. Trí ấy có thể phá vỡ phiền-nã, giống như sức cứng của kim-cương phá được mọi vật khác vậy. Phải dùng trí-huệ ấy để khai-phá thực-tướng của Tâm, cho nên việc cần thiết đầu tiên ở cửa chùa là lập kim-cang (tức xây dựng cái Trí). Sau đó bên trong mới đặt thân Phật. Mà thân Phật là tự-tánh xưa nay của mọi người. Dùng cái Trí kim-cang mà chiếu vào, tức có thể làm cho tỏ rạng cái tự-tánh vốn có xưa nay vậy. Tự-tánh đó là Phật.

## ĐỨC VI-ĐÀ THIÊN

Vị Thiên này tên chữ Phạn là Vida, dịch là Âm-thiên, tức nói về tư-kiến-đà đề-bà. Vì tư-kiến-đà là Âm; đề-bà là Thiên, nên dịch thẳng là Âm-thiên. Trong *Đại Trí-luận* thì dịch là ‘linh-uy’.

Vị thiên-tôn này nguyên là một thiên-thần thuộc Bà-la-môn giáo.

Vi-đà Thiên là một trong số tám đại tướng quân của phương nam, chủ-vị của bốn Thiên-vương và ba mươi hai tướng. Ngài vâng lệnh Phật, giữ nhiệm-vụ che chở bên ngoài để cho giáo-pháp được hoàn-thành. Ngài thống suốt ba châu đông, nam, tây. Chủ là lợi ích, giáo-hoá và cứu giúp tất cả chúng sanh. Đó là bổn-thệ của Ngài. Xưa nay, ai muốn tạo lập chùa chiền, trước phải dựng thân-tượng Ngài, lễ cúng để biểu-lộ rõ rệt công-đức hộ-pháp của Ngài.





Dựa trên truyền thuyết của Ấn-độ thì sau khi Phật nhập-diệt, có Tật-túc quỷ cướp xá-lợi Phật. Vị Thiên-tôn này liền dùng sức lực của Ngài đuổi theo Tật-túc quỷ. Ngài dâng vân, giá vũ, chỉ trong nháy mắt đã bắt được Tật-túc quỷ đem về. Chư Thiên, chư Thần đều cảm phục trước cử chỉ đó.

Hình tượng của vị Thiên-tôn này thân mặc giáp trụ kiên-cố, hai tay bưng kiếm báu, dung mạo tỏ ra rất dũng mãnh, uy-nghiêm.

### ĐỨC THA-HOÁ TỰ-TẠI THIÊN

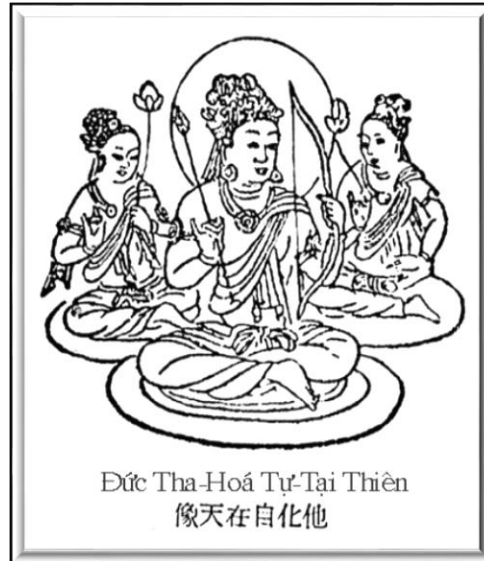
Vị Thiên-tôn này tên chữ Phạm là

Pranirmita-vasavarti ‘Bà-xá-bạt-đê’, dịch là Tha-hoá Tự-tại thiên, hoặc Đệ-lục thiên, vì Ngài thường trú ở tầng trời thứ sáu, trong số sáu tầng trời Dục-giới.

Sáu tầng trời Dục-giới là: trời Tứ-vương; trời Đao-lợi; trời Dạ-ma; trời Đâu-suất; trời Hoá-lạc; và trời Tha-hoá.

Trong *Trí Độ Luận* có nói: “Vị Thiên-tôn này cướp đoạt điều sở hoá của Người mà tự lấy làm vui nên gọi là Tha-hoá Tự-tại thiên. Vị thiên-chủ ở cõi trời này gọi là Ma-vương. Có bốn loại Ma: phiến-não ma; ngũ-ấm ma; tử-ma; và thiên-tử ma. Chư Thiên ở cõi trời Tha-hoá Tự-tại thuộc về thiên-tử ma.

Bốn loại ma nói trên đều chấp trước (đảm giữ các ý-niệm chẳng bao giờ quên).



Người thế-gian buồn bực, chẳng vui. Thế nhưng có ai tu đạo làm người thì chư thiên-tử-ma này xem họ là những kẻ làm hại bà con mình, bèn đập phá nhà cửa, hay lập ra các pháp làm chướng ngại những người tu hành kia, làm cho họ phiền não hơn mà không theo pháp tu nữa.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, vị Thiên này ở phương bắc, bên ngoài viện Kim-Cang bộ.

Hình tượng của Ngài thì khắp thân hình màu da người thường, tay phải cầm tên, tay trái giữ cung. Hai bên tả hữu có hai người đang đứng hầu, mỗi người cầm một hoa sen chưa nở. Tượng chạm hoặc tượng vẽ đều thấy vị này đứng chung với các vị khác, ít khi thấy Ngài đứng một mình.

## ĐỨC ĐẠI-HẮC THIÊN

Đại Hắc-thiên tên chữ Phạn là Mahakala ‘Ma-ha-ca-la’, dịch là Đại Hắc-thần vì thân Ngài toàn màu đen.



Theo các điều ghi trong Mật-giáo thì vị Thiên-tôn này là do Đại Tự-tại Thiên vâng lệnh đức Đại-Nhật Như-Lai vì án ma để hàng phục Trà-kiết-ni mà hoá hiện ra như vậy. Truyền-thuyết nói Ngài là chủ Được-xoa phần nộ. Hình tượng Ngài mang râu đầu-lâu làm chuỗi anh-lạc khiến cho ác-ma trông thấy đã khuất phục ngay; cho nên xưa nay tại Ấn-độ nói chung, người ta sùng-kính Ngài như một vị thần chiến đấu. Hình phần-nộ của Đại Hắc-thiên không biết xuất-hiện từ lúc nào, nhưng người ta sùng-bái Ngài như một vị phước-thần có tướng tốt đầy đủ.

Trong *Đại-Hắc Thiên-Thần Viên-Mãn Đà-la-ni Kinh* có ghi về đức tánh tự-nhiên của vị Thiên-tôn này như sau: “Có một thiện Bồ-tát tên là Đại Phước-Đức Viên-Mãn Tự-Tại Bồ-tát thuở xưa đã thành Đẳng chánh-giác, hiệu là Đại Ma-ni-châu Như-Lai, nay vì nghiệp lực tự-tại của Ngài, nên Ngài hiện đến thế giới ta-bà, xưng là Đại Hắc-thiên thần. Vị Thiên-thần này bạch Phật rằng: “Con vì tất cả chúng-sanh vô phước, bần cùng mà ban bố đại phước-đức cho họ. Nay, con hiện hình ưu-bà-tắc (cư-sĩ).”



Lúc ấy, Phật vì Thiên-thần này mà nói thần-chú. Đại Hắc-thiên lại bạch Phật rằng: “Trong thời mặt-pháp, có chúng-sanh nào muốn trì chú này thì chạm hình-tượng thân thể con cao năm thước, ba thước hoặc năm tấc rồi an-trí tại chùa hoặc trong nhà để sùng-kính, thì trong bảy đời con sẽ cho quyến-thuộc Thiên-nữ và tám vạn bốn ngàn thần phước-đức du-hành trong mười phương, mỗi ngày một ngàn vị cúng dường cho kẻ ấy.”

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, vị Thiên-tôn này ở phương đông bắc, phía dưới vị-trí của Tỳ-sá-na Thiên.

Hình-tượng của Ngài là hình phẫn-nộ màu xanh, ba mặt sáu tay; dùng rắn xanh làm xuyên, dùng đầu lâu làm anh-lạc. Tóc màu ánh lửa dựng đứng, mặt có ba mắt, hai răng nanh lòi ra ngoài miệng. Bên phải, một tay cầm kiếm để ngang trên đầu gối, lấy tay trái giữ kiếm sát vào thân. Tay thứ hai bên phải nắm đầu tóc của một ngựa-quỷ đưa lên. Tay thứ hai bên trái nắm hai sừng của một con dê giơ lên. Tay thứ ba của cả hai bên trong tư-thế cùng nắm lột bộ da con voi sống.

Hình tượng này so với phước-đức của Ngài thì chẳng cân-xứng vì có sự đối chọi giữa hai ý-niệm về hung-bạo và hiền-lương. Bởi vậy, người đời tránh dùng tượng hình phẫn-nộ mà phần nhiều chọn hình tượng phước-đức. Ngài đứng trên toà lá sen, sau lưng có mang dây phước, tay phải cầm chày phước, dáng điệu biểu-lộ sự thắm-nhuần niềm vui hoan-hỷ. Một loại tượng khác có ba mặt, chân đạp lên bao gạo mà đứng, hay ngồi. Nói chung có rất nhiều loại và nhiều dáng khác nhau.

Nhân đó mà có sáu loại Đại Hắc-thiên; dung mạo và tên gọi cũng khác nhau. Đại lược như sau:

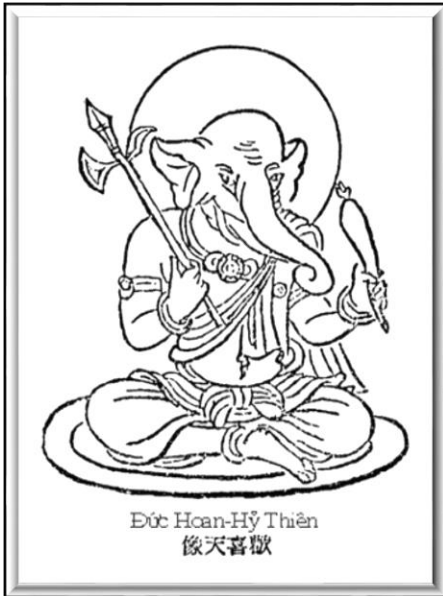
1. Tỳ-khưu Đại hắc: bốn địa là Đại Ma-ni châu Như-Lai, hình tỳ-khưu, mặc áo cà-sa, tay phải cầm chùy, tay trái cầm kiếm mà đứng.
2. Ma-ha-la Đại hắc-nữ: hậu-phi của Đại Hắc-thiên thần. Hai tay nâng giữ bao gạo đang đội trên đầu, hiện hình đồng-nữ đoan-nghiêm tốt đẹp.
3. Vương-tử ca-la Đại-hắc: con trai của vợ chồng Đại Hắc-thiên thần và Ma-ha-la Đại Hắc-nữ, tay phải cầm kiếm, tay trái cầm chày kim-cang.
4. Chân-đà Đại-hắc: chủ thí phước, để bày tỏ sự nắm giữ Chân-đà-ma-ni. Hiện hình đồng-tử khả-ái, tay phải nắm lại, tay trái giữ báu vật.
5. Dạ-xoa Đại-hắc: để bày tỏ sự hàng phục ác-ma dạ-xoa, tay phải vị này cầm bánh xe kim-cang, tay trái nắm lại, hiện thân Tể-quan.
6. Ma-ca-la Đại-hắc: trên lưng mang túi, tay cầm chùy. Loại tượng này

thường thấy rất nhiều.

Trên đây là sáu Đại-hắc đều có dạng đứng. Năm vị đầu thì đứng trên thảm, còn vị thứ sáu thì đứng trên lá sen.

## ĐỨC HOAN-HỖ THIÊN

Vị Thiên này tên chữ Phạn là Canapati ‘Nga-na-bát-đề’, dịch là Đại-



thánh Hoan-hỷ Thiên, gọi tắt là Thánh-thiên. Nếu dựa vào hình-tượng mà nói thì Vinayaka ‘Tỳ-na-dạ-ca’ nghĩa là Trời mũi voi hoặc là Thần chướng-ngại. Vị Thiên-tôn này từng xưng là Thường-tuỳ-ma. Nguyên xưa vị này là thần Bà-la-môn giáo, chuyên trách việc tung ra những điều đối-trá như một ác thần nham-hiểm; nhưng khi đã quy-y theo Phật-pháp, Ngài dẫn xuất chín ngàn tám trăm quân đại-quỷ, giữ gìn và hộ-vệ ba ngàn thế giới, chuyên che chở cho Tam-bảo, làm cho các điều lành được thành tựu, hoặc tiêu diệt các tai họa. Ngài đã biến thành một vị thiện-thần ban bố sự giàu sang cho những người có đức lành, nên được mọi

người sùng-kính.

Trong *Tít-Bộ Pháp* có nói: “Đức Quán Thế-Âm Bồ-tát dùng căn-lực từ-thiện, hun đúc lòng đại từ-bi, Ngài hoá thành thân phụ-nữ Tỳ-na-dạ-ca, đến chỗ ở của Hoan-hỷ Vương. Vương thấy người phụ-nữ này thì dục-tâm khởi mạnh, muốn đụng chạm đến thân người nữ này. Tỳ-na-dạ-ca tự bảo-vệ thân mình làm cho Vương không động đến được, khiến cho Vương lấy làm lo sợ nhưng kính mến. Lúc đó Tỳ-na-dạ-ca mới nói với Vương rằng: “Ta giống như một chướng nữ, bởi thuở xưa ta đã nhận được áo cà-sa và lời Phật dạy. Nếu người muốn chạm đến thân ta thì theo lời dạy của ta, tức được như ta, đến cuối đời vị-lai có thể là hộ-pháp chăng? Hơn nữa, theo ta mà bảo-hộ các hành-giả, không làm chướng-ngại cho họ, có chịu không? Ngoài ra, theo ta, từ đây về sau không được có độc-tâm. Nếu người chịu nhận làm theo các điều ấy thì thành bạn thân với ta. Ta nay có duyên được gặp người, từ nay về sau hãy theo mọi lời của người, bảo-vệ Phật-pháp. Lúc ấy Tỳ-na-dạ-

ca nữ mỉm cười, ôm Vương, khiến Vương vui-vẻ và nói: “Lành thay! nay ta y theo lời người, bảo hộ Phật-pháp đến đời vị-lai, chẳng làm chướng-ngại.”

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, đức Hoan-hỷ Thiên trú ở phương bắc, bên ngoài viện Kim-Cang bộ. Trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới, Ngài giữ vị-trí viện ngoài. Truyền thuyết nói đất thường trú của Ngài là Tượng-đầu sơn.

Hình tượng của Ngài có hai thân: một thân hai tay, một thân bốn tay, hoặc một thân ba đầu bốn tay, v.v.. rất nhiều loại. Nhưng về tượng nhị Thiên ôm nhau thì trong *Tỳ-na-dạ-ca Nga-na-bát-đề Du-già Tát-địa Phẩm* nói: “Có hai vị Thiên đứng ôm nhau, đầu voi hình người. Vị bên trái đội mũ thiên-hoa, vòi ngắn, con mắt cũng nhỏ, mặc áo cà-sa đỏ là tướng áo phước-điền, thân màu da trắng. Vị bên phải, mặt mày hiền-từ, vòi dài mắt rộng, đội mũ trời, mặc áo phước-điền, thân màu vàng, dùng áo màu đen quấn đầu, vai; vị này hướng mặt về mặt thiên-nữ trước, dáng điệu thương nhau.”

Trong *Đại Thánh Hoan-hỷ Song Thân Tỳ-na-dạ-ca Thiên Hình Phẩm* có nói: “Hình tượng vị Thiên-vương song thân này màu da trắng, mặc quần đỏ, hai vợ chồng ôm nhau mà đứng. Tượng cao bảy hoặc năm tấc. Cả hai vị đều đầu voi thân người. Vị nam-thiên mặt hướng về vị nữ-thiên. Mặt của vị nữ-thiên dựa vào vai phải của vị nam-thiên, và có thể thấy lưng của vị này. Gót chân của vị nữ-thiên đều để lộ ra. Chân tay mềm mại giống như một phụ-nữ đoan-chính đầy đà. Nam-thiên đầu đội hoa-man, lưng buộc cà-sa đỏ. Nữ-thiên đầu cũng có hoa-man nhưng mặc áo cà-sa, chân tay có vòng ngọc anh-lạc. Hai mũi chân nữ thiên đạp lên mũi chân của nam thiên. Cả hai đều choàng tay ôm lưng nhau, hai bàn tay đan vào nhau.”

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, vị Thiên này ở bên ngoài viện Kim-Cang bộ. Hình tượng có một thân hai tay, đầu voi, hình người. Tay phải cầm búa, tay trái cầm một củ cải, mặt hướng về bên trái.

## **ĐỨC MA-LỢI-CHI THIÊN**

Vị Thiên này tên chữ Phạn là Marici ‘Ma-lợi-chi’, hoặc ‘Ma-lợi-chi đề-bà’, dịch là Dương-diễm hay Uy-quang. Ngài nguyên là tên một vị thần của Ấn-độ, bằng sự thần-cách-hoá mặt trời. Ngài là quyến-thuộc của Trời Đế-thích. Ngài thường chạy phía trước Nhật-thiên, chạy rất mau như tên bắn, chạy cùng khắp bốn châu thiên-hạ, chuyên đảm-đương việc giữ nước an dân.



Kinh *Ma-lợi-chi Thiên* nói rằng: “Có một vị thiên-nữ tên là Ma-lợi-chi có sức đại thần-thông tự-tại, thường đi phía trước Nhật-thiên. Nhật-thiên, Nguyệt-thiên chẳng có thể thấy được Ngài nhưng Ngài có thể thấy được mặt trời. Người thường không thể thấy, không thể biết việc Ngài làm. Không ai có thể bắt, trói, hại, hoặc lừa được Ngài; không thể bọ tài-vật của Ngài, không thể trừng-phạt Ngài. Kẻ thù Ngài không thể tự phóng tự tác được với Ngài.”

Do đó, ta biết rằng vị Thiên này có sức thần-thông tự-tại ẩn hình; vì vậy mà xưa nay trên chiến trường, người dụng võ rất tin-tưởng nơi Ngài, làm thành điều gọi là “thần thủ-hộ của thuật Nhân”.

Hình tượng của Ngài thì có tượng hai tay, sáu tay và tám tay, v.v..

Về tượng hai tay thì nên chú-ý vì trong kinh *Ma-lợi-chi Thiên* có nói: “Nên dùng vàng hay bạc, hoặc đồng đỏ, hay cây Bạch-đàn hương, Tử-đàn hương (màu tía, tím) v.v.. để chạm khắc tượng Ngài như hình thiên-nữ cao khoảng nửa tấc, một tấc hay hai tấc trở xuống đều có thể được. Đặt tượng Ngài ngồi hay đứng trên hoa sen, đầu đội mũ, cổ đeo chuỗi ngọc trang-nghiêm, hết sức đoan-chính. Tay trái cầm quạt trời, quạt này như quạt của thiên-nữ trước Duy-ma-cật. Tay phải buông xuống, lòng bàn tay ngửa ra ngoài, năm ngón mở ra thành thế ‘dữ nguyện’. Có hai thiên-nữ đứng hầu hai bên, mỗi thiên-nữ cầm phất-trần trắng.”

Ngoài ra có loại tượng ba mặt, tám tay, cười heo. Trong kinh *Bồ-Tát Đại-ma-lý Chi* nói: “Tượng Bồ-tát Ma-lý-chi thân như màu vàng diêm-phù-đàn, sáng chói như mặt trời, đầu đội tháp báu, mặc áo trời màu hồng, cổ tay đeo xuyên, tai đeo ngọc châu, mình thắt đai báu, mang chuỗi ngọc, và có đủ loại hoa để tặng vẻ trang-nghiêm, chói sáng rực-rỡ, môi như hoa mạn-độ-ca. Trong tháp báu trên đỉnh đầu có Phật Tỳ-lô-giá-na, đội búi tóc hoa cây vô-ưu. Tay bên trái cầm lưới tơ, cung, nhánh cây vô-ưu và chỉ khâu. Tay phải cầm chày kim-cang, kim, câu móc và tên để bắn. Mặt trước tướng hiền lành, hơi mỉm cười, mắt mở màu vàng đậm, môi như màu đỏ, dững mãnh tự-tại. Mặt trái làm tướng heo, xấu, ác, phần nộ, miệng lòi răng bén, dung mạo như màu báu đại thanh, sáng chói bằng mười hai mặt trời, mà

rậm, môi nở, ai thấy cũng khiếp sợ. Mặt bên phải màu hồng đậm, như hoa sen báu có ánh sáng toả rộng. Ngài đứng trên xe heo chạy như bay, vẻ mặt tươi vui đoan-chính, giống như tướng đồng-nữ.

## ĐỨC THỦY THIÊN

Vị Thiên này tên chữ Phạn là Varuna ‘Phạ-rô-noa’, dịch là Thủy-thiên. Khi được sắp vào hàng trong số mười hai Thiên thì Ngài xưng là Phạ-rô-noa long-vương, giữ vương toà của tất cả rồng, chuyên nhận bảo-vệ phương tây. Đối với nước, Ngài có thể phát-huy uy-lực tự-do tự-tại. Xưa nay, trong các trường hợp cầu mưa, người ta tu pháp thủy-thiên, đều lấy vị Thiên-tôn này làm chủ thể để thờ cúng.

Trong *Thập Nhị Thiên Báo Ân Kinh* có nói: “Lúc Thủy-thiên vui thì có hai lợi-ích: một là giải được lòng khao-khát nơi thân người, hai là thuận thời mưa nắng. Khi vị Thiên này nổi giận thì có hai điều hại: một là khiến cho thân người khô-khát, hai là làm cho thế-giới nắng hạn, muôn vật khô cạn.” Điều này nói rõ: nhân-sanh với nước có quan-hệ lợi-hại rất khẩn-khít.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, vị Thiên-tôn này trú bên ngoài cửa tây của viện Kim-Cang bộ. Trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới thì Ngài giữ vị-trí phương bắc viện ngoài.

Hình tượng của Ngài cưỡi trên lưng rùa trong nước, khắp thân màu lục nhạt để biểu-thị chủ-tể của loài thủy-giới. Tay trái Ngài cầm hoa sen, trên đặt ngọc-châu màu đỏ. Tay phải cầm kiếm, mũ trên đầu có năm con rồng. Nhưng trong *Kim-Cang Đảnh Nghi Quỹ* thì ghi rằng: “Tay phải Ngài cầm đao; tay trái cầm tơ rồng. Mũ trên đầu hiện năm con rồng, giữ diệu hoa tứ thiên-nữ.”

Hình tượng Ngài trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới thì trong *Chư Thuyết Bát-Đồng Ký* có ghi: “Tay phải Ngài cầm kiếm, tay trái cầm hoa sen có nhụy là ngọc đỏ.”

Theo mô-tả trong Mạn-đà-la của *Kim-Cang Giới* cuối tập bảy thì thân Ngài màu xanh nhạt, tay trái đặt ở thắt lưng, tay phải cầm tơ rần, Ngài ngồi



trên toà lá sen.

## ĐỨC PHONG THIÊN

Vị Thiên này tên chữ Phạn là Vayu ‘Phạ-dữu’, hoặc ‘Phạ-giã-phệ’, dịch là Phong-thiên, hoặc Phong-thần. Ngài là một trong số bát phương Thiên, chủ chướng gió của thế-giới; khiến gió thổi vừa độ làm cho sinh-hoạt người đời được yên ổn, cứu giúp cho vạn-vật được nuôi dưỡng, phát-đạt.



Nhưng lúc vị Thiên này giận-dữ thì thân người, lời nói đều chẳng được tùy ý; gió lớn thổi lên, phá tan tất cả thế-gian, đến lúc gió ngừng thì cỏ cây đều đã theo gió mà hư cả. Ngược lại, khi vị Thiên này vui thì thân rất khinh an, cử động đều tùy-ý; thế-giới cũng về chỗ yên-tĩnh, không bị nghiêng động; gió mát theo nhân-gian mà hoà-hợp, không bị tổn hại về tình và phi-tình (*Thập Nhị Thiên Báo Ân Kinh*).

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, vị Thiên này ở phương tây-bắc, bên ngoài viện Kim-Cang bộ. Trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới, Ngài giữ phương tây, viện ngoài. Hình tượng Ngài tại Mạn-đà-la của Thai-tạng giới thì trong *Chư Thuyết Bất-Đồng Ký*, quyển 10, có nói: “Tại góc tây-bắc, hình Ngài như ông già râu tóc đều bạc trắng, thân màu đỏ, đội mũ cột dây lụa bay phất-phới. Áo giáp bằng lụa đào che từ cổ đến dưới vai, kết lại, hai đầu mối uốn éo hướng thượng. Lưng mang hai đầu mối lại cũng bay lên. Tay phải nắm lại, cầm tràng-phan, đầu mối của phan đó hướng về bên trái, nhẹ nhàng bay lên. Nắm tay trái xoay lưng, hướng về bên phải, nhìn xa vắng.

Trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới thì hình tượng Ngài, trong *Kim-Cang Giới*, cuối tập bảy có ghi: “Da Ngài màu đỏ, bàn tay trái để ở thất lưng, tay phải cầm phan, ngồi trên toà lá sen.”

Ngoài ra, trong *Kim-Cang Đảnh Du-Già Hộ-ma Nghi Quỹ* có nói: “Phong-thiên ở phương tây-bắc, cười con Chương đi trong mây. Ngài mặc



giáp trụ; tay trái nâng khoá<sup>37</sup>, tay phải cầm thương, trên đầu thương có giải lụa đào. Hai thiên-nữ hầu hai bên, cùng với tượng Dược-xoa bao quanh.”

## ĐỨC HOẢ THIÊN

Hoả Thiên tên chữ Phạm là Agni ‘An-nghi-nhĩ’, hay ‘A-kỳ-nhĩ’, dịch là



Hoả, Hoả-tiên, Hoả-thần, hay Hoả-quang tôn, v.v.. Ngài là một trong số bát phương Thiên và thập-nhị Thiên. Bản thể của Ngài được nói trong thần-thoại Phệ-đà như sau: Ngài là A-kỳ-ni của ngoại-đạo; sau ngày nhận bảo-vệ Mật-giáo, Ngài được tôn xưng là Hoả-thiên. Tại Mật-gia, lúc tu hộ-ma, đặc-biệt phải phụng thỉnh vị Thiên-tôn này gia nhập làm một bốn-tôn, đây là một lệ quen xưa nay.

Trong *Thập Nhị Thiên Báo Ân Kinh* có ghi về công đức của vị Thiên-tôn này như sau: “Lúc Hoả-thiên vui thì có hai lợi ích: một là làm cho nhiệt-khí trong thân người tùy thời tăng giảm; hai là chẳng nghịch thời tiết. Khi vị Thiên này giận thì có hai việc tổn hại: một là làm cho nhiệt khí trong thân

người tăng giảm không theo thời; hai là làm cho hoả tự nhiên tan ra, đốt cháy vạn vật.” Uy-đức của Ngài có ảnh-hưởng trực-tiếp đối với sinh-hoạt của nhân-gian, chẳng phải tầm thường vậy.

Hình tượng của Ngài có nhiều loại:

Trong *Kim-Cang Đảnh Du-già Hộ-sa Nghi Quỹ* có nói: “Hoả-thiên của phương đông-nam da màu đỏ, cười dề xanh, khắp thân có ánh lửa. Hai tay phải: một cầm trúc xanh, một cầm bình nước. Hai tay trái: một bàn tay giơ lên, một tay cầm tràng hạt, có hai thiên-nữ cầm hoa trời hầu hai bên. Ngài ngồi, chân trái thòng xuống, chân phải xếp lại.

Hình tượng của Ngài, trong Thai-tạng giới, bên ngoài viện Kim-Cang bộ, theo *Chư Thuyết Bất-Đồng Ký*, quyển 9, có nói: “Ngài ở góc đông-nam của lớp thứ ba, thân màu đỏ đậm, râu tóc bạc trắng sáng; hình tiên khổ

<sup>37</sup> phân thân thể giữa hai bắp vế chân.



hạnh, không đội mũ báu, đeo anh-lạc, vòng xuyên, v.v.. cho thêm trang-nghiêm. Ngài chỉ khoác áo cà-sa; áo lót và quần đùi bằng lụa, đều màu đen. Phạm chư Thiên, phần nhiều không có hoa tai.

Có thể vẽ thân Ngài trong ánh lửa, có bốn tay: tay phải hơi ngửa ra để giữ cây đàn ba góc đặt trước ngực; tay kế đưa khuỷu ra, bàn tay ngửa lên, có râu chuỗi hạt vắt ngang, ngón cái chận trên ngón giữa và ngón áp út. Tay bên trái buông thẳng xuống đến ngang rốn, các đầu ngón hướng xuống đất, co cả bốn ngón hoặc dùng ngón trở và ngón giữa giữ bình báu, hay vẽ các ngón hướng về thất lưng mà cầm bình; tay kế đó đưa khuỷu lên, bàn tay nắm lại hướng về thân, ngón út duỗi ra để ngoéo cây gậy, hoặc vẽ cánh tay cầm gậy đưa lên. Có thể vẽ tranh Ngài ở trong lửa, chỉ có đầu là sáng, ngồi trên thảm, xếp hai chân lại.”

Trên đây là hai loại tượng bốn tay.

Riêng tượng ở Mạn-đà-la Kim-Cang giới thì chỉ có hai tay. Trong *Kim-Cang Giới*, cuối tập bảy, có nói: “Thân Ngài màu da, tay trái cầm tiên trượng, tay phải cầm bánh xe lửa ba góc. Ngài ngồi trên toà lá sen.”

Đến đây chúng ta đã lược qua bảy vị Thiên-tôn: Y-sá-na Thiên, Hoả-thiên, La-sát Thiên, Phong-thiên, Đê-Thích Thiên, Diêm-ma Thiên, Thủy-thiên. Sau đó có thêm Tỳ-sa-môn Thiên vào số Tứ thiên-vương để phối trí tại bốn phương bốn góc thành tám phương, gọi chung là Bát-phương thiên.



Om ni padmehum

## ĐỨC ĐỊA THIÊN

Địa Thiên tên chữ Phạm là Prthivi ‘Tất-lý-thể tỳ-duệ’, dịch là Địa-thần.



Ngài còn có tên là Dharanidha “Ni-bà-la-da-đà-lý”, dịch là Kiên-lao địa-thần.

Phạm-thiên thủ hộ trên trời thì vị Thiên này lại chuyên chưởng quản đại địa.

Ban đầu, các cuộc tế-lễ để cầu tài, trị bệnh khiến kẻ oán thù thối lui, tan rã, thì đặc biệt người ta phụng-thỉnh vị Thiên này làm bổn-thể, đó là một vị nữ-thần. Nhưng về sau, không biết vào thời gian nào, Ngài lại biến thành nam thần, bên cạnh có một vị nữ thần đứng hầu, gọi là Kiên-lao hậu, tức hậu-phi của nam thần.

Trong *Thập Nhị Thiên Công-Đức Kinh* nói rằng: “Lúc Địa-thiên vui thì có hai điều lợi ích: một là nhân-tâm

bền vững, sức-lực tăng trưởng, hai là làm cho địa-chủng của thế-giới tăng trưởng. Khi vị Thiên này nổi giận thì có hai điều tai-họa: một là làm cho nhân-tâm hư loạn, sắc lực hao mòn, hai là làm cho vị đất của thế-giới lìa gốc.”

Riêng có một truyền thuyết nói rằng lúc đức Thế-tôn thành đạo dưới gốc Bồ-đề thì vị Thiên này từ dưới đất hiện lên để chứng-minh cho lời nói của Ngài.

Trong *Kiên-Lao Địa Thiên Nghi Quy* có ghi rằng: “Nam-thiên và nữ-thiên khác nhau: nam-thiên thì thân màu da, tay trái bưng bình bát đầy hoa; bàn tay phải ngửa, hướng ra ngoài. Nữ thiên thì da trắng, tay phải đặt nơi tim, tay trái đặt trên vế.

Trong *A-sa-pha Sao* ghi rằng: bản thể của vị Thiên này là một nữ-thần. Các thuyết và hình tượng của mỗi sách ghi mỗi khác, không đồng nhất.

## ĐỨC NHẬT THIÊN

Nhật Thiên tên chữ Phạn là Aditya “A-nễ-đế-da” hoặc Surya ‘Tô-ly-da’, dịch là Nhật-thiên tử, Bửu-quang thiên tử, hoặc Bửu-lý thiên tử, v.v.. Ngài là một trong số Thập-nhị thiên. Ngài là Thái-dương được thần-cách-hoá.



Vị Thiên này là một trong năm vị thường tuần-hoàn trong vòng núi Tu-di, chiếu khắp bốn thiên-hạ và bốn đại châu, cùng với Nguyệt-thiên tử trông nom về đêm, đi theo bốn đại Thiên-vương. Hơn nữa, Nhật-thiên tử là nội-thần của Đế-Thích Thiên, cũng giữ một địa-vị trọng-yếu.

Vị Thiên-tôn này khi đi bộ thì hai bên có hai bà phi đi theo. Lúc đi xe thất-bảo trang-nghiêm thì có ngựa báu tám đầu kéo xe. Trong trường-hợp này thì có Thất-diệu, Cửu-diệu, là những

trinh-tú trang-nghiêm hộ vệ hai bên tả hữu của xe báu. Trước Ngài thì có Ma-lợi-chi Thiên lãnh nhiệm-vụ hướng đạo. Sự uy-nghiêm đứng đắn của Ngài xem rất trang-trọng, bởi vì bốn-địa của Ngài là Quán Thế-Âm Bồ-tát cho nên Ngài có cái uy-đức trang-nghiêm ấy.

*Thập-Nhị Thiên Công Đức Kinh* nói rằng: “Lúc Nhật-thiên vui thì vật sáng chẳng hạn, tình người chẳng nhụt, hữu-tình, phi-tình cũng đều vui-vẻ. Khi vị Thiên này giận thì vạn-vật chẳng sáng, tuy có mắt mà chẳng thấy được, bị khổ rét bức bách hay làm cho sao lãng công việc.”

Do vậy, chúng ta biết tánh-năng của Thái-dương thật là kỳ-diệu.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, vị Thiên-tôn này ở phương đông, bên ngoài viện Kim-Cang bộ. Trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới, Ngài giữ vị trí phương nam của viện ngoài.

Hình tượng của Ngài trong Thai-tạng giới thì theo *Chư Thuyết Bát-Đông Kỳ*, quyển tám, có nói: “Ngài ở bên trái của Nhật-thiên hậu, hai tay đều hướng vào ngực, cầm hoa sen, co ngón út, cưỡi xe lớn do năm ngựa đỏ kéo, khoác áo trời (hoặc vẽ bảy hay năm ngựa trắng). Trước gối có một Tiểu-thiên, hai tay đều cầm hoa sen (Hình Đức Nguyệt Thiên không thấy

có Tiểu-thiên này, có lẽ bị Ma-lợi-chi đã làm cho khuất đi chẳng). Hình tượng của Ngài tại Đông-mật và Đài-mật, so với hình trên có chỗ giống nhau, nhưng cũng có chỗ khác nhau.

Trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới, hình tượng ở ngoại viện, thì trong *Kim-Cang Giới*, cuối quyển bảy có ghi: da màu trắng, nắm tay trái để thất lưng, tay phải cầm nhật-luân, ngồi trên toà lá sen.”

## ĐỨC NGUYỆT THIÊN

Nguyệt-thiên tên chữ Phạn là Candra ‘Chiến-nại-la’, hoặc Soma ‘Tô-ma’,



dịch là Nguyệt-cung thiên tử, Nguyệt-thiên tử, hoặc Bửu kiết-tường thiên tử, v.v.. Ngài là một trong số Thập-nhị thiên, do sự thần-cách-hoá Thái-âm mà ra. Ngài thường trú tại cung Nguyệt-điện. Nhật-thiên chuyên chiếu sáng ban ngày, Nguyệt-thiên cai quản thế-giới về đêm. Tuổi thọ của Ngài có thể đến 500 năm. Ngài hứa cho nhiều Thiên-nữ thường hầu cận bên Ngài được suốt đời vui sướng, được hưởng vinh-hoa.

Truyền thuyết nói Ngài là Thế-Chí Bồ-tát hoá hiện.

Trong *Thập-Nhị Thiên Công-đức Kinh* có nói: “Lúc Nguyệt-thiên tử vui thì

sáng mát, người không bệnh nóng nhiệt. Khi Ngài giận thì tất cả đều bị tổn thất.”

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, Ngài ở phương tây, bên ngoài viện Kim-Cang bộ. Trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới thì Ngài trú ở phương nam viện ngoài. Hình tượng Ngài ở bên ngoài viện Kim-Cang bộ của Thai-tạng giới thì trong *Chư Thuyết Bát-Đồng Ký*, quyển 10 có nói: “Ngài ở bên trái Cưu-ma-la, tóc đỏ. Tay phải để bên thất lưng, cầm gậy, trên có nửa mặt trắng. Bàn tay trái duỗi thẳng, ngón giữa, ngón áp út và ngón út co lại, đặt nơi ngực. Ngài cười ba con ngỗng, mặc áo cà-sa có đầu vạt trước vắt ở khuỷu tay, buông từ ngực xuống. Có thể vẽ bàn tay trái Ngài ngửa ra, hướng các ngón về bên phải. Tay phải để ngang ngực hướng về bên trái. Hình tượng Ngài ở ngoại viện của Mạn-đà-la thuộc Kim-Cang giới, thì trong *Kim-*

*Cang Giời Thất Tập* quyển hạ, nói rằng: “Thân Ngài màu da trắng, nắm tay trái để ở thất lưng, tay phải cầm hình bán nguyệt. Ngài ngồi trên toà lá sen.”

Trên đây là Bát-phương Thiên cộng thêm bốn vị Phạm-thiên, Địa-thiên, Nhật-thiên, Nguyệt-thiên thành thập-nhị Thiên.

Xưa nay chư Phật và Bồ-tát vì cứu-độ tất cả chúng-sanh mà hoá-hiện thành Thiên-bộ. Uy-đức của các Ngài thống-suất hết thủy chư Thiên, Long, Quỷ-thần, Tinh-tú, các loại ở âm-cung, chi-phối tất-cả đại vũ-trụ.

### ĐỨC BĂNG-YẾT-LA THIÊN

Vị Thiên này tên chữ Phạn là Pingala ‘Băng-yết-la’, dịch là Tát-lý dựng-



ca, hoặc Thương-sắc (màu cỏ xanh). Ngài là con út của Ha-lợi đế-mẫu. Trong bộ Thiên thì hình Ngài giống nhi-đồng hơn cả. Bổn-thệ của Ngài là bảo-vệ, ban phước, giúp cho Ha-lợi đế-mẫu trong công việc vừa kể trên. *Đông-Tử Kinh* nói rằng: “Chọn hoa màu đỏ, mỗi hoa tưng một độ, ném hoa lên thân đồng-tử, mãn 10 vạn biến ất đồng-tử hiện đến, làm cho thoả-mãn tất cả các nguyện.”

Tên riêng của Ngài là Mãn-nguyện Đồng-tử. Tên này cũng để biểu-thị các bổn-nguyện của Ngài mà thôi.

Hình tượng của Ngài là hình đồng-tử khả-ái, tóc trên đầu kết lại thành ba chóp, dùng các loại anh-lạc để thân trang-

nghiêm. Ngài ngồi bán già trên toà lá sen, tay trái cầm quả kiết-tường với tư-thế như đang đưa cho người nào; tay phải buông xuống, bàn tay hướng ra ngoài gọi là mãn-nguyện thủ.

### ĐỨC CÂU-MA-LA THIÊN

Vị Thiên này tên chữ Phạn là Kumara ‘Cưu-ma-la’, dịch là Đồng-tử thiên, là một trong hàng Phạm-thiên thống lãnh sơ-thiên của Sắc-giới, hoặc là một vị đồng-nhất với chư Kiến-na Thiên. Lý-do gọi tên Ngài như vậy là bởi



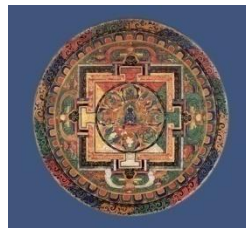
dung-mạo của Ngài rất ôn-hòa, giống như một đồng-tử. Lại có thuyết nói Ngài là một trong số những người con của Đại Tự-tại Thiên.

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, Ngài trú ở phương tây, bên cạnh Biện-tài Thiên. Trong Mạn-đà-la của Kim-Cang giới, Ngài giữ vị-trí ở phương đông.

Hình tượng của Ngài ở Thai-tạng và Kim-Cang giới đều có sáu đầu. Hình tượng ở ngoài viện Kim-Cang bộ của Thai-tạng giới, thì trong *Chư Thuyết Bát-Đông Ký*, quyển 10 có nói: “Ngài ở bên trái của Biện-tài, hình đồng-tử, màu vàng, sáu mặt. Tay phải để nơi ngực, cầm câu-liêm ba chĩa. Bàn tay trái ngửa ra để giữ cán câu-liêm ngang rốn. Ngài

cưỡi trên khổng-tước, chân phải Ngài thông xuống, còn chim thì giang rộng đôi cánh, hướng đầu về bên trái. Hoặc có thể vẽ dưới chân Ngài một toà miên-hoa, hoặc tay phải cầm gậy, trên đầu gậy có mặt trăng tròn. Tay trái hơi khuynh ra, bàn tay trái ngửa, các ngón hướng về bên phải. Hình vẽ ở núi thì màu trắng, tay phải cầm kích ba chĩa, bàn tay trái ngửa ra, hướng về bên phải.”

Hình tượng thấy ở Kim-Cang giới thì trong *Kim-Cang Giới Thất Tập*, quyển hạ nói rằng: “Thân Ngài màu xanh lục, nắm tay trái để ngang thất lưng, tay phải cầm chuông lắc, ngồi trên lá sen.”



aksobhyamandala



## ĐỨC KỸ-NGHỆ THIÊN-NỮ

Trên đầu tóc của Ma-ê-thủ-la Thiên, bỗng nhiên hoá sanh một thiên-nữ đoan-đang đẹp-đẽ. Thiên-nữ này rất lịch-sự, tinh-thông cả 100 món kỹ-nghệ. Trong tất cả chư Thiên, không một ai sánh kịp nàng. Đó là điều ghi trong *Kỹ-Nghệ Thiên Niệm Tụng Pháp*.



Vị Thiên-nữ này, lợi dụng diệu-kỹ vốn có xưa nay của nàng, ứng với hết thảy các điều của chúng-sanh mong cầu, làm cho mọi việc đều được vui-vẻ, phồn-thịnh, tốt lành đầy đủ.

Ngài có lời thệ-nguyện như vậy, thật là vĩ-đại.

Trong *Kỹ-Nghệ Thiên Niệm Tụng Pháp* thì hình tượng của Ngài như sau: “Ngài mặc áo trời trang-nghiêm, cổ đeo

anh-lạc. Trên hai cổ tay đều có đeo xuyên ngọc. Tay trái đưa lên, bưng một hoa trời; tay phải hướng xuống như đang trong thế muốn nhắc lên một chéo quần. Thân hình cao ba thước, hoặc tùy lớn, nhỏ mà làm cho cân xứng, da tượng màu trắng.” Xưa nay pháp kỹ-nghệ thiên là pháp tu của Mật-gia. Dựa vào bốn-thệ của Ngài, đại phàm những ai hy vọng được lợi-ích, an-lạc, hoặc muốn cho các ngành kỹ-nghệ tiến-phát, thì phần nhiều phụng tu theo pháp này.

## ĐỨC THÂM-SA ĐẠI TƯỚNG

Thâm-sa Đại-tướng có tên là Thâm-sa Đại-vương, Thâm-sa thần, Thâm-sa Đại-thánh, hoặc Thâm-sa Bồ-tát.

Đời nhà đường bên Tàu, cao-tăng Huyền-đang Tam-tạng qua Thiên-trúc cầu pháp cứu đời. Khi đến bờ một con sông lớn, lòng chí thành của Ngài làm cảm động một đại thần-vương nên Ngài được độ qua sông. Vị đại thần-vương này không ai xa lạ, đó là Thâm-sa Đại-tướng.

Xét về bản-tánh của vị Thần-vương này thì: hoặc nói Ngài là Thần-vương của Mông-cổ, hoặc nói Ngài là hoá thân của Tỳ-sa-môn Thiên, hoặc nói Ngài là thân biến hoá của Đức Quán Thế-Âm, hay nói Ngài liên-hệ với



Ương-quật-ma và Kỹ-nghệ Thiên-nữ ứng hoá. Có nhiều thuyết khác nhau nói về vị này nhưng về hình-tượng của Ngài thì chỉ là một bức tượng quỷ hai tay.

Tượng đại-vương hình phẫn-nộ, há miệng, hai tay cầm kích một mũi thật bén nhọn, đứng thẳng trên núi đá. Hoặc tay phải cầm kích ba chĩa, tay trái mở ra trong tư-thế đang bay nhảy; hoặc tay trái cầm con rắn xanh, tay phải co lại, bàn tay xòe ra đề lên rốn.

Hình tượng Ngài ghi trong *Thập Quyển Sao* thì: tay trái cầm rắn xanh, tay phải co lại, bàn tay xòe ra đề lên ngực phải. Hai tay bưng bát cơm trắng đầy, khuôn mặt giận dữ, trước cổ có tám con rắn, hai tay nữa cầm mâu.

Nhưng trong *Giác Thiên Sao* lại ghi rằng: Hai tay tượng cầm giữ xà-mâu mũi nhọn, đứng trên bàn thạch, cổ đeo bảy đầu lâu. Bàn tay trái duỗi ra, tay phải cầm kích ba chĩa.



## ĐỨC BỬU-TÀNG THIÊN-NỮ

Vị Thiên-nữ này tên chữ Phạn là Ratnagarbha, dịch là Xá-la-khư; ý nói: Ngài cất giữ vàng bạc, tài-bảo, hoặc: Ngài đồng tôn-chỉ với Kiết-tường thiên-nữ.



Đại phàm, chúng-sanh nào hướng về Ngài mà yêu-cầu, thỉnh-nguyện, thì đều được bố-thí cho vô-lượng tài-bảo. Ngài là một thiên-nữ chuyên lo các việc phước-đức.

Hình tượng Ngài thì trong *Thập Quyển Sao* và trong *A-sa-phạ Sao* nói: pháp họa hình-tượng của Ngài đều phải dựa vào pháp Bảo tàng Thiên-nữ đà-la-

ni: “Thiên-nữ thân cao hai thước năm tấc, đầu đội mũ hoa-quan, cực-diệu  
đoan-chính; thân mặc áo bào màu đỏ tía, giải thắt lưng màu vàng; tay phải  
cầm hoa sen, tay trái cầm châu Như-ý. Thân tượng thường màu trắng.”



Aksobhya Buddha Mandala  
'Mạn-đà-la Đức Phật Bất Động A-Súc Như Lai'

## QUYỂN THUỘC BỘ

### MƯỜI HAI THẦN TƯỚNG CỦA ĐỨC DƯỢC-SƯ

Mười hai thần tướng của Đức Dược-Sư là các phân thân của Đức Dược-Sư Như-Lai, hoặc là quyển-thuộc của Ngài, tức các vị thủ-hộ vây quanh Ngài.

Mười hai vị này cũng là mười hai Dược-xoa đại-tướng, hoặc mười hai thần-minh, thuận ứng với mười hai đại-nguyện của Đức Dược-Sư Như-Lai mà hoá hiện thân Yết-ma.

Trong *Dược-Sư Bốn-Nguyện Công-Đức Kinh* có nói: “Bạch Thế-tôn! Nay chúng con mong nhờ uy-lực của Phật-đà, được nghe danh-hiệu của đức

Dược-Sư Như-Lai chẳng sợ ác thú, chúng con quản-lãnh nhau, đều đồng-tâm, đem hết thân mạng quy-y Phật-Pháp-Tăng, thề sẽ gánh vác tất cả các giống hữu-tình, làm mọi việc nghĩa-lợi, khiến cho họ được lợi-ích, an-lạc.

Do đó, ta có thể biết rằng mười hai vị thần tướng này của Đức Dược-Sư, ngày đêm mười hai thời làm thần hộ-pháp; trên đầu quý Ngài đội mũ mười hai chi để tiêu-biểu điều này. Căn cứ vào đó mà trong *Dược-Sư Quán Hạnh Nghi Quy* có nêu rõ tên họ của mười hai vị thần-tướng, hình tượng, vật cầm tay của chư vị như sau:

1. **Tỳ-yết-la Đại-tướng**: bổn-địa của vị đại-tướng này là Đức Thích-Ca Như-Lai. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Tý. Thân màu xanh, hiện hình phần nộ, đầu đội mũ chuột. Tay phải buông xuống cầm cái cổ mỗi đầu có ba móc, tay trái làm động-tác kéo ống tay áo bên phải lên.



2. **Chiêu-đỏ-la Đại-tướng:** bổn-địa của vị đại-tướng này là Đức Kim-Cang Thủ Bồ-tát. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Sửu. Thân màu đỏ, hiện hình phần-nộ, đầu đội mũ trâu. Tay phải cầm kiếm ngang, bàn tay trái nắm mũi kiếm.

3. **Châu-đạt-la Đại-tướng:** bổn-địa của vị đại-tướng này là Đức Phổ-Hiền Bồ-tát. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Dần. Hiện dung-mạo cười giận. Đầu đội mũ cọp. Tay phải cầm bảo châu, tay trái cầm gậy báu.

4. **Ma-hổ-la Đại-tướng:** bổn-địa của vị đại-tướng này là Đức Dược-Sư Như-Lai. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Mão. Thân màu xanh, có tướng hơi phần-nộ. Đầu tóc màu đỏ, dựng đứng lên cao, trên đầu có mũ thỏ. Tay phải nắm lại để ở thất lưng, tay trái cầm búa.

5. **Ba-di-la Đại-tướng:** bổn-địa của vị đại-tướng này là Đức Văn-Thù Bồ-tát. Ngài là thần thủ hộ của giờ Thìn. Thân màu trắng, dung-mạo phần-nộ. Đầu đội mũ rồng. Tay phải co lại như đang gài tên lên cung, tay trái cầm cung.

6. **Nhân-đạt-la Đại-tướng:** bổn địa của vị đại-tướng này là Đức Địa-Tạng Bồ-tát. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Tỵ. Thân màu đỏ, đầu đội mũ rắn. Tay phải co lại, bàn tay mở ra để lên ngực, tay trái cầm kích ba chĩa.

7. **San-đế-la Đại-tướng:** bổn-địa của vị đại-tướng này là Đức Hư-Không Tạng Bồ-tát. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Ngọ. Thân màu đỏ, hiện hình phần-nộ. Đầu đội mũ ngựa. Tay phải cầm kích ba chĩa, tay trái cầm loa cụ.

8. **Ngạch-nễ-la Đại-tướng:** bổn-địa của vị đại-tướng này là Đức Ma-lợi-chi Thiên. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Mùi. Thân màu trắng, hiện hình phần-nộ. Đầu tóc dựng lên, đội mũ dê. Tay phải cầm tên bằng lông vũ, tay trái cầm đuôi mũi tên (uốn cong mũi tên thành hình cánh cung).

9. **Am-đế-la Đại-tướng:** bổn-địa của vị đại tướng này là Đức Quán Thế-Âm Bồ-tát. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Thân. Thân màu đỏ, hiện tướng rất phần-nộ, đầu đội mũ khi. Tay phải co lại đặt trước ngực, bàn tay hướng ra ngoài. Tay trái co lại, mở bàn tay hướng lên như đang phóng bửu-châu.

10. **Mê-xí-la Đại-tướng:** bổn địa của vị đại-tướng này là Đức A-Di-Đà Như-Lai. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Dậu. Thân màu đỏ, hiện hình phần-nộ, đầu đội mũ gà. Tay phải cầm đợc cổ, tay trái nắm lại, áp vào dưới bụng.

11. **Phạt-chiết-la Đại-tướng:** bổn-địa của vị đại-tướng này là Đức Thế-Chí Bồ-tát. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Tuất. Thân màu xanh, hiện hình

phần nộ. Đầu tóc tốt dựng thẳng lên, đội mũ chó. Tay phải cầm kiếm, tay trái nắm lại đặt ở thắt lưng.

12. **Cung-tỳ-la Đại-tướng:** bổn-địa của vị đại-tướng này là Đức Di-Lặc Bồ-tát. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Hợi. Thân màu đỏ, hiện hình phần- nộ, đầu đội mũ heo. Tay phải cầm đao lớn đặt ngang trên đầu, bàn tay trái mở ra đặt ở thắt lưng.

## MƯỜI SÁU THIỆN-THẦN THỦ-HỘ BÁT-NHÃ

Mười sáu thiện-thần thủ-hộ Bát-nhã là mười sáu Dạ-xoa thủ-hộ kinh *Đại Bát-Nhã*. Xưa nay, bát luận là Hiến hay Mật-giáo, hễ có trường-hợp nào niệm tụng kinh *Đại Bát-Nhã* thì trước hết hãy nên an-trí tượng của các thiện-thần này. Ngoài ra khi cúng dường các loại đàn này, trước hết nên chọn phân tịnh-ngưu hoà với bùn thơm pha nước nóng, tô trên mặt đất, dùng phấn ngũ-sắc làm thành ba lớp vách.

Nơi trung tâm an vị Ngài Bát-Nhã Ba-la-mật Bồ-tát. Bên trái Ngài là tượng Đế-Thích Thiên, bên phải là Phạm-ma Thiên. Mặt đông thì bố trí Sứ-giả, mặt tây thì đặt Trì-minh giả. Tại bốn phương của lớp ngoài thứ nhất đều phối-trí bốn thần-vương, cộng với mười sáu vị thiện-thần này thì vô cùng trang-nghiêm.

Xét về tên gọi và hình-tượng của mười sáu thiện-thần này thì khác nhau rất nhiều. Nhưng căn-cứ vào hình-thể của mười sáu thiện-thần Bát-nhã trong Tam-Tạng Kim-Cang Trí thì các vị ấy được đề-cập đến như sau:

1. **Đề-đầu Lại-trạch Thiện-thần:** vị thiện-thần này với một trong Trí Thiên-vương, tức Trì-Quốc Thiên-vương là đồng thể mà khác tên.

2. **Tỳ-lô-lặc-xoa Thiện-thần:** vị thiện-thần này với một trong Trí Thiên-vương, tức Tăng-trưởng Thiên là đồng thể mà khác tên.



3. **Tối-phục Độc-hại Thiện-thần:** vị thiện-thần này có hình tượng há to miệng, hiện hình phần-nộ, thân mặc giáp trụ. Tay phải cầm đại đao, tay trái co lại để ngang ngực. Ngón giữa, áp út và út cùng để hơi cong cong, còn ngón cái và trỏ chụm lại thành hình tròn. Thân màu đỏ.

4. **Tăng-ích Thiện-thần:** vị thiện-thần này cũng há miệng, hiện hình phần-nộ. Thân mặc áo dày dát đồng. Tay phải cầm đại đao để ngang, tay trái cầm nhẹ mũi đao, thân màu đỏ.

5. **Sư-tử Uy-mãnh Thiện-thần:** đầu đội mũ báu sư-tử. Tay phải giơ lên; ngón giữa, áp út và út để thẳng, ngón cái và trỏ chụm lại thành vòng tròn. Tay trái cầm búa. Thân màu da thịt.

6. **Dũng-mãnh Tâm-địa Thiện-thần:** há miệng, hiện hình phần nộ. Tay phải buông xuống, cầm một cái trống. Tay trái làm động tác kéo ống tay áo bên phải.

7. **Nhiếp-phục Chư-ma Thiện-thần:** há miệng, hiện hình phần nộ. Thân màu đen, mặc giáp trụ. Tay phải cầm kiếm để ngang, tay trái đè mũi kiếm.

8. **Năng cứu Chư-hữu Hỷ-thần:** thân toàn màu trắng, mặc giáp trụ. Tay phải co lại, mở bàn tay để ngang ngực và hướng lòng bàn tay ra ngoài. Tay trái cầm phật-chiết-la.



9. **Ly-nhất-thiết Bố-úy Thiện-thần:** thân mặc giáp trụ. Tay phải cầm tên, tay trái cầm cung.

10. **Cứu-hộ Nhất-thiết Thiện-thần:** hình tượng của vị thiện-thần này rất giống Tỳ-sa-môn Thiên. Tay phải cầm gậy báu; tay trái co lại, giơ lên, ngón út và ngón vô-danh áp với ngón cái làm thành hình tròn; ngón giữa, và ngón trỏ thẳng ra. Thân màu trắng-xanh.

11. **Phệ thất-la-ma-noa Thiện-thần:** vị thiện-thần này giống như một trong Trí thiên-vương, tức Tỳ-sa-môn Thiên, là đồng-thể khác tên.

12. **Tỳ-lô-bác-xoa Thiện-thần:** vị thiện-thần này với một trong Trí thiên-vương, tức Quảng-mục-thiên, là đồng thể khác tên.

13. **Bạt-trừ Tội-khổ Thiện-thần:** há to miệng, giận dữ, răng nanh mọc lòi ra, nửa mình trần. Tay phải cầm kích ba chĩa, tay trái nắm lại đặt ở thắt lưng. Thân màu vàng đỏ.

14. **Năng-nhẫn Thiện-thần:** thân màu vàng, mặc giáp trụ; hai tay cầm ống tiêu, chuôi ống tiêu chắm đất.

15. **Hoan-hỷ Thiện-thần:** miệng ngậm chặt, hiện hình phần nộ. Thân màu lục, mặc giáp trụ. Tay phải cầm kiếm để ngang, tay trái đề mũi kiếm.

16. **Trừ nhất-thiết Chưởng-ly Thiện-thần:** hiện hình đại phần nộ, thân màu vàng, tóc đều dựng đứng. Tay phải cầm búa, tay trái duỗi năm ngón hướng vào trong chạm sát người.



## HAI MƯƠI TÁM BỘ CHÚNG QUÁN-ÂM

Hai mươi tám bộ chúng Quán-Âm là hai mươi tám bộ Thiên-thần thường hầu Bồ-tát Quán-Âm có ngàn tay ngàn mắt và là những vị ủng-hộ phương-tiện công-đức cho những ai thọ-trì Bồ-tát này.

Tướng tốt và tên gọi của chư-vị đó thì trong *Thiên-Thủ Quán-Âm Tạo Thứ Đệ Nghi Quỹ* có ghi rõ. Nay xin liệt kê tên gọi của các Ngài như sau:

1. Mật-tích Kim-Cang sĩ
2. Ô-sô Quân-đà-ương-câu-thi bát bộ lực-sĩ thường ca-la.
3. Ma-ê na-la diên.
4. Kim-tỳ-la-đà ca-la.
5. Bà-ngự-bà lâu-la.
6. Mãn-thiện-xa-bát-chân-đà-la.
7. Tát-già-ma-hoà-la.
8. Cư-lan-đan-xá-bán-chi-la.
9. Tát-bà ca-la vương.



10. Ứng-đắc-tỳ-đa-tát-hoà-la.
11. Phạm-ma-tam-bát-la.
12. Ngũ bộ tịnh-cư viêm ma-la.
13. Thích-vương tam thập tam.
14. Đại biện công-đức bà-đát-na.
15. Đề-đâu-lại-xa vương.
16. Thần-mẫu nữ.
17. Tỳ-lâu-lặc xoa.
18. Tỳ-lâu-bác-sa vương.
19. Tỳ-sa môn vương.
20. Kim-sắc khổng-tước vương.
21. Nhị thập bát bộ-chúng đại tiên chúng thượng đầu Y-sá-na thần.
22. Ma-ni bát-đà-la.
23. Tán-chỉ đại tướng phát la-bà.
24. Nan-đà, Bạt-nan-đà, Bà-gia-la, Y-bát-la.
25. Tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già.
26. Thủy-hoả lôi điển thần.
27. Cư-bàn-đà vương.
28. Tỳ-xá-xà.

Hiện tại, người ta không căn-cứ vào danh-sách trên, mà nói chung, người thế-gian dựa vào các truyền-thuyết nói về tôn-danh bổn-thệ và các vật cầm tay của chư vị, nay xin lược thuật như sau:

1. **Bà-tẩu Tiên Nhân:** Tên chữ Phạm của Ngài là Bà-tẩu, hoặc Bà-giu. Nguyên Ngài là một Phạm-sĩ trong số các Phụng-sĩ Bà-la-môn giáo. Ngài ở tại am Kiết-thảo nơi chân núi Phổ-đà-son. Ngài chuyên lạy trời, lại làm việc sát sanh. Sau khi bị buộc tội, đọa vào địa ngục, trải qua vô lượng kiếp phải chịu đau khổ. Nhân may-mắn được ánh quang-minh của Hoa-tụ Bồ-tát, dần dần Ngài được hầu cận bên trái đức Quán-Âm một ngàn tay. Hình tượng Ngài là hình tiên nhân, mặc áo rách, đi chân không. Tay trái cầm gậy; tay phải bắt đầu giờ lên làm động tác như đang đánh đàn.

2. **Đại-biện Công-đức Thiên:** Vị này là biệt-danh của Kiết-tường Thiên. Bổn-thệ của Ngài là bố-thí công-đức của mình cho tất cả chúng sanh: bảo châu như-y của Ngài cầm trong tay trái có thể xuất ra vô lượng và vô hạn tài-bảo. Hình tượng đứng với dáng điệu tự-nhiên.

3. **Na-la-diên Kiên-cố:** Vị này đồng-thể với Na-la-diên trong Thiên-bộ. Hình tượng đứng của Ngài trong hai mươi tám bộ chúng này thì cánh tay trái giờ lên, tay phải duỗi ra.

4. **Mật-tích Kim-cang:** Đồng thể với Kim-Cang lực-sĩ. Hình tượng Ngài trong hai mươi tám bộ chúng này thì bàn tay trái nắm lại để ở thất lưng. Tay phải co lại, bàn tay xoè ra, hướng lòng bàn tay ra ngoài.

5. **Đại-phạm Thiên-vương:** Đồng thể với Phạm-thiên. Hình tượng Ngài trong 28 bộ chúng này thì tay trái cầm khí-giới buông thõng xuống; tay phải giơ lên, ngón giữa và ngón áp út co lại.

6. **Đế-Thích Thiên-vương:** Vị Thiên-vương này đồng thể với Đế-Thích trong thập nhị Thiên. Hình tượng đứng của Ngài ở đây thì bàn tay trái nắm lại để ngang thất lưng, tay phải cầm gương soi.

7. **Ma-ê-thủ-la Thiên:** Đồng thể với Đại Tự-tại Thiên. Tay trái cầm gậy, trên đầu gậy có một lông chim. Tay phải giơ lên, bàn tay mở ra. Hiện tướng phần-nộ.

8. **Đông-phương Thiên:** Đồng thể với Trì quốc Thiên. Vì nhiệm-vụ của Ngài là phụ trách việc thủ-hộ phương đông nên gọi tên như vậy. Hình tượng của Ngài thì tay trái áp vào thất lưng; bàn tay phải nắm lại, giơ cao lên.

9. **Kim-sắc Khổng-tước Vương:** Đồng với Khổng-tước Minh-vương. Trong bộ Minh-vương thì Ngài là tượng nữ-thần xinh đẹp. Lúc ở trong hai mươi tám bộ chúng này, Ngài hoá hiện làm một vị nam thần dũng-mãnh, dáng đứng rất oai phong, tay cầm đại đao.

10. **Tỳ-lâu Lạc-xoa:** Đồng thể với Tăng-trưởng Thiên trong Tứ-thiên vương. Hình tượng Ngài ở đây, thì tay trái buông xuống; tay phải giơ lên, cầm chày một mũi nhọn.

11. **Tỳ-sa-môn Thiên:** Đồng thể với Đa-văn Thiên ở phương bắc. Ngài là một vị trong Trí-thiên vương. Tượng Ngài ở đây thì tay trái giơ lên, bưng giữ tháp báu; tay phải cầm kích ba chĩa.

12. **Tỳ-lô-bác-xoa:** Đồng với Quảng-mục Thiên, ở phương tây, một vị trong Trí-thiên vương. Tượng Ngài ở đây thì tay trái giơ lên, cầm kích ba chĩa; tay phải duỗi ra phía trước, cầm chày một mũi nhọn.

13. **Ma-hoà-la Nữ:** Nguyên tên là Tát-già-ma-hoà la, lai lịch của Ngài chưa được rõ. Tượng là hình nữ đứng, hai tay chấp lại.

14. **Mãn-thiên-xa Vương:** Nguyên tên là Mãn-thiên xa chân-đà-la. Tay phải cầm chùy; tay trái cầm rắn. Truyền-thuyết nói rằng Ngài với Đại Hắc-thiên là đồng-thể mà khác tên.

15. **Thần-mẫu Thiên:** Một thuyết nói rằng Ngài là mẹ của A-lợi-đế mẫu. Thuyết khác thì nói Ngài với A-lợi-đế-mẫu là đồng-thể mà khác tên.

Tượng có hai tay đánh xập xỏa trong tư thế đứng rất ngay ngắn.

16. **Ngũ bộ Tịnh:** Nguyên tên là Ngũ-bộ tịnh-cư Viêm-ma-la. Ngài là bậc Thánh ở cõi trời Trí-thiên trong Sắc-giới. Truyền-thuyết nói: “Ngài là hợp thể của Ngũ bộ tôn, tức là con của Tự-tại Thiên, Phổ-Hoa Thiên, Ý-sanh Thiên, Biến-âm Thiên và Quảng-mục Thiên, hợp nhất.” Hình tượng đứng của Ngài thì tay phải cầm đại đao; tay trái co bàn tay, cầm bửu châu.

17. **Nan-đà Long-vương:** Tên chữ Phạn của Ngài là Nan-đà, dịch là Hoan-hỷ. Ngài đứng đầu trong số tám đại long-vương, làm chủ-tể của đại-dương rộng lớn, trong trời, không bờ bến. Truyền thuyết nói rằng Ngài là quyến-thuộc của Thủy-thiên. *Pháp-Hoa Quang-Trạch Sớ* nói: “Nan-đà Hoan-hỷ, Bạt-nan-đà là Thiện hoan-hỷ, biến thành hình người, nghe pháp ở bên đức Phật. Ngài có ơn làm thắm-nhuần đối với người, khiến ai ai cũng đều thấy hoan-hỷ.” Hình tượng đứng của Ngài thì đầu đội mũ bảy con rồng. Tay phải cầm đao, tay trái cầm tơ.

18. **Câu-lâu-la Vương:** Đồng với Ca-lâu-la Thiên. *Tỷ-Dụ Kinh* nói: “Núi Hương-tuy có một cây đại-thụ, cao 40 dặm, gọi là cây thiết-xoa, thể của nó cứng như sắt. Trên cây có con chim diệu-xí với đôi cánh khi giang ra dài đến 360 dặm. Chim có thân hình người, đầu chim, đôi cánh là lông vũ, và có thêm hai tay đang làm động tác thổi sáo.”

19. **Khẩn-na-la Vương:** Biệt-danh là Khẩn-đà-la, hoặc là Chân-đà-la; dịch là Ca-thần, hoặc Âm-nhạc Thiên. Trong *Tuệ-Lâm Âm-Nghĩa* có nói: “Chân-đà-la, tên xưa là Khẩn-na-la, là vị Thiên quản-lý về âm-nhạc, nên có những âm-hưởng vi-diệu, thường ca những khúc hát hay, múa điệu vũ đẹp. Thiên nam thì đầu ngửa mình người, thích ca hát. Thiên nữ thì đoan-chính, thích múa; họ là vợ của Càn-thát-bà.”

Trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới, Thiên-tôn này ở phương bắc, bên ngoài viện Kim-Cang bộ. Hình tướng làm người, vai mang trống, hai tay làm động tác đánh trống.

20. **Ma-hầu-la già Vương:** Ma-hầu-la-già Vương là tên chữ Phạn, dịch là Đại-mãng thần (con trăn lớn), một loại thần âm-nhạc, mình người đầu rắn. Ngài là quyến-thuộc của đức Thích-Ca, ở phương bắc, bên ngoài viện Kim-Cang bộ của Thai-tạng giới. Bên ngực choàng áo trời. Thân hình có hai người ghép lại: bên trái bộ đầu cuốn như con rắn, tay phải kiết kiếm-ấn mà đứng; thân bên phải ngồi thổi sáo. Xem hình tượng trong 28 bộ thì tay trái ôm đàn tỳ-bà, tay phải làm động tác đang gảy đàn.

21. **A-tu-la Vương:** Vị này là một Phi-nhân. Hình tượng của Ngài có ba

mặt sáu tay. Hai tay chắp lại; bên trái tay thứ hai cầm Nhật-ma-ni, tay thứ ba cầm cung. Bên phải, tay thứ hai bưng Nguyệt-ma-ni, tay thứ ba cầm mũi tên. Đầu tóc dựng cao, đôi mắt giận dữ; hiện tướng rất mạnh- bạo và hung- ác.

22. **Kim đại Vương:** Lai lịch của vị Tôn-vương này chưa được rõ. Hình tượng của Ngài thì tay trái nắm lại đặt ở thắt lưng. Tay phải giơ lên cầm một cái trống.

23. **Càn-thát-bà Vương:** Vị này đã được trình bày rõ trong Thiên-bộ. Hình tượng của Ngài trong 28 bộ chúng thì tay trái để ở ngực, ngón cái và ngón áp út chụm vào nhau. Tay phải giơ lên, bàn tay cầm bánh xe vàng.

24. **Bà-yết-la Long-vương:** Vị này chữ Phạn gọi là An-già-la, dịch là Hàm-hải (biển mặn). Ngài làm chủ tể của những biển mặn. Hình tượng của Ngài thì đầu đội mũ năm đầu rấn, đầu tóc dựng cao. Tay phải cầm kiếm, tay trái nắm thân rấn, hiện hình tướng rất uy-dũng, mạnh bạo. Thân mặc giáp trụ rất oai phong.



25. **Kim-tỳ-la Vương:** Vị thần-tướng này là một trong số mười hai thần-tướng của đức Dược-Sư. Ở cương-vị ấy thì Ngài xưng là Cung-tỳ-la đại-tướng. Trong *Bảo-tích Kinh* nói: “Phật đi đến thành Vương-xá; giữa đường có một vị thần hộ-thành xưng là Kim-Tỳ-la Vương, quản lãnh sáu vạn tám ngàn chúng dước-xoa, cúng dường Phật-đà. Đức Phật bèn thọ ký cho Ngài mai sau sẽ thành đạo. Đó là chỗ xuất thân của Ngài”. Hình tượng của Ngài trong hai mươi tám bộ chúng thì tay trái cầm cung, tay phải cầm tên; hoặc tay phải nắm lại, tay trái co cánh tay, ngửa bàn tay lên; từ bàn tay này phóng ra một bửu-châu. Thân mặc giáp trụ rất oai phong.



26. **Mãn-tiên-tử:** Lai lịch của vị thần-vương này chưa được rõ. Tượng của Ngài trông rất là uy-vũ của một thiên-tướng. Tay trái cầm kích ba chĩa; tay phải để ở thắt lưng, cầm chày giống như cái trống.

27. **Tán-chí Đại-tướng:** Biệt-danh của Ngài là Bán-chi-ca, dịch là Mật-thần, từng nhận mẹ bọn quỷ con làm vợ, sanh được 500 con. Ngài là quyến thuộc của Tỳ-sa-môn Thiên, là một trong tám đại-tướng, thường cùng Thiên-vương qua lại xem xét các lãnh vực, bàn tính các điều lành dữ. Hình tượng của Ngài thì thân mặc giáp trụ, tay trái duỗi; tay phải cầm kích cán dài. Tóc dựng ngược lên; hiện tượng rất giận dữ.

28. **Tất-bà-già La-vương:** Lai-lịch của Ngài cũng chưa được biết rõ. Hình tượng đứng của Ngài trong 28 bộ chúng thì bàn tay trái nắm lại, tay phải cầm gậy báu.

## MƯỜI NỮ LA-SÁT CỦA BỒ-TÁT PHỔ-HIÊN

Trong mục này, La-sát là từ-ngữ gọi chung các ác-quỷ. Bọn họ rất nhiều. Có chỗ dịch là “đáng sợ”. Trong kinh *Pháp Hoa*, phẩm Đà-la-ni, có nói: “Trong hội trường, Đức Thích-Ca giảng kinh Pháp Hoa, có nhiều quỷ La-sát đến dự. Họ một lòng một dạ ủng-hộ người trì kinh, đều nói đà-la-ni, rất được Như-Lai khen ngợi.”

Mục này ghi rõ mười nữ La-sát thường theo hầu Bồ-tát Phổ-Hiền. Nay theo bốn-thệ, hình tượng của họ được lược thuật như sau:

1. **Lam-bà:** Dịch là Kiết-phược, tức trói buộc tất cả chúng sanh và tùy tiện sát hại. Đây là một nữ quỷ rất đáng sợ, nhưng sau khi đã quy-nhập Phật-giáo, bà tận dụng sở-trường của mình để trói buộc tất cả phiền-nã, nên trở thành một vị thiện-thần. Bổn-địa của bà là Đức A-súc Như-Lai. Tay phải cầm kiếm, thân mặc giáp trụ.

2. **Tỳ-lam-bà:** Dịch là Ly-phước. Nếu có người bị trói buộc, bà có thể tùy ý khiến họ được thoát ly, nên bà được gọi như vậy. Sau khi vào Phật-giáo, bà có thể xua đuổi các kiết-sử của phiền-nã, khiến người ta xa lìa khổ. Đây là một vị tôn-thần có đức. Bổn-địa của bà là Đức Bửu-sanh Như-Lai. Hình tượng của bà có hai tay đánh xập-xỏa. Thân quấn áo trời.

3. **Khúc-xí:** Dịch là Thí-tích. Như nghĩa chữ “Khúc” trong tên Ngài (“Khúc” là cong), hai hàm răng trong miệng Ngài cong ra lờm-chờm khiến ai trông thấy cũng phải sợ-hãi. Sau khi vào Phật-giáo, được bao nhiêu của cải dồn chứa (Tích) Ngài đều đem cấp-phát (Thí) cho chúng-sanh, nên Ngài hoá thành một vị thiện-thần, và được gọi là Thí-tích. Bổn-địa của Ngài là Đức A-Di-Đà Như-Lai. Hình tượng của Ngài thì tay trái bưng đầy mâm quả. Tay phải đang ở tư thế chọn phát. Thân mặc áo trời.



4. **Hoa-xí:** một tên khác của Ngài là Thí-hoa. Ngài tương phản với Khúc-xí: răng của vị này rất đều đặn, ngay ngắn, sắc diện trắng trẻo, đẹp đẽ như hoa, cho nên Ngài có tên là Hoa-xí. Bổn-địa của Ngài là Đức Bất-không Thành-tựu Như-Lai. Hình tượng của Ngài thì tay phải buông xuống, bàn tay mở ra hướng về phía trước. Tay trái cầm như-ý bửu-châu. Thân mặc áo trời.



5. **Hắc-xí:** một tên khác của vị này là Thí-hắc. Ngài có răng đen. Hiện tượng rất đáng sợ. Bổn địa của Ngài là Đức Đại-Nhật Như-Lai. Hình tượng của Ngài thì tay phải giơ lên để trước ngực, bàn tay mở hướng ra ngoài. Tay trái cầm phan.

6. **Đa-phát:** hoặc còn gọi là Thí-phát. Bổn-địa của Ngài là Đức Phổ-Hiền Bồ-tát.

Hình tượng của Ngài thì tay phải cầm phan; tay trái giơ lên, bàn tay mở ra để trước ngực; lòng bàn tay hướng ra ngoài.

7. **Vô-yếm Túc:** biệt-danh của Ngài là Vô-trước. Ngài chẳng chán ghét tất cả các chướng-ngại của chúng-sanh. Ngài là một vị quỷ thần bạo ác, rất đáng sợ. Khi đã vào Phật-giáo, Ngài luôn nhớ đến chúng-sanh với lòng từ-thiện. Bổn-địa của Ngài là Đức Di-Lặc Bồ-tát.

8. **Trì anh-lạc:** Một tên khác là Trì-hoa. Ngài trông như đang ở trong tình-trạng đùa giỡn với hoa. Bổn-địa của Ngài là Đức Quán Thế-âm Bồ-tát.

9. **Cao ĐẾ:** một tên khác là Hà-sở. Ngài tự do, tự-tại đi lại ở các cõi trời và cõi người, chẳng luận nơi nào, nên gọi Hà-sở (hà: nơi nào?) Bổn-địa của Ngài không rõ.

10. **Đoạt Nhất Thiết Chúng-sanh Tinh-khí:** biệt-danh của Ngài là Thú-nhất-thiết-tinh. Như tên của Ngài cho thấy, đây là một vị đoạt giữ tất cả tinh-khí của chúng-sanh. Đó là một nữ quỷ cực-kỳ đáng sợ. Sau khi vào Phật-giáo, Ngài bèn đoạt phiền-não và ác-khí của chúng-sanh, từ đó Ngài trở thành một thiện-nữ nuôi lớn thiện-pháp Bồ-đề.

## TÁM ĐẠI ĐỒNG-TỬ CỦA BỒ-TÁT VĂN-THÙ

Phụ thuộc vào Ngài Văn-Thù Bồ-tát có tám đồng-tử gọi là tám đại Đồng-tử, hoặc tám Trí-tôn để biểu thị, tượng trưng cho công-đức của Bát Tự Văn-Thù, phối trí nơi viện tám cánh hoa. Pháp tu dùng bản thể này nhằm mục-đích ngăn chặn tai-họa, kéo dài tuổi thọ và đổi lòng ác ma. Tám đại đồng-tử này, dựa theo phương-vị của họ, thứ tự được sắp xếp như sau:

1. Phương đông-bắc là Kế-thiết-ni;
2. Phương đông-nam là Ô-ba-kế thiết-ni;
3. Phương đông là Chất-đa-la;
4. Phương tây-nam là Địa-tuệ;
5. Phương bắc là Thỉnh-triệu;
6. Phương nam là Quang-võng;
7. Phương tây là Vô-cấu quang.
8. Phương tây-bắc là Bất tư-nghị tuệ.

Tám vị ở chung quanh, bốn tôn ở giữa.

Nay xin được lược-thuật về tám đại Đồng-tử này như sau:



1. **Kế-thiết-ni Đồng-tử**: Chiếm vị trí thứ nhất bên trái của viện Văn-thù, trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới. Tay phải cầm kiếm, tay trái cầm cành sen nhỏ. Ngài ngồi trên hoa sen đỏ. Thân mang sắc vàng, đầu kết ba búi tóc, dùng anh-lạc, xuyên đeo tay để trang sức. Danh hiệu Kế-thiết-ni tức là nói tóc đẹp đoan-nghiêm, chủ đức phát-tâm vô-tướng của Đức Văn-Thù.

2. **Ô-ba Kế-thiết-ni Đồng-tử**: Vị này giữ vị trí thứ hai bên trái viện Văn-thù trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới. Tay trái cầm hoa sen, tay phải cầm kích một mũi nhọn. Thân màu vàng, đầu kết ba búi tóc; chủ phát dương-đức hay bố-thí của Đức Văn-Thù.



3. **Chất-da-la Đồng-tử**: Vị này chiếm vị trí thứ ba bên trái viện Văn-Thù trong Mạn-đà-la của Thai-tạng giới. Tay phải cầm gậy, trên đầu gậy có mặt trăng tròn, trên mặt trăng có hình các ngôi sao. Tay trái cầm cành sen xanh nhỏ. Thân Ngài màu vàng, trên đầu kết ba búi tóc, chủ định đức của sắc-thân Ngài Văn-Thù.



4. **Địa-tuệ Đồng-tử**: Vị này chiếm vị-trí thứ tư bên trái viện Văn-thù, cũng như trước. Tay trái cầm cành sen xanh nhỏ. Tay phải cầm cây kích một mũi nhọn, trên mũi nhọn cây kích có treo một tràng-phan. Thân vị này màu vàng, đầu kết ba búi tóc; chủ đức giàu có, nhiều cửa-cải của Bồ-tát Văn-Thù.

5. **Thỉnh-triệu Đồng-tử**: Vị này giữ vị trí thứ nhất bên phải viện Văn-thù. Tay phải cầm kích một mũi nhọn, tay trái cầm cành sen xanh nhỏ. Thân Ngài màu vàng, đầu kết ba búi tóc. Bổn-thệ của đồng-tử này là triệu-thỉnh tất cả chúng-sanh khiến họ có thể vào đạo Bồ-đề.

6. **Quang-võng Đồng-tử**: Vị này chiếm vị trí thứ hai bên phải viện Văn-thù. Tay trái cầm hoa sen xanh nhỏ, tay

phải cầm tờ, ngồi trên hoa sen đỏ. Thân màu vàng, đầu kết ba búi tóc; chủ phước-đức của Ngài Văn-thù. Trong biển lớn sanh tử, giăng rộng lưới đại-bi để kiểm-điểm căn-cơ của chúng sanh, để cho họ được thấy mặt trời của pháp-giới.

7. **Vô-cấu Quang Đồng-tử:** Vị này ở vị trí thứ ba bên phải của viện Văn-thù. Tay trái cầm hoa sen chưa nở, tay phải cầm bửu châu đặt ở trước rốn. Thân màu vàng, đầu kết ba búi tóc. Đồng-tử này biểu-thị trí-huệ thanh-tịnh vô-cấu của Đức Văn-Thù.

8. **Bất Tư-nghì Tuệ Đồng-tử:** Vị này giữ vị-trí trung ương của năm vị phụng giáo, ở đầu mỗi phía nam của viện Văn-thù. Ngài bày tỏ tư-tưởng tổng-danh của Ngũ tôn. Hình tượng của vị này, hai tay cầm gậy báu, trên đầu gậy có hình bán nguyệt, trên hình bán nguyệt có hình các ngôi sao. Dáng quỳ trên hoa sen, thái độ rất cung kính.

## TÁM ĐẠI ĐỒNG-TỬ BẤT-ĐỘNG

Hai bên tả hữu của Bát Động Minh-vương có hai vị Chế-sa-ca và Căng-yết-la. Cùng với sáu đồng-tử nữa, hai vị này cùng xưng là Bát Đại Kim-Cang đồng-tử. Các đồng-tử này đều có tứ-trí và đức phần của bốn ba-la-mật: chư vị đều là quyến-thuộc của Bát-Động Minh-vương, vây quanh để hộ-vệ cho vị Vương này. Nhân vì chư-vị này thường hầu hai bên tả hữu của đức Bát-Động cho nên các đồng-tử này được xem là rất quan-trọng. Nay xin được lược-thuật tám đại đồng-tử này như sau:

1. **Tuệ-quang Đồng-tử:** Hình tượng của vị này dung-mạo hơi phẫn-nộ, đầu đội mũ trời. Thân màu trắng vàng. Tay phải cầm chày kim-cang năm trí; tay trái cầm cành hoa sen, trên có mặt trăng.

2. **Tuệ-hỷ Đồng-tử:** Tay trái cầm bửu-châu Ma-ni, tay phải cầm chày ba mũi nhọn. Vị này dùng áo trời tốt đẹp và các anh-lạc để biểu thị sự trang-nghiêm.





quyển), áp sau lưng.

6. **Thanh-tịnh Tỳ-khưu:** Theo như tên gọi, vị đồng-tử này hình tỳ-khưu, thân mặc áo cà-sa, bày vai bên trái. Tay trái cầm cái tráp Phạn, tay phải để ở tim, trong tay cầm chày năm chấu. Răng hàm trên lộ ra che khuất môi dưới.

7. **Căng-yết-la Đồng-tử:** Là một vị hầu cận thường thấy, Căng-yết-la dịch là 'tùy thuận'. Hình tượng của vị đồng-tử này xứng với Mãn-nguyệt đồng-tử: đầu đội mũ hoa sen; thân màu da trắng. Hai tay chắp lại, một trong hai tay cầm chày một đầu nhọn. Chày đặt ngang giữa khoảng ngón cái và ngón trỏ. Thân mặc áo cà-sa, dùng áo trời mỹ-lệ và anh-lạc để tăng thêm phần trang-nghiêm.

8. **Chế-sá-ca Đồng-tử:** Cũng là một vị hầu cận thường thấy. Thân màu như sen hồng, trên đầu kết năm búi tóc để biểu-thị năm trí. Tay trái cầm chày ba mũi nhọn, tay phải cầm gậy kim-cang. Nhân vì đồng-tử có tánh ác, hay nổi giận, nên chẳng mặc áo cà-sa.



3. **A-nậu-đa Đồng-tử:** A-nậu-đa là âm Phạn, dịch là Vô-nhiệt. Vị này thân màu vàng rờng như Phạm-thiên vương; đầu đội mũ Kim-xí điều vương. Tay trái cầm hoa sen hồng, tay phải cầm chày một mũi nhọn, ngự trên lưng con rồng xanh lớn.

4. **Chi-dức Đồng-tử:** Hình-thể vị này vừa xứng với dạ-xoa, mặt có ba mắt. Thân mặc giáp trụ, hiện tướng rất dũng-mãnh. Tay trái cầm yết-ma kim-cang, tay phải cầm kích ba mũi nhọn.

5. **O-câu-bà-nga Đồng-tử:** Thân màu kim-cương, hiện tướng rất bạo ác, đầu đội mũ năm gù. Tay trái cầm chày ba chấu, tay phải nắm chặt lại (theo cách Kim-Cang

## MƯỜI SÁU VỊ LA-HÁN

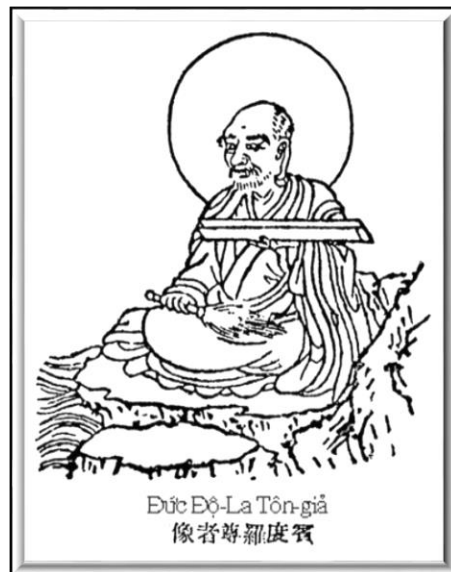
Tên chữ Phạm là A-la-ha, hoặc A-la-hán, dịch là Sát-tặc, Ứng-cúng hoặc Bất-sanh. Sát-tặc là ý nói giết giặc phiền-não mà phanh thây ra. Ứng-cúng là ý bày tỏ nhà của chư-vị có tư-cách được người trời tối cao đến cúng dường. Bất-sanh là ý nói chẳng phải chịu cảnh khổ vì sanh tử nữa.

Sở dĩ gọi mười sáu La-hán vì trong *Pháp Trí Ký* có nói: chữ Phạm A-la-hán dịch là ‘vô-học’, tức có ý nói đã dứt hết sanh tử, được pháp không thể học. Vô sanh là dứt hết kiến-hoặc và tư-hoặc, thoát khỏi luân hồi trong ba cõi. Ứng-cúng là có đủ tư-cách được Trời, Người cúng dường. Sát-tặc là có khả năng giết được giặc phiền-não.

Chư vị đều có tam-minh, lục-thông, vô-lượng công-đức cho nên được gọi là Đại-la-hán. Chư vị A-la-hán này vâng lệnh Phật, dùng sức thần-thông của mình có thể tự kéo dài tuổi thọ, trú trong nhân-gian, bảo vệ chánh-pháp, đến nay vẫn chưa nhập-diệt. Khi người thế-gian lập hội đại-thí nơi lộ thiên thì chư-vị cùng các quyến-thuộc đến trước, nhận sự cúng dường ấy, khiến cho thí chủ được phước quả. Đó là mười sáu vị A-la-hán.

Nhưng xưa nay, truyền thuyết nói có hai loại, tên gọi cũng chẳng thống nhất. Một loại, theo kinh *A-Di-Đà* thì chư-vị ấy đều là đệ tử cao của đức Thế-tôn. Danh-tánh các vị này là Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Ca-chiên-diên, Cấu-đế-la, Ly-bà-đa, Châu-lợi bàn-già, Nan-đà, A-nan-đà, La-hầu-la, Kiều-phạm ba đề, Tân-đầu-lô-phả la-đọa Ca-lưu-đà-di, Kiếp-tân-na, Bạc-câu-la. A-sùu-lâu-đà gồm 16 vị. Một loại khác theo kinh *Pháp Trí Ký* cũng nói giống như kinh *A-Di-Đà*: “Chư vị này nhận lệnh của Phật, vĩnh-viễn đi lại trong cuộc đời, làm bậc thánh để bảo vệ chánh-pháp. Tên các vị này là Tân-độ-la-bạt-la-đọa-xà, Ca-nặc-ca-phạt-sa, Ca-nặc-ca-bạt-ly-đọa-xà, A-bí-đặc, Ba-cổ-la, Bạt-đà-la, Ca-lý-ca, Phật-xa-la phát-đa-la, Tuất-bác-ca, Bán-thác-ca, La-hỗ-la, Na-già-tê-na, Nhân-yết-đà, Phật-na-bà-tư, A-thị-đà, Chú-trà-bán-thác-ca” Tổng cộng là mười sáu vị.

Xem hình tượng của chư-vị thì từ xưa nay, tùy theo tài vẽ của các họa-sĩ



mà phóng tác ra. Do đó có rất nhiều loại hình khác nhau. Nay xin được thuật sơ-lược như sau:



**1. Tân-độ-la-bạt-la-đọa-xà Tôn-giả:**

Hai chữ Tân-độ trong danh hiệu của vị này có nghĩa là Bất-động. Ngài có một ngàn A-la-hán quyến-thuộc đi theo. Ngài trú ở Tây cù-đa-ni châu, thủ hộ Phật-pháp.

**2. Ca-nặc-ca-phạt-sa Tôn-giả:** Vị này có năm trăm A-la-hán quyến-thuộc đi theo. Ngài trú ở Ca-thấp-di-la quốc ở phương bắc. Nhiệm vụ của Ngài là ủng-hộ Phật-pháp ở địa-phương ấy.

**3. Ca-nặc-ca-bạt-ly-đọa-xà Tôn-giả:** Vị này có sáu trăm A-la-hán quyến-thuộc đi theo. Ngài trú ở địa phương Đông thắng-thần châu.

**4. A-bí-đặc Tôn-giả:** Vị này có bảy trăm A-la-hán quyến-thuộc đi theo. Ngài trú ở Bắc cu-lô châu, chuyên bảo-vệ Phật-pháp.

**5. Ba-cổ-la Tôn-giả:** Vị này có tám trăm A-la-hán quyến-thuộc đi theo. Ngài trú ở Nam thiện-bộ châu, thủ hộ Phật-pháp bao quát cả miền.

**6. Bạt-đà-la Tôn-giả** (với danh hiệu Bạt-ni-la): Danh hiệu này dịch là Hảo-hiền. Ngài có chín trăm A-la-hán quyến-thuộc đi theo. Ngài trú ở Đam-một-la châu, chuyên thủ hộ Phật-pháp bao quát cả miền.

**7. Ca-ly-ca Tôn-giả:** Ngài có một ngàn A-la-hán quyến-thuộc đi theo, thường trú tại Tăng-ca-trà châu, chuyên thủ-hộ Phật-pháp bao quát cả miền.

**8. Phạt-xa-la phất-đa-la Tôn-giả:** Ngài có một ngàn A-la-hán quyến-thuộc đi theo. Ngài thường trú tại Bát-thứ-noa châu, thủ hộ Phật-pháp.

**9. Tuất-bác-ca Tôn giả:** Vị tôn-giả này có chín trăm A-la-hán quyến-thuộc đi theo. Ngài thường trú trong núi Hương-tuý, thủ hộ Phật-pháp.



10. **Bán-thác-ca Tôn-giả:** Vị tôn-giả này có tổng cộng một ngàn ba trăm A-la-hán, trú tại 33 cõi trời, thủ-hộ Phật-pháp ở các cõi trời đó.

11. **La-hỗ-la Tôn-giả:** Vị tôn-giả này có cả thảy một ngàn A-la-hán quyến-thuộc, thường trú tại Tất-lợi dương châu, thủ-hộ Phật-pháp.

12. **Na-già-tê-na Tôn-giả:** Vị tôn-giả này có một ngàn hai trăm A-la-hán, cư trú tại núi Bán-độ-ba, thủ-hộ Phật-pháp.

13. **Nhân-yết-đa Tôn-giả:** Vị tôn-giả này có một ngàn ba trăm A-la-hán quyến-thuộc, cư-trú trong núi Quảng-hiệp, thủ-hộ Phật-pháp.

14. **Phạt-na-bà-tư Tôn-giả:** Vị tôn-giả này có một ngàn bốn trăm A-la-hán, cư trú trong núi Khả-trú, bảo-hộ Phật-pháp bao quát cả miền.

15. **A-thị-đa Tôn-giả:** Vị tôn-giả này có một ngàn năm trăm A-la-hán, cư-trú trong núi Thửu-phong, thủ-hộ Phật-pháp.

16. **Chú-trà-bán-thác-ca Tôn-giả:** Vị tôn-giả này có một ngàn sáu trăm A-la-hán quyến-thuộc, cư trú trong núi Trì-trục, thủ hộ Phật-pháp.



Đĩa ngọc thất tinh

## MƯỜI ĐẠI ĐỆ-TỬ PHẬT

Trong số các đệ-tử giỏi của đức Thế-tôn, thì những vị xuất sắc nhất là mười vị Đại La-hán, gọi là Đại đệ-tử của Ngài.

- |                        |                      |
|------------------------|----------------------|
| 1. Ma-ha-ca-diếp       | 2. A-nan-đà          |
| 3. Xá-lợi-phất         | 4. Tu bồ-đề          |
| 5. Phú-lâu-na          | 6. Đại Mục Kiền Liên |
| 7. Ma-ha Ca chiên-diên | 8. A-na-luật         |
| 9. Ưu-bà-ly            | 10. La-hầu-la        |

Nói chung, trong các chùa xưa thì tượng của đức Thế-tôn và tượng của mười vị Đại đệ-tử này đều được an-trí cùng một lúc. Những chùa thờ chư vị này rất nhiều. Lược sử chư-vị này như sau:

### MA-HA-CA-DIỆP 'MAHAKASHYAPA'

Đương thời có rất nhiều vị cũng có tên là Ca-Diếp, cho nên đặc-biệt thêm hai chữ Ma-ha là 'đại' được đặt trước danh hiệu Ngài để dễ phân-biệt.



Ngài tu hạnh đầu-đà, Ngài là vị đứng đầu trong sự-nghiệp kết-tập kinh-điển của Phật, nên danh hiệu Đại Ca-Diếp đã được đồn vang trong thiên-hạ.

Ngài sanh tại miền phụ-cận của thành Vương-xá, tức ở thôn Ma-ha-bà-la của miền trung Ấn-độ. Thân-phụ Ngài là một đại phú Bà-la-môn giáo, rất nổi tiếng. Hai ông bà kết-hôn với nhau đã lâu năm mà không có con, nên đến thỉnh thọ thần Tát-bát-la-thọ, mới sanh được một người con trai. Nhân đó Ngài được đặt tên là Tát-bát-la-da-ha. Khi Ngài sanh ra đã có đủ 32 tướng tốt, nhất cử nhất động của Ngài đều khác với người thường. Lúc lên tám tuổi, Ngài thọ giới Bà-la-môn và đã tinh-thông những điều ảo-diệu trong đó.



Một sớm nghe thanh-danh của đức Thế-tôn, Ngài liền đến tận nơi đức Phật ngự để xin gia nhập giáo-đoàn. Ngài “sống đặm-bạc, biết đủ” chuyên-tâm trì-chí tự mình tu-hành, cho nên được gọi là “đệ nhất đầu đà”.

Khi Đức Thích-Ca nhập-diệt, Ngài đang đi bộ ở xa tại phương bắc. Sau khi được tin đau xót ấy, Ngài liền ngày đêm chạy vội về, quỳ trước thánh-quan, khóc thương chẳng xiết, rồi lập chí tự nhủ: “Từ đây về sau, Ta quyết tâm lập kế-hoạch kết-tập kinh-điển của Phật, để xây-dựng tịnh-độ ở nhân-gian. Đó là sự-nghiệp lớn phải làm để báo ơn Phật.”

Truyền thuyết nói rằng: Ngài vào núi Kê-túc, nhập vào thiền phòng để đợi hội Long-Hoa sẽ đến.

### A-NAN-ĐÀ ‘ANANDA’

A-nan-đà hay Nan-đà tôn-giả có thanh-danh rất rộng. Ba chữ ‘A-nan-đà’ được dịch là ‘hoan-hỷ’. Ngài là em của Đại-vương Tịnh-Phạn, con của Cam-lộ Phạm-vương, vai thúc-bá của đức Thích-Ca. Lúc còn thơ-ấu, Ngài đã có chí xuất-gia. Ngài vào cửa Phật khi đức Thế-tôn 55 tuổi. Ngài theo hầu đức Phật được 25 năm. Khi đức Thế-tôn sắp nhập-diệt thì Ngài và A-thế-lâu-đà cùng hầu bên gối Phật, chuyên tâm lo việc thuốc thang chăm sóc. Tánh của Ngài là nghe rộng, nhớ lâu nên được gọi là “đệ nhất đa văn”.



Trong việc kết-tập kinh-điển, đa số kinh-văn đều do A-nan-đà nhớ mà truyền khẩu lại. Thiên-tánh từ-bi, ôn-hòa, dung nhan tốt-đẹp của Ngài khiến cho phụ-nữ thế-gian ái-mộ, vì vậy mà Ngài thường bị họa nữ-nạn.

Lúc đức Thế-tôn còn tại thế, Ngài bất hạnh, chưa được ngộ-đạo, phải đợi hai mươi năm sau khi Phật nhập-diệt thì bạn đồng tu là

Đại Ca-Diếp thị-tịch tại núi Kê-túc, Ngài mới bắt đầu biết rằng cũng đến kỳ-hạn nhập Niết-bàn. Ngài bèn triệu tập 500 tỷ-khưu trên bờ sông Hằng để nhắc lại các lời thánh-giáo của Phật lưu lại mà thung dung diệt-độ. Di-hài của Ngài được an-táng bên cạnh Tịnh-xá Trúc-lâm của thành Vương-xá.

## XÁ-LỢI-PHẬT 'SHARIPUTRA'

Tên đầy đủ của Ngài là Xá-lợi-phất đa-la, nguyên từ tên Ưu-bà-để-sa, con của bà Ma-sá-la, chủ ấp ở phía đông-nam thành Vương-xá, cách thành một dặm rưỡi. Thân phụ của Ngài là một học-giả của Bà-la-môn giáo, tên là Đế-sa.



Xét về căn-nguyên của danh-từ Xá-lợi-phất, trong *Đại-Trí Độ Luận* có nói: “Vua Ma-đà-la có một người con gái, mà cặp mắt nàng giống mắt chim xá-lợi (một loại thủy cầm), cho nên gọi là Xá-lợi. Người này kết duyên với Đế-sa, sanh được một người con, đặt tên là Xá-lợi-phất”. Nhân vì ba chữ “phất-đa-la” dịch là “tử” cho nên còn gọi Ngài là Xá-lợi-tử.

Khi còn nhỏ, Ngài Xá-lợi-phất đã nhận được sự học rộng tài cao của cha truyền lại, cùng với sự nuôi dưỡng hiền-minh của mẹ, cho nên Ngài tinh-thông cả trăm khoa học nghệ. Cùng các bạn thân, danh tánh Ngài được nêu cao, chí hợp nên nhiều đệ-tử ủng hộ, thanh thế rất lớn.

Một hôm, Ngài gặp Tỳ-khưu Mã-Thắng, được biết thanh-danh của đức Thế-tôn, Ngài kính mến chẳng dứt, bèn cùng hơn 350 đệ-tử, quy-y Phật tại Tịnh-xá Trúc-lâm, thọ giới cụ túc, trở thành đệ-tử của đức Thế-tôn.

Lúc ấy, việc Xá-lợi-phất quy-y Phật khiến cho uy-đức của đức Thế-tôn càng thêm phát-dương, thế-lực của giáo-đoàn đã lớn càng thêm mạnh. Nhân đó mà Xá-lợi-phất chiếm địa-vị thủ-tọa trong số các đệ-tử, và được gọi là “đệ nhất trí-tuệ”. Ngài dốc hết toàn-lực của mình để giáo-hóa và làm lợi-ích cho chúng sanh.

Trước ngày đức Thế-tôn nhập-diệt, tự biết mình đã gần đến kỳ-hạn nhập Niết-bàn, Ngài bèn trở về cố-hương, an-tọa trong nhà, nhắm mắt tịnh-tâm.

Truyền thuyết nói rằng: mai sau Ngài sẽ thành Phật hiệu là Hoa-Quang Phật. Ngài sẽ lại xuống thế-gian để hoá-độ và làm lợi-ích cho tất cả chúng sanh.

## TU BỒ-ĐỀ 'SUBHUTI'

Tu-bồ-đề, dịch là Thiện-kiết, Không-sanh, và Thiện-nghiệp. Xét căn-nguyên các danh hiệu này thì trong *Tịnh-Danh Số* có chép như sau: “Lúc Ngài ra đời, gia thất của Ngài đều không, nên gọi là Không-sanh. Lúc đó, người nhà mười phần lo sợ, bèn thỉnh thầy tướng-số đến xem. Thầy tướng nhận định rằng hài-nhi này một là một dị-nhân, là một tướng lành, bèn gọi hài-nhi là Thiện-kiết.”

Bản-tánh của Người này hiền-từ, tốt bụng, chẳng ưa tranh cãi. Ngài xuất gia, được đạo, khởi từ-tâm, nhập vô-tránh tam-muội, có công-năng thường làm việc lành, cho nên gọi là Thiện-nghiệp.

Ngài là một trong số mười sáu đệ-tử của Phật và được gọi là “đệ nhất giai không”.

Nhưng chẳng may là sự-tích của Ngài sau này bị thất-truyền, thật là một điều đáng tiếc.

### **PHÚ-LÂU-NA** ‘PURNA’

Phú-lâu-na được dịch là ‘Mãn-ý-tử’, hoặc ‘Mãn-nguyện tử’. Ngài là con một vị trưởng-giả ở thành Ca-tỳ-la: cha Ngài là quốc-sư của đại-vương Tịnh-Phạn, nức tiếng một thời.

Mỗi ngày, Ngài ra ngoài, nỗ-lực làm công tác, thành tâm thiện-chí phụng-sự Phật-đà. Ngài chẳng tiếc của nên đã dốc hết tài-sản ra để xây-dựng tịnh-xá, phát-nguyện về nơi cửa Phật, siêng năng tu-học một cách phi-thường.

Vì Ngài chuyên biện-luận, nói pháp khéo-léo, mâu-nhiệm cho nên được gọi là “đệ nhất thuyết-pháp”. Thiên-hạ ai cũng nghe danh.

Về sau tại nước Thâu-lô-na, Ngài có thu nhận 500 đệ-tử, lập ra 500 cửa chùa. Ngài hết sức hoằng-dương Phật-pháp.

### **ĐẠI MỤC KIÊN LIÊN** ‘MAUDGALYAYANA’

Người thế-gian phần nhiều gọi Ngài là Mục-Liên tôn-giả, dịch là ‘Đại tán-tụng’, hoặc ‘Đại hồ-đậu’. Trong *Tổ-Đình Sự Uyển* có nói: “Chữ Phạn Đại Mục-kiên-liên họ là Thái Thúc (hái đậu). Truyền thuyết nói rằng: đời Thượng-cổ có một vị tiên ở trên núi là xứ đậu, thường hái đậu mà ăn. Nhân đó, người ta lấy hai chữ “thái-thúc” đặt thành họ cho Ngài. Mẹ của Ngài Mục-Kiên-liên cũng thuộc họ này.



Mục-Liên nguyên tên là Câu-luật-đà, miền đất xuất sanh ra Ngài là thôn Câu-luật-đà ở hướng bắc thành Vương-xá. Thân phụ Ngài là thầy của Vương-gia, họ mẹ Ngài là Thái-thức. Thời thiếu-niên, Ngài là bạn thân-thiết của Xá-lợi-phất. Từ nhỏ, Ngài đã quyết-tâm lìa dục, tu đạo. Hai người, được sự đồng-ý của song thân, cùng đến thành Vương-xá yết-kiến đức Phật và nói rõ ý muốn của mình. Đức Thế-tôn liền thu-nhận hai vị làm đệ-tử. Bạn Xá-lợi-phất của Ngài được gọi là “đệ nhất trí-tuệ”, còn Ngài thì được gọi là “đệ nhất thần-thông”. Nhờ sức thần-thông này mà Ngài biết thân-mẫu mình bị khổ. Ngài bèn trình với đức Phật và xin Phật dạy cho phép cứu mẹ. Nhờ đó mà mẹ Ngài về sau được cứu thoát khỏi địa-ngục. Nhân sự-tích này mà Ngài được gọi là Đại-hiếu Mục-Liên”, nức tiếng trong thiên hạ.

Đương thời có đám người ngoại-đạo lừa hình, trước kia có lòng oán hận với giáo-đoàn của đức Thích-Ca. Khi họ nghe được danh Ngài Mục-Kiền-Liên đã cứu được mẹ, họ nhớ mối hận cũ trong lòng, nhân lúc Ngài tu thiền trong núi Y-thị-thị-lợi, họ rình đến đâm Ngài chết. Thật là một tổn-thất lớn cho giáo-đoàn.

## MA-HA CA CHIÊN-DIÊN ‘KATYAYAYANA’

Ma-ha-ca-chiên-diên là chữ Phạn, dịch thành Văn-sức, hoặc Hảo-kiên. Tên nguyên-thủy của Ngài là Na-la-đà. Ngài là con của vị trưởng-giả của ấp A-bàn-đề Mi-hầu-thực. Phụ-thân của Ngài là một luận-sư của Phệ-đà học. Ca-chiên-diên thừa kế huyết-thống của phụ-thân, thành một trưởng-giả rất hiền-minh. Về sau Ngài trở thành một thành-viên trong giáo-đoàn của đức Thích-Ca. Quả nhiên, tài-năng của Ngài đã sớm tỏ ra xuất-chúng, cho nên Ngài được gọi là “đệ nhất luận nghĩa”, rất được mọi người kính-trọng.

Vào ngày đản-sanh của đức Thế-tôn, vua Tịnh-phạn triệu-thỉnh tiên-nhân, A-tư-đà ở núi Tần-đà vào cung để chiếm quẻ cho Thái-tử mới sanh. Vị tiên-nhân đó tức là cậu của Ca-chiên-diên. Ca-chiên-diên lúc ấy đã được về nhà cậu A-tư-đà để học đạo-thuật tứ thiên và ngũ thông.

Sau khi quy-y Phật tại vườn Lộc-dã, thì từ đó đến suốt đời, Ngài dốc tận lực nói pháp để giáo-hoá chúng sanh, trải qua nhiều năm.

### **A-NA-LUẬT** ‘ANIRUDDHA’

A-na-luật có một tên khác là A-thế-lâu-đà, dịch là Vô-diệt, Như-ý, và



Ly-chương, v.v.. Ngài là con của Bạch-phạm vương, biểu đệ của đức Thế-tôn. Ngài thiên-tư thông-minh, lúc thiếu thời đã tự biết mình sau này sẽ trở thành một đại-khí. Sau khi được nghe đức Thế-tôn giáo-hóa tại thành Ca-tỳ-la, Ngài lập-chí xuất gia tu-đạo, cấp thiết thỉnh-cầu đức Phật chuẩn nhận cho Ngài gia-nhập đoàn đệ-tử.

Một hôm, A-na-luật ngồi trước Phật mà buồn ngủ, bị Phật quở trách. Ngài bèn lập thế thực-hành chẳng ngủ, nhân đó mà đôi mắt Ngài rất sáng. Ngài có tinh-thần bền vững, không nao-núng, khiến cho mọi người kính phục. Ngài được gọi là “đệ nhất thiên-nhân”, và trở thành một trong số mười đại đệ-tử của Phật.

Khi đức Thích-Ca sắp nhập-diệt, Ngài hầu-hạ bên giường, thành-tâm thành-ý chăm lo phụng-dưỡng, săn sóc. Ngài cũng là người có công lớn trong sự nghiệp kết-tập kinh-điển của Phật, sau ngày Phật nhập Niết-bàn.

### **UÙ-BÀ-LY** ‘UPALI’

Uù-bà-ly là tên chữ Phạn, dịch là ‘Cận-thủ’ hay ‘Cận-chấp’. Ngài xuất thân từ giai cấp thủ-đà-la, tức thuộc hạng người thấp hèn nhất ở Ấn-độ. Ban đầu Ngài làm nhà sư hớt tóc ở thành Vương-xá. Tánh-tình Ngài trung-thực và làm việc rất nhiệt-tâm nên Ngài được tín-nhiệm trong các cung-đình và đối với các vương-gia. Sau khi lập chí tu-hành và trở thành đệ-tử của Phật, Ngài thọ giới trước đại-chúng và được xem là bậc thượng-thủ của giáo-đoàn. Ngài được mệnh danh là “đệ nhất giới luật”.

Sau khi đức Thế-tôn nhập diệt, việc kết-tập kinh-điển Phật bất-đầu, thì Ngài đảm nhận công việc thu-thập và tồn-trữ giới-luật, một công-tác cần

người có học-thức, tài-năng và nhiều kinh-nghiệm. Ngài làm việc không nghỉ ngơi, và đã hoàn-thành nhiệm-vụ rất khó-khăn và to lớn ấy.

### **LA-HẦU-LA** 'RAHULA'

La-hầu-la là đí-ch-tử của Đức Thích-Ca. Mẹ Ngài là Gia-du-đà-la, vợ chánh của đức Thế-tôn. Ngài ở trong thai mẹ lâu đến bốn năm, nên gọi là La-hầu-la. La-hầu-la dịch là Phú-chương.

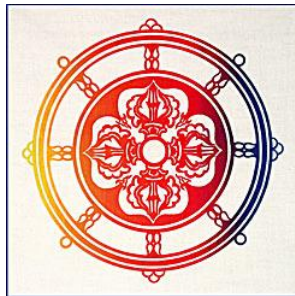
Có một thuyết nói: ngày đản-sanh của La-hầu-la gặp nhật-thực, nên mới gọi tên là như vậy.

Ba năm sau khi Đức Thế-tôn thành đạo, Ngài được Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thúc giục xuất gia. Ngài bèn bái Xá-lợi-phất làm thầy, gia nhập giáo-đoàn, nghiêm giữ giới-luật, gắng sức tu đạo, sau được gọi là “đệ nhất mật-hạnh”.

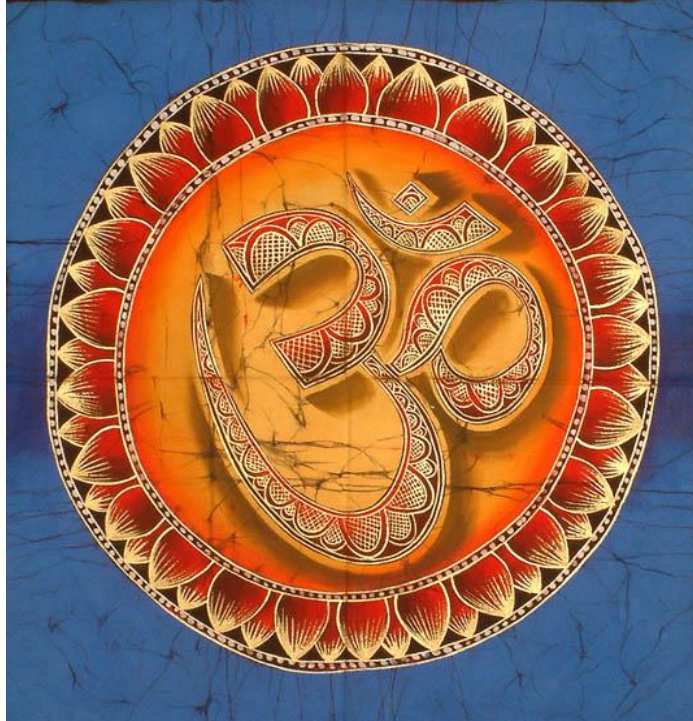
Quả thật Ngài không làm mất kỳ-vọng của phụ-thân.

Phú nhuận, ngày 17 tháng 5 năm Kỷ-Ty  
(20-6-1989)

**Như Pháp Quân Trần Ngọc Anh**







sri\_maha\_lakshmi\_yantra



## HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

- **Nguyện đem công đức này cúng dường chư Phật, nguyện cầu cho thế giới hoà bình, chúng sinh an lạc.**
- **Xin hồi hướng công đức dịch giả Trần Ngọc Anh, pháp danh Như Pháp Quân được về nơi tịnh độ.**
- **Xin tán thán công đức hiệu đính và chú thích chữ Phạn của cư-sĩ Mật Nghiêm và đạo hữu Minh Không.**
- **Xin tán thán công đức của quý vị hảo tâm đã đóng góp tịnh tài ấn tống.**
- **Xin tán thán công đức của đạo hữu Nguyễn Vũ đã đóng góp rất nhiều nỗ lực trong việc ấn tống quyển sách này.**

Gia đình đạo hữu Chương Yến – bắc Cali	50\$
Gia đình đạo hữu Phúc Quang – bắc Cali	350\$
Gia đình đạo hữu Minh-Lan – Arizona	20\$
Cụ Đường, bà Nga – nam Cali	50\$
Gia đình một đạo hữu – nam Cali	400\$
Đạo hữu Huệ chùa Viên Thông – nam Cali	20\$
<b>Tổng cộng:</b>	<b>890\$</b>

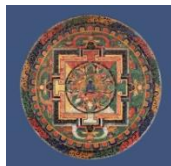


# Mục Lục

Lời Giới Thiệu .....	3
THIÊN THỨ NHẤT – CÁC LUẬN .....	5
<b>Chương Một</b> – Khởi Nguyên Tượng Phật .....	5
<b>Chương hai</b> – Các Loại Tượng Phật .....	9
Con Mắt (thơ) .....	11
<b>Chương Ba</b> – Tư-Thế, Hình-Tượng, Kích-Thước .....	12
<b>Chương Bốn</b> – Tượng Ấn, Vật Cầm .....	16
<b>Chương Năm</b> – Ánh Sáng Sau Toạ Đài .....	20
THIÊN THỨ HAI – GIẢI THÍCH VỀ TƯỢNG PHẬT.....	23
<b>Chương Sáu</b> – Phật Bộ .....	23
A-Di-Đà Như-Lai.....	30
A-súc Như-lai.....	39
Bất-không Thành tựu Như-lai.....	41
Bửu-sanh Như-lai.....	40
Bửu-tràng Như-lai.....	44
Dược Sư Như-Lai.....	35
Đa-bảo Như-lai.....	46
Đại-Nhật Như-Lai.....	26
Định-quang Như-lai.....	47
Khai-phu Hoa-vương Như-lai.....	41
Nhất-tự Kim-luân Phật-đảnh.....	45
Phật Tỳ Lô Giá Na.....	29
Phật-Nhân Phật-Mẫu Tôn.....	46
Thích-Ca Đản Sanh.....	23
Thiên-cổ Lô-âm Như-lai.....	43
<b>Chương Bảy</b> – Bồ Tát Bộ .....	48
Ba Mươi Ba Thế Quán-âm.....	61
Bát-Nhã Bồ-Tát.....	89
Bất-không Quyển Sách Quán-âm.....	57
Chuẩn-Đề Quán-Âm.....	59
Di-Lặc Bồ-tát.....	67
Diệp Y Quán-Âm.....	64
Dược-thượng, Dược-vương bồ-tát.....	82
Đại Bạch-y Quán-âm.....	66
Đại Thế-chí Bồ-tát.....	69
Đại-tùy Cầu Bồ-tát.....	90
Địa-tạng Bồ-tát.....	79
Hai mươi lăm vị Bồ-tát.....	84
Hư-không Tạng Bồ-tát.....	76
Long-thọ Bồ-tát.....	90
Mã-minh Bồ-tát.....	83
Mã-đầu Quán-âm.....	58
Ngũ-đại Hư-không tạng.....	78

Nhật-quang, Nguyệt-quang Bồ-tát.....	81
Như-ý Luân Quán-âm.....	56
Phổ-hiền Diên-mệnh Bồ-tát.....	73
Thập Nhất Diện Quán-Âm.....	55
Thánh Quán-âm.....	48
Thiên-Thủ Quán-âm.....	53
Văn-thù Bồ-tát.....	74
<b>Chương Tám – Minh Vương Bộ.....</b>	<b>93</b>
Ái-nhiễm Minh-vương.....	106
Bất-động Minh-vương.....	93
Bộ-trịch Minh-vương.....	110
Câu-lợi Ca-la Minh-vương.....	104
Đại Nguyên-suý Minh-vương.....	112
Đại-uy-đức Minh-vương.....	99
Hàng Tam-thế Minh-vương.....	95
Khổng Tước Minh-vương.....	108
Kim-Cang Dạ-xoa Minh-vương.....	100
Kim-Cang Đồng-tử.....	103
Lưỡng Đầu Ái-nhiễm Minh-vương.....	107
Mã-đầu Minh-vương.....	109
Ngũ Đại-lực Hống Minh-vương.....	113
Ô-sô-sa-ma Minh-vương.....	102
Quân Trà-lợi Dạ-xoa Minh-vương.....	96
Thắng Tam-thế Minh-vương.....	111
Vô-năng Thắng Minh-vương.....	111
<b>Chương Chín – Thiên Bộ.....</b>	<b>115</b>
A-tu-la Vương.....	133
Băng-yết-la Thiên.....	151
Biện-tài Thiên.....	126
Bửu-tàng Thiên-nữ.....	154
Ca-lâu-la Thiên.....	132
Càn-thát-bà Vương.....	135
Câu-ma-la Thiên.....	151
Diêm-ma Thiên.....	124
Đại-hắc Thiên.....	139
Đế-Thích Thiên.....	119
Địa-thiên.....	147
Ha-lợi đế-mẫu.....	129
Hoan-hỷ Thiên.....	141
Hoả-thiên.....	146
Kiết-tường Thiên.....	127
Kim-Cang Lực-sĩ.....	136
Kỹ-nghệ Thiên-nữ.....	152
La-sát Thiên.....	123
Ma-ê-thủ-la Thiên.....	131

Ma-lợi-chi Thiên .....	142
Na-la-diên Thiên.....	134
Nguyệt thiên .....	150
Nhật-thiên .....	149
Phạm-Thiên .....	121
Phong thiên .....	145
Quảng-mục Thiên .....	118
Tăng-trưởng Thiên.....	117
Tha-hoá Tự-tại Thiên .....	138
Thâm-sa Đại tướng.....	153
Thủy-thiên.....	144
Trì-quốc Thiên .....	116
Tỳ-sa-môn Thiên .....	115
Vi-đà Thiên.....	137
Y-xá-na Thiên.....	122
<b>Chương Mười – Quyển Thuộc Bộ .....</b>	<b>156</b>
Hai Mươi Tám Bộ Chúng Quán-Âm.....	160
Mười Hai Thân Tướng Của Đức Dược-Sư .....	156
Mười Nữ La-sát của Bồ-tát Phổ-Hiền.....	165
Mười Sáu Thiện-thần Thủ-hộ Bát-nhã.....	158
Mười Sáu Vị La-hán .....	171
Tám Đại Đồng-tử Bất-động .....	169
Tám Đại Đồng-tử của Bồ-tát Văn-thù.....	167
<b>Chương Mười Một – Mười Đại Đệ-Tử Phật .....</b>	<b>174</b>
A-na-luật.....	179
A-nan-đà .....	175
Đại Mục Kiền Liên .....	177
La-hầu-la .....	180
Ma-ha Ca chiên-diên.....	178
Ma-ha-ca-diếp.....	174
Phú-lâu-na.....	177
Tu bồ-đề .....	176
Ưu-bà-ly .....	179
Xá-lợi-phất .....	176



aksobhiyamandala